

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**



ISO 9001:2015

NGUYỄN THÚY DIỄM

**ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH VĂN HÓA HỌC

TRÀ VINH, NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

NGUYỄN THÚY DIỄM

ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC

Ngành: Văn hóa học
Mã ngành: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. MAI NGỌC CHÙ

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả luận án xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu do chính tác giả thực hiện dưới sự hướng dẫn của GS.TS. Mai Ngọc Chừ. Các dữ liệu, số liệu, kết quả thống kê và phân tích trong luận án là khách quan, trung thực. Kết quả khoa học của luận án chưa từng được công bố trên bất kỳ nguồn thông tin nào.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2023

Tác giả luận án

Nguyễn Thúy Diễm

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	iii
MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
A. MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Câu hỏi và các giả thuyết nghiên cứu	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	6
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án	7
7. Bố cục của luận án	7
B. NỘI DUNG.....	9
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	9
1.1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	9
1.1.1 Nhóm công trình nghiên cứu về địa danh	9
1.1.2 Nhóm các công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hoá và địa danh	14
1.1.3 Nhóm các công trình nghiên cứu về văn hoá và địa danh ở thành phố Cần Thơ	17
1.2 CƠ SỞ LÍ LUẬN NGHIÊN CỨU ĐỊA DANH TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC ..	21
1.2.1 Các khái niệm cơ bản	21
1.2.2 Lí thuyết nghiên cứu địa danh từ góc nhìn văn hoá học	32
1.3 KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	35
1.3.1 Khái quát lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên và xã hội thành phố Cần Thơ.....	35
1.3.2 Đặc điểm của phương ngữ ở thành phố Cần Thơ	42
1.3.3 Kết quả thu thập và phân loại địa danh của thành phố Cần Thơ	44
1.3.4 Đặc điểm địa danh thành phố Cần Thơ.....	45
Tiểu kết chương 1.....	46
CHƯƠNG 2 VĂN HÓA NHẬN THỨC QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ.....	48

2.1 VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	48
2.1.1 Văn hóa nhận thức về môi trường sông nước	49
2.1.2 Văn hóa nhận thức về hệ thống động thực vật.....	55
2.1.3 Văn hóa nhận thức về nơi cư trú	611
2.2 VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	655
2.2.1 Văn hóa nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng.....	65
2.2.2 Văn hóa nhận thức về mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác	69
2.2.2 Văn hóa nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng.....	74
Tiểu kết chương 2.....	77
CHƯƠNG 3 VĂN HÓA TỔ CHỨC QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	79
.....
3.1. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	80
3.1.1 Văn hóa tổ chức nông thôn	80
3.1.2 Văn hóa tổ chức đô thị	877
3.2 VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	97
3.2.1 Tín ngưỡng	98
3.2.2 Nghệ thuật ngôn từ.....	104
Tiểu kết chương 3.....	1088
CHƯƠNG 4 VĂN HÓA ỨNG XỬ QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	111
4.1 VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	111
4.1.1 Văn hóa ứng xử với đất và nước	112
4.1.2 Văn hoá ứng xử với động vật và thực vật	11824
4.2 VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	132
4.2.1 Sự phản ánh tâm lí cộng đồng.....	132

4.2.2 Sự tiếp nhận văn hóa Phật giáo	137
4.2.3 Sự tiếp nhận văn hóa Nho giáo	138
4.2.4 Sự giao lưu với văn hóa phương Tây	141
Tiêu kết chương 4.....	143
C. KẾT LUẬN	145
TÀI LIỆU THAM KHẢO	150
DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ	
TÀI LUẬN ÁN.....	1
PHỤ LỤC THỐNG KÊ	1

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. 1 Cấu trúc của văn hóa.....	30
Bảng 1. 2 Thống kê địa danh ở thành phố Cần Thơ	445
Bảng 2. 1 Bảng thống kê địa danh thể hiện văn hóa nhận thức ở thành phố Cần Thơ.....	48
Bảng 2. 2 Bảng thống kê địa danh liên quan đến yếu tố sông nước	49
Bảng 3. 1 Thống kê địa danh thể hiện văn hóa tổ chức ở thành phố Cần Thơ	78
Bảng 3. 2 Các hình thức tổ chức thôn ấp Tây Nam Bộ dưới thời nhà Nguyễn	80
Bảng 4. 1 Bảng thống kê địa danh thể hiện văn hóa ứng xử qua địa danh ở thành phố Cần Thơ	110
Bảng 4. 2 So sánh nước nổi với lũ lụt.....	112
Bảng 4. 3 Địa danh phản ánh tâm lí cộng đồng ở thành phố Cần Thơ	131

A. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Về mặt lí luận

Để có thể giải mã được những vấn đề của một giai đoạn lịch sử, một thời đại nào đó, các nhà nghiên cứu thường dựa trên những cứ liệu hoặc kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học để truy tìm những bằng chứng có liên quan. Một trong những nguồn tư liệu phong phú và đáng tin cậy chính là địa danh vì xét về bản chất, địa danh là một phạm trù lịch sử, mang những dấu vết của thời điểm mà nó ra đời, được xem là một “đài kỉ niệm” hay “tấm bia bằng ngôn ngữ độc đáo về thời đại mình” (Lê Trung Hoa, 2002, tr.45). Nói như tác giả Lê Trung Hoa, địa danh chính là “những tấm bia lịch sử - văn hóa bằng ngôn ngữ” (Lê Trung Hoa, 2002, tr.45). Ngay từ lúc hình thành, ngoài chức năng định danh, địa danh bao giờ cũng là những trang sử sống động và chân thật ghi lại nhiều biến cố của xã hội, khắc họa đời sống sinh hoạt, nét văn hóa đặc trưng, thể hiện những tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của người dân. Đó chính là lí do các nhà khoa học thường chọn địa danh làm khách thể nghiên cứu để tìm hiểu về văn hóa.

Dù việc nghiên cứu địa danh dưới góc độ ngôn ngữ đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận nhưng nhìn chung vẫn chưa lí giải một cách thấu đáo về bức tranh toàn cảnh của đời sống sinh hoạt, tâm thức của người dân bản địa. Vì vậy, việc lí giải địa danh đòi hỏi phải xuất phát từ nhiều góc nhìn, trong đó, góc nhìn văn hóa học sẽ là hướng tiếp cận phù hợp, vừa kế thừa những thành tựu của ngôn ngữ học, vừa đóng vai trò then chốt trong việc tìm hiểu địa danh một cách toàn diện, giải mã đời sống văn hóa qua địa danh một cách tường tận và mới mẻ hơn.

1.2. Về mặt thực tiễn

Trong tiến trình khai khẩn vùng đất phương Nam của những người mở cõi, Cần Thơ được khai phá muộn hơn với tên gọi đầu tiên là Trấn Giang. Vùng đất này chỉ bắt đầu hình thành khi Tổng trấn Mạc Thiên Tích đẩy mạnh công cuộc khai mở về vùng đất thuộc hữu ngạn sông Hậu và hoàn thành vào năm 1739 để sáp nhập vào đất Hà Tiên. Nhờ có vị trí chiến lược, Trấn Giang được Mạc Thiên Tích dốc sức xây dựng trên mọi lĩnh vực quân sự, kinh tế, thương mại và văn hoá. Từ đó, vùng đất này càng phát triển và trở thành “thủ sở” lớn mạnh ở miền Hậu Giang.

Cùng với những thăng trầm của lịch sử dân tộc, vùng đất Trấn Giang - Cần Thơ đã trải qua nhiều lần thay đổi tên gọi và địa giới hành chính. Mỗi giai đoạn lịch sử đều

ghi dấu những bước phát triển mới của vùng đất này nói chung, trong đời sống văn hóa nói riêng. Không chỉ là đồn thú ở một địa điểm thủy lộ xung yếu, thủ sở Trấn Giang còn là nơi tập hợp người tứ phương về khai phá lập nghiệp. Nổi bật nhất là ba tộc người Khmer, Việt, Hoa đã cùng chung vai sát cánh với nhau sinh sống trên mảnh đất này từ những ngày đầu khai phá. Đây cũng chính là một trong những điều kiện thuận lợi cho quá trình giao lưu văn hóa diễn ra một cách đa dạng và phức tạp giữa các tộc người, tạo nên những nét văn hóa độc đáo cho miền đất Tây Đô.

Với bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa nói trên, vùng đất Trấn Giang – Cần Thơ đã xứng đáng là một trong những cái nôi văn hóa có ảnh hưởng đến sự hình thành vùng văn hóa Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, hầu như chưa có công trình nào nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện và có hệ thống về văn hoá ở Cần Thơ nói chung, văn hoá qua địa danh ở Cần Thơ nói riêng. Do đó, nghiên cứu về vấn đề này đã trở thành đề tài mang tính cấp thiết, phần nào giúp ích cho việc tìm hiểu lịch sử vùng đất, tâm thức cộng đồng cũng như sự giao lưu, tiếp biến văn hoá trên vùng đất Cần Thơ qua địa danh, góp một phần tích cực cho công tác quản lý văn hoá ở địa phương.

Chính vì những lí do nêu trên, chúng tôi mạnh dạn chọn đề tài “*Địa danh ở thành phố Cần Thơ từ góc nhìn văn hóa học*” làm định hướng nghiên cứu của luận án.

2. Câu hỏi và các giả thuyết nghiên cứu

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Địa danh ở thành phố Cần Thơ góp phần thể hiện văn hoá nhận thức về tự nhiên và xã hội của con người nơi đây trên những thành tố cơ bản nào?
- Những đặc điểm chủ yếu của văn hoá tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân được phản ánh qua địa danh ở thành phố Cần Thơ như thế nào?
- Những phương diện cơ bản nào của văn hoá ứng xử được thể hiện qua địa danh ở thành phố Cần Thơ?

2.2. Các giả thuyết nghiên cứu

- Địa danh ở thành phố Cần Thơ phần nào thể hiện những tri thức, kinh nghiệm mà cư dân sở tại tích lũy được về môi trường tự nhiên và các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng mà họ đang sinh sống.
- Địa danh ở thành phố Cần Thơ có thể phác hoạ những đặc điểm cơ bản của văn hoá tổ chức đời sống tập thể ở nông thôn cũng như thành thị của vùng đất Trấn Giang – Cần Thơ và văn hoá tổ chức đời sống cá nhân của người dân địa phương.

- Địa danh ở thành phố Cần Thơ góp phần minh chứng cho những thành tố của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của con người đang sinh sống trên vùng đất này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Về mặt lí luận: Luận án góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giải mã những nội dung văn hoá được thể hiện qua địa danh.

Về mặt thực tiễn: tìm ra được luận cứ nhằm củng cố minh chứng về văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử thể hiện qua địa danh ở thành phố Cần Thơ trong mối tương quan với vùng văn hóa Tây Nam Bộ. Bên cạnh đó, đề tài nghiên cứu về “*Địa danh ở thành phố Cần Thơ từ góc nhìn văn hóa học*” góp phần vào việc tìm hiểu vùng đất và tâm thức cộng đồng, từ đó đóng góp một phần nhỏ vào công tác quản lí văn hoá ở Cần Thơ.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Thống kê, phân loại địa danh thành phố Cần Thơ.
- Khái quát về cơ sở lí luận và thực tiễn nghiên cứu địa danh; đề xuất được nội hàm các thuật ngữ nghiên cứu địa danh qua góc nhìn văn hóa học.
- Giải mã được các thành tố văn hoá cơ bản (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử) qua địa danh ở thành phố Cần Thơ.
- Đề xuất một số ý kiến về cách đặt địa danh trên địa bàn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận án lấy đối tượng nghiên cứu là địa danh của thành phố Cần Thơ để tìm hiểu những đặc trưng của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử của các tộc người đang sinh sống trên vùng đất này.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: khảo sát qua các tài liệu thành văn, tư liệu điều tra điền dã; khảo sát địa danh hiện có và địa danh nay đã mất đi nhưng vẫn ẩn chứa nhiều yếu tố văn hóa quý báu.

- Phạm vi về không gian: Chúng tôi xác định phạm vi nghiên cứu về không gian là địa bàn thành phố Cần Thơ. Để có một cái nhìn sâu sắc và tổng quát hơn, không gian nghiên cứu sẽ được mở rộng sang các địa bàn từng thuộc về tỉnh Cần Thơ thời

Pháp thuộc (huyện Trà Ôn – nay thuộc tỉnh Vĩnh Long, huyện Cầu Kè – nay thuộc tỉnh Trà Vinh, huyện Phụng Hiệp – nay thuộc tỉnh Hậu Giang).

- Phạm vi về thời gian: Chúng tôi tiến hành khảo sát từ thời điểm các Chúa Nguyễn thành lập thủ sở Trấn Giang năm 1739 cho đến nay. Việc bám sát vào quá trình hình thành địa danh sẽ cho thấy sự biến đổi và hình thành văn hóa thành phố Cần Thơ qua từng thời kỳ lịch sử.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Trong luận án này, người viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành văn hoá học. Đây là sản phẩm của tư duy hệ thống hiện đại, là sự liên kết của nhiều ngành khác nhau để khám phá đối tượng. Theo chúng tôi, đây có thể nói là công cụ đặc biệt, cần thiết và hữu hiệu, giúp tác giả khai thác và xử lý hiệu quả nguồn tư liệu từ ngôn ngữ học, sử học, dân tộc học, địa lí học,... để từ đó tìm hiểu những giá trị văn hoá của địa danh ở thành phố Cần Thơ.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập dữ liệu: đây là phương pháp giúp người viết có được nguồn tư liệu phong phú, xác thực để nghiên cứu đề tài một cách hiệu quả nhất, bao gồm:

+ Thu thập dữ liệu sơ cấp: kết hợp với phương pháp điều tra điền dã và phương pháp phỏng vấn, tác giả thu thập số liệu và ý nghĩa, nguồn gốc của địa danh dân gian – loại địa danh hiện chỉ tồn tại trong tâm thức hoặc trong đời sống hàng ngày của người dân mà hầu như không xuất hiện trên các ấn phẩm hoặc văn bản hành chính.

+ Thu thập dữ liệu thứ cấp: chọn lọc và thu thập những tài liệu liên quan đến đề tài (sách, tạp chí, luận án, luận văn, website,...); danh mục địa danh chính thức ở thành phố Cần Thơ từ các tài liệu của cơ quan Nhà nước (Cục thống kê, các Sở, ban, ngành có liên quan); từ các tài liệu của tác giả nghiên cứu về địa danh ở thành phố Cần Thơ; tư liệu địa danh dân gian hiện chỉ còn xuất hiện trên các ấn phẩm mà không tồn tại trên các văn bản hành chính (trong các tài liệu về Lịch sử Đảng bộ của tỉnh Cần Thơ (cũ), Lịch sử Đảng bộ của các quận, huyện, văn học dân gian đồng bằng sông Cửu Long, văn học dân gian Cần Thơ, các tài liệu địa phương chí xuất bản giai đoạn Pháp thuộc, giai đoạn Việt Nam cộng hoà, Địa chí tỉnh Cần Thơ (cũ), các tài liệu biên khảo lịch sử

địa phương hiện nay). Đây đều là nguồn dữ liệu chính thống, đã được xuất bản và độ tin cậy cao.

Với nguồn dữ liệu phong phú, đa dạng, được tổng hợp từ nhiều nguồn, tác giả luận án có phần thuận lợi hơn khi phân tích, đánh giá, nhìn nhận vấn đề. Tuy nhiên, với số lượng địa danh lên đến hàng nghìn, việc thu thập địa danh (đặc biệt là địa danh dân gian) gặp phải những khó khăn nhất định. Chẳng hạn như địa danh dân gian nằm rải rác trong các ấn phẩm, phải tốn nhiều thời gian tìm kiếm mới có thể thu thập hết được; địa danh dân gian hiện chỉ tồn tại trong đời sống sinh hoạt của người dân thì càng ít người biết (đôi khi không rõ nguồn gốc, ý nghĩa của địa danh) nên việc thu thập cũng gặp nhiều trở ngại.

- Phương pháp thống kê và phân loại: từ những số liệu thu thập được, chúng tôi tiến hành thống kê số lượng địa danh hiện tồn tại trên địa bàn thành phố Cần Thơ, sau đó phân loại theo 3 nhóm cơ bản: địa danh phản ánh văn hoá nhận thức, địa danh phản ánh văn hoá tổ chức và địa danh phản ánh văn hoá ứng xử. Kết quả của phương pháp này là cơ sở cho việc giải mã các địa danh từ góc nhìn văn hóa học một cách có hệ thống và toàn diện hơn.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: trên cơ sở số liệu phân loại được, người viết tiến hành phân tích nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị văn hóa tồn tại trong địa danh ở thành phố Cần Thơ, kiểm chứng với các nguồn tài liệu có liên quan. Kết quả của phương pháp này sẽ được làm tư liệu, đối chiếu, đánh giá, tổng hợp và đưa ra nhận định trong suốt thời gian nghiên cứu cũng như trình bày kết quả của luận án.

- Phương pháp nghiên cứu lịch sử: giúp người viết tìm hiểu tiến trình lịch sử của vùng đất Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng; nguồn gốc ra đời của các địa danh trên địa bàn; ý nghĩa văn hóa của các địa danh qua các giai đoạn lịch sử của dân tộc.

- Phương pháp so sánh: là phương pháp đối chiếu đối tượng nghiên cứu và đối tượng so sánh để xác định mức độ hơn kém theo một tiêu chí nhất định. Dưới góc độ đồng đại, phương pháp này giúp người viết nhận diện được các thành tố văn hóa của Cần Thơ trong tương quan so sánh với văn hóa vùng Tây Nam Bộ. Dưới góc độ lịch đại, việc so sánh tên gọi của cùng một đối tượng ở các giai đoạn khác nhau trong tiến trình lịch sử giúp tác giả nhận diện được các tầng văn hoá ẩn chứa trong địa danh, từ đó góp phần tìm ra quy luật vận động và tồn tại của địa danh ở thành phố Cần Thơ.

- Phương pháp điền dã: Trong điều kiện có thể, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 4/2022, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực địa tại một số địa phương có nhiều địa danh dân gian; địa danh ẩn chứa các ý nghĩa văn hoá; địa danh chưa rõ ý nghĩa, nguồn gốc; địa danh có nhiều cách lí giải khác nhau về tên gọi để tìm hiểu kĩ hơn. Tư liệu điền dã được người nghiên cứu quan sát, thu thập, ghi chép và chọn lọc trong quá trình đi thực tế phục vụ cho việc lập bảng thống kê, phân loại từng nhóm địa danh và giúp cho việc phân tích các giá trị văn hóa của địa danh được chính xác, khách quan và thuyết phục hơn. Đây là một trong những phương pháp hỗ trợ tích cực cho việc nghiên cứu đề tài. Tuy nhiên, thành phố Cần Thơ là một địa bàn nghiên cứu khá rộng. Công tác điền dã cần nhiều thời gian và công sức. Hơn nữa, những đợt bùng phát dịch Covid 19 ở nước ta buộc người viết phải hoãn những chuyến điều tra thực địa lại một thời gian.

- Phương pháp phỏng vấn: Để tiến hành phương pháp này, chúng tôi chọn đối tượng phỏng vấn là người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ thuộc các nhóm sau đây:

+ Người dân sinh sống gần nơi địa danh tồn tại hoặc có hiểu biết về nguồn gốc địa danh.

+ Người cao tuổi có hiểu biết về văn hoá, lịch sử, về địa danh.

+ Chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực địa danh.

+ Cán bộ quản lí văn hoá tại địa phương.

Kết quả thu thập được từ phương pháp này giúp tác giả có được nguồn tư liệu khá đầy đủ và đa dạng về số lượng địa danh cũng như sự khách quan, toàn diện hơn khi giải mã các thành tố văn hoá ẩn chứa trong địa danh ở thành phố Cần Thơ.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Về cơ bản, kết quả của luận án phần nào đóng góp về hướng tiếp cận mới trong khoa học nghiên cứu về địa danh nói chung, địa danh ở thành phố Cần Thơ nói riêng dưới góc nhìn văn hóa học, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp.

- Luận án đã góp phần xác định rõ, khái quát các vấn đề có liên quan về địa danh và hệ thống các phương pháp tiếp cận, lí thuyết nghiên cứu khá đầy đủ và phù hợp, phần nào củng cố cho khuynh hướng nghiên cứu văn hoá qua địa danh.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần truy tìm nguồn gốc, quá trình biến đổi, giải mã các thành tố văn hoá ẩn chứa trong địa danh, cơ bản phác họa văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử của con người Cần Thơ qua địa danh ở địa phương. Trên cơ sở đó, luận án có ý nghĩa nhất định trong việc đề xuất, định hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tồn tại trong địa danh ở thành phố Cần Thơ trước bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Số lượng địa danh ở thành phố Cần Thơ được thu thập, thống kê, phân loại cũng như kết quả nghiên cứu của luận án có thể có giá trị tham khảo cho các đề tài tương tự khi nghiên cứu địa danh từ góc nhìn văn hóa học.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án bao gồm 04 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát địa bàn nghiên cứu: người viết trình bày tổng quan các công trình nghiên cứu về địa danh, nghiên cứu văn hoá qua địa danh cũng như các tài liệu liên quan đến văn hoá và địa danh ở thành phố Cần Thơ. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra các khái niệm cơ bản, lý thuyết nghiên cứu và các phương diện liên quan đến địa bàn nghiên cứu. Đây là những tiền đề quan trọng giúp cho người viết triển khai các nội dung tiếp theo của luận án.

Chương 2: Văn hóa nhận thức qua địa danh ở thành phố Cần Thơ: ở chương này, tác giả tập trung tìm hiểu các giá trị của văn hoá nhận thức về môi trường tự nhiên, đặc biệt là môi trường sông nước, hệ thống động thực vật và nơi cư trú của người dân địa phương thể hiện qua địa danh ở thành phố Cần Thơ. Song song đó, những khía cạnh của văn hoá nhận thức về môi trường xã hội như mối quan hệ trong cộng đồng, mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác và nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong xã hội được phản ánh như thế nào qua địa danh ở địa phương cũng sẽ được người viết nghiên cứu, làm rõ.

Chương 3: Văn hóa tổ chức qua địa danh ở thành phố Cần Thơ: chúng tôi triển khai các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân của cư dân bản địa qua địa danh ở thành phố Cần Thơ. Trong đó, những nội dung về cơ cấu tổ chức ở nông thôn cũng như tiến trình đô thị hoá ở vùng đất Trăn Giang –

Cần Thơ sẽ được tác giả trình bày. Ngoài ra, các khía cạnh của tín ngưỡng và nghệ thuật ngôn từ cũng được tìm hiểu trong chương này.

Chương 4: Văn hóa ứng xử qua địa danh ở thành phố Cần Thơ: chúng tôi sẽ trình bày các phương diện của văn hoá ứng xử qua địa danh ở thành phố Cần Thơ, bao gồm văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Ở chương này, người viết tập trung khai thác văn hoá ứng xử với đất, nước; với động vật và thực vật của người dân địa phương qua địa danh tồn tại trên địa bàn họ cư trú. Ngoài ra, sự phản ánh tâm lí cộng đồng, sự tiếp nhận văn hoá Phật giáo, Nho giáo và văn hoá phương Tây qua địa danh ở thành phố Cần Thơ cũng phần nào được tác giả triển khai.

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1 Nhóm công trình nghiên cứu về địa danh

Việc tìm hiểu nguồn gốc, ý nghĩa cũng như diễn biến của địa danh đã được chú ý từ những năm đầu Công nguyên, chủ yếu được sưu tập trong các sách lịch sử, địa lí. Đầu tiên phải kể đến Ban Cố, người đời Đông Hán, Trung Quốc. Từ năm 32 – 92 của nhà Đông Hán, Ban Cố đã liệt kê khoảng trên dưới 4000 địa danh trong *Hán thư* cùng với những chú thích về địa lí, sinh hoạt của người dân sở tại. Tương tự, thời Bắc Ngụy (515 - 526), Đạo Lệ Nguyên trong bộ *Thủy Kinh chú* cũng đã ghi lại hơn hai vạn địa danh, số được giải thích là 2300 địa danh lúc bấy giờ... (Lê Trung Hoa, 2011, tr.20).

Có thể nói, giai đoạn hình thành của lịch sử địa danh học thế giới được khởi đầu bằng hàng loạt từ điển địa danh và các sách nghiên cứu địa danh ra đời.

Về từ điển, một số công trình tiêu biểu đáng ghi nhận như: Poyares, *Diccionario de nomes propios* (Ý, 1667); *Dictionnaire géographique – historique de l'Empire de Russie* (Nga, 1923); Longnom, *Les noms de lieux de France* (Pháp, 1929); *Trung Quốc cổ kim địa danh đại từ điển* (Đài Bắc, 1931),...

Về sách nghiên cứu địa danh, một số công trình đáng chú ý giai đoạn này như: J.J. Egli. *Địa danh học* (Thụy Sĩ, 1872); J.W. Nagl, *Địa danh học* (Áo, 1903); A. Dauzat, *Nguồn gốc và sự phát triển địa danh* (Pháp, 1926), *Địa danh học Pháp* (1948)... (Lê Trung Hoa, 2011, tr.21-22)

Nhìn chung, những công trình này là thành tựu bước đầu của địa danh học Âu Mỹ, góp phần xác lập cơ sở lí luận, xác định đối tượng của địa danh học, phân loại địa danh và bước đầu hướng đến phương pháp nghiên cứu địa danh một cách khoa học.

Hơn thế nữa, ngành địa danh học thế giới trong giai đoạn phát triển ghi nhận sự đóng góp không nhỏ của địa danh học Liên Xô. Nhiều công trình về địa danh học được xuất bản, tiêu biểu là: *Prinsipy toponimiki (Những nguyên tắc của địa danh học, Nauka, 1964)*. Công trình này tập hợp các bài viết của nhiều tác giả, mỗi người nghiên cứu một khía cạnh của địa danh, như: A.I. Popov giới thiệu *Những nguyên tắc cơ bản của việc nghiên cứu địa danh*; I.A. Karpenko viết *Về địa danh học đồng đại*; E.M.

Muzaev bàn về *Những khuynh hướng cơ bản của việc nghiên cứu địa danh*;... Một công trình khác cũng không kém phần quan trọng là *Chto takoe toponimika? (Địa danh học là gì?)* A.V. Superanskaja, 1985). Tác phẩm giới thiệu những lí luận chủ yếu về địa danh học như những phương thức đặt địa danh, cấu tạo của địa danh, tên các đơn vị quần cư, cách phiên âm địa danh,... Như vậy, những công trình vừa nêu đã đóng góp những giá trị nhất định vào việc hình thành ngành địa danh học Việt Nam. (Lê Trung Hoa, 2011, tr.23-24)

So với các giai đoạn hình thành và phát triển của ngành địa danh học trên thế giới thì ngành địa danh học ở Việt Nam có phần trễ hơn vì “*đến giữa thế kỉ XX, giai đoạn hình thành của địa danh học thế giới coi như chấm dứt để chuyển sang giai đoạn phát triển thì địa danh học Việt Nam mới dần hình thành*” (Lê Trung Hoa, 2011, tr.22). Các bộ sách sử, địa chí như *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi, *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV), *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Đại Nam nhất thống chí* (cuối thế kỉ XIX)... đều có ghi chép về địa danh và giải thích một số nhưng được chỉ xem là phụ cho công trình chứ các nhà biên soạn chưa quan tâm đến vấn đề một cách đúng mức.

Cuối thế kỉ XIX, các học giả Việt Nam cũng có một số tác phẩm ghi chép về địa danh như *Petit cours de géographie de la Basse – Cochinchine* (Tiểu giáo trình địa lí xứ Nam Kỳ) của Trương Vĩnh Ký (1875) có tập sưu tầm 10.994 địa danh; *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ An trở ra)* do Dương Thị The và Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn (1891), *Nomenclature des communes du Tonkin* (Tự vựng làng xã ở Bắc Kỳ) của Ngô Sĩ Liên (1928).

Bước sang thế kỉ XX, các sách địa chí không còn là lĩnh vực thống lĩnh nghiên cứu về địa danh: *Các khuynh hướng nghiên cứu địa danh* của N.I.Nikonov (1964); E.M.Murrzaev với *Những khuynh hướng nghiên cứu địa danh học* (1964); Superanskaja với *Địa danh học là gì?* (1985)...

Qua quá trình tiếp cận với hệ thống lí luận về địa danh học thế giới, các nhà nghiên cứu đã vận dụng và phát triển lí luận phù hợp với tình hình nghiên cứu địa danh ở Việt Nam. Có thể kể đến một vài công trình đi tiên phong trong lĩnh vực này như: *Mối quan hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông* của Hoàng Thị Châu (1964). Tác giả đã sử dụng phương pháp ngôn ngữ học để khảo sát đối

tượng; *Thử bàn về địa danh Việt Nam* của Trần Thanh Tâm (1976) đã nêu lên một số vấn đề cơ bản về địa danh học Việt Nam. Điểm sáng của công trình là tác giả đã chú trọng đi sâu vào phần lí luận khi nêu một số vấn đề cơ bản về địa danh và địa danh học Việt Nam.

Và có thể nói, lần đầu tiên, công trình nghiên cứu địa danh được thể hiện đầy đủ nhất phải kể đến luận án phó tiến sĩ *Những đặc điểm chính của địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh* của Lê Trung Hoa (1990) (in thành sách *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh* (1991)). Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu địa danh dưới góc nhìn ngôn ngữ học và trình bày khá hệ thống những vấn đề mà người nghiên cứu địa danh quan tâm (phân loại và định nghĩa địa danh, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh, các phương thức đặt địa danh, cấu tạo địa danh, ý nghĩa và nguồn gốc một số địa danh,...). Luận án *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng (so sánh với một số vùng khác)* của Nguyễn Kiên Trường (1996) tiếp tục vận dụng những lí luận cơ bản của địa danh học hiện đại để xử lí những vấn đề của địa danh học miền Bắc.

Trong giai đoạn phát triển, ngôn ngữ học cũng bắt đầu cho ra đời các tác phẩm được tập hợp dưới dạng từ điển địa danh như: *Sổ tay địa danh Việt Nam* (1996) của Đinh Xuân Vịnh, *Sổ tay địa danh Việt Nam* (1998) của Nguyễn Dược – Trung Hải, *Từ điển Bách khoa địa danh Hải Phòng* do Ngô Đăng Lợi chủ biên (1998); *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh* do Lê Trung Hoa chủ biên (2003).

Mặc dù đã có những bước phát triển đáng kể nhưng cơ sở lí luận nghiên cứu địa danh chỉ thực sự bắt đầu được xác lập khi công trình *Những nguyên tắc cơ bản trong việc nghiên cứu địa danh* (1989) và *Các phương pháp cơ bản trong việc nghiên cứu địa danh* (2002) của Lê Trung Hoa ra đời. Cho đến năm 2006, tác phẩm *Địa danh học Việt Nam* của ông được xuất bản đã chính thức đặt nền móng cho cơ sở lí luận địa danh học ở Việt Nam. Với công trình này, người nghiên cứu về địa danh sẽ được cung cấp các nguyên tắc, phương pháp, nguồn tư liệu và cả những kinh nghiệm để khảo sát địa danh.

Nhìn chung, đối tượng địa danh được đề cập đến trong các công trình không còn đơn thuần là những ghi chép và mô tả như một cách để xác định nó trên bản đồ hoặc trong bức tranh toàn cảnh về một khu vực nào đó mà gắn liền là các yếu tố về văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ, xã hội, dân cư ở một địa phương nào đó. Chính vì thế mà nghiên cứu địa danh đã có những nền móng khá vững chắc đầu tiên.

“*Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ*”, Nhà xuất bản Văn nghệ, năm 1999 của Bùi Đức Tịnh chỉ ra được một số vấn đề quan trọng về địa danh ở Nam Bộ. Nhà nghiên cứu này cho rằng, địa danh dùng cho 4 loại thể: (1) Các vật thể thiên nhiên với cách gọi tên đặc biệt của Nam Bộ như: bãi, bầu, bung; (2) Các vị trí có liên quan đến giao thông như: bến, cầu; (3) Các vị trí tập hợp dân cư như: chợ, xóm; (4) Các đơn vị hành chính quân sự như: dinh, đồn,... Cách đặt tên cho từng loại vật thể đã được Bùi Đức Tịnh giải thích trong công trình này. Ngoài ra, ông cũng tìm hiểu khá sâu sát, kỹ lưỡng những biến đổi liên hệ đến địa danh, đến từ tố thường thấy trong các loại địa danh ở Nam Bộ: Ba, Bà, Cái, Trà,...

Năm 2003, Huỳnh Công Tín trong chuyên đề: “*Địa danh ở đồng bằng Nam Bộ*” in trong *Ngữ học Trẻ*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội đã giúp người đọc có dịp hiểu rõ hơn về địa danh ở Nam Bộ, chú giải các kiểu định danh ở Nam Bộ, các thành tố khởi đầu: “Cái”, “Rạch”, “Giông”, “Chợ”, “Cù lao”, “Ba”, “Vàm”,...; các địa danh có chứa yếu tố “Tân”, “Mỹ”, “An”,...

Trong quá trình nghiên cứu, địa danh học được phân thành các chuyên ngành: Địa danh địa lí, Địa danh lịch sử và Địa danh văn hóa. Có thể kể đến các nghiên cứu dưới góc độ ngôn ngữ văn hóa như luận án tiến sĩ của Từ Thu Mai *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị* (2004). Trong chương bốn, tác giả đã nghiên cứu các đặc trưng văn hóa thể hiện qua thành tố ngôn ngữ địa danh; Các phương diện văn hóa trong địa danh Quảng Trị. Với cách phân chia này, luận án đã tiếp cận địa danh qua góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa.

Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ qua chuyện tích và giả thuyết” (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội) xuất bản năm 2005 của Nguyễn Hữu Hiếu cũng là một trong những quyển đáng lưu ý. Công trình được chia làm hai phần. Phần một khái quát về địa danh Nam Bộ. Trong phần này, tác giả đã nghiên cứu khá chi tiết một số đặc điểm về địa danh Nam Bộ. Phần hai giới thiệu nguồn gốc của một số địa danh Nam Bộ từ những chuyện kể, giả thuyết trong dân gian. Tuy nhiên, hầu như công trình chưa đề cập đến những địa danh ở Cần Thơ.

Năm 2011, Lê Trung Hoa trong *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học* đã đề cập đến nguồn gốc và ý nghĩa của một số địa danh ở các tỉnh Nam Bộ; thống kê địa danh và địa danh hành chính ở Nam Bộ vừa có những đặc điểm mang tính quốc gia vừa có những đặc điểm mang tính địa phương để đưa ra những kết luận

như số địa danh thuần Việt chiếm tỉ lệ cao hơn tỉ lệ chung cả nước, có nhiều địa danh dân tộc, địa danh bằng số chiếm tỉ lệ nhiều nhất nước... Đặc biệt, công trình này có bài viết “Nguồn gốc, ý nghĩa và quá trình phát triển của địa danh Cần Thơ” được tác giả lí giải công phu và khá thuyết phục. Đây là tư liệu hỗ trợ rất tích cực cho đề tài.

Bên cạnh những nghiên cứu đã được đề cập, các công trình, bài viết của tác giả Lê Trung Hoa đóng góp những tư liệu quan trọng trong nghiên cứu địa danh. *Từ điển địa danh Nam Bộ* của Lê Trung Hoa (2014) có đề cập đến nguồn gốc, ý nghĩa nhiều địa danh ở vùng Nam Bộ về mặt ngôn ngữ và từ nguyên dân gian. Công trình này đã cung cấp những kiến thức bổ ích, gợi mở nhiều góc độ cho vấn đề nghiên cứu về địa danh dưới góc nhìn văn hóa, giúp chúng tôi có thêm nguồn tư liệu đáng tin cậy để so sánh, đối chiếu, tham khảo.

Ngoài ra, có thể kể đến 73 công trình nghiên cứu được viết dưới dạng bài báo khoa học của tác giả. Các nghiên cứu này đã ít nhiều đề cập, lí giải về nguồn gốc, ngữ nghĩa, từ nguyên và cả các yếu tố văn hóa dưới góc nhìn ngôn ngữ của nhiều địa danh ở Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Cụ thể, các bài viết được phân lập dựa trên các lớp từ vựng như từ lịch sử, từ cổ, từ địa phương; trên cơ sở các thành tố chung được lặp đi lặp lại nhiều lần; dựa trên đặc trưng ngôn ngữ của địa danh... như *Tên cây ở Nam Bộ đi vào địa danh Việt Nam* (2010); *Địa danh Việt Nam mang thành tố Long* (2010); *Chức danh xưa đi vào địa danh Việt Nam* (2010); *Địa danh Việt Nam mang thành tố Cầu* (2010); *Từ lịch sử trong địa danh Việt Nam* (2010); *Địa danh Việt Nam mang thành tố Cái* (2011); *Từ cổ, từ lịch sử, từ địa phương trong địa danh Nam Bộ* (2011); *Những địa danh Nam Bộ bị ảnh hưởng bởi tục kiêng húy* (2011); *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ* (2012); *Tính dân dã của địa danh Nam Bộ* (2013); *Tính hiện thực của địa danh Nam Bộ* (2013); *Một số tên thú đặc biệt đi vào địa danh Việt Nam* (2013); *Từ địa phương chỉ địa hình và cây cối trong địa danh Việt Nam* (2013); *Từ địa phương trong địa danh Việt Nam* (2013); *Những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa qua địa danh hành chính Nam Bộ* (2013)... Trong đó, các địa danh ở thành phố Cần Thơ cũng xuất hiện rải rác và được lí giải nguồn gốc tên gọi dưới góc nhìn ngôn ngữ học.

Có thể thấy, nhóm các công trình nghiên cứu về địa danh đem lại cái nhìn tổng quan về quá trình nghiên cứu địa danh ở một số nước trên thế giới, đặc biệt là ở Việt Nam. Trước thế kỷ XX, địa danh đã được quan tâm, giải thích nguồn gốc nhưng các

nội dung đó cũng chỉ được xem như là phần phụ của công trình, chưa thực sự quan tâm đến vấn đề một cách đúng mức bởi mục tiêu chính vẫn là đề cập đến phong thổ, đặc trưng phong tục của mỗi địa phương được nghiên cứu. Những công trình từ sau năm 1960 có sự chú trọng nhiều hơn đến địa danh, không chỉ tập trung giải thích địa danh mà bước đầu xác lập cơ sở lí luận để nghiên cứu địa danh một cách khoa học, nhất là những công trình xuất hiện thập niên cuối thế kỷ XX.

1.1.2 Nhóm các công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hoá và địa danh

Hướng nghiên cứu văn hoá qua địa danh đã thật sự xuất hiện trong các công trình nghiên cứu địa danh của ngành văn hóa học từ khoảng những năm 2000 đến nay. Đó hầu hết đều là những bản luận án, luận văn thạc sĩ. Trong công trình của mình, các tác giả vận dụng cơ sở lí thuyết văn hóa để lí giải địa danh, bước đầu đóng góp về cơ sở lí luận trong nghiên cứu văn hóa qua ngôn ngữ.

Văn hóa qua địa danh Việt ở tỉnh Đồng Nai của Võ Nữ Hạnh Trang (2006) có thể nói là một trong những luận văn thạc sĩ đầu tiên khai thác giá trị của văn hóa qua địa danh của người Việt ở tỉnh Đồng Nai. Tác giả đã bước đầu khái quát cơ sở lí luận khi nghiên cứu địa danh từ góc nhìn văn hoá; thống kê phân loại địa danh Việt để tập trung phân tích, lí giải dưới một góc nhìn mới... Tuy nhiên, khó khăn trong việc xác định địa danh Việt và nhập nhằng giữa ranh giới ngôn ngữ học và văn hóa học là điều khó tránh khỏi.

Nguyễn Thị Ngọc Bích với *Khía cạnh văn hóa của địa danh ở tỉnh Đồng Tháp* (2008) đã xây dựng cơ sở lí luận một cách hệ thống để tiếp cận địa danh dưới góc nhìn văn hoá. Cơ sở lí luận được đề cập khá rõ. Tác giả khai thác văn hóa thể hiện qua địa danh tỉnh Đồng Tháp dưới góc nhìn không gian, thời gian, chủ thể văn hoá và dưới góc nhìn các hoạt động (kinh tế, giao thông, tôn giáo tín ngưỡng,...). Nhìn chung, luận văn thể hiện sự nghiêm túc trong nghiên cứu văn hóa một địa phương cụ thể thông qua địa danh. Tuy nhiên, nội dung triển khai ở góc nhìn các hoạt động có phần trùng lặp và thiếu thuyết phục.

Nghiên cứu địa danh ở tỉnh Bến Tre của Nguyễn Thị Kim Phượng (2009) tập trung nghiên cứu ba vấn đề chính liên quan đến địa danh tỉnh Bến Tre là phương thức định danh, đặc điểm cấu tạo và nguyên nhân biến đổi. Trong đó, khi tìm hiểu giá trị phản ánh hiện thực, đặc điểm nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh, tác giả đã tìm hiểu

và lí giải địa danh phản ánh văn hóa ở tỉnh Bến Tre ở các phương diện: tâm lí, tín ngưỡng tôn giáo, du lịch, vui chơi giải trí, sinh hoạt,... Theo tác giả, văn hóa Bến Tre là sự tổng hợp của nhiều nền văn hóa của các tộc người khác và điều này cũng tạo nên sự đa dạng về văn hóa được phản ánh trong địa danh. Nhìn một cách tổng quát, những đóng góp của công trình tập trung nhiều ở góc độ ngôn ngữ học. Nội dung được nhìn nhận từ khía cạnh văn hoá còn khá hạn chế.

Khía cạnh văn hóa của địa danh ở tỉnh Tiền Giang của Nguyễn Văn Diệp (2010) tập trung phân tích các khía cạnh lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội ở vùng đất Tiền Giang làm nền tảng để qua đó tìm hiểu văn hóa thể hiện qua địa danh. Dựa trên những tiền đề lí luận, kết quả thu thập và phân loại địa danh, tác giả nghiên cứu văn hóa thể hiện qua địa danh ở tỉnh Tiền Giang dưới góc nhìn không gian, thời gian, chủ thể văn hóa, các hoạt động. Ở mỗi góc nhìn, tác giả giới thiệu và phân tích địa danh bằng nhiều dẫn chứng khá hấp dẫn và thuyết phục. Dù cách triển khai với cấu trúc không gian, thời gian, chủ thể văn hoá có phần trùng lặp với các công trình trước đó nhưng vẫn có thể xem đây là một trong những công trình góp phần củng cố cho khuynh hướng nghiên cứu văn hoá qua địa danh. Có thể nói, nghiên cứu văn hoá qua địa danh là một trong nhiều con đường khác nhau để tiếp cận, khám phá những diễn trình lịch sử, văn hóa của một vùng đất... “là một trong những chứng cứ quan trọng để tìm hiểu quá trình hình thành của một bộ tộc, một dân tộc ở các mặt địa lí, tổ chức xã hội qua các thời kỳ” (tr.6).

Lý Thị Minh Ngọc trong *Văn hóa qua địa danh ở tỉnh Trà Vinh* (2012) đã tập trung vào cơ sở lí luận (địa danh, các loại địa danh, mối quan hệ văn hóa và địa danh) và cơ sở thực tiễn (không gian văn hóa, thời gian văn hóa, chủ thể văn hóa) để triển khai các nội dung tiếp theo của luận văn. Tác giả lần lượt khai thác giá trị văn hóa vật chất (lịch sử, địa lí, giao thông) và văn hóa tinh thần (tâm lí, ngôn ngữ và văn học, tín ngưỡng tôn giáo, hoạt động giáo dục và vui chơi giải trí, hoạt động quân sự) qua địa danh ở tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nội dung chính mà tác giả luận văn triển khai chưa thực sự phù hợp với phần cơ sở lí luận mà tác giả đưa ra. Bên cạnh đó, một số địa danh thể hiện các yếu tố văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần còn khá mập mờ, khiên cưỡng.

Ngô Thị Thanh (2017) trong luận án *Địa danh tỉnh Vĩnh Long qua góc nhìn văn hóa dân gian* đã nghiên cứu sự hình thành và biến đổi địa danh tỉnh Vĩnh Long với cấu

trúc: không gian, thời gian văn hóa và chủ thể văn hoá nhằm lí giải đặc trưng địa danh của tỉnh từ góc nhìn văn hóa dân gian. Đóng góp có giá trị nhất của tác giả là các nhận định liên quan đến các quy luật dân gian chi phối địa danh, xác định tiểu vùng văn hoá Vĩnh Long trong mối quan hệ với vùng văn hoá Tây Nam Bộ và đề xuất các giải pháp ứng dụng kết quả nghiên cứu địa danh tỉnh Vĩnh Long qua góc nhìn văn hoá dân gian. Đây là nội dung tác giả khái quát được trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, ở một chừng mực nhất định, theo chúng tôi, việc phân định *góc nhìn văn hoá dân gian* (hay *góc nhìn văn hoá*) chưa thực sự rõ ràng và thuyết phục. Hơn nữa, việc xác định tỉnh Vĩnh Long như một tiểu vùng văn hoá và những đề xuất xem địa danh tỉnh Vĩnh Long như một di sản văn hoá phi vật thể cần được đưa vào “Danh mục di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia” theo chúng tôi là chưa hoàn toàn phù hợp và xác đáng.

Năm 2018, Nguyễn Thị Thu Thuỷ với luận án *Địa danh ở Ninh Thuận Bình Thuận dưới góc nhìn văn hoá học* đã có những đóng góp khoa học về mặt lí luận, đặc biệt là khung lí thuyết và khung khái niệm để nghiên cứu đề tài. Tác giả tập trung tìm hiểu địa danh phản ánh không gian văn hoá, lịch sử văn hoá, chủ thể văn hoá và các hoạt động văn hoá của quá trình khai thác, thích ứng, biến đổi môi trường tự nhiên trên vùng đất Ninh Thuận Bình Thuận. Theo chúng tôi, luận án này là một trong những công trình có giá trị tham khảo cao về mặt lí luận, phương thức tiếp cận và khung lí thuyết mang tính chất định hướng cho đề tài.

Địa danh Tây Nam Bộ dưới góc nhìn văn hoá học của tác giả Võ Nữ Hạnh Trang (2020) tập trung khai thác đặc điểm tự nhiên vùng Tây Nam Bộ qua địa danh, văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần thể hiện qua địa danh vùng. Đây là công trình công phu với phạm vi nghiên cứu khá rộng lớn và số lượng địa danh lên đến 37.801 địa danh được thu thập. Tác giả đã phần nào khái quát được những đặc điểm chính về văn hoá vật chất (dấu ấn lịch sử, nghề nghiệp, giao thông, giáo dục, chính trị, quân sự) và văn hoá tinh thần (tâm lí, tư tưởng, đời sống tâm linh, ngữ văn) của con người Tây Nam Bộ. Ở một khía cạnh khác, theo chúng tôi, vì phạm vi nghiên cứu khá rộng và số lượng địa danh rất lớn nên việc phân tích, biện giải đôi chỗ còn khá chung chung, sơ lược.

Tóm lại, những công trình nghiên cứu về văn hoá qua địa danh đã cơ bản cung cấp cái nhìn khá cụ thể, chi tiết khi tập hợp, hệ thống các địa danh theo từng địa phương cụ thể. Các lí thuyết về địa văn hóa, lịch sử văn hóa, loại hình văn hóa,... đã

được các luận án, luận văn nói trên tiếp cận và đạt được những thành tựu bước đầu. Đây là một trong những kênh tham khảo hữu ích khi nghiên cứu văn hóa qua địa danh, đặc biệt là hệ thống cơ sở lí luận cũng như các phương diện văn hoá được khai thác trong các công trình. Tuy nhiên, đây vẫn là những tài liệu nghiên cứu văn hoá qua địa danh của những địa phương riêng lẻ và phần nhiều dựa trên mô hình không gian văn hoá, thời gian văn hoá và chủ thể văn hoá nên hướng khai thác, phân tích có phần tương tự nhau. Hơn nữa, vấn đề giải mã văn hóa qua địa danh chưa thật sự đầy đủ và hệ thống, đòi hỏi phải có những công trình nghiên cứu văn hóa chuyên sâu hơn. Có thể kết luận rằng, các nghiên cứu lí luận về địa danh dưới góc nhìn văn hóa thực sự là một hướng đi mới, chỉ bắt đầu tạo được sự quan tâm, chú ý trong những năm gần đây.

1.1.3 Nhóm công trình nghiên cứu về văn hoá và địa danh ở thành phố Cần Thơ

Sách lịch sử địa lí toàn quốc có ghi chép về địa danh Trán Giang – Cần Thơ có thể là *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết năm 1820 (tái bản năm 1999). Đây là công trình viết về Gia Định - lúc bấy giờ vốn là vùng đất miền Nam gồm năm trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên (đạo Trán Giang thuộc trấn Hà Tiên). *Gia Định thành thông chí* đã miêu tả địa danh núi sông, cương vực, danh sách các phủ, huyện, xã, thôn, lân, các phong tục, sản vật ở vùng đất này, giúp người nghiên cứu tìm hiểu được địa danh và văn hóa của Trán Giang trong thời gian đầu nhà nước thiết lập địa giới hành chính ở Nam Bộ. Sách này còn mô tả vị trí, kích thước của sông Cần Thơ, thỉnh thoảng có nhắc tới tên gọi xứ Cần Thơ.

Song song đó, các bộ sách như *Tiểu giáo trình địa lí xứ Nam Kỳ* của Trương Vĩnh Ký viết năm 1875 tuy là giáo trình giảng dạy cho sinh viên nhưng đã cung cấp nguồn tư liệu về việc phân chia hành chính của Cần Thơ xưa nói riêng và Nam Bộ nói chung vào thời điểm cuối thế kỉ XIX.

Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang (An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng và một phần tỉnh Đồng Tháp) của Nguyễn Đình Đầu, xuất bản năm 1995 là công trình nghiên cứu nhằm đo đạc và cơ cấu sở hữu ruộng đất ở các tỉnh này vào thời Nguyễn như sự thay đổi tên gọi các tỉnh qua từng thời kỳ, nguồn gốc các tên thôn làng xưa, tên gọi dân gian của địa danh đã được ghi chép lại. Bên cạnh những tư liệu về tình hình sở hữu ruộng đất của Nam Bộ, việc nghiên cứu địa bạ còn là cơ sở lí giải đời sống văn hóa nông thôn trong giai đoạn này.

Nhóm công trình nghiên cứu thứ hai thuộc các loại sách biên khảo về Cần Thơ như *Cần Thơ xưa* xuất bản năm 1966, tái bản năm 2001 của Huỳnh Minh vốn là sách chuyên khảo về lịch sử, địa lí, phong tục tập quán, nếp sống sinh hoạt, tôn giáo tín ngưỡng, các danh nhân liệt sĩ,... của Cần Thơ, trong đó, tác giả đã dày công nghiên cứu về những câu chuyện kể lí giải về địa danh Cần Thơ, rạch Tham Tướng, xóm Bà Đồ, rạch Cái Nai, bến Ninh Kiều, cầu Nhị Kiều,...

Địa phương chí tỉnh Phong Dinh (các năm 1956, 1961, 1964) là công trình ra đời dưới thời Việt Nam Cộng hòa được biên soạn khá công phu, phản ánh được địa giới hành chính, đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương. Địa danh của tỉnh Phong Dinh trong giai đoạn này được ghi chép mang tính liệt kê khái quát, các lí giải về phong tục, thổ sản, đời sống người dân, là một trong những tư liệu quý về địa danh và văn hóa địa phương.

Địa chí Cần Thơ (2002) nghiên cứu về lịch sử hình thành, địa lí và dân cư; lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng; kinh tế; văn hóa - xã hội của Cần Thơ một cách đầy đủ và chi tiết. Tuy nhiên, công trình chưa tập trung lí giải các địa danh một cách có hệ thống dựa trên cơ sở lí luận khoa học. Chính vì vậy, mặc dù công trình có những đóng góp khá lớn nhưng vẫn rất cần có các nghiên cứu chuyên sâu hơn về địa danh và văn hóa qua địa danh ở Cần Thơ.

Văn hóa văn nghệ dân gian Cần Thơ do Tô Hoàng Vũ – Trần Văn Nam chủ biên cũng là công trình đáng chú ý. Tài liệu này đã trình bày về lịch sử hình thành và phát triển của thành phố Cần Thơ; sinh hoạt tinh thần (đình chùa, tín ngưỡng, lễ hội; văn nghệ dân gian), sinh hoạt vật chất (lao động sản xuất, làng nghề; ẩm thực), dấu xưa (những địa danh, nét sinh hoạt xưa tồn tại từ rất lâu đời, hiện nay có thể còn hoặc mất), người Khmer và người Hoa ở Cần Thơ, cuối cùng là những đặc điểm về văn hóa và du lịch. Đây là công trình nghiên cứu khá chi tiết về văn hóa Cần Thơ, tuy nhiên vẫn chưa đề cập đến địa danh dưới góc nhìn văn hóa học.

Đảng bộ huyện Phong Điền biên soạn *Biên khảo lịch sử Phong Điền – Cần Thơ* (2007) giới thiệu quá trình hình thành, đặc trưng, truyền thống đấu tranh cách mạng và công cuộc phát triển của vùng đất Phong Điền. Trong đó, nhiều địa danh của huyện Phong Điền qua các giai đoạn lịch sử được nhắc đến cùng với các sự kiện, tuy nhiên chưa được tìm hiểu và lí giải một cách chi tiết.

Trần Phong Điều trong công trình *Văn hoá dân gian người Hoa ở Cần Thơ* đã khái quát về người Hoa ở Cần Thơ, về đời sống tín ngưỡng, truyền thống lễ nghi, tập tục sinh hoạt, văn học dân gian của người Hoa, giới thiệu hệ thống miếu Hoa ở Cần Thơ một cách khá chi tiết. Ngoài ra, trong công trình *Chùa của người Hoa ở Cần Thơ*, tác giả đã giới thiệu quá trình hình thành và đặc trưng kiến trúc, trang trí chùa của người Hoa ở Cần Thơ. Tín ngưỡng, nghi lễ tại chùa và một số nhận xét, đánh giá về đặc điểm và vai trò của ngôi chùa trong đời sống người Hoa ở Cần Thơ cũng được Trần Phong Điều đặc biệt quan tâm. Đây là hai trong số ít tài liệu nghiên cứu về văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của người Hoa ở Cần Thơ, có giá trị tham khảo khá tốt cho người viết khi tìm hiểu các địa danh liên quan đến tộc người này.

Nghi lễ vòng đời của người Khmer thành phố Cần Thơ - Truyền thống và biến đổi của Nguyễn Thị Thu Thắm là một trong số những tài liệu hiếm hoi tìm hiểu về người Khmer ở thành phố Cần Thơ. Tác giả đã giới thiệu sắc thái tộc người thông qua những nghi lễ truyền thống liên quan đến vòng đời của người Khmer ở Cần Thơ, trên cơ sở đó nhận diện sự biến đổi và nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi nghi lễ vòng đời của người Khmer Cần Thơ trong bối cảnh hiện nay. Tuy công trình chỉ tập trung vào nghi lễ vòng đời nhưng cũng giúp chúng tôi nhìn nhận một cách khái quát về đời sống của người Khmer tại thành phố Cần Thơ từ truyền thống đến hiện đại.

Đáng chú ý là một loạt công trình viết về Cần Thơ của tác giả Nhâm Hùng, điển hình như *Cái Răng hình thành và phát triển* (2007), trong đó hai phần: *Mở đất và kháng chiến, dấu ấn Cái Răng xưa* đã trình bày một cách khá cụ thể về lịch sử hình thành, tìm hiểu nét văn hóa và một số địa danh thuộc Cái Răng xưa. *Phong Điền địa linh nhân kiệt* (2013) chú trọng giới thiệu về đất và người huyện Phong Điền từ những ngày đầu thành lập cho đến nay. *Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ* (2013) là công trình đáng quan tâm hơn cả vì đã tập hợp khá nhiều thông tin, lí giải khá thuyết phục về nguồn gốc, ý nghĩa các địa danh thuộc thành phố Cần Thơ như tên gọi Cái Răng, Thốt Nốt, Ô Môn, Bình Thủy,... và nhiều địa danh khác trên địa bàn. Đây là tài liệu đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống và khoa học về địa danh thành phố Cần Thơ. *Tên đường phố Cần Thơ* (2015) giới thiệu sự kiện, mô tả vị trí và lí giải ý nghĩa các tên đường, bao gồm nơi tọa lạc gắn liền với lịch sử, danh lam thắng cảnh,... thuộc các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt và các huyện Phong Điền, Cờ Đỏ,... *Cần Thơ phố cũ nét xưa* (2017) đã khái quát lại vùng đất

Trần Giang – Cần Thơ từ những ngày đầu khai hoang mở cõi và phác họa về diện mạo của đô thị Cần Thơ từ 100 năm trước. Nhìn chung, những công trình này chỉ thiên về lịch sử hình thành, đặc điểm tự nhiên, văn hóa – xã hội của Cần Thơ xưa và nay hoặc tiếp cận các địa danh dưới góc nhìn ngôn ngữ học. Tuy nhiên, chúng vẫn rất hữu ích và thiết thực giúp người viết có cơ sở vững chắc để tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ dưới góc nhìn văn hóa học.

Ngoài ra, hai công trình biên khảo của tác giả Sơn Nam cũng có ít nhiều đề cập đến vùng đất Cần Thơ. Trong *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, phần thứ hai, tác giả có viết về *Cần Thơ, đầu cầu và thủ đô miền Hậu Giang* để giới thiệu khái quát về Cần Thơ và những sự kiện lịch sử nổi bật ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của người dân nơi đây. Đến với *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm và tiếp cận đồng bằng sông Cửu Long*, Sơn Nam đã có những ghi chép tản mạn về các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có Cần Thơ. Đặc biệt, ông đã mô tả khá chi tiết về quan cảnh và nét sinh hoạt của người dân Cần Thơ lúc bấy giờ.

Qua khảo sát tài liệu, chúng tôi nhận thấy địa danh thành phố Cần Thơ được đề cập khá sơ lược trong các công trình nghiên cứu toàn quốc hoặc toàn vùng Nam Bộ và cũng ít nhiều được nghiên cứu chuyên sâu ở địa phương. Có thể nói, địa danh thành phố Cần Thơ chủ yếu được nghiên cứu dưới góc độ địa lí, lịch sử bằng các thể loại địa chí, sưu khảo, từ điển ngôn ngữ hay các công trình ngôn ngữ chuyên về địa danh..., bước đầu đã cung cấp cho người viết các thông tin về vốn địa danh cổ (nay có thể đã mất đi), lí giải nguồn gốc đặt tên địa danh cùng đời sống văn hóa, phong tục tập quán... của Cần Thơ, góp phần làm cơ sở, tài liệu tham khảo hữu ích, giúp cho việc nghiên cứu văn hóa qua địa danh, tránh lối giải thích thiên kiến, chủ quan.

Tóm lại, cho đến nay, việc nghiên cứu địa danh thành phố Cần Thơ vẫn chưa có công trình nào tiếp cận dưới góc nhìn văn hóa học một cách hệ thống. Chính vì vậy, công trình “*Địa danh ở thành phố Cần Thơ từ góc nhìn văn hóa học*” sẽ là những đóng góp tương đối mới về mặt khoa học và thực tiễn đối với mảng nghiên cứu văn hóa của thành phố Cần Thơ.

1.2 CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU ĐỊA DANH TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC

1.2.1 Các khái niệm cơ bản

1.2.1.1 Về địa danh

a. Khái niệm về địa danh

Thuật ngữ *Toponym*, *Geographical name*, *Place name* được vay mượn từ tiếng Hy Lạp cổ, theo các nhà ngôn ngữ học thì chúng có nghĩa là đối tượng địa lí mà ta gọi là địa danh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là những đối tượng địa lí bao gồm biển, sông, suối, hồ, ao, núi, kênh, rạch... là địa danh còn các đình, chùa, miếu, nhà thờ, công viên, siêu thị, tên đường phố, huyện, quận, thị trấn... có được xem là địa danh hay không? Đó là những vấn đề mà các nhà nghiên cứu địa danh học đã tốn nhiều công sức để xác định nội hàm của nó và cũng gây ra không ít tranh cãi. Qua tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều tác giả đã nghiên cứu khá công phu và đưa ra định nghĩa nhằm làm sáng tỏ đối tượng địa danh. Nhìn chung, các trường phái định nghĩa có thể phân thành những nhóm sau:

Nhóm định nghĩa địa danh là đối tượng địa lí như các tác giả Bách Khoa toàn thư Encyclopedia Britannica định nghĩa địa danh là từ hoặc cụm từ được dùng để chỉ hoặc xác định một vị trí địa lí như thị trấn, sông ngòi, núi non. Học giả G.M. Kert cho rằng địa danh là tên gọi được đặt cho các đối tượng địa lí, ra đời trong một khu vực có người sinh sống, được tạo ra bởi một cộng đồng dân cư, một tộc người. Có thể nói, theo khuynh hướng này, địa danh chính là những đối tượng địa lí mà nói như tác giả Đào Duy Anh, Hoàng Phê, Nguyễn Văn Âu... là dùng để chỉ hoặc xác định một vị trí địa lí “tên gọi các miền đất” hay “tên đất, tên địa phương”... Vì thế, việc xác định địa danh như trên còn khá đơn giản, các vấn đề về đối tượng địa danh trên thực tế vẫn chưa được đề cập đến.

Một số nhà nghiên cứu khác lại theo khuynh hướng xác định địa danh bao gồm các đối tượng địa lí hoặc các công trình nhân văn. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là tác giả Nguyễn Như Ý. Mặc dù không nêu lên một định nghĩa rõ ràng về địa danh nhưng qua cách phân loại về địa danh hành chính, địa danh gắn với các ngôi đình, đền, chùa, miếu, viện, phủ, đài tưởng niệm, bảo tàng..., địa danh gắn với di chỉ khảo cổ học, địa danh gắn với các thắng cảnh nổi tiếng, gắn với các làng nghề truyền thống, làng hội, các trung tâm kinh tế - văn hóa lớn, các vườn quốc gia, khu bảo tồn, sinh

thái... tác giả đã cung cấp cách lí giải tên gọi của các công trình văn hóa. Tuy nhiên, với cách định nghĩa đã nêu, ông cũng nhầm lẫn trong việc xác định nội hàm của địa danh. Cùng cách nhìn nhận này, Nguyễn Kiên Trường cũng vấp phải sự hạn chế nói trên khi xem địa danh là tên riêng chỉ các đối tượng địa lí tự nhiên và nhân văn có vị trí xác định trên bề mặt trái đất. Như vậy, do xuất phát từ việc khái quát đối tượng địa danh tồn tại trong cuộc sống, các tác giả nói trên đã nhầm lẫn đối tượng nghiên cứu giữa địa danh và hiệu danh trong nhóm nghiên cứu danh xưng học thuộc từ vựng học, khiến việc xác định đối tượng địa danh trở nên dễ nhầm lẫn và phức tạp hơn.

Nhóm định nghĩa thứ ba bao gồm nhóm chuyên gia Liên Hợp quốc về địa danh (United Nations Group of Experts on Geographical Name) định nghĩa địa danh là tên gọi của một đối tượng trên mặt đất. Theo đó, có thể hiểu, địa danh là tên riêng (gồm một từ, nhiều từ hoặc ngữ) được dùng một cách nhất quán trong ngôn ngữ để chỉ một địa điểm, một đối tượng hoặc một vùng cụ thể có vị trí có thể nhận biết được trên trái đất. Các đối tượng có thể là các điểm dân cư (ví dụ thành phố, thị trấn, làng), các đơn vị hành chính lãnh thổ (ví dụ bang, tỉnh, huyện), các đối tượng tự nhiên (ví dụ sông, núi, mũi đất, hồ, biển), các đối tượng xây dựng (ví dụ đập, sân bay, đường sá), các địa điểm hay các vùng có ranh giới không xác định (ví dụ cánh rừng, ngư trường) hoặc theo Hoàng Thị Châu: “*Địa danh hay là tên địa lí (toponym, geographical name) là tên vùng, tên sông, tên núi, là tên gọi các đối tượng địa hình khác nhau, tên nơi cư trú, tên hành chính... được con người đặt ra*” [120]. Với cách định nghĩa này, các thành tố thuộc về địa danh được xác định khá rõ ràng, tuy nhiên, nhiều đối tượng bị đồng nhất hoặc bị tách rời các thuộc tính của địa danh dẫn đến khó khăn khi xem xét đối tượng địa danh cũng là điều khó tránh khỏi.

Để xác định nội hàm của địa danh, tránh nhầm lẫn địa danh với hiệu danh và giúp cho quá trình phân loại địa danh được chính xác, chúng tôi chọn cách định nghĩa địa danh theo hướng tổng hợp các loại hình địa danh của tác giả Lê Trung Hoa: “*địa danh là những từ hoặc ngữ, được dùng để đặt tên của địa hình thiên nhiên, các đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ và các công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều*” (Lê Trung Hoa, 2011, tr.18). Đây là định nghĩa khá bao quát về địa danh và thường được sử dụng trong các công trình nghiên cứu về địa danh.

Như vậy, địa danh là những từ, ngữ được dùng làm tên riêng của các đối tượng địa lí tự nhiên và nhân tạo. Những từ hoặc ngữ này đôi khi có nghĩa, đôi khi cũng

không có nghĩa. Nếu có nghĩa thì đó hoặc là tên người, hoặc là những tâm tư, tình cảm của con người phản ánh vào trong địa danh. Nếu không có nghĩa thì đó chỉ đơn thuần là từ hoặc ngữ dùng để định danh cho một đối tượng và để phân biệt đối tượng này với đối tượng khác. Suy cho cùng, địa danh chính là các danh từ trong vốn từ chung của một dân tộc, có cấu tạo ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... như bất kì một kí hiệu ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, điều làm nên sự khác biệt của địa danh là ở chỗ: chúng là những kí hiệu có lí do, có mục đích chứ không hoàn toàn là những kí hiệu mang tính võ đoán. Địa danh, với tư cách là một kí hiệu thứ cấp, kí hiệu đặc biệt, bao hàm cả ba chức năng biểu hiện của ba loại kí hiệu (hình hiệu, chỉ hiệu, biểu hiệu) theo cách phân loại của Ch. Pierce (Nguyễn Công Đức, Nguyễn Văn Lập, 2015, tr.4).

Xét ở góc độ này, theo chúng tôi, ở một phương diện nào đó, địa danh còn mang đặc điểm của biểu tượng: *“biểu tượng là một danh từ, một tên gọi, một hình ảnh hay một đồ vật, tuy đã quen thuộc với ta hàng ngày, nhưng còn gợi thêm những ý nghĩa khác ngoài ý nghĩa ước định hiển nhiên và trực tiếp của nó”* (dẫn theo Nguyễn Thị Thu Thủy, 2018, tr.29). Nói chung, nếu xem các nền văn hoá là một tập hợp của các biểu tượng thì ngôn ngữ (trong đó có địa danh) là một trong những hệ thống biểu tượng phức tạp và quan trọng, cần được giải mã một cách hợp lí và thấu đáo.

b. Phân loại

Trong công trình *“Địa danh học Việt Nam”*, tác giả Lê Trung Hoa đã cung cấp tài liệu về việc phân loại địa danh của hai nhà nghiên cứu người Pháp: A. Dauzat và Charles Rostaing. Hai nhà địa danh học này không phân loại địa danh một cách cụ thể nhưng đều chia địa danh thành nhiều loại dựa vào tiêu chí ngữ nguyên. A. Dauzat trong quyển *“La toponymie française”* đã phân loại: 1. Vấn đề những cơ sở tiền Ấn – Âu; 2. Các danh từ tiền La tinh về nước trong thủy danh học; 3. Các từ nguyên Gô – loa – La Mã của vùng Auvergne và Velay. Còn Charles Rostaing trong cuốn *“Les noms de lieux”*, ngoài việc dựa vào ngữ nguyên, ông còn kết hợp với đối tượng địa lí để chia địa danh ra làm mười một loại: 1. Những cơ sở tiền Ấn – Âu; 2. Các lớp tiền Xê – tích; 3. Lớp Gô – loa; 4. Những phạm vi Gô – loa – La Mã; 5. Các sự hình thành La Mã; 6. Những đóng góp của tiếng Giéc – manh; 7. Các hình thức của thời phong kiến; 8. Những danh từ có nguồn gốc tôn giáo; 9. Những hình thái hiện đại; 10. Các địa danh về tên đường phố; 11. Tên sông và núi.

G. P. Smolicnaja và M. V. Gorbanevskij trong “*Toponimija Moskvy*” chia địa danh làm bốn loại: 1. Phương danh (tên các địa phương); 2. Sơn danh (tên núi, đồi, gò,...); 3. Thủy danh (tên các dòng chảy, ao, vũng,...); 4. Phổ danh (tên các đối tượng trong thành phố). Bên cạnh đó, A. V. Superanskaja với “*Chto takoe toponimika?*” chia địa danh làm bảy loại: 1. Phương danh; 2. Thủy danh; 3. Sơn danh; 4. Phổ danh; 5. Viên danh (tên các quảng trường); 6. Lộ danh (tên các đường phố); 7. Đạo danh (tên các đường giao thông trên đất, dưới đất, trên nước, trên không). Vậy, các tác giả Xô – viết này đã chia địa danh dựa vào tiêu chí đối tượng mà địa danh biểu thị (dẫn theo Lê Trung Hoa, 2011, tr.9-10). Nhìn chung, cách phân loại địa danh của các nhà địa danh học nước ngoài vẫn còn thiếu tính khái quát, chưa xác định rõ ràng tiêu chí phân loại.

Có thể nói, khi đưa ra định nghĩa về địa danh, các tác giả đã gián tiếp phân loại địa danh. Vì vậy, trong đề tài này, chúng tôi cũng tán thành quan điểm của nhà nghiên cứu Lê Trung Hoa. Ông đã phân chúng thành bốn tiểu loại nhằm làm nổi bật các yếu tố cấu thành địa danh của một vùng đất, bao gồm: địa danh chỉ địa hình, địa danh công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều, địa danh hành chính, địa danh vùng.

Song song với cách phân loại trên, Lê Trung Hoa cũng dựa vào ngữ nguyên để phân loại địa danh, cụ thể là dựa vào các lớp ngôn ngữ gắn với chủ thể địa danh, bao gồm: địa danh thuần Việt, địa danh Hán Việt, địa danh bằng các ngôn ngữ dân tộc thiểu số, địa danh bằng các ngoại ngữ.

Tuy nhiên, dựa vào thực tế quản lí hành chính về địa danh và căn cứ vào không gian, thời gian văn hóa của địa danh, ngoài việc kế thừa cách phân loại địa danh của tác giả Lê Trung Hoa, dưới góc nhìn văn hóa học, chúng tôi còn tiến hành phân loại địa danh thành địa danh hành chính (bao gồm cả địa danh hành chính có nguồn gốc dân gian, tồn tại chính thức trong các văn bản hành chính của Nhà nước) và địa danh dân gian (đa phần là từ thuần Việt, mang đậm sắc thái của ngôn ngữ bình dân, mang tính nô m na, bình dị); hay nói cách khác là loại địa danh được chính quyền đặt tên ngay từ khi xuất hiện trên văn bản hành chính và loại địa danh đang được tồn tại bằng con đường truyền khẩu. Việc phân loại này góp phần không nhỏ trong việc truy tìm nguồn gốc địa danh, không bỏ sót những giá trị văn hóa chứa đựng trong những địa danh được sử dụng trong đời sống hàng ngày của người dân mà không tồn tại chính thức trên các văn bản hành chính.

Trần Thanh Tâm chia địa danh thành có sáu loại: a) Loại đặt theo địa hình và đặc điểm; b) Loại đặt theo vị trí không gian và thời gian; c) Loại đặt theo tín ngưỡng, tôn giáo, lịch sử; d) Loại đặt theo hình thái, đất đai, khí hậu; e) Loại đặt theo đặc sản, nghề nghiệp và tổ chức kinh tế; f) Loại đặt theo sinh hoạt xã hội. Cách phân loại này chủ yếu dựa vào nguồn gốc hình thành và phát triển của địa danh, góp phần thực hiện việc giải mã chúng dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, tác giả chỉ bước đầu phác thảo vài nét chấm phá của địa danh gắn với văn hóa (Trần Thanh Tâm, 1976, tr.60-68)

Tác giả Nguyễn Như Ý trong *Từ điển địa danh văn hóa lịch sử Việt Nam* cũng chia địa danh thành sáu nhóm và cũng nhằm lẫn giữa địa danh và hiệu danh:

- Những địa danh hành chính từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các quận, huyện, thị xã;

- Những địa danh có các di tích lịch sử văn hóa như đền, đình, chùa, miếu, viện, phủ, quán, các đài tưởng niệm, các viện bảo tàng, các địa danh cách mạng và kháng chiến đã hoặc chưa được nhà nước xếp hạng, còn nguyên vẹn hoặc đã trở thành phế tích, hoặc chỉ còn lại tên gọi lưu trong thư tịch;

- Những địa danh gắn với những di chỉ khảo cổ học xưa và nay đã được ghi chép trong các sách báo, tạp chí hoặc các chuyên khảo;

- Những địa danh và thắng cảnh nổi tiếng, các điểm du lịch, vui chơi giải trí có từ xa xưa hay mới được tạo dựng nên;

- Những địa danh là các làng nghề truyền thống, các làng hội, làng danh nhân, làng văn hóa mới, các trung tâm kinh tế - văn hóa lớn;

- Những địa danh đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thế giới, các vườn quốc gia, các khu bảo tồn, sinh thái.

Xét dưới góc độ nghiên cứu văn hóa qua địa danh, tác giả Nguyễn Như Ý đã phân loại nghiêng về yếu tố văn hóa học, tuy nhiên đối tượng địa danh vẫn chưa được tiếp cận đúng với bản chất của chúng.

Tác giả Ngô Thị Thanh trong luận án *Địa danh tỉnh Vĩnh Long qua góc nhìn văn hóa dân gian* đề xuất cách phân loại địa danh dựa trên các di sản văn hóa gắn với chủ thể của địa danh và đặt trong bối cảnh cụ thể, bao gồm địa danh có nguồn gốc gắn với các thực thể và địa danh có nguồn gốc gắn với các giá trị phi vật thể. Cách phân loại này xác định đối tượng gắn với địa danh khá hợp lí, đặt trong mối quan hệ giữa

không gian và thời gian văn hóa, hỗ trợ đắc lực cho mục đích giải thích nguồn gốc hình thành và phát triển địa danh từ góc nhìn văn hóa.

Kế thừa thành tựu của những công trình kể trên về cách phân loại địa danh, chúng tôi nhận thấy cách phân loại của Lê Trung Hoa hay Ngô Thị Thanh đều khá phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài. Tuy nhiên, để tránh sự nhầm lẫn hoặc nhập nhằng về ý nghĩa văn hoá mà địa danh ở thành phố Cần Thơ mang lại, chúng tôi xin đề xuất cách phân loại địa danh được thực hiện trong luận án này với các quan điểm sau đây:

- Cấu trúc hoàn chỉnh của địa danh bao gồm hai thành tố: thành tố chung chỉ loại hình địa danh và thành tố riêng dùng để gọi tên đối tượng, giúp khu biệt đối tượng này với đối tượng khác. Ví dụ: các địa danh như sông Cần Thơ, rạch Bà Vèn, chợ Cái Răng, cầu Ấp Mĩ, xã Tân Thới, huyện Phong Điền thì thành tố chung là *sông, rạch, chợ, cầu, xã, huyện*, còn địa danh chính là Cần Thơ, Bà Vèn, Cái Răng, Ấp Mĩ, Tân Thới, Phong Điền.

- Một địa danh có thể ẩn chứa một hoặc nhiều giá trị văn hoá được chủ thể văn hoá đặt ra, chọn lọc và gìn giữ qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Việc phân loại cũng dựa vào các giá trị, ý nghĩa văn hoá mà địa danh mang lại. Vì thế, việc một địa danh xuất hiện ở nhiều thành tố văn hoá cũng được xem là điều dễ hiểu.

Dựa trên quan điểm này, chúng tôi tiến hành phân loại các địa danh ở thành phố Cần Thơ theo ba nhóm: 1. Địa danh phản ánh văn hoá nhận thức; 2. Địa danh phản ánh văn hoá tổ chức; 3. Địa danh phản ánh văn hoá ứng xử.

c. Chức năng của địa danh

Theo Lê Trung Hoa, đứng trên quan điểm đồng đại, địa danh trước hết có *chức năng định danh sự vật* như mọi danh từ/ danh ngữ chung vì địa danh là tên gọi của một địa hình tự nhiên, một công trình xây dựng, một đơn vị hành chính hay một vùng lãnh thổ. Chức năng thứ hai mà danh từ/ danh ngữ chung không có là *cá thể hóa đối tượng*. Chính nhờ các chức năng này mà địa danh trở thành một trong những bộ phận không thể tách rời của cuộc sống xã hội. Ngoài ra, địa danh còn có *chức năng phản ánh*. Mỗi địa danh ra đời trong một hoàn cảnh xã hội và lịch sử nhất định, cụ thể. Do đó, nó phản ánh nhiều mặt khung cảnh xung quanh nó như địa hình nơi địa danh chào đời, thông báo cho chúng ta biết những con người, cây cỏ, cảm thú đã sinh sống, hoạt động trên các vùng đất ấy. Các công trình xây dựng của đất nước đã được các địa danh ghi

lại. Bên cạnh đó, *phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của người dân địa phương* cũng là một trong những chức năng quan trọng của địa danh. Các địa danh Hán – Việt mang yếu tố An, Bình, Long, Phú, Mỹ,... thể hiện ước mơ có cuộc sống thái bình, giàu có, tốt đẹp,... của người Việt. Hơn nữa, những địa danh mang tên các anh hùng dân tộc, các sự kiện lịch sử nổi tiếng cũng biểu thị niềm tự hào của người dân Việt Nam.

Đó là những chức năng xét trên quan điểm đồng đại. Nếu đứng trên quan điểm lịch đại, địa danh có chức năng bảo tồn. Rất nhiều biến cố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ,... được lưu giữ trong địa danh. Nhìn chung, hầu hết tên làng xã ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung dưới triều Nguyễn đều được Hán Việt hóa vì triều đại này rất sùng mộ Hán học. Tương tự, sau khi thua trận ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp rút khỏi Việt Nam, phần lớn các địa danh, đặc biệt là tên đường không còn mang tên của người Pháp mà đổi sang mang tên người Việt (từ năm 1955). Như vậy, việc nghiên cứu địa danh mang lại nhiều lợi ích cho các ngành khác như sử học, địa lí học, khảo cổ học, ngôn ngữ học, kinh tế học,... (Lê Trung Hoa, 2011, tr.41-43)

1.2.1.2 *Khái quát về văn hóa*

Cùng với việc văn hoá trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học liên ngành trong nhiều năm trở lại đây, thuật ngữ *văn hoá* vì thế đã trở thành khái niệm rộng với nhiều định nghĩa xuất phát từ nhiều góc nhìn, nhiều mục đích khác nhau. Vì thế, việc xác định nội hàm của thuật ngữ này trở nên khó khăn, phụ thuộc nhiều vào khía cạnh và quan điểm nghiên cứu của mỗi tác giả.

Văn hoá nhìn một cách khái quát nhất là sản phẩm của con người tạo ra và phát triển trong sự tác động qua lại của con người với thế giới tự nhiên và xã hội. Văn hoá còn “là phát minh của con người trong khoảng không gian và thời gian nhất định. Mỗi thế hệ, mỗi nhóm người lại phát minh, đổi mới văn hoá mà họ tiếp nhận” (Trần Ngọc Khánh, 2011). Theo Đặng Nghiêm Vạn (2010) thì văn hoá còn là tất cả những gì con người sáng tạo ra, là nhân hoá để phân biệt, đối lập với cái tự nhiên (tr.18).

Đứng trước nguy cơ mai một bản sắc văn hoá của dân tộc trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển và xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá, văn hoá được xem như là sản phẩm nhân tạo gắn với “bản sắc dân tộc”, là trung tâm của cách con người nhìn nhận, trải nghiệm và tham gia vào tất cả các khía cạnh của cuộc sống và thế giới khách quan. Đó là những giá trị vật thể và phi vật thể gắn liền với mỗi tộc người, mỗi dân tộc

và làm nên bản sắc của tộc người đó, dân tộc đó. Phạm Đức Dương (2002) cho rằng: *“Nếu văn hoá được quan niệm là tất cả những giá trị do con người sáng tạo trong quá trình ứng xử với tự nhiên, xã hội và với bản thân mình, thì đặc trưng dân tộc được thể hiện trong văn hoá”* (tr.550). Theo đó, mỗi tộc người, mỗi dân tộc trong quá trình tồn tại và phát triển của mình đều có hệ thống văn hoá riêng, tạo nên bản sắc độc đáo, đặc trưng không thể nhầm lẫn.

Bên cạnh việc thống nhất văn hóa không chỉ là những giá trị, Trần Ngọc Thêm còn đề xuất: văn hóa còn có ý nghĩa biểu tượng. Ông cho rằng khi dùng khái niệm “giá trị” là muốn nói đến tính sản phẩm của đơn vị văn hóa, còn dùng “biểu tượng” là muốn chỉ ra phương thức cấu tạo của đơn vị văn hóa. Tác giả kết hợp cả hai ý nghĩa trên thành định nghĩa tổng quát: *“Văn hóa là một hệ thống giá trị mang tính biểu tượng do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”* (Trần Ngọc Thêm, 2013, tr.56). Định nghĩa trên còn cung cấp cho nhà nghiên cứu văn hóa học bộ công cụ quan trọng đó là một hệ tọa độ ba chiều, gồm: con người là chủ thể văn hóa; môi trường tự nhiên và xã hội là không gian văn hóa; quá trình hoạt động là thời gian văn hóa. Việc cụ thể hóa ba thông số của hệ tọa độ này sẽ giúp chúng ta nhận diện những nền văn hóa, tiêu văn hóa và những biến thể văn hóa khác nhau.

Theo Trần Ngọc Thêm (2013), từ mô hình cấu trúc văn hóa phân loại theo hoạt động, ông xem văn hóa như một hệ thống gồm bốn thành tố (bốn tiểu hệ) cơ bản, đó là: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử trong môi trường xã hội.

Mỗi nền văn hóa đều là tài sản của một cộng đồng người nhất định - một chủ thể văn hóa. Trong quá trình tồn tại và phát triển, cộng đồng người - chủ thể văn hóa đó luôn có nhu cầu tìm hiểu, do vậy đã tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm và tri thức phong phú về vũ trụ và về bản thân con người. Vì thế, văn hóa nhận thức bao gồm: văn hóa nhận thức về vũ trụ và văn hóa nhận thức về con người.

Tiểu hệ thứ hai là văn hóa tổ chức cộng đồng, bao gồm văn hóa tổ chức đời sống tập thể (những vấn đề liên quan đến tổ chức xã hội trong một quy mô rộng lớn như tổ chức nông thôn, quốc gia, đô thị) và văn hóa tổ chức đời sống cá nhân (những vấn đề liên quan đến đời sống mỗi người như tín ngưỡng, phong tục, đạo đức, văn hóa giao tiếp, nghệ thuật...).

Chủ thể văn hóa tồn tại trong quan hệ với hai loại môi trường - môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Liên quan đến cách thức xử sự của cộng đồng dân tộc với hai loại môi trường này, tác giả phân chia thành hai tiểu hệ: văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên (tận dụng môi trường (tác động tích cực) và đối phó với môi trường (tác động tiêu cực)) và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội (văn hóa tận dụng môi trường xã hội và văn hóa đối phó với môi trường xã hội) (Trần Ngọc Thêm, 2013, tr. 62-64).

Nói chung, cấu trúc của hệ thống văn hóa trong quan hệ với loại hình văn hóa có thể được tóm tắt trong bảng 1.1:

Bảng 1.1 Cấu trúc của văn hóa

Văn hoá nhận thức		Nhận thức về vũ trụ
		Nhận thức về con người
Văn hoá tổ chức cộng đồng		Văn hoá tổ chức đời sống tập thể
		Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân
Văn hoá ứng xử	với môi trường tự nhiên	Văn hoá tận dụng môi trường tự nhiên
		Văn hoá đối phó với môi trường tự nhiên
	với môi trường xã hội	Văn hoá tận dụng môi trường xã hội
		Văn hoá đối phó với môi trường xã hội

(Nguồn: Trần Ngọc Thêm, 2013, tr.63)

Việc xác định cấu trúc văn hoá bao gồm ba tiểu hệ: văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức và văn hoá ứng xử của Trần Ngọc Thêm theo chúng tôi là khá phù hợp với đề tài. Đây là kênh tham khảo giúp người viết triển khai các nội dung tiếp theo của luận án. Tuy nhiên, cấu trúc này cũng không thể được phân định ra một cách quá cứng nhắc, rạch ròi, bất biến. Để có thể xếp sắp một hiện tượng văn hóa nào đó vào hệ thống cho thật phù hợp (đặc biệt là địa danh), chúng ta cần phải căn cứ vào đặc điểm điển hình của nó. Trên thực tế, một địa danh có thể ẩn chứa nhiều giá trị văn hoá thuộc các tiểu hệ cấu trúc khác nhau nên việc phân loại địa danh thuộc thành tố văn hoá nào cũng chỉ mang tính phù hợp tương đối.

1.2.1.3 *Mối quan hệ giữa văn hóa và địa danh*

Văn hóa học là một khoa học liên ngành, cũng như các liên ngành khác, văn hóa và địa danh có mối quan hệ gắn bó với nhau. Những biểu hiện của văn hóa được thể hiện qua địa danh, thể hiện càng rõ nét hơn là sự tư duy, giao tiếp, ứng xử của con

người nhằm nói lên tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, tâm lí, tín ngưỡng... Như vậy, theo cách hiểu rộng hơn, đứng trên quan điểm đồng đại, đó là sự phản ánh của những biểu hiện, những yếu tố, những đặc điểm của văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể thông qua địa danh. Xét trên quan điểm lịch đại, những biến cố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... đã phần đều được lưu giữ trong địa danh.

Mỗi địa danh ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử xã hội nhất định, do đó địa danh phản ánh nhiều mặt của bối cảnh xung quanh nó. Lê Trung Hoa cho rằng: *“Địa danh xuất hiện trong những điều kiện lịch sử, địa lí nhất định. Do đó, nó mang những đặc điểm của thời điểm và môi trường nơi nó chào đời. Rồi thời gian trôi qua, không gian biến đổi, nhưng nó vẫn bảo lưu được những đặc điểm đó. Vì vậy, địa danh trở thành những tấm bia lịch sử - văn hóa của một vùng đất”* (Lê Trung Hoa, 2002, tr.67). Vì vậy, có thể nhận thấy rằng, qua địa danh, ta có thể nhận biết được một địa phương, một vùng lãnh thổ về các mặt địa lí, xã hội, các công trình xây dựng, quá trình phát triển lịch sử, đặc biệt là diện mạo văn hóa của vùng đất ấy.

Văn hóa không chỉ thể hiện qua cách ứng xử, hiểu biết hay qua những vật thể tồn gắn liền với quá trình dựng và giữ nước với những sinh hoạt mang tính cộng đồng. Vì vậy, nó được thể hiện qua văn hóa sinh hoạt, văn hóa sản xuất, văn hóa chính trị tiềm ẩn bên trong mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng xã hội:

Địa danh luôn phát triển trong không gian và theo thời gian. Đặc thù của nó là gắn với tính liên tục của văn hóa. Mọi quan hệ đặc biệt giữa các tên gọi địa lí với các đối tượng mà nó gọi tên đều do con người và các nền văn hóa tạo ra. Trên một vùng văn hóa có nhiều tộc người sinh sống thì có những những biểu hiện đan xen của những nền văn hóa khác nhau và sự khác nhau này sẽ được phản ánh vào địa danh của vùng đó (Tùng Thu Mai, 2004, tr.138).

A. V. Superanskaja khi nói về văn hoá trong địa danh đã viết: *“mỗi tên gọi, dù ta cảm thấy nó đơn giản và buồn chán đến đâu, cũng là một nhân chứng của những sự kiện đã trôi qua, nó phản ánh nếp sống sinh hoạt, phong tục tập quán, công việc làm ăn và thế giới quan của tổ tiên chúng ta”* (A. V. Superanskaja, 1985, tr.107). Mọi quan hệ khăng khít giữa văn hoá và địa danh còn được thể hiện ở chỗ:

Cũng giống như bất cứ từ ngữ nào đều liên quan đến nền văn hoá của dân tộc sinh ra nó... khó có thể tìm thấy một cái tên nào nằm bên ngoài văn

hoá. Các địa danh gắn bó với đời sống văn hoá bằng hàng trăm sợi chỉ vô hình, vì thế mỗi địa danh đều có thể được coi như một di tích văn hoá của thời đại mình (A. V. Superanskaja, 1985, tr.117-118).

Nghiên cứu địa danh từ góc nhìn văn hóa học nói chung hay các thành tố văn hóa thể hiện qua địa danh của một địa phương nói riêng là xem xét địa danh phản ánh những đặc điểm văn hóa như thế nào và văn hóa biểu hiện qua địa danh ra sao. Qua đó, ta sẽ góp phần làm sáng tỏ những biểu hiện văn hóa của những di sản vật thể và phi vật thể trong các địa danh. Tóm lại, địa danh là hiện tượng ngôn ngữ nhưng bản chất cũng là một hiện tượng văn hóa. Địa danh là vật dẫn của văn hóa, cũng như một số hiện tượng ngôn ngữ khác, trong quá trình phát triển của văn hóa, địa danh là công cụ truyền bá tích cực.

Như vậy, văn hoá và địa danh có mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời. Tuy nhiên, bản chất mối quan hệ này như thế nào? Từ những nhận định mà các tác giả đi trước, chúng tôi thấy rằng, nên suy xét bản chất của mối quan hệ giữa văn hoá và địa danh ở hai chiều hướng sau đây:

Thứ nhất: địa danh góp phần chuyển tải nội dung văn hoá. Xét ở góc độ văn hoá học, địa danh không chỉ đơn thuần là tên gọi của một đối tượng mà còn là “*tấm bia lịch sử - văn hóa của một vùng đất*”, phần nào tái hiện không gian, thời gian văn hoá mà địa danh sinh ra, tồn tại và các hoạt động nhận thức, thái độ ứng xử,... của chủ thể văn hoá. Nhìn chung, địa danh có thể phản ánh văn hoá, những nội dung ẩn chứa trong địa danh đều mang những giá trị văn hoá nhất định. Hơn thế, vì địa danh được chủ thể văn hoá tạo ra nên các nội dung văn hoá mà địa danh ẩn chứa chịu ảnh hưởng bởi lăng kính chủ quan của chủ thể sáng tạo ra chúng.

Thứ hai, ở chiều hướng mối quan hệ giữa văn hoá và địa danh, có thể nói đây là quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa toàn thể và bộ phận. Thực tế cho thấy, văn hoá là một phạm trù rộng lớn, không phải tất cả những gì có trong văn hoá đều được thể hiện một cách đầy đủ qua địa danh. Ở mục 1.1.2, các công trình nghiên cứu văn hoá qua địa danh cũng phần nào minh chứng cho điều đó. Có những công trình với bộ sưu tập lên đến hàng chục ngàn địa danh cũng hầu như không phác hoạ hết được những đặc điểm văn hoá liên quan đến không gian, thời gian và chủ thể văn hoá của một vùng đất nào đó. Có thể thấy, văn hoá (cái chung, tổng thể) bao trùm, chứa đựng địa danh (cái riêng, bộ phận).

Có thể nhận thấy, văn hoá và địa danh có mối quan hệ mật thiết, gắn bó lẫn nhau. Địa danh là một trong những thành tố văn hoá, một sản phẩm của văn hoá. Văn hoá được thể hiện qua địa danh góp phần phác hoạ một bức tranh về thiên nhiên, xã hội, con người trong bối cảnh mà địa danh tồn tại. Trên cơ sở đó, trong luận án này, chúng tôi bước đầu thông qua địa danh ở thành phố Cần Thơ mà tìm hiểu, lí giải các giá trị về văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức và văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội của cư dân địa phương, từ đó phân nào phác hoạ sơ nét về diện mạo văn hoá của vùng đất Trần Giang – Cần Thơ.

1.2.2 Lí thuyết nghiên cứu địa danh từ góc nhìn văn hóa học

Với luận án này, để nghiên cứu địa danh dưới góc nhìn văn hóa học và có thể phân nào hạn chế sự nhập nhằng, nhầm lẫn ranh giới của ngôn ngữ học và văn hóa học, chúng tôi tiếp cận đề tài từ hai lí thuyết nghiên cứu sau đây:

1.2.2.1 Lí thuyết vùng văn hóa

Trên cơ sở nhìn nhận địa danh là hiện tượng văn hóa, chúng tôi chọn lí thuyết vùng văn hóa nhằm nghiên cứu sự vận động của các thành tố văn hóa chi phối nguồn gốc hình thành và phát triển của đối tượng địa danh. Lí thuyết vùng văn hóa của nhân chủng học Mĩ được hình thành vào những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX với đại diện đầu tiên của trường phái này là C.L. Wisler và A.L. Kroeber trên cơ sở chống lại thuyết tiến hóa (tiêu biểu là L. Morgan và E.B. Taylor), vùng văn hóa và khuếch tán văn hóa (người khởi xướng là F. Graeber và W. Schmidt). Các nhà khoa học theo thuyết này đã đưa ra nhận định, văn hóa của mỗi dân tộc bị chi phối bởi hai yếu tố: môi trường địa lí, môi trường xã hội gắn với quá trình lịch sử. Tuy nhiên, nhược điểm của chúng là quá nhấn mạnh đến điều kiện môi trường sinh thái. Để khắc phục điều đó, vào năm 1955, các nhà dân tộc học Xô Viết, trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, đã tiếp tục có những bước tiến mới trong lĩnh vực nghiên cứu quan trọng này. Điển hình là họ đã bổ sung lí thuyết loại hình kinh tế - văn hóa và khu vực văn hóa lịch sử, góp phần vào việc nhìn nhận sự tương đồng và khác biệt văn hóa trong cùng điều kiện địa lí và trình độ phát triển xã hội. Trên cơ sở những quan điểm lí thuyết, các nhà nghiên cứu Xô viết cũng đã áp dụng nghiên cứu các vùng văn hóa lịch sử cũng như các loại hình kinh tế - văn hóa khác nhau trên thế giới, đặc biệt đã phân chia các vùng văn hóa - lịch sử, các loại hình kinh tế - văn hóa và thể hiện chúng lên bản đồ thế giới. (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr.28-35)

Ở Việt Nam, Ngô Đức Thịnh (2004) đã phân chia văn hóa thành bốn dạng thức: văn hóa cá nhân, văn hóa cộng đồng, văn hóa lãnh thổ và văn hóa sinh thái. Trong đó, ông cho rằng:

văn hóa lãnh thổ hay văn hóa vùng là một dạng thức văn hóa, mà ở đó trong một không gian địa lí xác định, các cộng đồng người do cùng sống trong một môi trường tự nhiên nhất định, trong những điều kiện phát triển xã hội tương đồng, và nhất là các mối quan hệ giao lưu văn hóa sống động, nên trong quá trình lịch sử lâu dài đã hình thành những đặc trưng văn hóa chung (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr.11).

Nói cách khác, văn hóa vùng là một dạng thức liên văn hóa, đòi hỏi phải phân bố trên một không gian địa lí lãnh thổ nhất định. Hiện nay, giới thuyết về vùng văn hóa được khá nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, tiêu biểu có Trần Ngọc Thêm, ông đưa ra định nghĩa:

Vùng văn hóa là một không gian lãnh thổ liên tục với hoàn cảnh tự nhiên tương đối đồng nhất ở bên trong và khu biệt với các không gian lãnh thổ liền kề bên ngoài, trong đó tồn tại một cộng đồng người thống nhất tương đối (gồm một hay nhiều tộc/nhóm người), đã cùng cư trú và tiếp xúc giao lưu đồng hướng với nhau trong một thời gian đủ dài để tạo nên được một hệ thống giá trị chung đặc thù cho phép khu biệt nó với các hệ thống giá trị của những vùng có liên quan (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.47).

Trên cơ sở kế thừa lí thuyết vùng văn hóa của các nhà khoa học đi trước và những khái niệm về vùng văn hóa, chúng tôi nghiên cứu địa danh bao trùm các yếu tố không gian văn hóa, thời gian văn hóa và chủ thể văn hóa. Trên cơ sở đó, trong luận án này, chúng tôi cũng xác định vùng văn hóa bao gồm các địa phương, vùng lãnh thổ... khá tương đồng về một hệ thống giá trị văn hóa vật chất và tinh thần. Ranh giới vùng văn hóa giữa các địa phương, vùng lãnh thổ có thể không hoàn toàn đồng nhất với địa giới của các đơn vị hành chính. Các yếu tố chi phối quá trình hình thành vùng văn hóa có thể được xác định trên cơ sở những nét tương đồng về:

- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên.
- Bối cảnh lịch sử, điều kiện xã hội.
- Nguồn gốc tộc người, lịch sử giao lưu văn hóa.

Khi vận dụng lí thuyết vùng văn hóa vào việc nghiên cứu địa danh, người viết sẽ tiến hành

phân tích nhân tố môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội và lịch sử giao lưu văn hóa để hình thành các vùng văn hóa, quy luật hình thành và biến đổi của các vùng văn hóa trong tiến trình lịch sử; vai trò và tác động qua lại giữa trung tâm và ngoại vi trong quá trình hình thành các vùng văn hóa, việc vạch ra các đường ranh giới mang tính chất tương đối giữa các vùng,... (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr.60).

Lí thuyết vùng văn hóa góp phần làm sáng tỏ các vấn đề của địa danh ở thành phố Cần Thơ từ góc nhìn văn hóa học, thấy được mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa địa phương với khu vực, đặc biệt là việc lí giải nguyên nhân địa danh tồn tại hoặc mất đi, địa danh bị sai lệch, địa danh giống nhau ở nhiều khu vực tỉnh thành Tây Nam Bộ... và khái quát hơn cả là đưa ra những quy luật phát triển văn hóa chi phối quá trình hình thành và tồn tại của địa danh.

1.2.2.2 Lí thuyết giao lưu và tiếp biến văn hóa

Giao lưu tiếp biến văn hóa (acculturation) là khái niệm được các nhà Nhân học phương Tây đưa ra vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX khi tiến hành nghiên cứu về sự biến đổi văn hóa của các nhóm di dân người Châu Âu đến Mỹ với các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời trên đất Mỹ. Trong quá trình định cư trên đất Mỹ, nhóm cư dân da trắng đến từ Châu Âu đã có những tác động làm cho văn hóa của các cư dân da màu bản địa thay đổi theo chiều hướng mà các nhà khoa học gọi là đồng hóa văn hóa (cultural assimilation) cư dân bản địa. Theo Titiev, *đồng hóa là kết quả không thể tránh khỏi của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa, bởi các giá trị của nền văn hóa "yếu hơn" sẽ bị hòa lẫn hoặc trở thành một bộ phận trong nền văn hóa có vai trò chi phối đời sống xã hội.* (dẫn theo Huỳnh Ngọc Thu, 2011)

Thomson trong *Encyclopedia of Social and Cultural Anthropology* khi nghiên cứu về vấn đề này đã đưa ra nhận định mang tính lí thuyết của như sau:

- Văn hóa của cộng đồng lớn sẽ lấn lướt văn hóa của cộng đồng nhỏ, dẫn đến quá trình tiếp biến và đồng hóa văn hóa theo tự nhiên. Tiến trình này diễn ra chậm chạp khi mà các cá nhân thuộc cộng đồng nhỏ tham gia cùng sống trong một khu vực hoặc tham gia kinh tế với cộng đồng lớn.

- Tiếp biến văn hóa sẽ hướng đến quá trình đồng hóa.

- Việc tiếp biến văn hóa hay đồng hóa văn hóa sẽ diễn ra liên tục, không có sự kết thúc.

- Tiếp biến văn hóa và đồng hóa văn hóa dẫn đến sự đồng nhất, pha trộn, làm cho văn hóa của nhóm nhỏ hòa lẫn vào văn hóa của nhóm trội hơn. Việc này thường diễn ra ở những thế hệ kế tiếp (dẫn theo Huỳnh Ngọc Thu, 2011).

Nhìn chung, có thể nói, giao lưu tiếp biến văn hóa là kết quả biểu hiện sự biến đổi bộ phận văn hóa của tộc người, đặc biệt là tộc người yếu hơn các tộc người khác về mặt dân số, kinh tế, chính trị,... trong xã hội đa tộc người cùng cộng cư trên một vùng lãnh thổ. Sự biến đổi này là do các cá nhân trong tộc người tham gia vào các vị trí xã hội của nền văn hóa khác (có vai trò chi phối xã hội), như cùng sống chung trong một khu vực, cùng tham gia vào các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục,... và bản thân của cá nhân diễn ra sự tự thay đổi cho phù hợp với văn hóa mới. Có thể nói, giao lưu tiếp biến văn hóa là một khái niệm liên quan đến sự biến đổi để thích nghi của các loại hình văn hóa tộc người trong quá trình tiếp xúc lâu dài dưới nhiều hình thức giữa các nền văn hóa khác nhau, góp phần tạo nên sự đa dạng, sinh động trong bức tranh văn hóa tộc người của một vùng văn hóa.

1.3 KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.3.1 Khái quát lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên và xã hội thành phố Cần Thơ

1.3.1.1 Về lịch sử hình thành

a. Thời quân chủ

Vào năm Mậu Tý 1708, ông Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn Phúc Chu. Vùng Cần Thơ lúc ấy vẫn chưa được tổ chức thành một đơn vị hành chính của Hà Tiên. Sau khi Mạc Cửu mất vào năm Ất Mão (1735), Mạc Thiên Tứ nối nghiệp cha, khai phá thêm vùng hữu ngạn sông Hậu. Năm Kỷ Mùi 1739, Mạc Thiên Tứ thành lập thêm 4 vùng đất mới ở phía hữu ngạn sông Hậu để sáp nhập vào đất Hà Tiên: Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trần Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (Bắc Bạc Liêu).

Năm 1739, vùng đất Cần Thơ được khai mở và chính thức có mặt trên dư đồ Việt Nam với tên gọi là Trấn Giang, do Mạc Thiên Tích có công khai phá cùng thời với đất Cà Mau, Rạch Giá và Bắc Bạc Liêu, sau đó cùng sáp nhập vào đất Hà Tiên. Mạc Thiên Tích đã sớm nhận thấy vị trí chiến lược của Trấn Giang - là hậu cứ

vững chắc cho Hà Tiên trong việc chống lại quân Xiêm và quân Chân Lạp - nên đã tập trung xây dựng nơi đây thành Thủ sở với các thế mạnh cả về quân sự lẫn kinh tế và văn hoá. Đây là điều kiện tiên quyết để hình thành nên diện mạo đô thị thời sơ khai của Trấn Giang – Cần Thơ thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn. (Tỉnh ủy – Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr. 29-30)

Năm 1771, quân Xiêm sau khi chiếm được Hà Tiên thì tiếp tục tràn tới Trấn Giang nhưng đã bị đánh trả quyết liệt và phải rút lui. Năm 1774, nghĩa quân Tây Sơn kéo quân vào Nam, đánh chiếm thành Gia Định, sau đó kéo xuống miền Tây và Trấn Giang. Sau trận Rạch Gầm Xoài Mút, sang năm 1787, quân Tây Sơn rút khỏi các dinh trấn ở miền Tây và quân nhà Nguyễn thu lại được Trấn Giang.

Năm Mậu Thìn 1808, dưới triều vua Gia Long, Trấn Giang vẫn nằm trong địa giới trấn Vĩnh Thanh. Đến năm Quý Dậu 1813, vua Gia Long cắt một vùng đất ở phần hữu ngạn sông Hậu (bao gồm Trấn Giang) để lập riêng một huyện Vĩnh Định. Huyện Vĩnh Định giai đoạn này gồm 37 thôn (làng), điểm, tương đương với 37 địa danh hành chính, trong đó có những tên thôn (làng) còn tồn tại đến ngày nay như: làng Tân An, làng Bình Thủy, làng Thới An, làng Thới Bình,...

Năm 1832, dưới triều vua Minh Mạng, trấn được đổi thành lục tỉnh. Nhà vua đã tách huyện Vĩnh Định ra khỏi phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long và cho trực thuộc phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Vào năm 1839, huyện Vĩnh Định lại được đổi tên thành huyện Phong Phú. Từ đó, huyện Phong Phú có 3 tổng, 31 thôn (làng), tiếp tục phát triển và nổi tiếng là vùng đất thanh trị và an ninh khác hẳn mọi vùng ở miền Tây lúc bấy giờ.

Cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX là giai đoạn lịch sử ở Nam Kỳ lục tỉnh có nhiều biến động dữ dội, thực dân pháp vi phạm Hòa ước 1862, chiếm hết 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. (Tỉnh ủy – Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr. 29-30)

Dưới thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn, ngoài việc tập trung phát triển vùng đất Trấn Giang thành thủ sở về cả kinh tế, chính trị lẫn kinh tế văn hóa, triều đình còn khuyến khích, đẩy mạnh chủ trương khẩn hoang lập ấp, đem đến nhiều thành tựu đáng kể, đặc biệt là cơ cấu thôn làng đã gần như hoàn thiện. Một trong những minh chứng điển hình là hàng trăm địa danh gắn với tên làng đã xuất hiện dưới các triều đại Gia

Long, Minh Mạng, trong số đó nhiều tên làng còn tồn tại trong địa danh ở Cần Thơ đến ngày nay.

b. Thời Pháp thuộc

Đến thời Pháp thuộc, sau khi chiếm huyện Phong Phú năm 1867, ngày 1 tháng giêng năm 1868, Tổng đốc Nam Kỳ là Bonard quyết định sáp nhập huyện Phong Phú (Trần Giang - Cần Thơ) với Bãi Xàu (Sóc Trăng) lập thành quận mới, trụ sở tại Sa Đéc. Sau đó, ngày 30/4/1872, ông ra nghị định sáp nhập Phong Phú với Bắc Tràng thành lập hạt thanh tra Trà Ôn. Chỉ một năm sau, ly sở dời về Cái Răng. Đến ngày 23/3/1876, chợ Cần Thơ đổi tên thành hạt tham biện Cần Thơ, trong toàn hạt có 9 tổng, 90 làng.

Sau những biến động về quân sự, việc cai trị ổn định nên chính quyền Pháp chia miền Nam thành 20 tỉnh và 01 thành phố, trong đó có tỉnh Cần Thơ, lập nên vào ngày 01/01/1900 với 4 quận đầu tiên là: Châu Thành (bao gồm tỉnh lỵ tại làng Tân An), Cầu Kè (nay thuộc tỉnh Trà Vinh), Ô Môn (nay thuộc thành phố Cần Thơ) và Rạch Gòi (tức vùng Phụng Hiệp, nay thuộc tỉnh Hậu Giang).

Nhìn chung, từ khi thành lập hạt Cần Thơ cho đến khi Pháp trở lại xâm chiếm Việt Nam lần thứ 2 năm 1945 và cho đến ngày Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ, kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 thì địa giới hành chính tỉnh Cần Thơ trong thời kì Pháp thuộc vẫn không thay đổi. Tỉnh Cần Thơ gồm có thị xã Cần Thơ và các huyện Châu Thành, Ô Môn, Phụng Hiệp, Trà Ôn, Cầu Kè. (Tỉnh ủy – Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.31).

Sự thay đổi về địa giới hành chính so với thời phong kiến cũng như công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Cần Thơ đã góp phần hình thành nên hàng loạt những địa danh mang dấu ấn của văn hóa phương Tây như những con đường mang tên của người Pháp, những địa danh gắn với hệ thống kinh đào bằng xáng, bến tàu, cầu tàu, bến xe,... Bên cạnh đó, nhiều địa danh gắn liền với tên tuổi của những nhà Nho yêu nước, những anh hùng liệt sĩ tiêu biểu cho phong trào kháng Pháp cũng được ra đời trong giai đoạn này.

c. Thời kỳ 1954 -1976

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền Nam, Bắc. Lúc này, đế quốc Mỹ nhảy vào thay chân Pháp, phá hoại Hiệp định, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm. Từ đó, địa giới hành chính cũ ở miền Nam nói chung và

tỉnh Cần Thơ nói riêng có nhiều thay đổi. Năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đổi tên tỉnh Cần Thơ thành tỉnh Phong Dinh.

Từ ngày 24/12/1961 thành lập tỉnh Chương Thiện bao gồm huyện Long Mỹ, Đức Long từ tỉnh Cần Thơ chuyển sang. Ngày 2/7/1962 tách một phần đất quận Phong Phú lập nên quận Khắc Trung, sau đổi gọi là Thuận Trung (vùng Cờ Đỏ - Thới Lai) và quận Khắc Nhơn, sau đổi gọi Thuận Nhơn (vùng Châu Thành, giáp kinh Xà No). Ngày 26/05/1966, thành lập quận Phong Điền do tách các xã thuộc quận Châu Thành và Phong Phú.

Về phía chính quyền cách mạng, trong hai cuộc kháng chiến, tỉnh Cần Thơ có phần thay đổi. Địa giới Cần Thơ bao gồm phần lớn tỉnh Chương Thiện, trong kháng chiến chống Mỹ có lúc tỉnh Cần Thơ gồm cả huyện Kế Sách (Sóc Trăng). Riêng huyện Thốt Nốt đối với chính quyền Việt Nam cộng hòa thì thuộc tỉnh An Giang nhưng lại thuộc tỉnh Cần Thơ đối với chính quyền cách mạng cho tới ngày giải phóng.

Năm 1966, hình thành thị xã Vị Thanh trực thuộc tỉnh Cần Thơ. Năm 1969, tách thị xã Cần Thơ ra khỏi tỉnh Cần Thơ trực thuộc khu Tây Nam Bộ. Năm 1971, thị xã Cần Thơ trở lại thuộc tỉnh Cần Thơ. Năm 1972, thị xã Cần Thơ trở thành thành phố Cần Thơ, trực thuộc khu Tây Nam Bộ.

Cho đến ngày 30/4/1975, trên địa bàn vùng Cần Thơ có các đơn vị hành chính: khu ủy khu 9, tỉnh ủy Cần Thơ và thành ủy thành phố Cần Thơ (trực thuộc khu 9). Sau khi cấp khu giải thể, ngày 04/03/1976, trung ương quyết định sáp nhập 3 đơn vị: tỉnh Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ thành một tỉnh lớn mang tên Hậu Giang, Cần Thơ trở thành tỉnh lỵ.

Nhìn chung, khi trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, do sự điều chỉnh của chính quyền cách mạng, khu vực địa lí hành chính Cần Thơ từng lúc có sự thay đổi (Tỉnh ủy – Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.32). Cùng với sự chia tách, sáp nhập các đơn vị hành chính của chế độ Việt Nam cộng hòa, nhiều địa danh ở tỉnh Phong Dinh cũ có nhiều xáo trộn, ngoài ra, chính quyền cách mạng cũng có sự phân định địa giới hành chính riêng để phù hợp với tình hình chiến đấu nên cơ bản những địa danh ở Cần Thơ giai đoạn này khá phức tạp và dễ nhầm lẫn.

d. Thời kỳ 1976 - 1991

Từ sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Chính phủ ta công bố Nghị định số 03/NĐ - 76 ngày 24/3/1976 sáp nhập tỉnh Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và

thành phố Cần Thơ lập thành tỉnh mới lấy tên là Hậu Giang, tỉnh lỵ là thành phố Cần Thơ. Đến ngày 26/12/1991, thực hiện quyết định của Trung ương, tỉnh Hậu Giang được chia tách, tái lập hai tỉnh mới: Cần Thơ và Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ vẫn là tỉnh lỵ Cần Thơ (Tỉnh ủy – Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.33).

e. Cần Thơ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 02/01/2004, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa XI ngày 26/11/2003, tỉnh Cần Thơ được chia tách thành 2 đơn vị hành chính: thành phố Cần Thơ trực thuộc trung ương là thành lập tỉnh mới Hậu Giang. Đây là một sự kiện quan trọng mang tính lịch sử.

Lúc này, thành phố Cần Thơ thành lập 4 quận là: Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn và 4 huyện: Thốt Nốt, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Phong Điền. Từ ngày 23/12/2008, lập thêm huyện mới Thới Lai, chia tách từ huyện Cờ Đỏ. Huyện Thốt Nốt trở thành quận, tách một phần đất thuộc các xã Trung Hưng, Thạnh Phú nhập vào huyện Cờ Đỏ.

Ngày 24/6/2009, thành phố Cần Thơ được công nhận đô thị loại I. Đến năm 2012, Cần Thơ có 5 quận và 4 huyện, 85 phường, xã, thị trấn và 630 ấp, khu vực. (Nhâm Hùng, 2013, tr.41)

Có thể nói, từ sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, những địa danh trên địa bàn Cần Thơ có những thay đổi cho phù hợp với tình hình mới của địa phương, đặc biệt là địa danh lịch sử nhằm tôn vinh và nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ, các chứng tích cách mạng gắn liền với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Song song đó, nhiều địa danh mới xuất hiện cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của các quận, huyện như kinh đào phục vụ phát triển nông nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cầu đường, các đơn vị hành chính mới, các làng nghề,... góp phần lưu dấu nhiều sự kiện, nhiều giá trị văn hóa ở Cần Thơ trong giai đoạn phát triển mới.

1.3.1.2. Tổng quan về điều kiện tự nhiên và xã hội

a. Về điều kiện tự nhiên

Cần Thơ là một thành phố lớn ở vị trí trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, cách thủ đô Hà Nội 1.877 km và cách thành phố Hồ Chí Minh 169 km (theo đường bộ). Phía Bắc giáp tỉnh An Giang; phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long; phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang; phía Nam giáp tỉnh Hậu Giang. Cần Thơ nằm trong giới

hạn: 105 độ 13' 38'' – 105 độ 50' 35'' kinh độ Đông, 9 độ 55' 08'' – 10 độ 19' 38'' vĩ độ Bắc [130].

Thành phố Cần Thơ nằm toàn bộ trên đất có nguồn gốc phù sa sông Mê Kông bồi đắp và được bồi lắng thường xuyên qua nguồn nước có phù sa của dòng sông Hậu. Địa chất trong thành phố được hình thành chủ yếu qua quá trình bồi lắng trầm tích biển và phù sa của sông Cửu Long, trên bề mặt ở độ sâu 50 mét có hai loại trầm tích là Holocen (phù sa mới) và Pleistocene (phù sa cổ).

Địa hình nhìn chung tương đối bằng phẳng, phù hợp cho sản xuất nông, ngư nghiệp, với độ cao trung bình khoảng 1 – 2 mét dốc từ đất giồng ven sông Hậu, và sông Cần Thơ thấp dần về phía nội đồng, tức là từ phía Đông Bắc sang phía Tây Nam. Bên cạnh đó, thành phố còn có các cồn và cù lao trên sông Hậu như cồn Ấu, cồn Khương, cồn Sơn, cù lao Tân Lập. Thành phố Cần Thơ có 3 dạng địa hình chính là địa hình ven sông Hậu, hình thành dải đất cao là đê tự nhiên và các cù lao ven sông Hậu.

Ngoài ra do nằm cạnh sông lớn, Cần Thơ có mạng lưới sông, kênh, rạch khá chằng chịt. Vùng tứ giác Long Xuyên thấp trũng, chịu ảnh hưởng lũ trực tiếp hàng năm. Đồng bằng châu thổ chịu ảnh hưởng triều cường lũ cuối vụ [131].

Cần Thơ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít bão, quanh năm nóng ẩm, không có mùa lạnh. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 28 °C, số giờ nắng trung bình cả năm khoảng 2.249,2 h, lượng mưa trung bình năm đạt 2000 mm. Độ ẩm trung bình năm dao động từ 82% - 87%. Do chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có lợi thế về nền nhiệt độ, chế độ bức xạ nhiệt, chế độ nắng cao và ổn định theo hai mùa trong năm.

Các lợi thế này rất thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của sinh vật, có thể tạo ra một hệ thống nông nghiệp nhiệt đới có năng suất cao, với nhiều chủng loại cây con, tạo nên sự đa dạng trong sản xuất và trong chuyên dịch cơ cấu sản xuất. Tuy nhiên, mùa mưa thường đi kèm với ngập lũ ảnh hưởng tới khoảng 50% diện tích toàn thành phố, mùa khô thường đi kèm với việc thiếu nước tưới, gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt, nhất là khu vực bị ảnh hưởng của mặn, phèn làm tăng thêm tính thời vụ cũng như nhu cầu dùng nước không đều giữa các mùa của sản xuất nông nghiệp. [131]

Thành phố Cần Thơ có sông Hậu chảy qua với tổng chiều dài là 65 km, trong đó đoạn qua Cần Thơ có chiều rộng khoảng 1,6 km. Tổng lượng phù sa của sông Hậu là 35 triệu m³/năm. Tại Cần Thơ, lưu lượng cực đại đạt mức 40.000 m³/s. Mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 6, thấp nhất là vào tháng 3 và tháng 4. Lưu lượng nước trên sông tại Cần Thơ chỉ còn 2.000 m³/s. Mực nước sông lúc này chỉ cao hơn 48 cm so với mực nước biển.

Sông Cần Thơ bắt nguồn từ khu vực nội đồng tây sông Hậu, đi qua các quận Ô Môn, huyện Phong Điền, quận Cái Răng, quận Ninh Kiều và đổ ra sông Hậu tại bến Ninh Kiều. Sông Cần Thơ có nước ngọt quanh năm, vừa có tác dụng tưới nước trong mùa cạn, vừa có tác dụng tiêu úng trong mùa lũ và có ý nghĩa lớn về giao thông. Sông Cái Lớn dài 20 km, chiều rộng cửa sông 600 – 700 m, độ sâu 10 – 12 m nên có khả năng tiêu, thoát nước rất tốt [131].

Bên cạnh đó, thành phố Cần Thơ còn có hệ thống kênh rạch dày đặc với hơn 158 sông, rạch lớn nhỏ là phụ lưu của 2 sông lớn là Sông Hậu và sông Cần Thơ đi qua thành phố nối thành mạng đường thủy. Các sông rạch lớn khác là sông Bình Thủy, sông Trà Nóc, sông Ô Môn, sông Thốt Nốt, kênh Thơm Rơm và nhiều kênh lớn khác tại các huyện ngoại thành là Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Phong Điền, cho nước ngọt suốt hai mùa mưa nắng, tạo điều kiện cho nhà nông làm thủy lợi và cải tạo đất.

b. Về điều kiện xã hội

VỀ DÂN CƯ: theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2019, Cần Thơ có 1.235.171 người, có 69,66% là dân thành thị; mật độ dân số 858 người/km², trong đó đông nhất là người Việt, tiếp theo là các tộc người Khmer, Hoa. Theo thành phần dân cư, người Việt chiếm đa số, 97,47%, phân bố khắp nơi từ tới các vùng nông thôn sâu và hoạt động trong mọi ngành kinh tế quốc dân, các tộc người khác chiếm 2,53% tổng dân số của thành phố. Tộc người Khmer tập trung nhiều nhất ở huyện Ô Môn. Họ thường sống ở các vùng nông thôn dọc theo các kênh rạch, chỉ một số ít ra chợ buôn bán nhỏ hoặc làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp. Trái hẳn với người Khmer, đại bộ phận người Hoa sống tập trung trong thành phố, thị trấn hoặc các trung tâm xã, ấp. Họ hoạt động rất có hiệu quả trong các ngành chế biến nông sản, thực phẩm, tiểu thủ công mỹ nghệ và đặc biệt thành công trong thương mại [132].

Tuy có sự khác biệt về mặt thống kê nhưng nhiều người Hoa, Khmer nay chỉ còn biết sử dụng tiếng Việt. Ngược lại, nhiều từ ngữ, lễ hội, nông cụ... của người Hoa,

Khmer đã được người Việt sử dụng như của chính mình. Điều này cho thấy tình đoàn kết giữa các tộc người.

Về văn hóa – xã hội – du lịch:

Thành phố Cần Thơ là địa bàn cư trú của nhiều tộc người khác nhau. Người Khmer ở Cần Thơ không nhiều, chủ yếu tập trung chung quanh chùa hoặc sống rải rác xen kẽ với người Việt ở các quận Ninh Kiều, Ô Môn, Thốt Nốt. Người Hoa ở Cần Thơ thường sống tập trung ở quận Ninh Kiều và huyện Phong Điền, người Hoa gốc Quảng Đông làm nghề mua bán, người Hoa gốc Hẹ làm nghề thuốc Bắc và người Hoa gốc Hải Nam làm nghề may mặc,... [133]

Mặc dù Cần Thơ được khám phá khá muộn, tuy nhiên, văn hoá ở Cần Thơ vừa mang những nét chung của khu vực đồng bằng sông Cửu Long vừa mang nét đẹp văn hóa của vùng đất Tây Đô. Đặc trưng văn hoá Tây Đô được thể hiện qua nhiều phương diện: ẩm thực, lối sống, tín ngưỡng, văn nghệ... Hò Cần Thơ là một trong những làn điệu dân ca độc đáo với các loại là hò huê tình, hò cấy và hò mái dãi, xuất phát từ những câu hò của khách thương hồ lúc rảnh rỗi cắm sào để tìm bạn hò và đợi con nước để rời sang bên khác.

Cần Thơ cũng là quê hương của nhiều người nổi tiếng như Châu Văn Liêm, Út Trà Ôn... Về mặt tín ngưỡng, việc thờ cúng, sinh hoạt lễ hội của các ngôi đình ở Cần Thơ không khác mấy so với các ngôi đình ở Nam Bộ. Ngôi đình nổi tiếng ở Cần Thơ như đình Bình Thủy thờ các nhân vật như Đình Công Chánh, Trần Hưng Đạo, Bùi Hữu Nghĩa.... Cần Thơ có nhiều đền chùa như chùa Nam Nhã, chùa Ông, chùa Long Quang. Một số nơi du lịch dành cho khách du lịch như: đình Bình Thủy, bên Ninh Kiều, chợ nổi Phong Điền, khu di tích Giàn Gừa và nhiều nơi khác [133].

Có thể nói, những đặc trưng về điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội và dân cư ở Cần Thơ có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành địa danh ở Cần Thơ qua các giai đoạn lịch sử, là tiền đề để người viết vận dụng lí thuyết vùng văn hóa, lí thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa nhằm giải mã các thành tố văn hóa tồn tại trong địa danh nơi đây.

1.3.2 Đặc điểm của phương ngữ ở thành phố Cần Thơ

Cần Thơ là thành phố thuộc đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ), vùng đất rộng lớn và phì nhiêu của đồng bằng Nam Bộ. Do đó, phương ngữ ở Cần Thơ mang nhiều sắc thái và đặc trưng của phương ngữ Nam Bộ.

Phương ngữ, theo định nghĩa của “Từ điển tiếng Việt”, là “*biến thể của một ngôn ngữ được sử dụng theo địa phương hoặc theo tầng lớp xã hội*” (Hoàng Phê và các cộng sự, 2009, tr.1020). Như vậy, với nét nghĩa đầu, phương ngữ Nam Bộ được hiểu là biến thể địa lí của ngôn ngữ toàn dân, là tiếng nói của người dân Nam Bộ.

Đặc trưng cơ bản của phương ngữ Nam bộ nói chung là: có 5 hệ thống thanh điệu và 23 phụ âm đầu, các phụ âm uốn lưỡi /s, z ,t/ (chữ viết là s, r, tr), có thể phát âm rung lưỡi [r]. So với các phương ngữ khác, phương ngữ Nam Bộ thiếu phụ âm /v/, nhưng lại có thêm âm [w], không có âm /z/ (chữ viết là gi) và được thay thế bằng âm [j] (tạm viết là dz). Âm đệm /-w-/ (chữ viết là o/u) đang mất dần trong phương ngữ Nam Bộ, như *doanh nhân* được nói thành *danh nhân*, *bóng chuyền* được nói thành *bóng chuyền*,... Hệ thống âm cuối thiếu các âm /-ŋ, -k/, chúng được biến thành /-n, -t/. Ví dụ như: *lính* được nói thành *lún*, *lênh đênh* thành *lon đon*, *tịch mịch* thành *tựt mựt*,... Do các nguyên âm trở nên trung hòa thành các nguyên âm dòng giữa nên cặp phụ âm cuối /-ŋ^m, -k^p/ không còn ở thế bổ sung mà trở thành những âm vị độc lập. Phương ngữ Nam Bộ cũng đồng nhất các vần “in”, “it” với “inh”, “ich”; “un”, “ut” với “ung”, “uc”. Nguyên âm cuối “y” được phát âm thành “i” (như *nhà may* thành *nhà mai*, *cái tay* thành *cái tai*,...). Vùng này cũng lẫn lộn giữa s / x và tr / ch như phương ngữ Bắc Bộ.

Có hiện tượng một loạt vần vốn có trong phương ngữ Bắc Bộ và Trung Bộ bị nhập thành một vần trong phương ngữ Nam Bộ như:

-iu, -êu, -iêu thành *-iu*

-uru, -rou thành *-u*

-im, -iêm, -êm thành *-im*

-uri, -roi thành *-ui*

Điểm nổi bật của Nam Bộ nói chung và Cần Thơ nói riêng là miền sông nước với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đã hình thành nên nên “văn minh sông nước”. Dấu ấn sông nước trong lời ăn tiếng nói của người Cần Thơ còn được thể hiện qua lối diễn đạt mộc mạc, đậm chất đồng bằng như: anh em cột chèo, ăn như xáng múc, quắc cần câu, cá chột rìa, tép rong tép riu... Ngoài ra, những đặc trưng của phương ngữ Nam Bộ nơi đây còn là nguồn gốc cho sự sai lệch các địa danh do phát âm sai chính tả dẫn đến ghi sai địa danh.

Trong xu hướng hội nhập, giao thoa giữa các phương ngữ, phương ngữ Nam Bộ nói chung và Cần Thơ nói riêng tiếp thu được các yếu tố tích cực từ các phương ngữ khác để hoàn thiện phong cách ngôn ngữ, đồng thời vẫn duy trì những mặt tích cực để góp phần làm giàu và phong phú thêm cách diễn đạt cho người Việt.

1.3.3 Kết quả thu thập và phân loại địa danh của thành phố Cần Thơ

Ngoài việc xác định các tiêu chí cho phù hợp với chuyên ngành văn hóa học, chúng tôi bước đầu vẫn dựa vào cách phân loại địa danh theo loại hình của các nhà ngôn ngữ học làm cơ sở để loại bỏ các yếu tố không phải là địa danh, tránh sự nhầm lẫn với các yếu tố là hiệu danh. Chúng tôi thống nhất với cách phân loại của Lê Trung Hoa và xác định những tên gọi của chùa, đình, miếu, cơ quan, công ty, xí nghiệp, trường học,... là hiệu danh, không phải địa danh. Sau đó, theo cách phân loại đã đề xuất ở mục 1.2.1.1, tác giả tiến hành phân loại địa danh ở thành phố Cần Thơ theo các tiêu chí thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 2 Bảng thống kê địa danh ở thành phố Cần Thơ

STT	PHÂN LOẠI ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ		SỐ LƯỢNG	
1	Địa danh phản ánh văn hoá nhận thức	<i>Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên</i>	Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về môi trường sông nước	466
			Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về hệ thống động thực vật	248
			Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về nơi cư trú	21
		<i>Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về môi trường xã hội</i>	Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng	27
			Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác	372
			Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng	95
2	<i>Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức đời sống tập thể</i>	Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức nông thôn	355	
		Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức đô thị	121	
		Địa danh phản ánh tín	71	

	tổ chức	Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức đời sống cá nhân	ngưỡng	
			Địa danh phản ánh nghệ thuật ngôn từ	737
3	Địa danh phản ánh văn hoá ứng xử	Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên	Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với đất và nước	454
			Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với động vật, thực vật	80
		Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	Địa danh phản ánh tâm lí cộng đồng	1614
			Địa danh phản ánh sự tiếp nhận văn hóa Phật giáo	57
			Địa danh phản ánh sự tiếp nhận văn hóa Nho giáo	35
			Địa danh phản ánh sự giao lưu với văn hóa phương Tây	152
TỔNG			4905	

(Nguồn: Nguyễn Thúy Diễm, 2020)

1.3.4 Đặc điểm địa danh thành phố Cần Thơ

Dựa trên cấu trúc của hệ thống văn hóa theo quan điểm của Trần Ngọc Thêm, chúng tôi xác định địa danh ở thành phố Cần Thơ biểu hiện các đặc điểm sau:

Thứ nhất: Địa danh biểu hiện văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Cụ thể hơn, địa danh ở Cần Thơ thể hiện được ý thức của người địa phương về môi trường sông nước, môi trường trên cạn, nơi cư trú. Bên cạnh đó, chúng còn góp phần minh họa cho nhận thức của con người về các mối quan hệ trong cộng đồng tộc người mình cũng như các tộc người khác cùng sinh sống nơi đây, đặc biệt là vai trò của cá nhân, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội cũng được nhấn mạnh qua địa danh. Nhóm địa danh này phần nào chứng minh cư dân sở tại có ý thức sâu sắc trong việc vận dụng những tri thức mà họ tích lũy được vào cả đời sống tự nhiên và xã hội, trên các phương diện của đời sống văn hóa vật chất lẫn tinh thần để có thể tồn tại và phát triển.

Thứ hai: Địa danh biểu hiện văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong đó, một số địa danh thể hiện văn hóa tổ chức ở nông thôn và đô thị, một số khác lại minh họa khá rõ cho văn hóa tổ chức đời sống cá nhân qua các bình diện tín ngưỡng và nghệ thuật ngôn từ. Nhóm này thể hiện cách người Cần Thơ sắp xếp đời

sống tập thể và cá nhân của mình dựa trên những kinh nghiệm, sáng tạo mà họ tích lũy được trong cuộc sống.

Thứ ba: Địa danh biểu hiện văn hóa ứng xử của người dân địa phương với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Nhóm địa danh này phần nào chứng minh cho sự gắn bó, hòa hợp của con người với tự nhiên trong suốt hơn ba thế kỉ, vừa tận dụng sự giàu có, trù phú của thiên nhiên nhưng cũng vừa đối phó với thiên nhiên khắc nghiệt. Bên cạnh đó, văn hóa ứng xử của người dân nơi đây cũng được địa danh phản ánh khá rõ nét qua tâm lí cộng đồng cũng như sự tiếp nhận các thành tố văn hoá khác.

Tiểu kết chương 1

Với đề tài tương đối mới mẻ và hầu như chưa có một trong trình nghiên cứu nào tìm hiểu một cách đầy đủ và hệ thống như “*Địa danh ở thành phố Cần Thơ từ góc nhìn văn hoá học*”, việc tổng quan các tài liệu về địa danh, về tình hình nghiên cứu văn hoá qua địa danh là rất cần thiết và bổ ích, phần nào cung cấp cho luận án những kiến thức lí luận mang tính khái quát. Bên cạnh đó, những công trình viết về văn hoá và địa danh ở thành phố Cần Thơ đã hỗ trợ cho luận án nguồn cứ liệu quan trọng về địa danh trên địa bàn, về cách lí giải nguồn gốc địa danh từ góc độ ngôn ngữ học, tạo tiền đề cho sự tiếp thu, tham khảo hữu ích, góp phần cho việc nghiên cứu địa danh ở thành phố Cần Thơ từ góc nhìn văn hoá học được khách quan và toàn diện hơn.

Từ những nguồn tài liệu thu thập được, chúng tôi có thể xác định các khái niệm cơ bản được sử dụng trong luận án, nhất là những nội dung chính yếu liên quan đến địa danh và văn hoá, từ đó làm rõ mối quan hệ giữa địa danh và văn hoá. Theo chúng tôi, địa danh và văn hoá có mối quan hệ khăng khít, mật thiết với nhau, tuy nhiên đó chỉ là mối quan hệ giữa cái riêng với cái chung, giữa bộ phận và toàn thể. Địa danh là sản phẩm của văn hoá, ẩn chứa các giá trị văn hoá nhưng không thể phác hoạ một cách đầy đủ, trọn vẹn một nền văn hoá của một tộc người hay một dân tộc nào.

Ngoài ra, khung lí thuyết nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến địa bàn nghiên cứu cũng được đề cập đến. Khung lí thuyết định hướng nghiên cứu cho luận án bao gồm lí thuyết vùng văn hoá và lí thuyết giao lưu, tiếp biến văn hoá, hỗ trợ cho người viết trong việc tiếp cận, nghiên cứu các giá trị văn hoá qua đối tượng là địa danh.

Bên cạnh đó, cơ sở thực tiễn của địa bàn nghiên cứu thành phố Cần Thơ cũng được trình bày khá chi tiết về lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên - xã hội và đặc

điểm phương ngữ ở thành phố Cần Thơ. Được mệnh danh là “thủ phủ của miền Tây”, vùng đất Trán Giang – Cần Thơ từ thời nhà Nguyễn đã được xem là một trong những vị trí quân sự chiến lược và giàu tiềm năng phát triển kinh tế, chính trị. Điều này dần được chứng minh qua các thời kì lịch sử. Thêm vào đó, sự cộng cư của các tộc người anh em Việt – Hoa – Khmer cũng phần nào tạo nên sự đa dạng và độc đáo trong văn hoá của người dân Cần Thơ.

Hơn nữa, qua quá trình điều tra điền dã, người viết thu thập, thống kê phân loại được 4905 địa danh trên địa bàn thành phố Cần Thơ góp phần phản ánh các giá trị của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử, hỗ trợ tích cực cho việc giải mã các thành tố văn hóa tồn tại trong địa danh của địa phương. Từ số liệu địa danh được tác giả phân loại trên cho thấy, ở một chừng mực nào đó, bức tranh văn hoá của cư dân bản địa có thể bước đầu được phác hoạ qua địa danh ở thành phố Cần Thơ.

CHƯƠNG 2 VĂN HÓA NHẬN THỨC QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

2.1 VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Qua khảo sát, thống kê và phân loại, văn hóa nhận thức được thể hiện qua 1229 địa danh ở thành phố Cần Thơ với số liệu cụ thể trong bảng 2.1 như sau:

Bảng 2.1 Bảng thống kê địa danh thể hiện văn hóa nhận thức ở thành phố Cần Thơ

STT	LOẠI ĐỊA DANH		SỐ LƯỢNG
1	Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên	Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về môi trường sông nước	466
		Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về hệ thống động thực vật	248
		Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về nơi cư trú	21
2	Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về môi trường xã hội	Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng	27
		Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác	372
		Địa danh phản ánh văn hóa nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng	95
TỔNG			1229

(Nguồn: Nguyễn Thúy Diễm, 2021)

Thuật ngữ môi trường thường bao gồm môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo và cả những môi trường khác như môi trường đời sống, môi trường văn hóa, môi trường sinh thái. Nói về môi trường tự nhiên, Trần Quốc Vượng cho rằng: “*Môi trường tự nhiên là một bộ phận trong “môi trường lớn”, là tổng thể các nhân tố tự nhiên xung quanh chúng ta như bầu khí quyển, nước, thực vật, động vật, thổ nhưỡng, nham thạch, khoáng sản, bức xạ mặt trời*” (Trần Quốc Vượng, 2015, tr.27). Con người tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên, vì thế, mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên chính là một mặt cơ bản của đời sống văn hóa. Đây là mối quan hệ nhiều chiều, vừa thích nghi với những điều kiện sống mà tự nhiên áp đặt vừa biến

đôi tự nhiên bằng kĩ thuật, bằng kinh nghiệm,... để buộc tự nhiên phục vụ lại con người, từ đó hình thành nên một lối sống, nguyên tắc ứng xử và thái độ nhận thức phù hợp của con người với điều kiện tự nhiên bao quanh họ (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.32).

Để có thể thích nghi, khai thác những ưu đãi và đương đầu với những khó khăn, thử thách mà thiên nhiên mang lại, con người Tây Nam Bộ nói chung, người Cần Thơ nói riêng buộc phải có một kho tàng kinh nghiệm và một lượng tri thức nhất định về không gian văn hóa mà họ đang tồn tại, từ đó, nhận thức môi trường tự nhiên là một trong những nhu cầu thiết yếu và sống còn của cư dân nơi đây (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.33). Trần Ngọc Thêm cho rằng: *“Trong quá trình tồn tại và phát triển, cộng đồng người – chủ thể văn hóa đó luôn có nhu cầu tìm hiểu, và do vậy đã tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm và tri thức phong phú về vũ trụ và bản thân con người – đó là hai vi hệ của tiểu hệ văn hóa nhận thức”* (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.138). Theo tác giả, trong lịch sử tương tác với môi trường tự nhiên, họ đã *“vừa vận dụng tri thức vốn có của mình để tận dụng và đối phó với môi trường, lại vừa tích lũy được nhiều tri thức mới trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm trong quá trình tương tác, tận dụng và đối phó đó”* (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.138). Trên cơ sở vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa, lí thuyết vùng văn hóa, đặc biệt là dựa trên đặc điểm tự nhiên của vùng đất Cần Thơ, luận án tập trung tìm hiểu những biểu hiện của văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ với những nội dung cơ bản sau đây:

2.1.1 Văn hóa nhận thức về môi trường sông nước

2.1.1.1 Văn hóa nhận thức về hệ thống sông ngòi, kênh rạch

Qua khảo sát thực địa kết hợp với phân tích số liệu thống kê về địa danh ở thành phố Cần Thơ, người viết ghi nhận được 433 địa danh gắn liền với sông nước:

Bảng 2.2 Bảng thống kê địa danh liên quan đến yếu tố sông nước

STT	LOẠI ĐỊA DANH LIÊN QUAN ĐẾN SÔNG NƯỚC	SỐ LƯỢNG
1	Địa danh gắn với thành tố Láng	09
2	Địa danh gắn với thành tố Lung	07
3	Địa danh gắn với thành tố Rạch	132
4	Địa danh gắn với thành tố Xèo	43
5	Địa danh gắn với thành tố Tắc (Tắt)	10
6	Địa danh gắn với thành tố Vàm	26
7	Địa danh gắn với thành tố Sông	08
8	Địa danh gắn với thành tố Kênh (Kinh)	116

9	Địa danh gắn với thành tố Cái	82
TỔNG		433

(Nguồn: Nguyễn Thuý Diễm, 2021)

Những địa danh liên quan đến yếu tố sông nước ở Cần Thơ góp phần minh chứng cho một mạng lưới đường thủy dày đặc ở vùng đất Trấn Giang xưa, Cần Thơ ngày nay. Cần Thơ là thủ phủ của vùng Tây Nam Bộ từ thời Pháp thuộc nằm bên hữu ngạn sông Hậu, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, được mệnh danh là đô thị miền sông nước với hệ thống sông rạch dày đặc, nổi tiếng với nhiều vườn cây ăn trái nằm dọc theo tuyến Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền và quy mô rộng lớn đến rạch Bình Thủy; chợ nổi Cái Răng cũng là nơi thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Từ lúc mới được khai phá, vùng đất Trấn Giang - Cần Thơ đã nằm toàn bộ trên đất có nguồn gốc phù sa sông Mekong vun đắp và được bồi lắng thường xuyên qua nguồn nước có phù sa của dòng sông Hậu. (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.35)

Đạo Trấn Giang – tên gọi đầu tiên của vùng đất Cần Thơ – là một trong bốn đạo được Mạc Thiên Tích khai mở năm 1739. Trong *Gia Định thành thông chí* có ghi: “*Thủ sở đạo Trấn Giang nằm trên bờ Tây sông Hậu thượng lưu từ phía Đông thành Nam Vang chảy xuống Châu Đốc, Cần Đăng, vô Nam đến thủ Cờng Oai, núi Lấp Vò, rồi đến thủ Trấn Giang, qua đạo Trấn Di, ra cửa biển Ba Thắc...*” (Trịnh Hoài Đức, 1999, tr.77). Với địa thế thuận lợi giáp với sông lớn, đạo Trấn Giang đã trở thành vị trí xung yếu trên thủy lộ và là hậu phương vững chắc cho Hà Tiên chống lại quân Xiêm, quân Chân Lạp thường xuyên quấy phá. Tên gọi Trấn Giang nghĩa là giữ sông, có thể hiểu rộng ra là trấn giữ một vùng sông nước.

Nói về sông Hậu (còn có tên gọi khác là sông Bassac - Tonlé Bassac, Ba Thắc), đây là một nhánh của sông Mekong, có chiều dài khoảng 220 – 250 km, đoạn chảy qua đất Cần Thơ khoảng 65 km. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết:

Sông Hậu Giang ở cách huyện Tây Xuyên¹ 8 dặm về phía Tây Bắc². Phát nguyên như sông Tiền Giang, đến phủ Nam Vang nước Cao Miên, chia một nhánh về phía Tây Nam làm sông Hậu Giang. Phía Đông sông là địa phận các huyện Đông Xuyên, Vĩnh An, An Xuyên³. Phía Tây là địa phận các

¹ Huyện thuộc tỉnh An Giang nhà Nguyễn.

² Huyện lỵ Tây Xuyên cũng là tỉnh thành Châu Đốc nằm ở phía Tây Bắc bờ sông Hậu.

³ Tên các huyện của phủ Tân Thành tỉnh An Giang nhà Nguyễn.

huyện Tây Xuyên, Phong Phú, Vĩnh Định, và Phong Thịnh⁴. Sông ở giữa địa phận của tỉnh⁵ [135].

Như vậy, địa phận của Trấn Giang - Cần Thơ từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (đạo Trấn Giang) đến thời vua Gia Long (huyện Vĩnh Định), vua Minh Mạng (huyện Phong Phú) đều nằm ở bờ Tây của sông Hậu. Ngày nay, sông Hậu chảy qua địa bàn các quận Thốt Nốt, Ô Môn, Bình Thủy, Ninh Kiều, Cái Răng và mang lại lưu lượng phù sa màu mỡ, góp phần hình thành nên sự trù phú cho sự phát triển kinh tế ở địa phương. Ngoài ra, sông Hậu còn là nguồn gốc hình thành nên các địa danh như: đường Sông Hậu, khu vực 3 Sông Hậu (Ninh Kiều), đường Rạch Sung – Sông Hậu (Ô Môn), khu đô thị Nam Sông Hậu, đường Nam Sông Hậu (Cái Răng).

Giữa đoạn Hậu Giang và lưu vực sông Cần Thơ là cả trăm kinh rạch lớn nhỏ chảy vào địa bàn thành phố, trong đó, địa danh gắn liền với thành tố Rạch chiếm số lượng lớn nhất (132 địa danh). Rạch, âm gốc tiếng Khmer là prek (prêk, preak), nghĩa là: *“đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại được”* (Hoàng Phê chủ biên, 2009, tr.1054). Có thể kể đến sông Rạch Cam, sông Rạch Cam Nhỏ, cầu Rạch Ranh, cầu Rạch Miễu (Bình Thủy), cầu Rạch Miễu, đường Rạch Gập (Ô Môn), chợ Rạch Ruộng, chợ Rạch Rích (Thốt Nốt), cầu Vàm Rạch Tre, cầu Rạch Nhà Thờ (Phong Điền), cầu Rạch Chiếc (Cái Răng),...

Ngoài ra, các con kênh (kinh) cũng được ghi lại khá nhiều qua 116 địa danh. Đó là *“công trình dẫn nước được đào, đắp trên mặt đất, phục vụ cho thủy lợi, giao thông”* (Hoàng Phê chủ biên, 2009, tr.625). Những con kênh (kinh) này vừa giúp người dân đi lại thuận tiện bằng đường thủy, vừa giúp tháo chua, rửa phèn cho đất, mang lại hiệu quả cho phát triển giao thông lẫn kinh tế địa phương. Một số địa danh tiêu biểu cho yếu tố sông nước này như: rạch Kênh Chợ, cầu Xẻo Kinh, cầu Kinh Giữa (Phong Điền), vàm Kênh Cụt, ngã ba Kênh Số 10 (Thốt Nốt), cầu Kênh Xáng, đường Cầu Kênh (Ô Môn), cầu Kinh Ngang, cầu Kinh Chuối (Thới Lai),...

Xẻo là *“lạch con ở Nam Bộ”* (Hoàng Phê chủ biên, 2009, tr.1462). Đây cũng là một trong những dạng địa hình mang tính sông nước đặc trưng ở Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng và cũng được ghi nhận qua 43 địa danh. Các địa danh gắn với thành tố Xẻo ở Cần Thơ thường bao hàm tên của các loại thực vật mọc nhiều (hoặc được trong nhiều nơi đó như: rạch Xẻo Quýt, rạch Xẻo Lúa, cầu Xẻo Lúa, rạch Xẻo

⁴ Tên các huyện thuộc 2 phủ Tuy Biên và Ba Xuyên tỉnh An Giang nhà Nguyễn.

⁵ Tức tỉnh An Giang nhà Nguyễn.

Khế, rạch Xẻo Đế⁶ (Ô Môn), rạch Xẻo Lá⁷, cầu Xẻo Lá (Cái Răng), cầu Xẻo Cao (Cau), cầu Xẻo Khế (Bình Thủy), cầu Xẻo Cao (Cau), cầu Xẻo Tràm (Thốt Nốt), cầu Xẻo Tre, cầu Xẻo Tràm (Cờ Đỏ), rạch Xẻo Đế, cầu Xẻo Đế, rạch Xẻo Cui, cầu Xẻo Cui⁸, rạch Xẻo Tre, cầu Xẻo Tre (Phong Điền),...

Vàm: gốc Khmer là “piam” (păm, peam, piêm), nghĩa là “*cửa sông, nơi rạch chảy ra sông hoặc sông con chảy ra sông lớn*” (Hoàng Phê chủ biên, 2009, tr.1401). Ở huyện Phong Điền có địa danh vàm Xáng. Đây là nơi máy xáng khởi đào kinh Xáng Xà No từ đoạn sông Cần Thơ, cách chợ Phong Điền khoảng 3 cây số nên gọi là vàm Xáng, từ đó hình thành địa danh chợ Vàm Xáng⁹, bến phà Vàm Xáng. Một số địa danh chứa đựng thành tố này như: cầu Hai Vàm, cầu Vàm Cần Đước (Thốt Nốt), cầu Vàm Nhon (Thới Lai), cầu Vàm Rạch Tre (Phong Điền),...

Những địa danh gắn liền với thành tố Cái cũng được chúng tôi xếp vào loại địa danh phản ánh văn hoá nhận thức về môi trường sông nước ở thành phố Cần Thơ. Theo Lê Trung Hoa, “*cái là danh từ, có nghĩa là nhánh sông hay con rạch... Với cách hiểu cái là nhánh sông hay con rạch, có thể giải thích được hơn 90 phần trăm số địa danh mang thành tố chung “cái” ở Nam Bộ*” (Lê Trung Hoa, 2002, tr.48). Ở Cần Thơ, có 82 địa danh chứa thành tố này và phần lớn gắn với các loại thực vật: rạch Cái Chanh, sông Cái Cui, vàm Cái Sắn, chợ Cái Chanh (Cái Răng), rạch Cái Khế, rạch Cái Sơn, phường Cái Khế (Ninh Kiều), rạch Cái Chôm, khu vực Cái Sơn, cầu Rạch Cái Chôm (Ô Môn), đường Cái Sơn Trên, đường Vàm Cái Sắn (Thốt Nốt),...

Ngoài ra, địa danh ở Cần Thơ cũng ghi nhận những dạng địa hình như *láng*: kênh Láng Sen, chợ Láng Sen, đường huyện Láng Chim (Vĩnh Thạnh), sông Ba Láng, phường Ba Láng (Cái Răng),...; *lung*¹⁰: kênh Lung Áu (Vĩnh Thạnh), cầu Lung Sáu (Phong Điền), cầu Lung Tượng (Ô Môn), *tắt (tắc)*¹¹: rạch Cái Tắc, cầu Cái Tắc, ngã ba Cái Tắc (Cái Răng), rạch Ngả Tắc, cầu Ngả Tắc (Thốt Nốt),...

Có thể thấy, 433 địa danh gắn với những yếu tố đặc trưng như Rạch, Vàm, Kênh (Kinh), Cái, Xẻo,... ở Cần Thơ góp phần minh chứng cho văn hoá nhận thức của con người về môi trường tự nhiên sông nước phong phú, thuận lợi, mang đến nhiều

⁶ Đế: một loại cỏ hoang, không có giá trị kinh tế, còn gọi là sậy đế.

⁷ Lá: ý chỉ lá dừa nước, một loại thực vật mọc nhiều ven sông rạch, thường dùng để lợp nhà, chuồng trại,...

⁸ Cây cui, còn gọi là huỳnh long, thường được dùng để đóng ghe xuồng vì có khả năng chịu được nước rất tốt.

⁹ Chợ Vàm Xáng được hình thành năm 1908, sau khi kinh Xáng Xà No đào xong.

¹⁰ Lung: nghĩa là “*đầm, bàu*” (Hoàng Phê chủ biên, 2009, tr.761).

¹¹ Tắt (tắc): đường nước nhân tạo hoặc tự nhiên, có kích thước nhỏ, nối liền hai dòng chảy để đi tắt từ dòng nước này đến dòng nước khác cho nhanh thay vì phải đi vòng. Tắt vốn là tính từ chuyên hóa thành danh từ, thường viết nhầm, đọc chệch thành tắc (Lê Trung Hoa, 2003, tr.22).

tiềm năng kinh tế, từ đó phát triển nghề nông trồng lúa, làm vườn, khai thác nguồn lợi thủy sản, ổn định đời sống mưu sinh.

2.1.1.2 Văn hóa nhận thức về giao thông đường thủy

Có 32 địa danh liên quan đến văn hóa nhận thức về giao thông đường thủy của người dân đất Cần Thơ. Đối với những người dân sống ven sông rạch, cù lao, bung bầu, tắt, ngọn... họ thường tậu một chiếc ghe, xuồng nhỏ để tiện việc đi lại, mua bán, sinh hoạt hoặc phòng khi có việc gấp, đau ốm bệnh tật bất thường có phương tiện mà chuyên chở kịp thời. Ghe xuồng như “chân”, *“đi xóm thăm bạn bè, mua trà mua bánh, đám cưới, đám ma, rước bà mụ, rước thầy thuốc vẫn dùng ghe xuồng. Thậm chí kể trộm, kẻ cướp cũng dùng đường sông rạch để đến đột ngột rồi bôn tẩu cho nhanh”* (Sơn Nam, 2017, tr.32).

Hơn nữa, độ dốc của chúng thấp nên trừ những tháng mùa mưa nước đổ mạnh thì hầu như nước chảy êm xuôi quanh năm, thuận tiện cho việc đi lại bằng ghe xuồng.: *“Ở đây, đường sông là mạch máu giao thông chính, ghe xuồng trở nên quan trọng đến mức thiết yếu”* (Tỉnh ủy - Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.30). Vì thế, nhận thức được quy luật vận động của con nước trở thành nhu cầu bức thiết và vô cùng quan trọng với người dân địa phương để có thể tổ chức đời sống cá nhân một cách hiệu quả và phục vụ sản xuất.

Việc lưu thông đường thủy cũng như sinh hoạt của người dân đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Trán Giang – Cần Thơ nói riêng chịu ảnh hưởng nhiều bởi chu kì lên xuống của thủy triều. Có những vàm rạch nước sâu nhưng mặt nước yên bình, không có sóng to gió lớn (rạch Bình Thủy (quận Bình Thủy)). Giai thoại kể rằng, đến đời Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý 1852), quan Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt ngồi thuyền đi tuần thú, đến cồn Linh thì đã gặp phải bão lớn. Quan Tuần thấy một ngọn rạch có chỗ nước yên lặng cho thuyền núp gió an toàn, khen thắm địa thế như rồng nằm nên đặt tên là Bình Thủy (Huỳnh Minh, 2001, tr.145). Từ đó, nhiều địa danh trên địa bàn cũng mang tên Bình Thủy như sông Bình Thủy, cầu Bình Thủy, quận Bình Thủy, chợ Bình Thủy: *“Ở làng Bình Thủy, như tên gọi của nó, sông nước hiền hòa và phẳng lặng hơn; do vậy mà dân đến lập nghiệp sớm, nhanh chóng phát triển và trở thành nơi đất gốc của người dân Cần Thơ mà thế hệ sau này tự hào về nó”* (Tỉnh ủy - Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.30). Nhiều địa danh ở vùng Tây Nam Bộ cũng mang nét nghĩa tương tự như xã Bình Thủy (An Giang), ấp Bình Thủy (Vĩnh Long)...

Tuy nhiên, vùng này từ xưa cũng có một số đầu vàm, ngã ba, ngã tư lại có hiện tượng nước xoáy, dễ gây nguy hiểm cho ghe xuồng qua lại. Vì thế, kinh nghiệm lưu thông trên sông rạch mang ý nghĩa sống còn. Địa danh vàm Nước Vận, cầu Nước Vận, ngã ba Nước Vận, rạch Bùng Binh, cầu Bùng Binh (quận Cái Răng) lưu dấu nhận thức về môi trường sông nước của người dân đất Trán Giang (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.36). Ngã ba Nước Vận là ngã sông phía trước đình Thường Thạnh¹², đã tồn tại hàng trăm năm qua. Tại đây lúc nước ròng nước chảy rất xiết, xoáy (vận) tròn khiến ghe xuồng đi ngang dễ bị chìm. Bùng binh theo Huỳnh Tịnh Của nghĩa là “*chỗ phình rộng giữa sông rạch, có nơi có cù lao ở giữa, ghe thuyền có thể trở đầu*” (dẫn theo Lê Trung Hoa, 2014). Xưa kia, ngay đầu vàm là một khúc sông rộng lớn. Để tránh nguy hiểm khi qua lại nơi đây, ghe tàu thường phải đi chậm cho an toàn hoặc để quay đầu trở lại hướng Cần Thơ hoặc xuống Sóc Trăng nên người dân gọi là rạch Bùng Binh¹³. Địa danh Bùng Binh cũng xuất hiện ở tỉnh Trà Vinh (cầu Bùng Binh), tỉnh Cà Mau (xóm Bùng Binh)... Ngoài ra, độ sâu của sông rạch cũng được cư dân sở tại ghi nhận qua các địa danh: sông Cái Sâu, cầu Cái Sâu (quận Cái Răng), rạch Xẻo Sâu, cầu Rạch Sâu Nhỏ (huyện Phong Điền)...

Khi lưu dân vùng Ngũ Quảng men theo bờ biển Đông đến vùng đất mới phương Nam, chiếc ghe bầu chạy buồm không còn thích hợp. Người xưa đã tạo ra loại ghe xuồng nhỏ để dễ vào rừng sâu, len lỏi theo kinh rạch để khai thác sản vật. Nhu cầu giao thông trên địa hình mới đòi hỏi phải có quy ước và thống nhất nhau khi di chuyển. Khi giao thông trên kinh rạch cũng xảy ra nhiều sự cố nguy hiểm, ngoài việc sử dụng kinh nghiệm để ứng phó, con người cũng đặt ra những quy luật để đi lại được thuận tiện, tránh tổn thất, tranh chấp (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.36). Đương thời, Tham mưu Nghi Biểu giữ chức điều khiển dinh đồn từng ra quy định khi giao thông trên đường thủy như sau:

Phàm thuyền đi không kể là chiều gió dòng nước thuận hay nghịch, hãy đến gần nhau đều cùng hô lên “bát” (tục gọi đi sang bên tả mình là “cậy”, đi sang bên hữu là “bát”), thì thuyền của ta đi sang bên hữu, thuyền của người kia cũng đi về bên hữu, theo thuận mà lái... muốn tránh nhau thì người lái cứ hô “bát”... Còn như khi có hô “Cậy” là khi nào thuyền về bến đỗ, gặp

¹² Đình Thường Thạnh còn có tên là đình Nước Vận (Nhâm Hùng, 2017, tr.109).

¹³ Đầu thế kỉ XX, từ *bùng binh* mới được dùng để chỉ nơi giao lộ trong thành phố (Lê Trung Hoa).

gió mắc cạn, có sự cố gì mới cho hô như thế (Trịnh Hoài Đức, 1999, tr.148 – 149).

Như vậy, Bát – Cạy (Cây) chính là tập quán đi ghe thuyền trên sông rạch từ thời vua Gia Long. Nhiều địa danh ở Cần Thơ vẫn ghi lại quy định này như: rạch Ngã Bát, đường Ngã Bát, cầu Ngã Bát (quận Cái Răng), rạch Ngã Bát, cầu Ngã Bát, đường Ngã Bát, rạch Ngã Cạy, cầu Ngã Cạy (quận Ô Môn),... (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.36). Đến nay, người dân vẫn còn truyền nhau câu ca dao:

*“Em đi bên **bát** phải thẳng hướng chèo
Anh queo bên trái, **cạy** xeo mũi xuôi”*

Ở vùng Tây Nam Bộ, tập quán này xuất hiện khá nhiều trong địa danh, như: rạch Ngã Bát (Kiên Giang), rạch Cái Bát Giữa (Cà Mau), rạch Ngã Bát, sông Ngã Bát (Vĩnh Long), sông Ngã Bát (Hậu Giang), rạch Ngã Cạy (Hậu Giang), rạch Ngã Cạy, sông Ngã Cạy (Vĩnh Long),...

Từ luật đường sông sơ khai của thời khẩn hoang, một số yếu tố được thừa kế, làm cơ sở cho luật giao thông đường thủy nội địa trong thời hiện đại như: khi hai phương tiện đi đối hướng nhau có nguy cơ va chạm, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải phát tín hiệu xin nhường đường, phương tiện đi ngược nước phải nhường đường cho phương tiện đi xuôi nước,... [134]

2.1.2 Văn hóa nhận thức về hệ thống động thực vật

Chính thức có mặt trên dư đồ Việt Nam với tên gọi là Trấn Giang từ năm 1739 do Mạc Thiên Tứ khai hoang, vùng đất này được biết đến là một vùng hoang vu, rừng tràm xen lẫn rừng đước, thú dữ tràn đầy. Thiên nhiên buổi đầu khai hoang khắc nghiệt, rừng rậm âm u, nhiều đầm lầy, bờ sông dày bịt cây cỏ. Đó cũng là nơi trú ngụ của nhiều loài thú dữ, đe dọa tính mạng con người không thua gì cá sấu dưới sông rạch. Qua tìm hiểu của chúng tôi, có 248 địa danh thể hiện sự phong phú và đa dạng của hệ thống động thực vật ở vùng đất này từ thời mở cõi.

2.1.2.1 Văn hoá nhận thức về động vật

a. Về động vật trên cạn

Trong *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Sơn Nam từng tả lại phần đất hoang vu nằm giữa Rạch Giá – Cần Thơ như sau:

Xuồng phải chống trên cỏ, lướt tới như bàn trượt (patin). Dùng sào mà chống, gặp chỗ dày bịt thì cắt cỏ. Rạch Cái Cau là nơi tụ họp của trâu rừng.

Lâu lâu phải cõng nhau để nhìn hướng đi cho rõ. Sậy để cao những hai thước. Chạng vạng, muỗi bu lại ào ào, đêm ngủ trên sàn, đốt lửa bốn phía... Choại mọc um tùm; gặp đàn voi trên mười con, bắn súng hăm dọa... (Son Nam, 2015, tr.91).

Thiên nhiên hoang vu, rừng rậm mọc đầy. Cỏ dại, lau sậy là nguồn thức ăn dồi dào của từng bầy nai, heo rừng, voi. Trong khi đó, nai lại trở thành mồi ngon cho cọp. Rừng sộp, rừng gừa um tùm, rậm rạp với bộ rễ đan xen chằng chịt tạo điều kiện cho cọp ẩn nấp, trú ngụ. Chính điều kiện tự nhiên đó đã tạo nên hệ thống động vật trên cạn phong phú, đa dạng ở Cần Thơ:

Phong Điền – Cần Thơ khi chưa đào kinh Xáng Xà No là một vùng đất sinh lầy, chỉ trừ vùng ven sông Cần Thơ đoạn gần cửa sông là tương đối cao, còn lại những chỗ ngọn sông hoặc xa bờ sông chỉ là những lung, láng, bung, bầu, rạch, xẻo (...). Đây là môi trường sinh sống của các loài địa, vắt, muỗi mòng, ếch nhái, tôm, cá, rắn, rùa, cua đinh, cần đước, các loại chim chuột, chồn đèn, kể cả một số loài lớn như cá sấu, voi rừng, thỉnh thoảng có cả cọp từ miền Đông dạt xuống. (Đảng bộ huyện Phong Điền, 2007, tr.12)

Trong số đó, cọp, trâu rừng, voi rừng, heo rừng trở thành nỗi ám ảnh trong kí ức của con người trong buổi đầu khai hoang, lập ấp, là một trong những thách thức khắc nghiệt nhất của thiên nhiên cho công cuộc mở đất cũng như phát triển kinh tế sản xuất nông nghiệp. Đến nay, còn 41 địa danh ở Cần Thơ lưu dấu những động vật này như: rạch Miếu Ông, cầu Miếu Ông, chợ Miếu Ông (Ông tức là Cọp) (quận Bình Thủy), rạch Rây¹⁴, cầu Rạch Rây, đường Rạch Rây – Bà Chiêu, rạch Đường Xuông¹⁵, rạch Đường Trâu¹⁶, làng Trâu (huyện Vĩnh Thạnh), cầu Mương Trâu (huyện Cờ Đỏ), cầu Mương Trâu, đường Mương Trâu (quận Thốt Nốt), rạch Xẻo Trâu, cầu Mương Trâu Trên, cầu Mương Trâu Dưới (quận Ô Môn), đường Trâu Lớn (Nam), đường Trâu Lớn (Bắc) (huyện Vĩnh Thạnh), rạch Ông Tượng¹⁷ (quận Thốt Nốt), cầu Lung Tượng (quận Ô Môn), rạch Mương Cui¹⁸ (huyện Phong Điền)... (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.38)

¹⁴ Nơi cọp hay gặm, rống lên, người dân kiêng cử nên gọi là rạch (Ông) Rây.

¹⁵ Vào thời khẩn hoang, đây là đường voi rừng đi uống nước lâu ngày thành rạch. Người đi lập nghiệp tiếp tục nạo vét, mở rộng để những chiếc xuồng có thể di chuyển (Nhâm Hùng, 2013, tr.330).

¹⁶ Vào thời Pháp thuộc, nơi đây còn hoang hóa, voi đàn thường kéo ra con rạch chính để tắm và uống nước. Lâu ngày đường nước trũng xuống. Những năm 80 của thế kỉ trước, nông dân đi làm thủy lợi phát hiện xương voi. Để thuận tiện sản xuất nông nghiệp, con rạch voi đi ngày xưa thành con đường nước cho trâu đi chuyển (Nhâm Hùng, 2013, tr.331).

¹⁷ Đường voi đi lâu ngày mà thành, dân gian coi trọng loài voi nên gọi là Ông Tượng.

¹⁸ Đường đi của voi lâu ngày mà hình thành (Đảng bộ huyện Phong Điền, 2007, tr.12).

Khi thực dân Pháp bắt đầu đào kinh Xà No (1901), nhiều đàn voi vẫn còn đi qua vùng Mương Cui. Nhiều địa danh phản ánh địa bàn tồn tại của voi rừng được Nguyễn Liên Phong trong *Nam kì phong tục nhơn vật diễn ca* (1909) như sau:

*“Xà No, Đông Lợi, Láng Hàm, Ô Môn
Lũ voi sinh đẻ dập dồn,
Các ông hiệp bắn các thôn hiệp vây
Biết bao công cán nặng dày
Bốn mươi dư thớt (con) bắn này mới an.”*

(Đảng bộ huyện Phong Điền, 2007, tr.12-13)

Ngoài ra, đất Cần Thơ xưa còn xuất hiện nhiều nai (rạch Cái Nai, cầu Cái Nai – quận Cái Răng), nhiễm (cầu Nhiễm, rạch Cầu Nhiễm), cần đước (hoặc càng đước) (rạch Cần Đước¹⁹, rạch Càng Đước, cầu Càng Đước (huyện Phong Điền),...

Vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Cần Thơ nói riêng với hệ thống rừng rậm bao phủ trên diện tích lớn, tàn lá rậm rạp cùng với các bãi bùn, đồng cỏ ẩm thấp là môi trường trú ngụ của nhiều loại chim cò (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.38-39). Sơn Nam trong chuyên khảo *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang* cũng từng ghi nhận:

Đất Nam Phần nói chung và đất Hậu Giang (bao gồm cả Cần Thơ) nói riêng thuộc vào loại sinh lầy, ẩm thấp, có thể gọi là nơi thiên đường của loại chim cò. Nếu chú ý vào địa danh của những vùng ở Tiền Giang và ở Hậu Giang, chúng ta thường được nghe những tên: Láng Cò, Trảng Cò, Láng Chim, Láng Le, Đầm Chim, Sân Chim, Mảng Diệc, Vườn Cò,... (Sơn Nam, 2015, tr.143).

Sự hiện diện của các loài chim cò ở Cần Thơ được ghi nhận qua địa danh kinh Ông Cò, cầu Ông Cò²⁰, rạch Láng Chim, cầu Láng Chim (huyện Vĩnh Thạnh) (khởi nguồn của rạch là một vùng nước ngập, trũng, có rất nhiều loài chim, cò tụ tập), chợ Cồn Cò (quận Thốt Nốt) (nơi đây ngày xưa còn nổi lên, cây bản mọc nhiều, đàn cò bay về trú ngụ nên dân gian gọi là cồn Cò). (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.39)

b. Về động vật dưới nước

¹⁹ Cần đước: âm gốc Khmer là Andok (Trương Vĩnh Ký), nghĩa là “con rùa” (Thái Văn Chái), có khi đọc trại là càng đước (Dẫn theo Lê Trung Hoa, 2014). Đến giữa thế kỉ XX, vùng rạch này vẫn còn nhiều con cần đước.

²⁰ Vùng này vốn là một vùng đất phì nhiêu khoảng 20.000 công, mọc rất nhiều tràm, sen, là địa điểm trú ngụ hấp dẫn của chim, cò.

Môi trường sông nước với mạng lưới sông ngòi, kinh rạch dày đặc mang đến một nguồn lợi thủy sản không nhỏ cho người dân Cần Thơ, được ghi nhận qua 35 địa danh (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.37). Từ khi mới được khai phá, thủ sở Trần Giang - Cần Thơ đã có rất nhiều rừng rậm, cỏ lác, lau sậy mọc đầy. Đây là điều kiện thuận lợi cho muỗi mòng sinh sôi nảy nở: *“Về động vật dưới nước đa dạng hơn nhiều, đó là các loại các đên như cá lóc, cá rô, cá sặc rằn, cá đáy, cá trê, cá ếc, cá bóng,.... Ở Cần Thơ, cá trắng chủ yếu sống trong các sông lớn như sông Hậu, sông Cần Thơ, kênh Xà No...”* (Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.96-97). Con lăng quăng do trứng muỗi nở ra cùng với xác thú trôi sông lại là nguồn thức ăn lí tưởng để nuôi tôm cá. Ngoài cá, Cần Thơ còn có đa dạng các loại tôm như tôm càng xanh sống ở sông lớn và các loại tép như tép bạc, tép cỏ, tép đất,... sống ở các kênh rạch và đồng ruộng. *“35 địa danh ghi lại những loài thủy sản có mặt trong lòng sông rạch Cần Thơ và những xóm nghề liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản. Một số địa danh khá phổ biến như: rạch Dù Tho²¹, rạch Cái Hô (quận Ô Môn), sông Cần Thơ (quận Ninh Kiều), rạch Cá Hô²² (quận Thốt Nốt)...”* (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.37). Ngoài ra, nơi đây cũng từng xuất hiện con rái cá (địa danh rạch Phê²³ (quận Ô Môn). Nhiều địa danh gắn liền với động vật dưới nước cũng xuất hiện ở các địa phương khác như: ấp Cá, chợ Cá Chốt (Tiền Giang), bàu Cá Bông (An Giang), cồn Cá He (Đồng Tháp), rạch Cá Lóc, rạch Cá Ngát, sông Cá Rô, cầu Cá Trê (Vĩnh Long), cầu Cá Nhám Lớn, cầu Cá Nhám Nhỏ (Cà Mau), rạch Cá Rô (Sóc Trăng)...

Để tận dụng những huê lợi từ thủy sản, nhiều người dân địa phương đã mưu sinh bằng nghề đánh bắt thủy sản trên các sông rạch, đầu vàm, dần dần hình thành nên những địa danh gắn liền với xóm nghề như: xóm Chài²⁴ (quận Cái Răng), xóm Cầu, xóm Chài (quận Thốt Nốt), xóm Lưới²⁵ (quận Bình Thủy), xóm Đáy²⁶ (quận Ninh Kiều), xóm Dù Tho (chuyên nghề đan lợp bắt cá, tôm tép). Một số tỉnh ở vùng Tây Nam Bộ cũng tồn tại các địa danh như xóm Bà Chài (xóm Nhà Chài), xóm Chài (Vĩnh Long),...

²¹ Được đọc trại ra từ *kìn tho* (cá sặc rằn), hiện nay các sông rạch ở Cần Thơ vẫn còn nhiều cá này.

²² Là loài cá có kích thước lớn nhất trong họ cá chép. Những năm 1920 – 1940, người dân thường thấy những đàn cá hô xuất hiện nhiều ở đầu vàm.

²³ Phê: âm gốc Khmer là Prek Phê, nghĩa là con ráy, là loại sống dưới nước, chuyên ăn cá (Nhâm Hùng, 2013, tr.170).

²⁴ Khu xóm chuyên làm nghề chài lưới, đối diện với bến Ninh Kiều ngày nay.

²⁵ Hình thành từ những năm đầu thời khẩn hoang, cư dân chuyên nghề chài lưới, giăng câu, đóng đáy,...

²⁶ Xóm chuyên nghề đóng đáy theo con nước lớn ròng ở rạch Đầu Sáu.

Có thể nói, thiên nhiên sông nước cũng mang tính chất nước đôi, tuy giàu có, mang lại nhiều lợi ích kinh tế nhưng cũng rất khắc nghiệt, tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm. Khi giao thông đường bộ còn nhiều khó khăn thì đi lại bằng xuồng ghe trên sông rạch được xem là phương thức di chuyển hữu hiệu. Tuy nhiên, nạn sấu dữ hoành hành là mối họa lớn nhất cho người dân Cần Thơ. Vùng đất Trấn Giang xưa vốn nhiều sinh lầy, bãi bùn, cá sấu dễ dàng sinh sôi, phát triển. Nhiều địa danh ghi lại nỗi ám ảnh của người dân địa phương còn tồn tại đến hôm nay như: lung Sấu, cầu Lung Sấu (huyện Phong Điền), cầu Đầu Sấu²⁷, vàm Đầu Sấu, ngã ba Đầu Sấu (quận Ninh Kiều)... (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.38). Không chỉ ở Cần Thơ, nhiều địa phương khác ở Tây Nam Bộ cũng xuất hiện nhiều địa danh tương tự như bầu Sấu, hang Cá Sấu (Kiên Giang), lộ Đầu Sấu (Cà Mau), rạch Cái Sấu, rạch Đầu Sấu (Bến Tre), cầu Chùa Đầu Sấu, sông Đầu Sấu, đường Đầu Sấu Đông, đường Đầu Sấu Tây (Bạc Liêu), rạch Đầu Sấu (Long An),...

2.1.2.2 Văn hoá nhận thức về thực vật

Bên cạnh hệ thống động vật trên cạn phong phú thì nhóm thực vật sinh sống trên đất Cần Thơ cũng rất đa dạng, nhiều chủng loại, mọc nhiều ven sông rạch, nơi trước đây vốn nhiều rừng rậm. Khi Mạc Thiên Tứ lập thủ sở Trấn Giang năm 1739, vùng này “*còn là một vùng rừng tràm xen lẫn rừng đước, thú dữ tràn đầy*” (Huỳnh Minh, 1966, tr.9). Đến thời Tự Đức mà người đi ghe thuyền mùa mưa phải “*cỡi lên trên cỏ và bèo mà đi, cứ trông theo phía tả hay phía hữu rừng cây mà nhận dấu đường...*” (dẫn theo Sơn Nam, 2014, tr.300).

Rừng dày bịt, um tùm, ngoài tràm, đước còn có rừng gừa, vì phần lớn là cây gừa; ngoài ra còn có cây xộp, bàng, mù u, sắn, bần... Qua tìm hiểu, người viết thống kê được 172 địa danh thể hiện sự đa dạng và phong phú của hệ thống thực vật của địa phương, tiêu biểu như rạch Rừng, đường Rạch Rừng (quận Thốt Nốt), khu di tích Giàn Gừa, rạch Gừa, cầu Rạch Gừa (quận Bình Thủy), rạch Nứa, rạch Cà Ròn²⁸ (huyện Phong Điền), rạch Cái Sơn²⁹, cầu Cái Sơn, chợ Mít Nài (nay là chợ An Nghiệp) (quận Ninh Kiều), rạch Chiếc, cầu Rạch Chiếc³⁰ (quận Cái Răng), rạch Cái Trôm, chợ Bằng

²⁷ Gốc là Cầu Sấu, nơi dự trữ sấu để bán (Sơn Nam).

²⁸ Âm gốc Khmer là *kroong* (âm cuối *ng* biến thành *n*), nghĩa là cây bàng, một loại cỏ dùng để đan đệm, đan nón hay bao đựng vật dụng.

²⁹ Một loại gỗ quý, người ta lấy mù để sơn ghe, xuồng, đồ gia dụng hoặc làm sơn mài.

³⁰ Âm gốc Khmer là *Prék Cèk*, nghĩa là “đòng sông nhỏ có mọc nhiều cây chiếc”.

Tăng³¹, rạch Bằng Tăng, rạch Tầm Vu³² (quận Ô Môn), rạch Nhum, cầu Xẻo Nhum (huyện Phong Điền), rạch Sang Trắng, cầu Sang Trắng, chợ Sang Trắng (quận Ô Môn), tắc Cây Bàng, cầu Cây Bàng, bến đò Tắc Cây Bàng (quận Thốt Nốt), rạch Hàng Bàng, đường Cái Sơn – Hàng Bàng (quận Ninh Kiều), rạch Bàn, cầu Rạch Bàn (quận Cái Răng), rạch Sấn, cầu Rạch Sấn (huyện Phong Điền), rạch Cái Sấn, cầu Cái Sấn, chợ Cái Sấn (quận Thốt Nốt), rạch Cây Dầu, cầu Cây Dầu (huyện Phong Điền), rạch Dầu, rạch Cây Dầu Đôi (huyện Thới Lai),...

Vùng Cần Thơ phía Phong Điền khi chưa đào kinh Xáng Xà No vẫn “là một vùng đất sinh lầy, chỉ trừ vùng ven sông Cần Thơ đoạn gần cửa sông là tương đối cao, còn lại những chỗ ngọn sông hoặc xa bờ sông chỉ là những lung, láng, bung, bầu, rạch, xẻo với thảm thực vật như: cỏ, bèo, bông súng, sen, điên điển, vông đồng, gừa, mật cật, ô rô, cóc kèn, sung, điều và một số cây rừng hoang dã khác” (Đảng bộ huyện Phong Điền, 2007, tr.12). Nhiều lung, rạch, xẻo mang tên các loại cây cỏ từng sống ở vùng đất Phong Điền lúc hoang sơ như rạch Nứa, rạch Ba Cui, rạch Bông Vang³³, rạch Bông Điều, lung Sen, rạch Mật Cật³⁴, xẻo Tre, xẻo Cui³⁵, xẻo Đê, rạch Sung, rạch Xà No³⁶, rạch Mương Điều, rạch Vông,...

Vùng đất Trản Giang – Cần Thơ xưa là vùng nê địa, thiên nhiên giàu có, trù phú với hệ thống động thực vật đa dạng, mang đến nhiều ưu đãi nhưng cũng đặt ra cho con người không ít khó khăn, thách thức bằng những mối hiểm nguy trên bờ, dưới sông rạch, thậm chí phải trả bằng tính mạng (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.39). Đã có không ít những câu ca dao, chuyện kể nói về nỗi sợ hãi của lớp người khai hoang trước thiên nhiên hoang dã, vô cùng lạ lẫm, kì bí nhưng cũng đầy tai họa:

“Tôi đây xứ sở lạ lùng

Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh

Chèo ghe sợ sáu căn chun,

Xuống sông sợ địa, lên rừng sợ um.

³¹ Âm gốc là Chri-sand-dal, tức cây gừa, biến âm dần thành “bằng tăng” (Nhâm Hùng).

³² Có ba cách giải thích: 1- Gốc Khmer *Lam pu*, nghĩa là ‘cây bàn’ (Thạch Phương); 2. Gốc Khmer *Sampu*, nghĩa là “chiếc thuyền” (Vương Hồng Sển); 3- Tên một loại cây (Nguyễn Hữu Hiếu), chưa có từ điển nào ghi tên cây này.

³³ Bông vang: thuộc họ bông, còn gọi là hoàng quỳ, búp vang, bông vàng, bông rừng, cây la,... Ngày xưa, người ta hay đi lấy mật ong bông vang rừng. Loại cây quý này ngày nay hiếm gặp.

³⁴ Mật cật: là loại cây rừng, còn gọi là trúc mây, họ cau, mọc thành bụi thưa, ngày xưa thường được dùng để chằm nón lá, ngày nay dùng làm kiềng trang trí nội thất hoặc hành lang.

³⁵ Còn gọi là cây huỳnh long, loại cây to, một hột, lá đơn một phiến cứng, giòn, bề trái màu bạc có vẩy nhỏ.

³⁶ Xà No: âm gốc Khmer là Srak No, nghĩa là xóm có nhiều cây điên điển mọc hoang (theo Sơn Nam).

2.1.3 Văn hóa nhận thức về nơi cư trú

Mỗi vùng miền đều có những điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau, quy định hoặc có ảnh hưởng nhất định đến sự lựa chọn hành vi của con người. Địa hình sông nước ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng cũng không phải ngoại lệ. Từ bao đời nay, người dân địa phương đã hình thành, xây dựng và phát triển những loại hình cư trú độc đáo phù hợp với đặc điểm tự nhiên vừa hình thành nét đặc trưng cho mỗi vùng văn hóa, thể hiện qua 21 địa danh nơi đây (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.39).

Điều kiện tự nhiên gắn liền với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đã góp phần hình thành nên nét sinh hoạt kinh tế của người dân đất Tây Đô. Phần lớn đời sống và hoạt động sản xuất của họ gắn liền với sông nước. Chợ búa, làng mạc hầu hết tập trung bên các dòng kênh. Cuộc sống gắn liền với sông nước này đã được Trịnh Hoài Đức ghi nhận từ đầu thế kỉ XIX: *“ở Gia Định (chỉ cả Nam Bộ - tác giả) chỗ nào cũng có ghe thuyền, hoặc dùng thuyền làm nhà ở, hoặc để đi chợ, hay để đi thăm người thân thích, hoặc chở gạo củi đi buôn bán, rất tiện lợi, mà ghe thuyền chạt sông, ngày đêm qua lại...”* (dẫn theo Huỳnh Lứa và các cộng sự, 2017, tr.31)

Điều kiện tự nhiên sông ngòi dày đặc, quan niệm “nhất cận thị, nhị cận giang” được người Cần Thơ đặc biệt chú trọng khi lựa chọn nơi cư trú, sao cho thuận tiện cho việc mua bán, sinh sống. Nhiều ngôi chợ được dựng cặp bờ kinh, bờ sông, thuận tiện cho việc đi lại, trao đổi mua bán bằng đường thủy, thu hút cư dân đến lập nghiệp, từ đó, làng mạc, xóm ấp cũng hình thành: *“Làng xã luôn được hình thành trên các giồng đất trải dài theo sông, rạch và về sau là kinh đào. Chợ búa đều hình thành trên bên sông, rạch, kinh đào”* (Tỉnh ủy - Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.30). Những ngôi chợ đầu tiên mà người dân tập trung đông đảo, hoạt động mua bán sầm uất bậc nhất hầu hết là lập ngay trên bờ sông, bờ kinh, đầu vàm, điển hình nhất là chợ Cần Thơ (còn gọi là chợ Hàng Dương, chợ Hàng Dừa), chợ Bình Thủy, chợ Cái Răng, chợ Ô Môn, chợ Trà Niềng đều tọa lạc bên những con sông lớn, trở thành những đầu mối giao thương quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển của Cần Thơ. Nổi bật hơn cả có thể là chợ nổi Cái Răng, chợ nổi Phong Điền. *“Nhiều minh chứng khác qua địa danh như: kinh Chợ, rạch Kênh Chợ, cầu Kênh Chợ, cầu Kênh Chợ 1, cầu Kênh Chợ 2, cầu Kênh Chợ 3, cầu Kênh Chợ 4, cầu Kênh Chợ 5 (huyện Phong Điền),... Điều này*

chúng tỏ rằng “nhất cận thị” vẫn là kinh nghiệm lựa chọn địa điểm cư trú được ưu tiên hàng đầu trong môi trường gắn liền với sông nước” (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.39).

Có thể kể đến địa danh chợ Vàm Xáng như một điển hình. Vàm Xáng (vàm của kinh Xáng, còn gọi là ngã ba Vàm Xáng) ban đầu chỉ là nơi máy xáng khởi đào kinh Xà No bên phía Cần Thơ, cách chợ Phong Điền khoảng ba cây số. Sau khi kinh Xáng Xà No đào xong năm 1903, “ngã ba này trở nên tấp nập, ghe xuồng đậu để chờ con nước thuận lợi qua Rạch Giá hay ra chợ Cần Thơ. Năm 1908, hương chức làng Nhơn Ái đứng đơn xin lập chợ, gọi là chợ Vàm Xáng để thu thuế lợi cho làng” (Sơn Nam, 2014, tr.309). Từ đó, ghe tàu, người tứ xứ về lập nghiệp đông đúc, ngôi chợ này ngày càng sầm uất, sung túc hơn.

Trong điều kiện giao thông đường thủy phát triển nhanh chóng nhờ mạng lưới sông rạch, kinh đào thì việc cư trú gần với các dòng chảy cũng là một ưu thế của con người, vừa đảm bảo có nước ngọt cho sinh hoạt, tưới tiêu vừa thuận tiện cho việc đi lại khi đường sá chưa được mở mang (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.39). Hơn thế, những chỗ giáp nước thì lại càng dễ làm ăn, buôn bán: “Ở Tây Nam Bộ, sông nước vừa là thủy lộ cho việc đi lại, vừa là nguồn sống, cho nên nếu không kể chợ (không phải ở đâu cũng có chợ) thì “cận giang” gần như là điều kiện đầu tiên để định cư: không có sông nước kinh rạch gần như không sống được” (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.149). Như vậy, việc cư trú nơi giáp nước cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người Cần Thơ trao đổi hàng hóa. Những khúc sông thuận lợi, giáp nước, cửa vàm, ngã ba, ngã tư là nơi tụ điểm giao thương và dường như tất yếu trở thành thị tứ - trung tâm thương mại – văn hóa của một vùng.

Những chỗ giáp nước, tức là chỗ “người dựng đường thủy cần khéo tính toán, tùy theo tốc lực của thuyền mà chọn giờ khởi hành để có thể gặp nước xuôi trên một khúc sông ngắn” (Sơn Nam, 2015, tr.26). Nơi đây thường có những bến bãi rộng lớn, ghe thuyền có thể dừng lại đó để nghỉ ngơi, hoặc mua bán, hoặc đợi con nước, gọi là “bến bọ”. Địa danh bến Bạ, rạch Bến Bạ, cầu Bến Bạ ở Cần Thơ cũng được hình thành trên cơ sở này. Tìm hiểu ở những địa phương khác, chúng tôi cũng ghi nhận những địa danh tương tự: bến cảng Bến Bạ (Trà Vinh), cầu Bến Bạ, chợ Bến Bạ (Sóc Trăng), địa điểm Bến Bạ (Kiên Giang),...

Về nhà ở, một trong những nét văn hóa đặc sắc của người dân đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Cần Thơ nói riêng là những ngôi nhà nổi san sát nhau, mọc lên giữa miền sông nước. Theo Trần Ngọc Thêm, “*địa hình Tây Nam Bộ kinh rạch chằng chịt, không thể dựa vào lí luận phong thủy truyền thống để tổ chức văn hóa cư trú mà phải chọn mô hình mới*” (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.149). Họ không mấy chú trọng đến hướng nhà, chủ yếu là có đủ ánh sáng và thuận tiện cho việc làm ăn, mua bán là được. Xóm Nhà Bè (quận Cái Răng) và làng Cá Bè Cồn Sơn (quận Bình Thủy) là những ví dụ điển hình.

Chợ nổi Cái Răng được hình thành từ đầu thế kỉ XX trên hạ lưu sông Cần Thơ. Khi mới bắt đầu manh nha lập chợ nổi, một tài liệu báo cáo của người Pháp *Cần Thơ trước năm 1899* đã từng ghi lại: “*Người ta đặc biệt thấy có nhiều nhà bè ở hai bên rạch Cái Răng và Cần Thơ. Tất cả những ngôi nhà đó, được làm bằng tre, trên những mảng bè, là của các nhà buôn Trung Quốc và An Nam. Chúng gọi cho người ta nhớ tới các làng Mã Lai, cũng là những làng nổi mà người ta thấy ở Châu Đốc*” (dẫn theo Nhâm Hùng, 2017, tr.66). Những xóm Nhà Bè thời chợ nổi Cái Răng chưa hình thành là tiền thân cho địa danh xóm Nhà Bè (xóm Nhà Nổi) hiện nay tại khu vực này. Đó là xóm nhà cất trên bè nổi bằng vật liệu đơn giản của người dân chợ nổi để sinh sống và cung ứng dịch vụ xăng dầu, ăn uống,... cho ghe thương hồ và nhu cầu ngắm cảnh, chụp hình... của du khách tham quan chợ nổi. Sự cộng sinh của cư dân xóm Nhà Bè cùng ghe xuồng thương hồ chính là linh hồn của chợ nổi Cái Răng. Tuy nhiên, đời sống của người dân xóm này còn nhiều bấp bênh, đầy lo toan.³⁷

Mô hình cư trú này còn được ghi nhận qua địa danh làng Cá Bè Cồn Sơn thuộc phường Bùi Hữu Nghĩa quận Bình Thủy: “*Người dân đất Cần Thơ nói chung, cồn Sơn nói riêng đã khéo léo tận dụng môi trường nước của dòng Mekong để làm nơi cư trú và hình thành, phát triển nghề nuôi cá bè cặp theo các dải đất cù lao*” (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.40). Làng nổi độc đáo này được hình thành khoảng hai mươi năm nay, gồm chừng 50 hộ dân sống trên bè. Người dân địa phương cho biết, những căn nhà nổi nằm phía trên, dưới là các bè nuôi thủy sản, vừa là nơi sinh sống của các hộ gia đình vừa là nơi mua bán, làm du lịch³⁸. Đây là một trong những nét văn hóa độc đáo của cư

³⁷ Chì N. T. T. T, làm nghề bán nước ở xóm Nhà Bè, chợ nổi Cái Răng.

³⁸ Theo ông L. V. B, chủ bè cá, người gốc Cà Mau, về xứ cồn Sơn lập nghiệp với nghề nuôi cá bè từ năm 2000, là thế hệ đầu tiên đến đây định cư trên nhà nổi và cắm dèo nuôi cá.

dân quanh cồn Sơn từ nhiều năm nay. Địa danh này ngày càng được nhiều người biết đến khi được tích hợp với hình thức du lịch sinh thái ở cồn Sơn.

Nơi cư trú, làm ăn mua bán của người dân Cần Thơ còn chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi văn hóa mưu sinh. Những ngư dân của xóm Lưới (quận Bình Thủy) sống bằng nghề chài lưới, giăng câu, đóng đáy,... dọc theo sông Hậu chọn phương thức cư trú trên ghe để thuận tiện với nghề hạ bạc (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.40). Địa danh xóm Lưới ở làng Bình Thủy – Long Xuyên được hình thành từ những năm đầu của thời khẩn hoang cuối thế kỉ XVIII. Khu vực xóm Lưới chạy dài theo mé sông Hậu đến bên kia rạch Bình Thủy, đối diện với cồn Sơn dài tới rạch Trà Nóc, tuy nhiên, ngay từ những ngày mới hình thành, xóm Lưới đã không có nhiều nhà cửa. Chiếc ghe vừa là nhà vừa là phương tiện mưu sinh trên sông nước: *“Thời xưa, xóm Lưới không có nhà cửa nhiều, bởi người làm nghề hạ bạc chủ yếu sống và làm nghề trên ghe. Nếu thu hoạch được cá, tôm, họ chèo ra chợ, hoặc tấp vào các vàm, rạch gần đó để bán”* (Nhâm Hùng, 2013, tr.146).

Theo tìm hiểu của chúng tôi, hiện tạm thời chưa ghi nhận được địa danh phản ánh mô hình cư trú độc đáo này tồn tại trong hệ thống địa danh của các địa phương khác thuộc vùng Tây Nam Bộ. Có thể nói, đây là nét văn hóa độc đáo về kinh nghiệm lựa chọn nơi cư trú của người dân Cần Thơ, vừa tận dụng được những ưu thế của môi trường sông nước vừa thuận tiện cho cuộc sống mưu sinh.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Cần Thơ nói riêng đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên môi trường sống của con người, đồng thời cũng hình thành văn hóa vật chất và tinh thần đặc trưng của người dân đất Tây Đô. Đó là *“kết quả của cả một quá trình chung sống với tự nhiên”* (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.144). Có thể thấy, những địa danh lưu lại văn hóa nhận thức về nơi cư trú của người dân Cần Thơ không còn nhiều (chỉ 21 địa danh) và nổi bật ở những mô hình gắn liền với phát triển du lịch. Theo chúng tôi, có thể do đường sá ngày càng được mở rộng, nâng cấp, phương tiện giao thông đường bộ cũng khá đa dạng nên cư dân sở tại đa số chuyển lên bờ định cư để việc đi lại được nhanh chóng hơn, đi làm, đi học cũng dễ dàng hơn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, kinh nghiệm lựa chọn nơi cư trú của con người nơi đây đã góp phần tạo nên nét văn hóa sông nước đặc trưng cho Cần Thơ cũng như khu vực Tây Nam Bộ (Nguyễn Thuý Diễm, 2021, tr.40-41). Để có thể tồn tại, phát triển cũng như khám phá và chinh phục

tự nhiên, người dân địa phương buộc phải tích lũy được những kinh nghiệm, những tri thức về quy luật cũng như đặc trưng tự nhiên của vùng đất mình đang sinh sống.

2.2 VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Con người là sinh vật có tính xã hội cao nhất, là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Con người không chỉ sống cùng với tự nhiên mà còn phải sống cùng nhau tạo thành cộng đồng xã hội. Hơn thế, họ không chỉ sống trong môi trường sinh thái mà còn sống trong môi trường văn hóa. Nếu môi trường tự nhiên và môi trường xã hội là điều kiện hình thành và phát triển của môi trường văn hóa thì ngược lại, môi trường văn hóa mỗi khi xuất hiện lại góp phần rất lớn trong việc tạo ra thế ứng xử và lối ứng xử của con người trong việc không ngừng cải tạo môi trường tự nhiên và môi trường xã hội (Trần Quốc Vượng, 2015, tr.36-38).

Cùng cộng cư trong một không gian văn hóa đa tộc người, cư dân vùng đồng bằng châu thổ sông Mekong nói chung, Cần Thơ nói riêng không chỉ nhận thức được vấn đề xã hội trong cộng đồng mà còn chú trọng những mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác cùng sinh sống trên vùng đất này từ thuở mới khai hoang, mở đất. Song song với quá trình khám phá, cải tạo, chinh phục thiên nhiên và hòa hợp văn hóa giữa các tộc người, người Cần Thơ còn nhận thức được vai trò của cá nhân trong xã hội, đặc biệt là vị thế của người phụ nữ.

Từ lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa và lí thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa, luận án trình bày những biểu hiện của văn hóa nhận thức môi trường xã hội qua địa danh ở thành phố Cần Thơ cơ bản như sau:

2.2.1 Văn hóa nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng

Đa phần đất đai Nam Bộ vào thế kỉ XVII, XVIII là rừng hoang cỏ rậm, trũng thấp sinh lầy nên con người ngoài việc đương đầu với sự khắc nghiệt của thiên nhiên còn phải lo chống lại các loại thú dữ, cá sấu, muỗi mòng, rắn rết, lại chưa quen thủy thổ, bị nhiều thứ bệnh tật hiểm ác đe dọa. Người dân bắt buộc phải khắc phục môi trường tự nhiên với nhiều điều lạ lùng mà họ hầu như chưa nắm được quy luật. Trong hoàn cảnh đó, những con người di cư càng yêu thương, gắn bó, sẵn sàng giúp đỡ nhau cùng tồn tại nơi vùng đất mới. Có thể nói, chưa bao giờ ý thức đoàn kết giữa những con người trong cộng đồng lại được đề cao như giai đoạn này: *“Trong điều kiện môi trường làm ăn sinh sống còn rất hoang vu, khí hậu độc địa thường gây nhiều bệnh tật,*

đầy rẫy thú dữ, rắn rết, người lưu dân không thể sống đơn độc ở một nơi hẻo lánh. Trái lại, họ phải sống xúm xít lại với nhau, ban đầu không nhiều, thường là năm, mười nóc nhà kết lại với nhau thành xóm...” (Huỳnh Lúa và các cộng sự, 2017, tr.59)

Cùng với nếp sinh hoạt có tổ chức đã trở thành truyền thống, những lưu dân người Việt khi vào vùng đất Trán Giang – Cần Thơ làm ăn sinh sống cũng nhanh chóng quần tụ thành làng xóm dọc theo hai bên bờ sông rạch để thuận tiện cho việc đi lại, sản xuất, trao đổi mua bán, hơn thế, khi dân cư nơi đây còn khá thưa thớt, họ còn có thể giúp đỡ nhau làm ăn, đùm bọc nhau trong những lúc khó khăn hoạn nạn, bảo vệ nhau chống lại thiên tai, dịch bệnh, thú dữ, trộm cướp, cường hào ác bá.

Không chỉ lập làng lập xóm theo cơ chế tự phát để tăng sức mạnh của nhóm người lưu dân trong buổi đầu lập nghiệp, những con người trong cùng một cộng đồng còn liên kết để tạo nên những xóm nghề, làng nghề thủ công đáp ứng cho nhu cầu đời sống hàng ngày: *“Khi lưu dân Việt đặt chân vào vùng đất này thì ngoài việc làm nông nghiệp để có thóc gạo, còn phải bắt tay sản xuất những vật dụng thiết yếu để đáp ứng nhu cầu đời sống hàng ngày, từ đó hình thành nên những ngành nghề thủ công khác nhau.”* (Huỳnh Lúa và các cộng sự, 2017, tr.293). Thông thường, những người có tay nghề sản xuất, chế biến cùng một mặt hàng nào đó sẽ tập hợp thành những xóm riêng theo hình thức chuyên môn hóa, thường tập trung ở ngoại vi phố chợ đông đúc. Ở Cần Thơ, chúng tôi ghi nhận được các làng nghề, xóm nghề truyền thống phần lớn là những hộ gia đình cùng tộc người. Các tộc người Việt, Hoa, Khmer đều có những xóm nghề truyền thống đặc trưng (27 địa danh). Họ chuyên sản xuất các mặt hàng thiết yếu theo các nhóm: nghề đóng ghe xuồng; nghề chế biến lương thực, thực phẩm; nghề đan lát.

Nghề đóng ghe xuồng ở Cần Thơ được biết đến bởi danh tiếng của các xóm Ghe, xóm Trại Ghe ở Phong Điền, Cái Răng. Từ đầu thế kỉ XX, nghề đóng ghe xuồng ở Cần Thơ đã phát triển. Lúc đầu chỉ vài hộ, rồi dần dần trở thành làng nghề, mang tính chuyên nghiệp, cha truyền con nối... Ở Vàm Xáng, Phong Điền, Cái Răng cũng là những làng nghề đóng ghe xuồng danh tiếng. Các xóm nghề này phát triển mạnh vì ghe xuồng không chỉ là phương tiện đi lại chủ yếu ở môi trường sông nước mà còn là công cụ sản xuất dùng để chuyên chở nông sản như lúa gạo, trái cây, rau củ,... cung cấp hàng hóa cho các chợ nổi lớn trong vùng Cái Răng – Phong Điền. Đây cũng là một

trong những nét sinh hoạt độc đáo trong đời sống của người dân địa phương và được ghi lại qua câu ca dao:

Bước xuống cầu, cầu oằn, cầu oại
Bước xuống thoàng (thuyền), thoàng thích, thoàng nghiêng
Cả tiếng kêu người nghĩa Phong Điền
Duyên đây không kết, người nghĩa tìm nơi đâu?
(Ca dao Phong Điền)

Nghề chế biến lương thực, thực phẩm ở Cần Thơ đặc biệt phát triển mạnh phần lớn nhờ vào sản lượng lúa gạo của vùng. Trước khi công nghiệp xay xát phát triển, tại vàm Rạch Vông, dài đến kinh Cai Cầm đã hình thành một khu xóm Bảy Hộ (còn gọi là xóm Cối – huyện Phong Điền) chuyên nghề đóng cối xay lúa: “Bởi vì lúc ấy, hầu như nhà nào ở nông thôn cũng cần có cối xay lúa ăn, hoặc bán ra thị trường. Theo các vị cao niên, cho đến những năm 50 (thế kỉ trước), tại Phong Điền vẫn còn tồn tại một số trại đóng cối xay lúa” (Nhâm Hùng, 2013, tr.53). Xóm Cối³⁹ (quận Thốt Nốt) bên bờ rạch Sơn thu hút gần 300 hộ tham gia từng công đoạn để cho ra đời những cối xay lúa phục vụ đời sống người dân trong vùng và một số địa phương lân cận. Những địa danh chỉ những xóm nghề làm cối xay này ở Cần Thơ cũng như ở Nam Bộ “chính là dấu vết của việc kinh doanh lúa gạo phát đạt một thời trước khi người Pháp nắm độc quyền ngành xay xát lúa gạo với những nhà máy xay xát hiện đại” (Huỳnh Lúa, 2017, tr.298). Nhiều địa danh liên quan đến xóm nghề này còn tồn tại đến ngày nay ở các địa phương như: địa điểm Cái Cối (Trà Vinh), rạch Cái Cối, rạch Thợ Cối, cầu Cái Cối 2 (Bến Tre), rạch Cái Cối (Tiền Giang),...

Từ năm 1903, kinh Xáng Xà No sau khi đào xong đã trở thành con đường lúa gạo lớn nhất, nối miền Hậu Giang với Sài Gòn – Chợ Lớn qua ngã Cái Răng – Cần Thơ. Thời Pháp thuộc, “chợ Cái Răng (cách Cần Thơ năm cây số) trở thành một hành lúa vĩ đại, chỉ thua Chợ Lớn mà thôi” (Sơn Nam, 2017, tr.305). Vì thế, những sản phẩm được chế biến từ gạo, nếp ngon ở Cần Thơ nhanh chóng trở thành đặc sản. Sản xuất thực phẩm có xóm Lò Tương (chuyên ủ tương hột, nước tương), xóm Lò Bánh, xóm Lò Nem, xóm Bánh Tráng, xóm Lò Bún... Sản phẩm được bán ra khắp nơi, chủ yếu là cung cấp cho chợ Cái Răng, chợ Cần Thơ, đến cả chợ Cái Tắc, Rạch Ròi. Hầu hết chủ nhân của các “lò” chế biến thực phẩm là bà con người Hoa lập nên.

³⁹ Vài chục năm qua, công nghệ xay lúa đã phát triển mạnh, người ta không dùng cối xay nữa. Từ đó, xóm nghề này cũng mai một dần.

Xóm Lò Tương ở Cái Răng là khu xóm làm nghề ủ tương nổi tiếng nhất nhì thời Pháp thuộc, hoạt động mạnh từ thập niên 20 của thế kỉ XX, cung cấp sản phẩm cho chợ Cái Răng, Phong Điền, Cái Tắc, Phụng Hiệp, Rạch Gòi. Làng Bánh Tráng Thuận Hưng (quận Thốt Nốt) chuyên làm các loại bánh tráng tồn tại hơn 200 năm với 500 lò bánh. Hiện làng nghề này còn là điểm tham quan du lịch trải nghiệm cho du khách trong và ngoài nước.

Các xóm nghề đan lát ở Cần Thơ chủ yếu phục vụ nhu cầu về đồ gia dụng trong sinh hoạt hàng ngày như chiếu, thúng, rỏ, nia, nón lá, lợp,... Những vật liệu dùng trong nghề này lại khá phổ biến ở đất Cần Thơ như tre, trúc, nứa, lác, bớ, lá mật cật,... càng tạo điều kiện cho các xóm nghề phát triển. Xóm Chiếu (quận Cái Răng) ở làng Thường Thạnh (nay là phường Thường Thạnh và một phần của huyện Châu Thành) được hình thành khá lâu, thu hút gần 100 hộ gia đình sản xuất, đến nay vẫn còn tồn tại. Từ đầu thời Pháp thuộc, chiếu Cái Răng nổi tiếng gần xa vì bắt mắt, độ bền cao.

Ngoài ra, xóm Thúng (quận Cái Răng) ra đời từ thập niên 40 của thế kỉ XX bắt đầu từ ba chiếc ghe bầu từ miền ngoài (còn gọi là xóm Huê) vào đây khoảng tháng 8, tháng 10 hàng năm: *“Tại Cái Răng, họ trụ lại mua tre trúc, mượn thêm nhân công rồi tổ chức đưng thúng, nia, sần, rỏ rồi mang ra chợ Cái Răng bán. Dần dần thấy làm ăn được, họ định cư luôn tại đây hình thành nên xóm Thúng”* (Nhâm Hùng, 2007, tr.99). Những năm nửa cuối thập niên 70 của thế kỉ XX, làng nghề có khoảng 60 hộ, gần 150 lao động, được tổ chức hoạt động thành tổ hợp tác sản xuất trên dưới 300 sản phẩm các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật dụng hàng ngày cho các hộ gia đình. Đây là giai đoạn phát triển nhất của làng nghề xóm Thúng Yên Hạ. Theo tư liệu điền dã của chúng tôi, hiện chỉ còn hộ gia đình ông T. H, người gốc miền Trung, định cư lâu đời ở xóm Thúng duy trì làng nghề với khoảng hơn 20 nhân công là người trong gia đình, đa phần là người lớn tuổi. Những năm gần đây, phần nhiều sản phẩm được đặt hàng để trang trí nội thất, phối hợp trưng bày các hoạt động lễ hội, hàng lưu niệm, còn lại mới dùng đúng công năng. Việc thiếu hụt nhân công và thợ lành nghề khiến xóm Thúng ngày càng thu hẹp và có nguy cơ mai một⁴⁰.

Làng Đan Lợp⁴¹ Thới Long (quận Ô Môn) (còn gọi xóm Dù Tho) chuyên sản xuất lợp bắt cá, tôm tép, bán chạy nhất vào mùa nước nổi. Trước đây, có đến gần 300

⁴⁰ Ông T. H, xóm Thúng, khu vực Yên Hạ, phường Lê Bình, quận Cái Răng.

⁴¹ Lợp: âm gốc Khmer là *loop*, là *“dụng cụ như bắt cá, đan bằng tre, có hom, để mỗi nhữ bên trong rồi đặt dưới đáy nước”* (Hoàng Phê và các cộng sự, 2009, tr.743).

hộ đan lợp tập trung đông đúc hai bên bờ rạch Dù Tho, nay chỉ còn khoảng 10 hộ gia đình bám trụ với nghề. Đây là nghề thủ công truyền thống của bà con Khmer. Ở tỉnh Trà Vinh cũng có những địa danh tương tự như: rạch Lợp, cầu Rạch Lợp, kinh Rạch Lợp,...

Bên cạnh đó, nhiều xóm nghề khác sản xuất các mặt hàng đan lát được đánh dấu qua sự ra đời của những địa danh gắn liền với tên nghề chuyên môn như: xóm Thúng, xóm Mê Bò⁴² (quận Thốt Nốt), xóm Nón (huyện Thới Lai),... Theo tư liệu điền dã kết hợp phỏng vấn, xóm Nón thuộc ấp Thới Tân A, huyện Thới Lai, hiện địa phương đã cho thành lập Nghiệp đoàn chăm nón lá với khoảng 36 hộ sống với nghề. Bên cạnh đó, Hội phụ nữ địa phương còn thường xuyên mở lớp dạy chăm nón, tặng đồ nghề... nhằm khơi gợi tình yêu nghề và sự gắn bó của người dân⁴³. Ngoài ra, ở Cần Thơ còn có các làng nghề, xóm nghề sản xuất các mặt hàng khác như gạch, vôi (xóm Lò Gạch, xóm Lò Vôi – quận Cái Răng), bánh kẹo (làng Bánh Kẹo Ba Rích – quận Ô Môn),...

Những địa danh gắn liền với các xóm nghề truyền thống cùng những sản phẩm thủ công nghiệp đặc trưng của người dân Cần Thơ đã thể hiện rõ cư dân địa phương sớm nhận thức mối quan hệ cộng đồng và cơ bản xây dựng được những kinh nghiệm quý báu trong văn hóa ứng xử với cộng đồng trong môi trường thiên nhiên khắc nghiệt và nhiều thử thách. Cũng vì lí do này mà ngay từ những ngày đầu khai hoang, mở đất, những lưu dân đến đây đã chọn nơi cư trú gần “hàng xóm láng giềng” theo quan niệm “nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận lân, tứ cận lộ, ngũ cận điền”. Họ đã ý thức cao về tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, sống nương tựa với cả những con người gần như xa lạ để tồn tại, mưu sinh, từ đó cũng hình thành nên tính cách văn hóa của con người Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng.

2.2.2 Văn hóa nhận thức về mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác

Ngay từ buổi đầu khai phá, vùng đất Tây Nam Bộ đã có sự góp mặt của nhiều cộng đồng các tộc người anh em. Nhu cầu cùng chung sống để tồn tại, phát triển ở miền đất mới góp phần tạo nên bức tranh đa tộc người đặc sắc. Trong quá trình khai hoang, mở cõi, các tộc người Việt, Hoa, Khmer đã thể hiện tình đoàn kết, sẵn sàng trao đổi, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm trong ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường

⁴² Xóm nghề chuyên làm mê bò quanh rạch Cái Sơn, hình thành từ thập niên 70 của thế kỉ XX, lúc hưng thịnh thu hút gần nửa dân số trong ấp làm nghề, hiện nay gần như không còn.

⁴³ Chị H.T.D, người có hơn 50 năm gắn bó với nghề chăm nón ở xóm Nón Thới Lai.

xã hội: *“Về lịch sử tương tác giữa người Việt ở Tây Nam Bộ với môi trường xã hội của mình là các tộc anh em, Tây Nam Bộ nổi bật ở sắc thái văn hóa đa tộc người. Trong quá trình tiếp xúc văn hóa trong quá trình sống xen kẽ với nhau, các cộng đồng tộc người đã học tập lẫn nhau, tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa của nhau.”* (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.139)

Ở Nam Bộ nói chung, sự hình thành các làng xóm ở vùng đất mới được khai khẩn đa phần là tự phát, dựa vào tinh thần tương thân tương ái là chính, ít bị ràng buộc bởi những lệ làng, hương ước phức tạp như làng miền Trung, miền Bắc. Chính sự khác biệt này góp phần dẫn đến việc hầu như không có sự phân biệt giữa tộc người bản địa và nhóm người lưu dân, đặc biệt là người Việt từ miền ngoài vào đây, cốt yếu vẫn là sự dung hòa, tôn trọng lẫn nhau về phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng,... để cùng phát triển trong điều kiện sống mới. Nguyễn Đình Đầu cho rằng:

Lưu dân Việt đến đây ban đầu chỉ có thể khai khẩn được những nơi cao ráo ít ỏi, về sau họ mới đi xuống những vùng thấp này khai phá, vốn thích hợp với *“ruộng lạch với nước thủy triều lên xuống”* nên dễ dung hòa với người dân địa phương. Bởi vậy, trong hơn trăm năm lịch sử khai hoang tự phát đó, không thấy ghi lại một lần nào có sự tranh chấp ruộng đất giữa các tộc người bản địa với người Việt. Có lẽ nhờ vào sự phân công địa bàn sản xuất nên mới được hòa bình như thế. (Dẫn theo Trương Thị Kim Chuyên, 2017, tr.202)

Địa bàn cư trú của ba tộc người chính Việt – Hoa – Khmer ở những tỉnh thành thuộc châu thổ sông Mekong nói chung có sự khác biệt nhất định. Người Khmer thích sống trên những giồng đất cao, người Việt lại chuộng những dải đất cao nằm ven sông rạch, *“bất cứ ở vùng nào, các giồng đất cao ven sông, nơi có nước ngọt dùng cho sinh hoạt và trồng trọt, chắc chắn đã là nơi định cư đầu tiên của người di dân thời kì này”* (Huỳnh Lúa, 2017, tr.49-50). Người Hoa lại có khuynh hướng tụ họp ở những trung tâm phố chợ, huyện lỵ, thị trấn và các khu dân cư đông đúc vì họ giỏi nghề buôn bán và dịch vụ. Tuy nhiên, ngày nay, quan niệm về địa bàn cư trú của các tộc người anh em ở Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng không có sự phân chia quá rõ ràng, tách bạch do điều kiện tự nhiên và xã hội đã khác biệt rất nhiều so với những ngày đầu khai khẩn. Hình thức sống xen kẽ giữa các tộc người cũng chính là tiền đề cho sự giao

lưu, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người cộng cư trên cùng địa bàn lãnh thổ và được thể hiện qua 372 địa danh.

Do điều kiện phát triển đặc biệt của vùng đất, cộng đồng cư dân ở Cần Thơ là một tập hợp của nhiều vùng miền, sắc tộc với những ảnh hưởng văn hóa khác nhau. Ban đầu cư dân ở đây gồm một bộ phận binh lính và gia đình họ từ Hà Tiên qua, trong đó có một số là người Minh Hương... Người Việt bản địa ở vùng Trăn Giang – Cần Thơ gồm một số di dân từ xưa, được bổ sung bởi những đợt mộ dân vùng Ngũ Quảng đi khai khẩn đất mới thời Nguyễn Hữu Cảnh và một số quân nhân giải ngũ tự nguyện ở lại chung sống hòa bình với những phum sóc người Khmer rải rác (Tô Hoàng Vũ – Trần Văn Nam và các cộng sự, 2008, tr.12). Mỗi tộc người đều giữ được những bản sắc văn hóa đặc trưng của cộng đồng mình nhưng vẫn có sự giao thoa văn hóa với những tộc người cộng cư khác trên địa bàn. Những yếu tố Việt – Hoa – Khmer trong quá trình giao lưu tiếp biến này đã tạo nên sự đa dạng văn hóa mang đậm màu sắc cộng cư đặc trưng của vùng đất mới. Và một trong những biểu hiện của loại hình văn hoá nhận thức mối quan hệ giữa các cộng đồng người ở Cần Thơ là sự giao lưu, tiếp xúc về mặt ngôn ngữ, điển hình là qua địa danh.

2.2.2.1 Hiện tượng đồng âm

Cần Thơ có trên hai mươi ngàn đồng bào Khmer sống xen kẽ với đồng bào Việt, Hoa, đặc biệt tập trung nhiều ở các huyện Cờ Đỏ, Ô Môn, Ninh Kiều. Sự hình thành các địa danh có nguồn gốc Khmer trong vốn từ của người Cần Thơ là kết quả của quá trình cộng cư trong nhiều thế kỉ của ba tộc người anh em, trong đó người Khmer giữ vai trò là tộc người bản địa vùng đất này từ trước những cuộc khai hoang.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, những địa danh có nguồn gốc Khmer ở Cần Thơ được người dân địa phương ghi lại theo phiên âm tiếng Việt để dễ đọc, dễ ghi, dễ nhớ cũng như dễ quản lí về mặt hành chính. Theo Hoàng Thị Châu, “*địa danh có thể bị thay đổi cho hợp với khả năng phát âm của người mới đến, có thể biến đổi thành một từ có âm na ná như thế trong ngôn ngữ người đến sau và khoác thêm một nghĩa mới*” (dẫn theo Nguyễn Thị Thu Thủy, 2018, tr.103). Có thể kể đến một số trường hợp điển hình sau:

Cần Thơ là địa danh gắn với nhiều đối tượng (hạt, tỉnh, thành phố, thị xã, sông, cầu, rạch,...). Cần Thơ gốc Khmer *Kin Tho*, nghĩa là “cá sặt rần”, cũng gọi là “cá lò

tho”, vì trong lòng rạch có nhiều cá này (Lê Trung Hoa, 2014). Từ *Kìn Tho* biến đổi thành Cần Thơ.

Quận Thốt Nốt hiện nay là đơn vị hành chính cấp quận của thành phố Cần Thơ. Thốt Nốt có âm gốc là Th’not, là một loại cây lá to như lá cọ. Người Khmer trồng nhiều để lấy nước, nấu đường hoặc nấu rượu. *Th’not* được biến âm thành Thốt Nốt.

Ở quận Cái Răng có rạch Chiếc, cầu Rạch Chiếc. Chiếc có âm gốc Khmer là *Cèk*, Rạch Chiếc - *Prêk Cèk*. Đây là tên một loại rau thập nhỏ mà lớn lá, hay mọc ở mé sông vùng nước lợ, lá vị chát chát, có thể ăn như rau (Lê Trung Hoa, 2014). *Cèk* biến thành Chiếc, *Prêk Cèk* thành Rạch Chiếc.

Tương tự như vậy, hiện tượng này xuất hiện khá nhiều trong địa danh nơi đây: *Prahock*, *prohòk* (mắm bò hóc) – Bò Ót: kênh Bò Ót, cầu Bò Ót, chợ Bò Ót (Thốt Nốt).

Neak Ta (một vị thần trong tín ngưỡng dân gian của người Khmer) – Ông Tà: cầu Ông Tà (Phong Điền), rạch Ông Tà (Thới Lai).

Kandok (một loài cùng họ với rùa, ba ba, cua đinh) – Càng Đước, Cần Đước: rạch Càng Đước, cầu Càng Đước, rạch Cần Đước (Phong Điền), vàm Cần Đước (Thốt Nốt),...

Nop (một thứ đồ dùng để chống muỗi khi ngủ ngoài đồng, thường được may bằng đệm bàng) – Nóp, Nốp: rạch Nóp (Phong Điền).

Sno (cây điên điển) – Xà No: rạch Xà No, cầu Xà No (Phong Điền),...

2.2.2.2 Hiện tượng đồng nghĩa

Hiện tượng đồng nghĩa trong địa danh ở thành phố Cần Thơ lại xuất hiện trong các trường hợp liên quan đến tín ngưỡng của người Hoa. Như đã trình bày, cư dân người Hoa đầu tiên đến vùng đất Trăn Giang chủ yếu là gia đình, dòng họ của quan binh trấn Hà Tiên. Vì địa hình sông rạch chằng chịt nên họ cũng đến đây bằng đường thủy và ban đầu có thể cư trú trên những vùng đất ven rạch Tham Tướng, rạch Cần Thơ, rạch Bình Thủy xen kẽ với người Việt. Như vậy, có thể nói, “*người Hoa đã thể hiện sự hội nhập với cộng đồng dân cư bản địa từ rất sớm, qua hình thức sống xen kẽ*” (Tô Hoàng Vũ – Trần Văn Nam và các cộng sự, 2008, tr.254).

Hơn thế nữa, năm 1904, người Việt còn cùng với bốn bang: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hẹ của người Hoa lập nên Hiệp Thiên Cung thờ Quan Thánh Đế Quân ngay chợ Cái Răng – nơi tập trung đầu tiên của người Hoa tại khu vực này. Đây

vừa là cơ sở tín ngưỡng, vừa là nơi gặp gỡ, giao lưu của cộng đồng. Người Việt gọi Hiệp Thiên Cung là chùa Ông. Con đường đi ngang Hiệp Thiên Cung (đường Hàm Nghi – Lê Thái Tổ) được dân gian gọi là đường Chùa Ông (quận Cái Răng).

Đa phần những hội quán, cung, miếu của người Hoa thường được người Việt xem là chùa. Hội quán thờ Quan Thánh Đế Quân được gọi là chùa Ông (Quảng Triệu Hội Quán, Hiệp Thiên Cung,...), miếu thờ Thiên Hậu Nương Nương được gọi là chùa Bà, miếu Bà (Thiên Hậu Miếu), vì thế, trong địa danh Cần Thơ tồn tại những địa danh: đường Chùa Ông, đường Chùa Bà (quận Cái Răng), đường Chùa Ông (quận Ninh Kiều), chợ Miếu Bà (chợ Bông Vang – huyện Phong Điền),...

2.2.2.3 Hiện tượng hỗn hợp

Sống ở vùng đất mới trong môi trường tự nhiên nhiều thách thức, trong môi trường xã hội đa tộc người, con người nhất thiết cần phải biết dung hòa, tôn trọng những giá trị văn hóa của các tộc người anh em để cùng tồn tại, làm ăn sinh sống. Nhiều địa danh được kết hợp một cách ngẫu nhiên ra đời minh chứng cho sự hòa thuận, đoàn kết, gắn bó của những con người cùng chung sống trên một địa bàn:

Về địa danh Khmer – Việt: đường Rạch Ông Bồi, đường Rạch Ranh, đường Vàm Cái Sắn, cầu Rạch Miếu, rạch Trà Vơ Lớn (huyện Thới Lai), sông Rạch Cam, sông rạch Cam Nhỏ (quận Bình Thủy), khu vực Rạch Chanh (quận Ô Môn), cầu Vàm Rạch Tre, rạch Trà Niềng Lớn, rạch Trà Niềng Bé (huyện Phong Điền), đường Vàm Cái Sắn, đường Vàm Bằng Lãng (quận Thốt Nốt),...

Về địa danh thuần Việt – Hán Việt: chợ Ông Cừ, cầu Ông Cừ Nhỏ, cầu Kênh Thủy Lợi (quận Cái Răng), đường Kinh Đình, cầu Thủy Lợi Giữa (quận Ô Môn), đường Út Tượng, đường Chùa Vạn Phước Tự, đường Chùa Giác Hòa (quận Thốt Nốt), kênh Ông Tường, kênh Ông Huyện (quận Bình Thủy)...

Về địa danh Hán Việt – Khmer: chợ Bích Vàm, đường Rạch Bích Vàm, chợ Rạch Đình, đường Rạch Phó Tiên, đường Rạch Khai Long (quận Thốt Nốt), ấp Thị Tứ - Vàm Xáng, đường huyện Trường Long – Vàm Bi, đường huyện Mỹ Khánh – Bông Vang (huyện Phong Điền), cầu Rạch Phó (quận Bình Thủy), đường Rạch Rích – Thới Hòa B, Thới Hòa C (quận Ô Môn)...

Ngoài ra, Cần Thơ thời Pháp thuộc còn có địa danh rạch Công Xi Heo, xóm Công Xi Heo (nay rạch đã bị lấp, thành đường lộ, thuộc khu vực đường Trần Văn Khéo - quận Ninh Kiều). Đây là khu xóm tập trung các lò giết mổ heo. Công xi vốn là

từ gốc Pháp – *compagnie*, nghĩa là *công ty*, người Quảng Đông đọc trại ra thành *công xi* (Lê Trung Hoa, 2014). Ở Vĩnh Long cũng có cầu Công Xi Heo với ý nghĩa tương tự.

Qua khảo sát, chúng tôi thống kê được 372 địa danh ghi nhận văn hóa nhận thức về mối quan hệ với cộng đồng các tộc người khác, góp phần khẳng định cho sự đoàn kết, gắn bó giữa các tộc người Việt – Hoa – Khmer trên cùng một địa bàn cư trú, thể hiện tính cố kết trong cộng đồng đa tộc người. Ở Cần Thơ cũng như các tỉnh Nam Bộ khác, trong quá trình cộng cư, các tộc người Việt – Hoa – Khmer không chỉ hỗ trợ nhau về văn hóa sản xuất, kinh nghiệm ứng xử với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội mà còn có sự giao lưu, tiếp biến văn hóa, sự pha trộn ngôn ngữ với các tộc người khác, đặc biệt ở phương diện địa danh: *“Sự hỗn hợp dân cư thuộc nhiều nguồn gốc địa phương, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác biệt, nhiều trình độ phát triển về mặt xã hội trong nhiều thế kỉ qua đã không hề là yếu tố cản trở sự đoàn kết gắn bó nhau giữa các tộc người cùng chung sống trên địa bàn Nam Bộ.”* (Thạch Phương và các cộng sự, 1992, tr.43)

Có thể nói, văn hoá nhận thức về mối quan hệ với các cộng đồng người cùng tồn tại trên một địa bàn cư trú phần nào được thể hiện qua quá trình giao lưu và tiếp xúc về mặt ngôn ngữ mang tính quy luật, đặc biệt qua địa danh ở thành phố Cần Thơ, góp phần thể hiện sự giao lưu và tiếp biến văn hoá giữa các tộc người trong gần 300 năm lịch sử và mang đậm dấu ấn của tộc người chủ thể.

2.2.3 Văn hóa nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng

Từ cuối thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII, sau những luồng di dân vào Nam một cách tự phát của người Việt từ Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, công cuộc khẩn hoang đã được các chúa Nguyễn và các vua đầu triều Nguyễn tiếp tục đẩy mạnh với quy mô lớn. Riêng ở phía Nam sông Hậu, theo ghi nhận của Sơn Nam, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Tri Phương, đến năm 1854, ngoài các đồn điền, có khoảng chừng một trăm làng chia ra đồn khản, tức số dân ước tính độ hai trăm ngàn người (Sơn Nam, 2015, tr.13). Trong số những người lưu dân này đã có không ít là phụ nữ. Phan An cho rằng: *“Trong công cuộc khẩn hoang và gìn giữ bờ cõi đất phương Nam, người phụ nữ được coi trọng hơn. Chỉ riêng việc họ tham dự vào công cuộc mở đất, mở cõi đã là điều dũng cảm mà cả cộng đồng phải kính nể.”* (Phan An, 2015)

Rời bỏ quê hương xứ sở để tìm đến một vùng đất gần như xa lạ và lắm gian nan quả thật không hề là một quyết định dễ dàng đối với những lưu dân. Hành động đó phụ thuộc rất nhiều vào ý chí, khát khao mãnh liệt tìm đất mưu sinh, quyết tâm thay đổi cuộc sống. Trong quá trình đó đến vùng đất xa lạ này, họ đã mang theo trong hành trang di cư của mình nhiều truyền thống của văn hóa Việt, nhưng cũng phải thay đổi nhiều thứ khác để dễ bề thích nghi với hoàn cảnh mới. Trong số đó, Nho giáo và chế độ phụ hệ có sự chuyển đổi nhất định, tạo nên những giá trị đặc trưng so với miền Bắc và Trung Bộ:

Trong một bối cảnh sinh tồn có khác biệt với phía Bắc hoặc miền Trung, người Việt đã có những thích ứng, chuyển đổi văn hóa nhất định. Sự cố kết cộng đồng của người Việt ở Nam Bộ, quan hệ láng giềng có phần chiếm ưu thế hơn quan hệ huyết thống. Những quan niệm về chữ tình, chữ hiếu, giữa tình và nghĩa, giữa nghĩa khí và tiền tài của người Việt Nam Bộ có ít nhiều chuyển đổi so với phía Bắc. Nho giáo ở Nam Bộ cũng có những nét riêng so với phía Bắc và Trung bộ, nơi đã có thời gian tồn tại lâu dài. (Phan An, 2015)

Đây là một trong những tiền đề quan trọng cho sự thay đổi quan niệm về người phụ nữ trong xã hội, đặc biệt là trong cộng đồng người Việt, nhất là khi *“cư dân ở đây ít bị ràng buộc bởi các quy định đạo lý cứng nhắc theo kiểu truyền thống”* (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.153).

Qua khảo sát, chúng tôi ghi nhận được 95 địa danh ở Cần Thơ liên quan đến thành tố văn hóa này. Khi ảnh hưởng của Nho giáo và chế độ phụ hệ có phần mờ nhạt hơn ở vùng đất mới, người phụ nữ ở Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng ít bị ràng buộc bởi tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “tam tòng tứ đức”,... của quan niệm phong kiến. Khi sự bất bình đẳng về giới được giảm nhẹ, vai trò của họ ngày càng được nâng cao. Họ tham gia vào nhiều hoạt động xã hội hơn, cũng có thể kinh doanh mua bán nhỏ, vì thế, tên tuổi của những người phụ nữ ấy dần trở nên quen thuộc và càng dễ đi vào địa danh. Theo tìm hiểu của chúng tôi, có 79 địa danh chứa yếu tố “Bà” trên địa bàn thành phố Cần Thơ, như: rạch Bà Giám (quận Ninh Kiều), rạch Bà Đông, rạch Bà Hương, rạch Bà Vèn, cầu Bà Vèn 2, rạch Bà Hủ (quận Cái Răng), rạch Bà Sự, rạch Bà Ruôi, chợ Bà Bộ, cầu Bà Chính, cầu Bà Kè (quận Bình Thủy), đường Bà Mười, rạch Bà Đạt, cầu Bà Đạt, rạch Bà Hiệp, cầu Bà

Hiệp (huyện Phong Điền),... Đa phần những địa danh này được hình thành do các “Bà” thường cất nhà ở ngay đầu con rạch, hoặc mở quán nhỏ ven rạch, gần cầu, đường nên người dân gọi lâu ngày mà thành. Hơn nữa, tính mở thoáng của người Tây Nam Bộ phần nào giúp cư dân sẵn lòng chấp nhận việc lấy tên các bà làm địa danh.

Mặt khác, chính sự cộng cư với nhiều tộc người anh em khác như Khmer, Hoa,... đã tác động mạnh mẽ đến sự giao lưu, tiếp biến văn hóa của người Việt ở Nam Bộ cũng như ở Cần Thơ: *“Với người Khmer, Chăm, trong văn hóa địa vị và vai trò của người phụ nữ chiếm ưu thế, yếu tố mẫu hệ còn bảo lưu đậm nét. Hệ quả của những tác động và ảnh hưởng trên đây, vai trò và vị trí của người phụ nữ Nam Bộ cũng có khác ít nhiều với phía Bắc, họ được đề cao và tôn trọng hơn, họ được thoáng mở hơn”* (Phan An, 2015). Vị thế của người phụ nữ trong cộng đồng người Việt được nâng cao phần nào nhờ vào kết quả của sự thích ứng này.

Những người phụ nữ ở vùng Cần Thơ ngay từ thời các vua Nguyễn đã được nể phục vì tinh thần trung nghĩa nên cư dân sẵn lòng đặt tên họ cho những vàm kinh, con rạch gần nơi những con người ấy sinh sống. Rạch Bà Viên (trên địa bàn tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc, nay thuộc tỉnh Vĩnh Long) nhắc nhớ đến một người phụ nữ địa phương tên Trần Thị Khách, người đã nấu một bữa cháo đãi quan quân vua Gia Long khi đang trên đường chạy loạn. Sau khi vua Gia Long khôi phục cơ đồ đã ban hiệu cho bà là Viên Tử Xuân, ban tám biển Lạc quyền nghĩa phụ và một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật bằng chữ Hán (Trần Văn Nam và các cộng sự, 2019, tr.76). Ngoài ra, dân chúng còn ghi nhớ công lao của bà Chủ Kiều (rạch Bà Chủ Kiều – quận Ninh Kiều), tức bà Nguyễn Thị Giao, con gái bà Cả Rô, quê Trà Nóc. Bà là vợ của ông Hương chủ Đặng Văn Kiều, người gốc Quảng Nam lưu lạc đến vùng Cần Thơ lập nghiệp. Hai ông bà tuy giàu có, quyền cao chức trọng nhưng rất nhân từ, hay giúp người nghèo khó, người gặp nạn, được người người kính nể.

Bên cạnh đó, người phụ nữ đất Tây Đô còn được biết đến với sự thông minh, trí xảo, giỏi chữ nghĩa. Khi lễ giáo phong kiến ở vùng đất này ít ràng buộc người phụ nữ trong khuôn khổ, phép tắc của Nho giáo, họ được học chữ, đối văn làm thơ, thậm chí làm nghề gõ đầu trẻ, không thua gì những đấng mày râu. Địa danh xóm Bà Đồ là một điển hình. Xóm này ở làng Long Tuyền (nay thuộc quận Bình Thủy) nổi tiếng từ giữa thế kỉ XIX với một ngôi trường dạy chữ Nho cho trẻ em trong vùng do một “Bà Đồ” đảm nhiệm. Bà là Nguyễn Thị Nguyệt, con ông Nguyễn Lãm, gốc người Điện Bàn,

Quảng Nam, đến làng Long Xuyên khai hoang từ những năm đầu thế kỉ XIX. Theo Nhâm Hùng, tao đàn Bà Đồ cũng do bà sáng lập, thu hút nhiều văn nhân, thi sĩ thời đó như Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị... *“Bà Đồ còn là một nữ sĩ có bút danh Hằng Nga, đã đứng ra lập một “tao đàn”, mục đích tạo môi trường trao đổi văn chương vùng Cần Thơ và các địa phương lân cận”* (Nhâm Hùng, 2013, tr.129-130).

Không chỉ góp sức cho công cuộc khẩn hoang, lập ấp, cống hiến cho sự phát triển của địa phương, người phụ nữ xứ Cần Thơ còn hi sinh rất lớn cho công cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Tên các anh hùng liệt sĩ nữ cũng xuất hiện trong 16 địa danh chỉ tên đường của Cần Thơ như: đường Nguyễn Việt Hồng, đường Tạ Thị Phi, đường Trần Thị Mười, đường Phạm Thị Ban, đường Lê Thị Nhường, đường Lê Thị Tạo, đường Nguyễn Thị Lưu, đường Huỳnh Thị Nở, đường Nguyễn Thị Trâm,... Có thể thấy, những con người từng bị xem là “phái yếu” ấy đã góp phần không nhỏ cho sự nghiệp mở mang và phát triển của đất Tây Đô. Theo khảo sát, số lượng địa danh ghi nhận văn hóa nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng không quá nhiều (95 địa danh) nhưng đã góp phần khẳng định: việc cộng đồng có sự thay đổi về nhận thức, đánh giá cao vị trí, vai trò của người phụ nữ Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng là rất xứng đáng và cần thiết.

Tiểu kết chương 2

Việc mở rộng công cuộc khẩn hoang về phía Nam và các hoạt động sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX đã cơ bản làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên và đời sống xã hội ở vùng đất được xem là “thủ phủ của miền Tây” này, đồng thời tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người dân địa phương trên nhiều phương diện. Tìm hiểu về văn hóa nhận thức qua địa danh ở Cần Thơ, chúng tôi ghi nhận được 1229 địa danh thể hiện trên cả hai khía cạnh nhận thức về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Về văn hoá nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ, chúng tôi thu thập và phân loại được 735 địa danh, trong đó văn hoá nhận thức về môi trường sông nước chiếm số lượng nhiều nhất (466 địa danh). Thành phố Cần Thơ được mệnh danh là “đô thị miền sông nước” với mạng lưới sông ngòi, kinh rạch chằng chịt. Văn hoá sông nước gần như in sâu vào tâm thức người dân, ảnh hưởng khá rõ nét đến đời sống sinh hoạt, nơi cư trú, văn hoá mưu sinh,... Vì thế, việc lưu dấu văn hoá

sông nước vào địa danh ở Cần Thơ cũng là điều dễ hiểu. Hơn nữa, hệ thống động thực vật khá phong phú ở vùng đất này cũng được địa danh lưu lại dù có nhiều loài hiện nay hầu như không còn tồn tại nơi đây nữa, phần nào khắc hoạ dấu ấn hoang sơ của những ngày đầu khai khẩn. Nhìn chung, môi trường thiên nhiên vùng đồng bằng sông Cửu Long vừa chứa đựng nhiều yếu tố thuận lợi như đất đai màu mỡ, thời tiết điều hòa nhưng nó cũng bày ra trước mắt người lưu dân không ít những chướng ngại khó thể vượt qua. Tuy nhiên, với những tri thức, kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình chung sống với những điều kiện tự nhiên đó, con người ở vùng Trăn Giang – Cần Thơ vừa đối phó được với những thách thức từ môi trường tự nhiên vừa có thể tận dụng những ưu đãi mà thiên nhiên ban tặng để tồn tại và phát triển trong gần ba thế kỉ. Những biểu hiện của văn hoá nhận thức về môi trường tự nhiên cũng phần nào được phản ánh qua địa danh của vùng đất này.

Hơn thế nữa, cư dân địa phương cũng đồng thời nhận thức được những quy tắc ứng xử trong quan hệ với các thành viên trong cộng đồng cũng như với các tộc người anh em Việt – Hoa – Khmer cùng tồn tại và mưu sinh trên đất Cần Thơ. Điều này được 494 địa danh nơi đây lưu lại, góp phần minh chứng cho những biểu hiện của văn hoá nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng, mối quan hệ giữa các cộng đồng người cùng chia sẻ một không gian văn hoá. Đó là sự dung hòa về mặt văn hóa, đoàn kết, đùm bọc, hỗ trợ nhau trong sản xuất, sinh hoạt cũng như các mối quan hệ xã hội khác. Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá thể hiện khá cụ thể qua hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa và kết hợp ngẫu nhiên trong ngôn ngữ giữa các tộc người, điển hình là trong địa danh ở thành phố Cần Thơ. Đây cũng chính là sức mạnh cộng đồng giúp cho cư dân vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng vượt qua những trở ngại của tự nhiên và các thế lực xã hội khác để tồn tại, mưu sinh, phát triển.

Đồng thời, khi tầm ảnh hưởng của Nho giáo và chế độ phụ hệ ở vùng đất mới được khai phá có phần mờ nhạt hơn miền Trung, miền Bắc thì vị thế, vai trò của người phụ nữ ở Cần Thơ cũng như các tỉnh thành khác ở Nam Bộ được đề cao. Điều này thể hiện khá rõ qua 95 địa danh mang tên những người phụ nữ góp sức vào tiến trình mở đất và giữ đất, tham gia các hoạt động xã hội của địa phương và ghi danh vào lịch sử trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Những địa danh trên phần nào minh chứng cho việc họ xứng đáng được vinh danh với những đóng góp ý nghĩa cho sự phát triển của cộng đồng nói chung, Cần Thơ nói riêng.

CHƯƠNG 3 VĂN HÓA TỔ CHỨC QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Văn hóa tổ chức cộng đồng là tiêu hệ quan trọng thứ hai sau văn hóa nhận thức bởi vì nó liên quan trực tiếp đến những giá trị văn hóa nội tại của một cộng đồng người, trên cơ sở đó mà tổ chức đời sống cộng đồng (tập thể và cá nhân) một cách hợp lí nhất với môi trường xung quanh (Nguyễn San – Phan Đăng, 2012, tr.22). Theo nhóm tác giả, văn hóa tổ chức liên quan đến tổ chức xã hội vĩ mô như tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia, tổ chức đô thị cũng như những vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân, mà sau đó trở thành đời sống của cả tập thể cộng đồng (tín ngưỡng, phong tục, ngôn ngữ, nghệ thuật,...). Theo Đoàn Hồng Nguyên, văn hóa tổ chức cộng đồng xã hội là một thành tố của văn hóa Việt Nam, bao gồm tổ chức cộng đồng gia tộc, tổ chức làng xã, tổ chức đô thị và tổ chức nhà nước (Đoàn Hồng Nguyên, 2014, tr.124). Trần Ngọc Thêm lại cho rằng, văn hóa tổ chức là hệ thống các giá trị văn hóa mang tính khế ước chi phối cách thức con người sắp xếp cuộc sống tập thể của họ, do họ sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội, thể hiện trên hai phương diện: văn hóa tổ chức đời sống tập thể và văn hóa tổ chức đời sống cá nhân (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.154). Nhìn chung, các quan niệm trên đều có điểm chung cho rằng văn hóa tổ chức là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa, là các giá trị nội tại mà cộng đồng người có được trên cơ sở tương tác với môi trường xung quanh. Về cách phân loại, chúng tôi thống nhất theo tác giả Trần Ngọc Thêm, chia văn hóa tổ chức thành hai tiêu loại: văn hóa tổ chức đời sống tập thể và văn hóa tổ chức đời sống cá nhân.

Qua khảo sát, thống kê và phân loại, văn hóa tổ chức được thể hiện qua 1284 địa danh ở thành phố Cần Thơ với số liệu cụ thể như sau:

Bảng 3. 1 Thống kê địa danh thể hiện văn hóa tổ chức ở thành phố Cần Thơ

STT	LOẠI ĐỊA DANH		SỐ LƯỢNG
1	Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức đời sống tập thể	Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức nông thôn	355
		Địa danh phản ánh văn hóa tổ chức đô thị	121
2	Địa danh phản ánh văn	Địa danh phản ánh tín ngưỡng	71

	hóa tổ chức đời sống cá nhân	Địa danh phản ánh nghệ thuật ngôn từ	737
TỔNG			1284

(Nguồn: Nguyễn Thúy Diễm, 2021)

3.1. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Văn hóa tổ chức đời sống tập thể (văn hóa tổ chức cộng đồng xã hội – Đoàn Hồng Nguyên) là một bộ phận của văn hóa tổ chức, bao gồm những vấn đề thuộc tâm vĩ mô, liên quan đến cuộc sống của cả cộng đồng (Đoàn Hồng Nguyên, 2014, tr.124). Trong phạm vi văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức đời sống tập thể biểu hiện trên bốn phương diện: gia đình – gia tộc, nông thôn, thành thị, quốc gia. Còn trong khuôn khổ văn hóa vùng, do không có vấn đề tổ chức quốc gia nên thành tố văn hóa này chỉ còn biểu hiện trên ba phương diện: tổ chức gia đình – dòng tộc, tổ chức nông thôn và tổ chức đô thị (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.154). Tuy nhiên, yếu tố văn hóa liên quan đến tổ chức gia đình – dòng tộc hầu như không được thể hiện qua địa danh ở thành phố Cần Thơ. Dựa trên cách tiếp cận lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa và lí thuyết vùng văn hóa, văn hóa tổ chức đời sống tập thể qua địa danh ở Cần Thơ được biểu hiện trên hai phương diện chính: văn hóa tổ chức nông thôn (355 địa danh) và văn hóa tổ chức đô thị (121 địa danh).

3.1.1 Văn hóa tổ chức nông thôn

3.1.1.1 Về lịch sử hình thành và phát triển tổ chức nông thôn

Lịch sử hình thành và phát triển nông thôn vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng là lịch sử hình thành và phát triển của một thôn (làng). “*Đời Tự Đức ở Nam Kỳ lục tỉnh, nhà nước khuyến khích lập làng để thúc đẩy khẩn hoang, thu thêm thuế đinh và thuế điền. Việc lập làng được hưởng ứng, bất kể dân giàu hay dân nghèo*” (Sơn Nam, 2014, tr.133). Có thể hình dung, sau khi có một nhóm nhỏ cư dân tới một địa điểm mới để định cư khai hoang thì việc đầu tiên là lập xóm. Những người đi theo từng nhóm nhỏ thường là người có quan hệ huyết thống hoặc cùng một dòng họ. Từ xóm mới phát triển thành ấp, các ấp liền kề nhau với đủ các quan hệ huyết thống, thân thuộc, quen biết hợp lại thành thôn. Có thể nói, “*các làng xóm ở nơi đất mới, trong thời kỳ đầu hình thành một cách tự phát, dựa vào tình thân tương thân tương trợ là chính, chưa bị ràng buộc bởi luật lệ, quy chế nghiêm ngặt với những lệ làng, hương ước phức tạp*” (Thạch Phương và các cộng sự, 2014, tr. 57).

Dưới thời nhà Nguyễn, triều đình có quy định chính thức về khung cơ cấu tổ chức thôn ấp, làng xã ở vùng Tây Nam Bộ, ban hành vào thế kỉ thứ XIX. Trong đó, Nhà nước phong kiến đưa ra ba hình thức trong tổ chức hành chính của nông thôn Tây Nam Bộ như sau:

Bảng 3. 2 Các hình thức tổ chức thôn ấp Tây Nam Bộ dưới thời nhà Nguyễn

Đơn vị tổ chức	Quy mô dân số	Diện tích khai khẩn
Xã (= thôn lớn)	200 dân bình	100 mẫu
Thôn (= thôn vừa)	50 – 200 dân bình	50 – 100 mẫu
Ấp/ Giáp/ Lân/ Trại/ Lí (= thôn nhỏ)	10 dân bình	10 – 50 mẫu

(Nguồn: Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.176)

Để thu thuế và kiểm soát dân số, chính quyền khuyến khích lập làng xã. Làng quy tụ số dân đình tối thiểu chừng mười người, vì vậy nhiều khi trải ra chừng đôi ba chục kilomet theo ven sông rạch... (Sơn Nam, 2017, tr.40). Tuy nhiên, thủ tục xin lập làng khá phức tạp và rất tốn thời gian. Trước hết phải có người đứng ra làm đơn xin lập làng, chia làm hai bản dâng lên quan Bô chánh. Trong đó ghi rõ ranh giới tứ cận; tên những điền hộ; ranh giới các sở đất xin khẩn, tên chủ đất, diện tích, loại đất; nêu rõ tên làng mới xin đặt; xin miễn thuế, miễn sưu và miễn lính trong ba năm; khai rõ tên bộ đình để đảm bảo số thuế tối thiểu trong tương lai. Quan Bô chánh nhận đơn, phê duyệt rồi nộp lên quan phủ. Khi nhận được lệnh, quan phủ hoặc quan huyện đến nơi làm tờ phúc bẩm, xác minh thông tin trong tờ đơn, nộp lại cho quan Bô chánh, quan Bô chánh phê “trình biện” rồi nộp lên quan Tổng đốc. Khi được quan Tổng đốc đồng ý, quan phủ trở lại làng làm tờ khám án (Sơn Nam, 2017, tr.134-136). Nói chung, thôn (làng) mới được coi là hình thành khi có lệnh của triều đình cho phép và chuẩn y tên thôn (làng).

Về văn hóa tổ chức nông thôn của Cần Thơ, theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, đơn vị hành chính quân sự và địa danh hành chính đầu tiên của Cần Thơ là đạo Trấn Giang. Sau cuộc chiến tranh với Tây Sơn, nhà Nguyễn thống nhất đất nước vào năm 1802 thì đạo Trấn Giang bị bãi bỏ, lập thành huyện Vĩnh Định dưới thời Gia Long, đổi thuộc trấn Vĩnh Thanh (Vĩnh Long). Theo Nguyễn Đình Đầu (1995) trong *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn*, huyện Vĩnh Định giai đoạn này gồm 37 thôn (làng), diêm, tương đương với 37 địa danh hành chính, trong đó có những tên thôn (làng) còn tồn tại đến ngày nay như: Tân An, Bình Thủy, Thới An, Thới Bình... (xin xem thêm tên làng cụ thể ở phần phụ lục).

Diễn hình như làng Thường Thạnh (Cái Răng). Theo sách Lịch sử Đảng bộ thị trấn Cái Răng: “*Cái Răng trở thành làng vào đời Minh Mạng, được gọi là làng Thường Thạnh (ban đầu chỉ có 10 người). Đến tháng 12 năm 1834, các ông: Nguyễn Văn Tâm, Hồ Tôn Phước, Hồ Tôn Tây đứng ra xin lập làng mới tách ra từ làng gốc Thường Thạnh, với dân số 17 người*”. (Nhâm Hùng, 2007, tr.17)

Dưới triều vua Minh Mạng, Tự Đức, chủ trương khẩn hoang lập ấp ngày càng được khuyến khích, đẩy mạnh, đem đến nhiều thành tựu đáng kể. Năm 1832, Minh Mạng đặt tỉnh An Giang, chia ra hai phủ, bốn huyện. Huyện Vĩnh Định tách ra một phần đất, lập nên huyện Phong Phú, phủ Tuy Biên, thuộc tỉnh An Giang. Khoảng năm 1853, huyện Phong Phú có 3 tổng, 31 thôn (làng) (Nguyễn Đình Đầu, 1995, tr.87). Tên các làng thuộc huyện Phong Phú (trước kia thuộc huyện Vĩnh Định) cơ bản không thay đổi.

Nhìn chung, tên làng của huyện Vĩnh Định, huyện Phong Phú (tiền thân của thành phố Cần Thơ) dưới thời Gia Long, Minh Mạng đa phần thể hiện ước mơ bình an, thái bình, thịnh vượng (09/37 tên làng có yếu tố *An*, 06/37 tên làng mang yếu tố *Bình*, 06/37 tên làng mang yếu tố *Thới*, 07 tên làng chứa yếu tố *Thạnh*). Ngoài ra, 09/37 tên làng mang yếu tố *Tân* cũng phần nào thể hiện đây là vùng đất mới được khai khẩn, người dân mới đến đây lập làng, lập nghiệp.

Đến năm 1868, sau khi chiếm nốt ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên), huyện Phong Phú gồm 3 tổng cũ và 35 thôn (làng) cùng mấy ấp đồn điền và 5 tổng mới ở phía Nam sông Hậu. Người Pháp tiến hành việc tổ chức cai trị, chia địa bàn các tỉnh thành những hạt Thanh tra (Inspection). Trong đó có việc ban hành Quyết định ngày 04/12/1867 tách địa bàn cũ huyện Phong Phú khỏi hạt Sa Đéc và tách tổng Bình Lễ khỏi hạt Vĩnh Long để lập hạt thanh tra thứ 26 đóng tại Cần Thơ và gọi là hạt Cần Thơ kể từ ngày 01/01/1868. Sau đó nhập với hạt thanh tra Bắc Trang lập hạt thanh tra Trà Ôn, có 7 tổng với 72 xã, thôn. Đến 20/8/1875, hạt thanh tra Trà Ôn có 10 tổng, 116 thôn. Nghị định ngày 05/01/1876 quy định tất cả các xã thôn đều được gọi là làng. Về sau li sở hạt Trà Ôn dời về chợ Cái Răng, ngày 23/2/1876 dời về chợ Cần Thơ đổi tên thành hạt thanh tra Cần Thơ. Đến năm 1888, hạt Cần Thơ gồm 10 tổng, 122 làng. Năm 1889, chính quyền Pháp tiến hành chia tách, sáp nhập một số làng. Sau khi điều chỉnh, hạt Cần Thơ còn lại 8 tổng với 88 làng. Sau những biến động về quân sự, Pháp

chia Nam kỳ thành 21 tỉnh⁴⁴, trong đó có tỉnh Cần Thơ⁴⁵ (01/01/1900) với 4 quận đầu tiên: Châu Thành, Cầu Kè, Ô Môn, Rạch Gòn. Thống kê năm 1911, tỉnh Cần Thơ có 9 tổng, 98 làng. Năm 1939, tỉnh này có 04 quận, 10 tổng và 72 làng.

Với mưu đồ tạo thêm cơ chế áp bức bóc lột nhân dân theo kiểu một ách hai tròn, thực dân Pháp một mặt cai trị theo bộ máy chính quyền thực dân, mặt khác vẫn duy trì hệ thống thôn làng theo chế độ phong kiến, vẫn xem làng là đơn vị hành chính cơ sở và vẫn sử dụng cách đặt tên làng bằng từ Hán Việt. Khảo sát ở thời điểm Cần Thơ có nhiều làng nhất (năm 1888, 122 làng), các địa danh gắn với tên làng vẫn thể hiện ước mơ hoài bão tốt đẹp của con người như dưới triều Nguyễn, chủ yếu vẫn là địa danh Hán Việt (118/122 địa danh, chiếm 96,7%).

Nhìn chung, trải dài từ thời Nguyễn đến thời Pháp thuộc, đơn vị hành chính ở nông thôn Cần Thơ là thôn (làng). Sau Cách mạng tháng 8 thành công, trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các đơn vị hành chính tiếp tục được thay đổi, điều chỉnh, trong đó, làng cũng không còn được sử dụng phổ biến (được thay thế bằng xã, ấp), chủ yếu tồn tại trong địa danh dân gian.

3.1.1.2 Về cơ cấu tổ chức truyền thống

Đứng đầu các thôn làng ở Cần Thơ nói riêng, vùng Tây Nam Bộ nói chung thời phong kiến là Hội đồng kỳ mục (Ban hội tề). Nhìn chung, tình hình khai khẩn ruộng đất giai đoạn các chúa Nguyễn chưa đạt nhiều thành tựu, đất đai khai thác chưa nhiều, quan hệ giữa dân chúng chưa được chặt chẽ nên tổ chức này thường khá đơn giản và mang tính tự trị - dân chủ. Cuối thế kỉ thứ XVIII, Hội đồng kỳ mục được quy định và hoàn chỉnh vào thời Nguyễn Ánh còn làm chúa, bao gồm các vị trí sau đây: 1. Trùm cả/ Hương cả (đứng đầu Hội đồng kỳ mục); 2. Trùm chủ (thứ hai); 3. Trùm nghị (cố vấn cho Hội đồng); 4. Thôn trưởng/ Xã trưởng (trung gian giữa Hội tề và chính quyền cấp trên); 5. Thủ khoán (quản lí tài sản công); 6. Câu đương (phụ trách chấp hành luật, xử khiếu kiện); 7. Cai đình (quản lí đình làng); 8. Quản trị (phụ trách an ninh trật tự); 9. Trùm trâu/ Cai trâu/ Tri trâu (thuế vụ); 10. Trùm việc/ Cai việc (lo tạp vụ).

Trải qua các thời vua Minh Mạng, cơ cấu Ban hội tề được chấn chỉnh khá nhiều lần cho phù hợp với tình hình từng vùng và thống nhất giữa các địa phương. Năm

⁴⁴ 21 tỉnh bao gồm: Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Tây Ninh, Gò Công, Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu.

⁴⁵ Trong 21 tỉnh, để phân biệt từng tỉnh, chính quyền gắn mỗi tỉnh với một con số. Cần Thơ mang số 19. Số này được khắc trước mũi ghe làm dấu khi đi chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác hoặc gắn lên cổ áo tù nhân.

1852, đời vua Tự Đức thứ năm, cơ cấu tổ chức Hội đồng kỳ mục được xem là hoàn chỉnh, bao gồm 15 chức vụ sau: 1. Trưởng mục/ Hương cả/ Cả trưởng/ Hương trưởng/ Hương chủ (đứng đầu Hội đồng, được quyền đề cử nhân sự vào Hội đồng); 2. Hương chủ (Phó trưởng mục, chịu trách nhiệm luật lệ, được quyền phân xử các vụ khiếu kiện); 3. Hương sư (thanh tra, kiểm tra, tiêu chí phải là người mẫu mực, mô phạm); 4. Hương chánh (thu thuế, chi xuất, phân công sai phái, tiêu chí phải là người công bình, ngay thẳng); 5. Hương quản (giữ gìn an ninh trật tự, kiểm tra nhân khẩu); 6. Hương thân (giáo hóa thuần phong mỹ tục, tiêu chí phải là trí thức, nhân sĩ hoặc quan lại hồi hưu); 7. Hương hào (tuần phòng, kiểm tra an ninh trật tự, tiêu chí phải là người hào hiệp, hay giúp đỡ người hoạn nạn); 8. Tôn trưởng (có Phó thôn hoặc Lí trưởng giúp việc, là hương chức trung gian giữa địa phương và chính quyền cấp trên, thu các loại thuế, chi xuất nhu phí, giữ mộc triện); 9. Phó thôn (có khi gọi là Phó xã, Phó ấp, Phó phường hoặc Lí trưởng, phụ tá thôn trưởng, giữ gìn sổ bộ của xóm ấp); 10. Lí trưởng (trưởng một lí/ một xóm, làm việc theo lệnh thôn trưởng, chỉ huy đội dân canh, thúc giục dân đóng thuế); 11. Cai lân (thừa sai của lí trưởng, phân xử việc trong lân); 12. Trưởng ấp (như cai lân, thừa sai của lí trưởng); 13. Cai tuần (đội trưởng dân tuần phòng); 14. Biện đình (ngang với Lí trưởng, là thư kí giúp việc khi làng tổ chức hội Kỳ Yên, có thể giúp Thư lại khi tu chỉnh sổ bộ); 15. Thư lại (thư kí).

Bước sang thời Pháp thuộc, ngày 30 tháng 10 năm 1927, Toàn quyền Đông Dương đã tinh giản cơ cấu của Hội đồng Hương chức với 9 vị trí: 1. Hương cả; 2. Hương chủ (kiêm thủ quỹ); 3. Hương sư (lo việc thanh tra); 4. Hương trưởng (lo về giáo dục, văn hóa); 5. Hương chánh (cố vấn thi hành); 6. Hương giáo; 7. Hương quản; 8. Hương thân, Hương xã, Hương hào; Chánh lục bộ (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.1790)⁴⁶. Với mưu đồ tạo thêm cơ chế áp bức bóc lột nhân dân theo kiểu một ách hai trùng, thực dân Pháp một mặt cai trị theo bộ máy chính quyền thực dân, mặt khác vẫn duy trì hệ thống chính quyền làng, xã theo chế độ phong kiến.

Với địa danh ở thành phố Cần Thơ, các chức danh này trong Ban Hội tề được phản ánh khá nhiều do họ là những người quen thuộc với đời sống của người dân. Nhà cầm quyền lúc bấy giờ đã chia Cần Thơ gồm 5 quận, 8 tổng, 72 làng, xã. “*Cai trị một quận thì có vị Chủ quận (Quận trưởng), đứng đầu tổng thì có vị Cai tổng, Phó tổng, Bang biện, Sung biện* (Huỳnh Minh, 2001, tr.36). Theo cơ cấu của bộ máy cai trị này,

⁴⁶ Có ý kiến cho rằng Ban hội tề gồm 12 vị hương chức, trong đó Hương thân, Hương xã, Hương hào là các chức vụ riêng biệt (Huỳnh Minh, 2001, tr.36).

chức danh Cai tổng chỉ người cai quản một tổng (tổng lớn hơn xã, một tổng có thể gồm từ 3 đến 5 xã). Quyền hạn của Cai tổng cũng tương tự như Chánh tổng thời Nguyễn. Ở Cần Thơ, địa danh kinh *Cai Cang* (huyện Phong Điền), kinh *Cai Cang*, cống *Cai Cang* (huyện Thới Lai) lưu dấu chức danh này. Cai Cang, tức Cai tổng Lê Bá Cang, là một điền chủ giàu có và có học thức. Sau này, ông trúng cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ nên còn được gọi là Hội đồng Cang. Ngoài ra, có thể giải mã được một số địa danh ở Cần Thơ qua hệ thống các chức danh kể trên như: rạch *Cả Ký*, cầu *Cả Ký* (huong cả Trần Văn Ký, quận Thốt Nốt), rạch *Cả Lang*, cầu *Cả Lang*, chợ *Cả Lang* (huong cả Nguyễn Chi Lang, huyện Phong Điền), kinh *Cả Sang* (huyện Cờ Đỏ), rạch *Ông Hương* (quận Bình Thủy), rạch *Chủ Tru* (quận Ô Môn), rạch *Ông Chủ* (quận Thới Lai), kinh *Ông Quảng* (Quản) (huyện Cờ Đỏ), kinh *Quản Hên*, cầu *Quản Hên*, kinh *Quản Biểu*, cầu *Quản Biểu* (huyện Vĩnh Thạnh), kinh *Ông Hào*, cầu *Ông Hào*, kinh *Hào Ngộ* (huyện Phong Điền), kinh *Hương Trường Da* (huyện Thới Lai)...

Tại phường An Cư quận Ninh Kiều có rạch Cả Đài. Gọi là rạch Cả Đài vì đây là một con rạch nhỏ xéo cửa nhà của ông Hương cả Phạm Thành Đài. Cầu ván bắc ngang con rạch này gọi là cầu Cả Đài. Xóm dân cư xung quanh khu vực nhà ông Cả và ngôi chợ nhỏ gần đó cũng mang tên ông Cả Đài. Gia đình ông rất giàu có từ thời Pháp thuộc. Dù nhà ông Cả đã không còn, rạch Cả Đài, cầu Cả Đài đã được san lấp nhưng địa danh xóm Cả Đài, chợ Cả Đài vẫn còn tồn tại đến ngày nay.⁴⁷

Ngoài ra, các địa danh như rạch *Bà Bộ* (quận Ninh Kiều), cầu *Bà Bộ* (đường tỉnh 917), chợ *Bà Bộ* (quận Bình Thủy) hiện có nhiều cách lí giải. Những địa danh này có thể xuất phát từ chức danh Chánh lục bộ. Đây là chức danh của người phụ trách công việc hộ tịch, như xác định thành phần dân tộc, giới tính, kết hôn, khai báo nơi cư trú... Tuy nhiên, ta cũng có thể giải mã chúng như những địa danh ghi lại chức Hương bộ trong Ban hội tề, vì theo tác giả của *Cần Thơ xưa*, người ta thường gọi tất nhân viên trong Ban hội tề cho dễ nhớ: *Cả, Chủ, Sư, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã, Lục*” (Huỳnh Minh, 2001, tr.37). Như vậy, khi người ta gọi bà *Bộ* tức là vợ của ông *Hương bộ* chứ không phải vợ ông *Chánh lục bộ*. Do đó, cách giải thích này có phần xác đáng và thuyết phục hơn.

Ngoài các chức danh hành chính vừa nêu, chức danh trong quân đội như cai đội cũng được phản ánh qua địa danh rạch *Ông Đội* (quận Bình Thủy), “*chỉ một người tên*

⁴⁷ Ông N.V.C, phường An Cư, quận Ninh Kiều.

Đạo, làm chức Cai đội” (Nhâm Hùng, 2013, tr.142), rạch *Đội Ngãi*, cầu *Đội Ngãi* (huyện Phong Điền); chức cai vệ - *“một chức trong binh đội, trên bếp dưới đội”* (Lê Trung Hoa) – cũng được nhân dân ghi lại qua các địa danh như rạch *Cai Tư*, cầu *Cai Tư* (quận Thốt Nốt).

Nhìn chung, bắt đầu từ thời khẩn hoang lập ấp đến giữa thời Nguyễn, công cuộc mở đất ở Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng cơ bản hoàn thành, cơ cấu tổ chức thôn làng và bộ máy quản lý cấp cơ sở khá hoàn chỉnh, rõ ràng và tương đối đồng bộ, thống nhất giữa các địa phương. Từ khi đặt chân đến xứ Cần Thơ, thực dân Pháp đã cơ cấu lại tổ chức thôn làng, kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước nhằm dễ bề cai trị và thực hiện chính sách khai thác thuộc địa lớn tại vùng đất này.

3.1.1.3 Về tính dân gian tự phát

Một trong những đặc điểm nổi bật của quá trình hình thành và phát triển tổ chức nông thôn ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng là tính dân gian tự phát. Như đã đề cập ở trên, làng xóm ở vùng đất mới khai khẩn ban đầu chủ yếu hình thành trên cơ sở tự phát, quần tụ thành xóm ấp, sau đó là thôn làng với tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong buổi đầu mở đất. Tuy nhiên, để có thể khai hoang một cách nhanh chóng và hiệu quả, rất cần có người giàu có bỏ tiền của ra để chiêu mộ dân chúng tứ xứ đến khẩn đất, lập nghiệp vì đa phần người đến mở đất trong giai đoạn đầu cần vốn liếng để làm nhà cửa, mua sắm nông cụ, quần áo, gạo muối và tiền để tiêu xài. Đồng thời, công cuộc này cũng cần những người tài giỏi, có khả năng quản lý, tổ chức khai khẩn. Khi quy tụ đủ số dân binh và diện tích đất khai hoang thì lại cần người giỏi chữ nghĩa, thông thạo các quy định, thủ tục hành chính đương thời để đảm nhiệm các thủ tục xin phép lập làng mới. Vì thế, vai trò của cá nhân được khẳng định và đề cao. Hơn thế nữa, một làng mới cùng với số dân đình, ruộng đất, ranh giới, chính sách miễn sưu thuế trong ba năm... chỉ chính thức được xác lập khi có sự cho phép và công nhận của triều đình. Nói cách khác, việc thẩm định, kiểm tra và chấp thuận cho lập làng chứng tỏ vai trò và tầm quan trọng của Nhà nước đương thời.

Thẩm quyền của Nhà nước được khẳng định và vai trò của những người trí thức và rõ thủ tục được đề cao thì Nhà nước trong quá trình hình thành thôn làng ở Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng ảnh hưởng rất lớn đến cách đặt tên cho các địa danh hành chính. Đa phần địa danh hành chính của Cần Thơ từ khi mới được thành lập là những từ ghép Hán – Việt, thể hiện ước mơ, khát vọng của con người ở vùng đất

mới nói chung và của giai cấp cầm quyền nói riêng. Thống kê trên tổng số 37 tên làng của Cần Thơ (huyện Vĩnh Định) thời nhà Nguyễn, toàn bộ 37 thôn (làng) đều là địa danh Hán – Việt, không có địa danh thuần Việt. Thời Pháp thuộc năm 1888, Cần Thơ có 10 tổng, 122 làng, có 118 tên làng là từ Hán - Việt, 04 tên làng là từ thuần Việt và từ gốc Khmer. Trong số 709 địa danh hành chính ở Cần Thơ hiện nay, ngoài số địa danh bằng số thứ tự, chữ cái và 17 địa danh thuần Việt và gốc Khmer thì toàn bộ địa danh còn lại là từ Hán – Việt, như huyện Phong Điền, phường Thường Thạnh, phường Hưng Phú (Cái Răng), phường An Bình, phường Hưng Lợi (Ninh Kiều),...

Khảo sát tất cả tên làng ở Cần Thơ từ thời nhà Nguyễn đến thời Pháp thuộc, hầu như không có làng nào lấy tên họ đặt cho tên làng dù trong việc quá trình thành lập làng, vai trò của cá nhân rất quan trọng. Chính quyền khuyến khích những người có vật lực tuyển mộ khai hoang, *“dưới tất cả mọi triều đại đều có một chính sách khẩn hoang và định cư. Những người lập làng mới được khích lệ bằng đủ loại biện pháp. Rất nhiều người có công lập làng, nhưng không có làng nào lấy tên họ đặt cho tên làng (dẫn theo Ngô Văn Lệ, 2020). Xét về bản chất, làng ở Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng, không thể phủ nhận vai trò của cá nhân của những người có công lập làng, tuy nhiên, dù rất lớn nhưng đó vẫn chỉ là những cá nhân, trong khi làng ở vùng đất mới như Cần Thơ không thể thuộc sở hữu của cá nhân được: “Chủ sở hữu thực sự của làng là các thành viên trong làng, họ đều là những người đến từ những vùng miền khác nhau, không có một họ nào đủ người để trở thành đa số”* (Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2018, tr.182). Làng ở vùng đất mới là tài sản chung của tất cả những dân đình tứ xứ đến khẩn hoang, không riêng của gia tộc nào nên không có tên làng mang tên của bất kỳ họ nào cũng là điều dễ hiểu. Khác với miền Bắc, làng có thể mang tên một họ vì đó là nơi cư trú của cộng đồng dân cư có quan hệ cùng huyết thống. Phần lớn người dân trong làng đều thuộc họ ấy, cũng có nghĩa là làng cơ bản thuộc về sở hữu tập thể của họ ấy (Ngô Văn Lệ, 2020). Trên cơ sở đó, việc tên làng ở Cần Thơ cũng như vùng Nam Bộ không đặt theo họ của một cá nhân nào cũng phản ánh nét văn hóa đặc trưng của thành phần lớp người di cư vào vùng đất mới. Điều này góp phần thể hiện rõ tính dân gian tự phát trong cộng đồng thôn làng nơi đây.

3.1.2 Văn hóa tổ chức đô thị

Thời kì bắt đầu manh nha hình thành tổ chức đô thị ở vùng Tây Nam Bộ cũng như ở Cần Thơ từ thời khẩn hoang đến giữa thế kỉ thứ XIX, *“mở đầu bằng việc chính*

quyền Đàng Trong cho thiết lập các đồn, trạm để quản lí quân binh và mở làng lập xóm” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr. 183). Về cơ bản, nếu nhìn nhận đô thị là trung tâm hành chính – chính trị - quân sự, ảnh hưởng bởi mô hình đô thị phong kiến miền Trung và miền Bắc thì ở Tây Nam Bộ chỉ có Mỹ Tho và Hà Tiên vừa hình thành sớm vừa có tiềm năng và mang bóng dáng của đô thị buổi đầu.

3.1.2.1 Về quân sự

Sau khi Mạc Cửu qua đời (1735), Mạc Thiên Tích được chúa Nguyễn Phúc Trú phong chức Tổng binh Đại đô đốc, nối nghiệp cha, củng cố sự nghiệp trong vùng vịnh Xiêm La, tiến hành mở rộng công cuộc khai khẩn, lập thêm bốn đạo: đạo Kiên Giang (xứ Rạch Giá), đạo Long Xuyên (xứ Cà Mau), sau đó tiến qua hướng Đông lập đạo Trấn Di (xứ Bạc Liêu) và sau đó là đạo Trấn Giang (xứ Cần Thơ) năm 1739. Tất cả đều thuộc trấn Hà Tiên. Có thể nói, đạo Trấn Giang là địa danh chỉ đơn vị hành chính đầu tiên của xứ Cần Thơ xưa.

Với tầm nhìn chiến lược và sự lãnh đạo tài ba, Mạc Thiên Tích đã tập trung xây dựng một nơi có vị trí chiến lược quan trọng như Trấn Giang về mọi mặt quân sự, kinh tế, thương mại và văn hóa theo mô hình của Hà Tiên nhằm biến Trấn Giang trở thành một hậu phương vững chắc khi có binh biến. Từ đó, Trấn Giang ngày càng có điều kiện phát triển và trở thành một trong những đô thị mạnh ở miền Hậu Giang. Đạo Trấn Giang gắn liền với tên tuổi của Tổng trấn Mạc Thiên Tích⁴⁸ và hai người con trai của Ngài – Tham tướng Mạc Tử Dung và Tham tướng Mạc Tử Sanh⁴⁹. Nhiều địa danh ở Cần Thơ ghi nhớ công lao của dòng họ Mạc như: đường Mạc Thiên Tích⁵⁰, rạch Tham Tướng, cầu Tham Tướng⁵¹, chợ Tham Tướng⁵², hẻm Nhà Thờ Tham Tướng⁵³,... Ngoài ra, giai đoạn Việt Nam cộng hòa còn xuất hiện thêm đường Mạc Tử Sanh, gần các địa danh nói trên, nay ít người biết tới.

Trong giai đoạn manh nha hình thành dáng dấp đô thị sơ khai thời mở cõi, Trấn Giang nằm ở ngã ba sông, giữ vị trí xung yếu, trở thành nơi thu hút dân cư, phố chợ, thương buôn, thuyền bè qua lại. Trong Gia Định thành thông chí, Trịnh Hoài Đức có

⁴⁸ Còn có tên khác là Mạc Sĩ Lân, Mạc Thiên Tứ.

⁴⁹ Mạc Tử Dung được chúa Nguyễn Phúc Thuận sắc phong làm Khâm sai Tham tướng Cai cơ, chịu trách nhiệm coi giữ Trấn Giang (từ năm 1775 đến khi quân Tây Sơn chiếm đóng năm 1776). Mạc Tử Sanh (Sinh) được chúa Nguyễn Ánh sắc phong làm Tham tướng Lý Chính hầu năm 1784.

⁵⁰ Người dân còn gọi là đường Bờ Kè Mạc Thiên Tích vì con đường này có bờ kè hai bên con rạch.

⁵¹ Hiện nay được san bằng thành lộ.

⁵² Nay là chợ Xuân Khánh (thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều).

⁵³ Tên gọi dân gian của hẻm 5 trên đường Mậu Thân, quận Ninh Kiều.

miêu tả: *“Ở bờ Tây làm thủ sở đạo Trấn Giang, phố chợ đông đúc, khách buôn tụ hội”* (Trịnh Hoài Đức, 1999, tr.60), đánh dấu sự phát triển kinh tế, thương mại của vùng Cần Thơ xưa. Theo đó, trung tâm đạo Trấn Giang, chính quyền đương thời đã lập một thủ sở, tức cơ quan đứng đầu đạo Trấn Giang, *“vừa làm nhiệm vụ phòng bị, kiểm soát, bảo vệ vùng đất thuộc chủ quyền; vừa như một trạm thu thuế các thuyền buôn qua lại”* (Nhâm Hùng, 2017, tr.14). Đây là điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự hình thành và phát triển của đô thị Cần Thơ sau này.

Ngoài thủ sở Trấn Giang thời chúa Nguyễn, xứ Cần Thơ còn có các trạm thuế quan, trạm bảo hộ dân di cư, đồn trú binh khác ở các gò đất cao hoặc gần các ngã sông để tiện thu thuế, đảm bảo lương thực. Sông Ba Láng bắt nguồn từ vàm sông Cần Thơ (gần Cái Răng) chảy qua Cái Tắc đến rạch Gòi. Tại đây có ngã ba Rạch Gòi, chợ Rạch Gòi (nay thuộc Hậu Giang). Rạch Gòi còn là tên gọi của một trong bốn quận đầu tiên của tỉnh Cần Thơ ngày đầu mới thành lập tỉnh. Chợ Rạch Gòi và chợ Kinh Cùm được xem là chợ cửa rừng, nơi những người dân đồn cũi, ăn ong từ U Minh ra nghỉ ngơi, mua sắm, ăn chơi sau những ngày làm ăn cực khổ. Nơi đây cũng nổi tiếng với nhiều tệ nạn, nhiều tay anh chị. *“Để đảm bảo cuộc sống yên bình cho bà con và thu thuế lâm sản từ rừng U Minh ra, triều đình cho xây dựng một đồn binh trấn thủ. Đồn đặt nơi đầu rạch vào rừng để dễ dàng kiểm tra, kiểm soát các tàu thuyền nên được người Khmer gọi là Preak Koi, dần dần phát âm thành Rạch Gòi”* (Trần Văn Nam chủ biên, 2019, tr.103). Như vậy, địa danh Rạch Gòi có âm gốc Khmer là Prêk Koi (Preak Koi). *“Gòi gốc Khmer (prêk) Koi, có nghĩa là “thuế quan” và rạch Gòi là “(rạch) thuế quan” vì bên cạnh rạch này trước đây có trạm thu thuế”* (Lê Trung Hoa, 2014). Ở huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng cũng có địa danh rạch Gòi (còn gọi là rạch Gỏi), cầu Rạch Gòi Lớn, cầu Rạch Gòi Bé (tỉnh An Giang) với cách lí giải tương tự.

Giai đoạn tiếp theo đánh dấu sự hình thành của các đô thị vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng kéo dài từ giữa thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX cùng với hai cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp sau khi chiếm hết Lục tỉnh Nam kỳ: *“Các trung tâm hành chính chuyển biến dần thành các thành phố kiểu thuộc địa, trong khi bộ máy chính quyền cũng có sự thay đổi về cơ cấu, cách tổ chức, ... khiến cho diện mạo của các đô thị này cũng thay đổi theo”* (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.186).

Đến đời Gia Long thứ 7 (năm 1808), triều đình giải tán đạo Trấn Giang sau 70 năm tồn tại, lập huyện Vĩnh Định, thuộc trấn Vĩnh Thanh, sau đó là huyện Phong Phú

thuộc phủ Tuy Biên dưới thời vua Minh Mạng và Tự Đức. Từ thủ sở cho đến lý sở của đơn vị hành chính tiền thân của Cần Thơ đều nằm ở thôn (làng) Tân An.

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, khi Nam Kỳ lục tỉnh thuộc cai quản của thực dân Pháp, văn minh phương Tây càng có cơ hội thâm nhập mạnh vào Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng. Quá trình đô thị hóa nơi đây khá nhanh chóng dưới sự phát triển của kinh tế và dân số. Đô thị Cần Thơ bắt đầu hành trình khẳng định vị thế chiến lược của mình từ ngày 23/02/1876, chính quyền Pháp đổi tên hạt tham biện Trà Ôn thành hạt tham biện Cần Thơ, bao gồm 9 tổng, 90 làng, dời tòa bố từ Cái Răng về chợ Cần Thơ (làng Tân An). Tên gọi Cần Thơ⁵⁴ trở thành địa danh hành chính cấp hạt⁵⁵, bao gồm địa bàn huyện Phong Phú trước đây. Ngày 01/01/1900, tỉnh Cần Thơ được thành lập, gồm 4 quận: Châu Thành, Cầu Kè, Ô Môn, Rạch Gòi. Đây chính là tiền đề cho sự phát triển vượt bậc của Cần Thơ, trở thành đô thị hàng đầu vùng Tây Nam Bộ và được mệnh danh là thủ đô của miền Tây (Tây Đô – la capital de l'Ouest⁵⁶).

Từ khi Pháp đặt lại Tòa bố, lập hạt Cần Thơ, đạo Trấn Giang xưa đã có sự chuyển biến rõ rệt về nhiều mặt, trong đó nổi bật là cơ sở hạ tầng đô thị, thương mại. Mạng lưới đô thị ở Cần Thơ được chính quyền Pháp tạo điều kiện cho phát triển hàng loạt và toàn diện nhằm phân chia để dễ cai trị và tận thu nguồn lợi của vùng đất này.

3.1.2.2 Về cơ sở hạ tầng đô thị

Khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ, các phương tiện giao thông bằng cơ giới như tàu, phà, xăng,... và các loại xe ngựa, xe đạp, xe hơi,... bắt đầu xuất hiện, tạo điều kiện cho Cần Thơ phát triển cả đường thủy lẫn đường bộ. Dưới thời Pháp thuộc, nổi bật nhất ở Cần Thơ lúc bấy giờ là việc mở mang đường thủy, tàu thủy và phát triển đường lộ xe.

a. Giao thông đường thủy

Khi hệ thống giao thông đường bộ chưa thực sự phát triển thì giao thông đường thủy được xem là ưu thế hàng đầu: “*Muốn khai thác Nam Kỳ, đạo ấy người Pháp thấy rõ việc mở mang giao thông thủy đạo, cũng tiến về hướng Tây*” (Sơn Nam, 2015, tr.114). Bên cạnh mạng lưới sông ngòi, kênh rạch tự nhiên, chính quyền Pháp còn đầu tư phát triển thêm hệ thống kinh đào từ rạch Cần Thơ tỏa đi các địa phương lân cận để người dân thuận tiện đi lại, trao đổi hàng hóa, góp phần làm cho nhiều thị trấn, thị tứ

⁵⁴ Trước khi có hạt Cần Thơ, tên gọi Cần Thơ được dùng để chỉ sông Cần Thơ, xứ Cần Thơ, chợ Cần Thơ.

⁵⁵ Hạt: vùng lãnh thổ tương đương cấp tỉnh. Lúc này, Pháp đã bãi bỏ cấp tỉnh, phủ, huyện.

⁵⁶ Chữ dùng của Phạm Quỳnh trong *Một tháng ở Nam Kỳ* đăng trên Tạp chí Nam Phong tháng 2/1919.

cùng với chợ búa mọc lên ven sông, ven kinh sáng, hình thành nên “văn minh kinh sáng”⁵⁷ ở Cần Thơ. Yếu tố này được thể hiện qua 17 địa danh mang thành tố Sáng. Đáng chú ý nhất là kinh Sáng Xà No, kinh Sáng Ô Môn, kinh Sáng Thốt Nốt,... theo đó là cầu Kênh Sáng, cầu Vàm Sáng, đường Vàm Sáng, ấp Thị Tứ - Vàm Sáng, bến đò Vàm Sáng,... (Phong Điền)

Sơn Nam từng ghi nhận sự trù mật của vùng dân cư ven kinh sáng: “*Đến quá nửa khuya, các quán ăn vẫn mở cửa. Buổi sáng, lúc nhóm chợ, xuống ghe tấp nập đến đôi chúng ta có thể đi một vòng tròn qua năm con kinh sáng, bằng cách bước chuyển từ xuống này sang ghe kia, đậu sát bên...*” (Sơn Nam, 2015, tr. 121-122). “Văn minh kinh sáng” tạo điều kiện cho sự phát triển tiếp theo của “văn minh tàu bè”, góp phần tạo nên sự nhộn nhịp và trù mật cho chợ Cần Thơ, tiến trình đô thị hóa bắt đầu diễn ra mạnh mẽ.

Khi hệ thống giao thông đường thủy nội ô ngày càng hoàn thiện, sau đó mở rộng các tuyến từ Cần Thơ đến các khu vực lân cận (Cái Vồn, Trà Ôn, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau,...) và ngược lại, thực dân Pháp đầu tư xây dựng thêm nhiều cầu tàu dọc đường Mé Sông⁵⁸, điển hình là bến Tàu Lục Tỉnh (nay là bến Tàu Khách & Du Lịch Cần Thơ). Cầu Tàu Lục Tỉnh dùng cho các tàu đò lên xuống khách, quang cảnh đông đảo, tấp nập, gần như đủ các thành phần trong xã hội. Pháp còn mở thêm tuyến đi Mỹ Tho và nhiều tỉnh miền Hậu Giang càng làm cho bến Tàu Lục Tỉnh thêm náo nhiệt, người lên, kẻ xuống tấp nập: “*những năm 30 (thế kỉ XX), mỗi ngày có từ 200 – 300 tàu đò xa gần cập bến, rời bến Hàng Dương*” (Nhâm Hùng, 2017, tr.118).

Bến Tàu Nam Vang với nhiều tàu thủy lớn cũng được mở để phục vụ khách đi Campuchia. Ca dao xưa từng ghi lại:

*“Tàu Nam Vang chạy ngang còn Cát
Xuống câu tôm đậu sát mé nga
Thấy em cha yếu mẹ già
Muốn vô hoạn dưỡng biết là đặng không?”*

(Ca dao Nam Bộ)

Tại bến này có xây dựng một cây cầu hình chữ T nhô ra ngoài sông Cần Thơ cho tàu lên xuống hành khách, hàng hóa. Do địa hình phía bờ đất không được bằng phẳng

⁵⁷ Chữ dùng của Sơn Nam.

⁵⁸ Khu vực đường Hai Bà Trưng – Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay.

nên nhìn cây cầu tàu này có vẻ lệch xéo ra sông nên người ta gọi là cầu Xéo. Bà con cất nhà xung quanh đó dần hình thành nên xóm Cầu Xéo ngày càng đông đúc. Tên gọi ngã ba Cầu Xéo đến nay vẫn còn được nhắc tới.

Để phục vụ cho hàng trăm chiếc tàu tới lui mỗi ngày, nhiều nơi cung cấp củi và xăng dầu trải dài theo tuyến bờ sông. Nằm dọc theo bờ sông Cần Thơ có một hăng củi lớn, tại đây có bắc cây cầu ra ngoài để ghe tàu cập bến cung ứng củi cho các tàu chạy bằng than (nồi sốt de) nên dân gian gọi là cầu Củi. Dân cư tụ họp quanh đây hình thành nên xóm Cầu Củi (hay xóm Củi). Theo *Văn học dân gian Cần Thơ*, ban đầu chỉ là một nương cụt nằm giữa phần đất của bác sĩ Hoạch và ông Khương Bình Tịnh, ghe xuống ra vào tới gần sát lộ Nguyễn Trãi. Nhiều người cho cập ghe chắt củi lên bán dần dần phát triển thành một bến củi nhộn nhịp, cung cấp cho nhiều khu vực ở châu thành Cần Thơ lúc bấy giờ (Trần Văn Nam chủ biên, 2019, tr.92). Ngoài ra, dịch vụ cung ứng xăng dầu cũng ra đời tại bến Cái Răng (cầu Tàu Hoa Kiều).⁵⁹

Nhìn chung, những địa danh như bến Tàu Lục Tỉnh, bến Tàu Nam Vang, cầu Tàu Lục Tỉnh, cầu Xéo, cầu Củi, cầu Tàu Hoa Kiều, bến Tàu Hải Quân, cầu Tàu Hải Quân và hình ảnh những chiếc tàu thủy đã làm nổi bật hình ảnh đô thị Cần Thơ buổi đầu với nếp sinh hoạt giao thông hiện đại, trước giờ chưa từng thấy, biểu trưng cho sự trù phú của các đô thị sông nước đồng bằng, trong đó làng Tân An là tiêu biểu nhất: “ở miền Hậu Giang, chưa có khu chợ và bến tàu nào lớn và sung túc như tại Cần Thơ” (Nhâm Hùng, 2017, tr.120).

Nếu giao thông đường thủy ở Cần Thơ đã phát triển đến mức hình thành một lối “văn minh kinh xáng”, “văn minh tàu bè” với hàng loạt kinh xáng, hàng trăm chiếc tàu thủy cỡ lớn tập nập ra vào nơi các bến tàu, cầu tàu thì trên đường bộ cũng có những bước tiến vượt bậc với những con đường rải đá hoặc lát gạch với sự xuất hiện của xe hơi, xe ngựa, xe đò.

b. Giao thông đường bộ

Khi người Pháp mới chiếm đất Cần Thơ vài năm, họ đã tiến hành chủ trương chiến lược: đào kinh, lập chợ, mở lộ xe. Cuối thế kỉ XIX, trên đường bộ, Pháp cho mở rộng 2 trục đường chính là đường Thuộc Địa Số 16, nay là quốc lộ 1A và đường Mé Sông đi Cái Răng, Bình Thủy. Riêng tuyến Cái Răng – Trà Niềng chỉ mới hình thành lộ đất do dân đào đắp, bắc cầu tay vịn nên xe chưa đi được. Tuyến đường này chỉ được đắp

⁵⁹ Cầu tàu của Công ty Đường Sông chuyên cung ứng xăng, dầu cho các tàu của Hải quân, hay tàu của các cơ quan hành chính của Pháp trú đóng tại Cần Thơ.

cao, rải đá xanh, bắc cầu và mở qua vùng Cầu Nhiễm – Ba Se – Lộ Tẻ khi kinh Xáng Xà No đào xong (1903). Tên nhiều con lộ, đường lộ xuất hiện trong địa danh ở thành phố Cần Thơ (40 địa danh) như: kênh Lộ Tẻ, cầu Lộ Mới, đường Lộ Chùa (Ô Môn), đường Lộ 19, đường Lộ 20 (Ninh Kiều), đường Lộ Chuối, đường Lộ Cần Đức, ngã ba Lộ Tẻ, chợ Lộ Tẻ (Thốt Nốt), kinh Lộ Bức, cầu Lộ Bức (Phong Điền),...

Thời Pháp thuộc, con đường từ ngã ba Bông Vang đi cầu Nhiễm, Tân Thới xưa do Pháp mở, không phải là đường hiện tại mà rẽ bực đường khác. Người Pháp mở đường để tiện việc hành quân, đóng đồn ở gần Bông Vang. Ông Cả Lang dù là Hương Chức song cũng không ưa bọn Lang Sa. Ông tự mở con đường riêng từ Bông Vang về tới khu đất nhà mình, đó cũng chính là con đường hiện hữu. Để làm đường, ông Cả Lang vận động tá điền đào đất sét hầm đất, trải mặt đường, gọi là đường đất hầm. Con đường này xưa nhỏ, được dần mở rộng cho xe ngựa và sau xe hơi có thể đi được. Thời gian sau, con đường bị hư hỏng, gồ ghề, chỗ thấp chỗ cao, nên dân gian quen gọi là Lộ Sóng Lươn⁶⁰. Hiện nay, lộ được nâng cấp, trải nhựa, người dân đi lại dễ dàng, trở thành đường Lộ Sóng Lươn (Phong Điền).

Cùng với đường lộ, bắc (phà) Cần Thơ cũng là một trong những điểm nhấn đáng kể của xứ Tây Đô. Năm 1914, bắc Mỹ Thuận hoàn thành, năm 1918, bắc Cần Thơ (nay là bến phà Bắc, quận Ninh Kiều) bắt đầu hoạt động với sứ mệnh nối liền tuyến đường thiên lí Bắc Nam. “Bắc” nguyên gốc tiếng Pháp là “bac”, nghĩa là phà hay đò ngang, phương tiện vận chuyển lớn trên sông. Sơn Nam trong *Đồng bằng sông Cửu Long và Văn minh miệt vườn* đã khẳng định: “*Bắc Cần Thơ cùng với bắc Mỹ Thuận làm thay đổi hẳn tập quán đi lại của con người miệt vườn, quanh năm vốn quen xuống, ghe, sông, nước... Từ ngày có bắc Cần Thơ, đồng bằng sông Cửu Long thực sự mở cửa đem ánh sáng văn minh từ hòn ngọc Viễn Đông tỏa sáng miệt vườn*” (Sơn Nam, 2017). Các địa danh có thể kể đến như: bến Bắc, cầu Bắc, bến Bắc Cần Thơ, bến phà Bắc (Ninh Kiều).

Ngay từ khi các trục đường lớn được mở ra thì xe ngựa⁶¹ chính là dịch vụ chở khách bộ hành ra đời đầu tiên. Đây là sinh hoạt nhằm đáp ứng yêu cầu đi lại của người dân và chuyển tải hàng hoá trên những đoạn đường ngắn từ các vùng ngoại ô đến trung tâm đô thị. Hoạt động của các xe ngựa, các chủ xe ngựa, các xóm nuôi ngựa

⁶⁰ Ông Đ.D.K, nhà báo, nhà nghiên cứu văn hoá, lịch sử địa phương.

⁶¹ Còn gọi là xe thô mộc cũng được dịch chuyên từ Sài Gòn xuống, có thùng xe, băng ghế người ngồi, bánh xe bằng gỗ.

thịnh hành nhất vào nửa đầu thế kỉ XX, đánh dấu một chặng đường trong đời sống xã hội và hoạt động đi lại của bà con đất Cần Thơ. Tên gọi dân gian mà nhiều người cao tuổi vẫn còn nhớ đến nay là bến Ngựa Đái, bến xe Kiếng⁶² (nay là ngã ba Phan Đình Phùng – Tân Trào). Nguyễn Liên Phong từng viết: “*Xe kiếng sấm đưa hàng chợ rước*” để miêu tả lại sự đông đúc, nhộn nhịp của bến xe này.

Bến xe Kiếng “*ngay cổng chợ Hàng Dương thời đó, lúc nào cũng có 6 – 7 xe chợ chờ. Nhiều gia đình (Ba Cửa, Hai Ninh, Ba Cư... đất Bình Thủy) ăn nên làm ra nhờ nghề xà ịch*” (Tô Hoàng Vũ – Trần Văn Nam chủ biên, 2008, tr.223). Sau khi chính quyền Pháp hoàn thành các trục lộ giao thông liên tỉnh, việc đi lại được thuận tiện, dễ dàng hơn, tại Cần Thơ, có ba tuyến xe ngựa từ vùng quê nối liền chợ Cần Thơ (làng Tân An) hàng ngày, rất đông đúc và nhộn nhịp.

Ngoài xe ngựa, xe kéo, xe đạp, xe lôi thì xe đò (xe khách) dù là dịch vụ ra đời muộn hơn (xuất hiện vào cuối thập niên 20, phổ biến vào khoảng thập niên 30 – 40 của thế kỉ XX) nhưng lại thu hút nhiều hành khách và nhiều nhà đầu tư. Xe đò (xe khách) là loại xe lớn vận chuyển hành khách đường dài. Ngay sau khi bắc Cần Thơ hoàn thành (năm 1918), một số ông chủ lớn bỏ sấm xe hơi chở khách tuyến Cần Thơ – Sài Gòn nhưng còn ít, chưa phổ biến. Khoảng thập niên 20 đến thập niên 30 – 40 (thế kỉ XX), dịch vụ này bỗng chốc phát triển rầm rộ, thu hút nhiều nhà tư sản lớn tham gia. Năm 1924, tại Cần Thơ, có đến 14 tuyến xe đò từ Cần Thơ đi các tỉnh. “*gần 10 hãng xe đò lớn như: Đức Hiệp, Nhơn Hòa, Đại Đồng, Thiên Tân chở từ 25 – 30 hành khách; các hãng đua bên tranh nhau bán vé rước khách*” (Nhâm Hùng, 2017, tr.130). Địa danh cầu Sáu Thanh là minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của loại hình xe đò ở vùng Cần Thơ xưa những thập niên giữa thế kỉ XX. Gọi là cầu Sáu Thanh vì cây cầu này cạnh biệt thự của Sáu Thanh, ông vua xe đò Vạn Lợi miền Tây. Nhân vật này được biết đến như một ông trùm xe đò lúc bấy giờ.

Có thể nói, trong khoảng hơn nửa thế kỉ hình thành đô thị mới, người dân vùng Cái Răng đã chứng kiến những thành tựu vượt bậc của “văn minh kinh xáng, tàu bè, xe cộ”, phương tiện đi lại mang đến nhiều tiện ích trong giao thông đường thủy lẫn đường bộ, góp phần nâng cao đời sống vật chất của con người Tây Đô đầu thế kỉ XX.

⁶² Người dân địa phương cho biết, người xưa gọi là bến xe Kiếng vì vách hông hai bên xe được lồng kiếng, vừa sáng lại vừa che mưa che gió. Mặt khác, người dân mình không quen dùng từ “xe thô mộc” (cái mũi khum khum như gò mã) như người vùng trên (Sài Gòn, Đồng Nai,..) nên gọi là xe kiếng cho sang.

Dưới thời Việt Nam cộng hòa, đường sá tỉnh Phong Dinh hầu hết đều tráng nhựa, một số trải đá và một số ít hương lộ còn là đường đất (Huỳnh Minh, 2001, tr.35). Theo thống kê, hệ thống đường sá có những đường lộ chính đáng chú ý, nối liền tỉnh lỵ với các quận, thị trấn lân cận, các đường liên tỉnh như: quốc lộ Số 4, đường liên tỉnh Số 27, Số 31. (Các con đường chính trong tỉnh từ Cần Thơ đi Bình Thủy, Trà Nóc, Ô Môn, Thới Long, Cờ Đỏ, Cái Răng, Cái Lắc, Phong Điền, Phụng Hiệp chỉ thống kê lộ trình nhưng không đề cập tên cụ thể).

c. Giao thông đường hàng không

Từ năm 1961, tại Cần Thơ đã có đường bay kinh doanh Sài Gòn – Cần Thơ tại phi trường 31 (nay thuộc quận Bình Thủy). Sau đó phi trường ngưng các hoạt động bay kinh doanh, chuyển sang làm sân bay quân sự, cùng với phi trường Trà Nóc cho đến 30.4.1975 (Nhâm Hùng, 2013, tr.44). Những con đường bao quanh phi trường 31 do chính quyền tỉnh Phong Dinh xây dựng năm 1960 – 1961 mang tên: đường Vành Đai Phi Trường (Nhánh A) (Ninh Kiều), đường Vành Đai Phi Trường (Nhánh B) (Bình Thủy). Khu dân cư hình thành cạnh đó cũng được gọi là khu dân cư Vành Đai Phi Trường (Ninh Kiều).

3.1.2.3. Về kinh tế - xã hội

Hoạt động thương mại vùng Cần Thơ đã sớm sung túc, đến khi người Pháp đặt nền cai trị, họ bắt đầu xây phố, cất nhà lồng chợ, rộ lên như một phong trào, như chợ Cái Răng, chợ Trà Niềng (nay là chợ Phong Điền), chợ Bình Thủy,... Trong đó, nhà lồng chợ Cần Thơ được xem là đầu tiên, được cất bằng sườn sắt lợp lá, về sau mới được xây dựng bằng gạch, ngói, bê tông, cốt thép, có sức chứa hàng trăm người ra vào mua bán. *“Thời Pháp thuộc, ngôi nhà lồng chợ nằm ở đoạn cuối bến Thương Mại, còn gọi là chợ Lục Tỉnh vì nằm cạnh bến tàu đi Lục tỉnh. Khu vực bến chợ được trồng một hàng dương, nên dân gian quen gọi chợ Hàng Dương”* (Nhâm Hùng, 2013, tr.48). Chợ Trà Niềng (nay là chợ Phong Điền) chính thức ra đời vào năm 1878 khi vùng đất này được khai phá trồng lúa, lập vườn có hiệu quả dù ban đầu chỉ lác đác vài tiệm tạp hóa nhỏ, vài chiếc ghe lưu động. *“Dần dần, hương chức làng cất ngôi nhà lồng chợ bằng sườn sắt. Hai bên có hai dãy phố mua bán, lợp ngói khoảng 20 tiệm quán, có cả tiệm vàng, cầm đồ, tiệm nước, chợ Phong Điền ngày càng sung túc, trở thành một trong 9 chợ lớn nhất vùng Cần Thơ thời đó...”* (Nhâm Hùng, 2017, tr.210). Theo thống kê của chúng tôi, có 14 địa danh liên quan đến thành tố Chợ như: kinh Chợ, rạch

Kinh Chợ (Phong Điền), cầu Chợ Vĩnh Trinh, đường Chợ Bò Ót, khu vực Chợ Cũ, vàm Chợ Cũ (Thốt Nốt),...

Một trong những đặc điểm đáng chú ý của tổ chức đô thị ở Cần Thơ là được hình thành từ khu định cư có sẵn của người Khmer. Đó đều là những trung tâm hành chính, thương mại của vùng đất này từ khi mới được thành lập đến nay. Dưới thời Tự Đức, huyện Phong Phú có năm chợ: chợ Cần Thơ (gần lỵ sở huyện Phong Phú), chợ Tân An⁶³ gần sông Cần Thơ, chợ Bình Thủy, chợ Cái Răng, chợ Trà Niên (Niềng)⁶⁴. Như vậy, ngay dưới thời Tự Đức, xứ Cần Thơ đã hình thành năm ngôi chợ lớn và tên gọi của đa phần đều có nguồn gốc từ tiếng Khmer. Cần Thơ trong tiếng Khmer là “kìn tho”, nghĩa là cá sặc rằn, Cái Răng (kran = cà ràng), Ô Môn (Ôm Mol = xứ sở không có người, chỉ nghe tiếng chó sủa), Trà Niên (Niềng) (ông tên Niềng) (nay thuộc huyện Phong Điền).

Sự trù mật, sôi nổi của các ngôi chợ buổi đầu thế kỉ XX thúc đẩy hoạt động thương mại, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống vật chất của cư dân vùng sông nước, khẳng định vị thế hàng đầu của đô thị Cần Thơ ven sông Hậu.

Đô thị gắn liền sự phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động xây nhà cho thuê khá thịnh hành ở Cần Thơ bắt đầu từ thời Pháp thuộc, thể hiện qua địa danh khu Nhà Năm Căn, khu Nhà 18 Căn (nay thuộc Ninh Kiều). Đây là những dãy nhà phố liền kề được xây dựng vào những năm 50 của thế kỉ XX. Đến nay vẫn còn dấu tích của những căn nhà này.

Ngoài ra, ở Cần Thơ thời Pháp thuộc còn nổi tiếng với hoạt động cờ bạc công khai và đến nay vẫn còn nhiều người biết đến: Trước năm 1954, gần rạch Tham Tướng có mở một sòng tài xỉu⁶⁵ trong một con hẻm nhỏ. Người mê cờ bạc tập trung về đây chơi khá nhiều, ăn thua rất lớn nên người ta gọi là hẻm Tài Xỉu⁶⁶.

Bên cạnh đó, dịch vụ y tế, phúc lợi xã hội cũng được đẩy mạnh (đường Nhà Thương, ngã ba Dường Lão). Thời Pháp thuộc, có một con kinh 600 thước từ dưới bờ sông chạy kéo dài tới bệnh viện để người dân đưa người bệnh đến đó bằng ghe xuồng, sau được san lấp thành đường, người dân gọi là đường Nhà Thương vì con đường này

⁶³ Chợ Tân An còn được gọi là chợ Giữa, tức chợ nằm đoạn giữa chợ Cần Thơ và chợ Cái Răng.

⁶⁴ Trong Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, Nguyễn Đình Đầu ghi là Trà Niêu. Cũng có ý kiến cho rằng có thêm chợ Thái An Đông (tức chợ Ô Môn ngày nay).

⁶⁵ Tài xỉu: hình thức đánh bạc theo kiểu người Hoa.

⁶⁶ Bà L.T.N, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều.

nằm cạnh nhà thương lớn của tỉnh lúc bấy giờ⁶⁷ (nay là đường Nguyễn An Ninh). Ngã ba Dương Lão được mang tên trên vì vào thời Việt Nam cộng hoà, tại ngã ba này có một cơ sở từ thiện được xây dựng để nuôi dưỡng người già⁶⁸.

Các tổ chức đô thị ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng tuy là trung tâm của một vùng nông thôn nhưng vẫn không bị lép vế trước sức ép của làn sóng văn hoá nông thôn mà vẫn có những ảnh hưởng về lối sống, sinh hoạt, kinh tế - văn hoá đến những vùng xung quanh, lân cận ở một mức độ nào đó. Những vùng này được gọi chung là “châu thành”. Châu thành ban đầu là một “*danh từ chung chỉ li sở hay thủ phủ của tỉnh, với ý nghĩa là chốn phồn hoa đô hội, nơi dân cư đông đúc... Vào nửa cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, khái niệm châu thành từ danh từ chung bắt đầu biến thành danh từ riêng để chỉ đô thị li sở hoặc các vùng nông thôn ngoại vi của chúng*” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.196). Địa danh Châu Thành là tên gọi của đơn vị hành chính cấp quận của tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc, của tỉnh Phong Dinh thời Việt Nam cộng hoà và là đơn vị hành chính cấp huyện từ sau ngày giải phóng. Đến năm 2004, huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A thuộc tỉnh Hậu Giang. Địa danh này xuất hiện hầu hết ở các tỉnh thành vùng Tây Nam Bộ, đều mang ý nghĩa chung là chỉ đô thị li sở hoặc vùng nông thôn bao quanh đô thị sầm uất.

Nhìn chung, trải qua quá trình manh nha, hình thành và phát triển kéo dài gần ba thế kỉ, đô thị Cần Thơ bắt đầu từ một thủ sở Trấn Giang mang tính chất quân sự rõ rệt, vừa là hậu phương vừa là tiền tuyến trong bối cảnh lịch sử xã hội hết sức phức tạp đã trở thành một điểm nhấn cho công cuộc đô thị hóa nhanh chóng của vùng Tây Nam Bộ ngày nay. Tuy nhiên, Cần Thơ vẫn mang đậm nét văn hóa của một đô thị sông nước, tận dụng được hệ thống sông ngòi, kinh rạch để hình thành nên những bến tàu, cầu tàu, bến phà,... và tạo nên nét đặc trưng của một đô thị sinh thái ven sông Hậu độc đáo và khó thể nhầm lẫn.

3.2 VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cùng với văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân là một bộ phận của văn hóa tổ chức, bao gồm những vấn đề thuộc tầm vi mô, liên quan đến cuộc sống của các cá nhân – từng người hoặc từng nhóm người riêng rẽ trong cộng đồng chủ thể và mang tính tùy biến, không bắt buộc cùng lúc cho tất cả mọi thành viên

⁶⁷ Ông P.L.M, nhà nghiên cứu văn hoá địa phương.

⁶⁸ Ông N.V.C, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều.

trong cộng đồng. Qua nghiên cứu địa danh ở Cần Thơ, yếu tố văn hóa liên quan đến phong tục tập quán của người dân Cần Thơ chưa được thể hiện rõ qua địa danh. Vì thế, trên cơ sở tiếp cận lí thuyết vùng văn hóa và lí thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa, luận án khai thác thành tố văn hóa tổ chức đời sống cá nhân qua địa danh ở Cần Thơ biểu hiện cụ thể qua hai phương diện chính: tín ngưỡng và nghệ thuật ngôn từ.

3.2.1 Tín ngưỡng

Theo *Từ điển Tín ngưỡng tôn giáo*, Mai Thanh Hải đưa ra quan niệm:

Tín ngưỡng là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí; lực lượng siêu nhiên đó có thể mang hình thức biểu tượng “trời”, “phật”, “thần thánh” hay một sức mạnh hư ảo, huyền bí, vô hình nào đó tác động đến đời sống tâm linh của con người, được con người tin đó là có thật và tôn thờ. (Mai Thanh Hải, 2006, tr.622)

Còn trong Từ điển tiếng Việt, “*tín ngưỡng là lòng tin theo một tôn giáo nào đó*” (Hoàng Phê và các cộng sự, 2009, tr.1277). Theo Nguyễn Bá Dương, “*tín ngưỡng là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí*” (Nguyễn Bá Dương, 2017, tr.7). Như vậy, có thể hiểu, tín ngưỡng là biểu hiện đầu tiên của sinh hoạt văn hóa, là niềm tin, sự ngưỡng vọng của con người về những cái siêu nhiên nhằm mục đích giải thích thế giới, tìm về cội nguồn của con người, giữ gìn và cải tạo bản thân con người trong mối tương quan với tự nhiên, qua đó có thể giúp con người hướng thiện. Qua khảo sát, thống kê, chúng tôi ghi nhận được 71 địa danh phản ánh tín ngưỡng của người dân Cần Thơ.

3.2.1.1 Tín ngưỡng của người Việt

a. Tín ngưỡng thờ cọp

Một trong những biểu hiện tín ngưỡng của người Việt ở Cần Thơ là tín ngưỡng thờ cọp. Những ngày đầu khẩn hoang, lưu dân đến vùng đất mới phải đối diện với vô vàn khó khăn thử thách, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng nếu gặp phải thú dữ, nguy hiểm nhất phải kể đến là cọp. Con người sống trên cạn, va chạm với cọp nhiều hơn nên cọp đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm thức của những con người khẩn hoang, vừa sợ hãi vừa tôn kính. Cách kính trọng cọp đơn giản nhất là sự kiêng kỵ, tôn kính trong cách xưng hô, thường gọi cọp là Ông, Ông Hồ, Ông Thầy, Ông Ba Mươi,..., có nơi còn lập miếu thờ, hy vọng Ông sẽ không quấy phá mà phù hộ cho bà con. Họ tin rằng cọp có linh, giúp con người chống lại tà ma và các thế lực khác. Một số địa danh

minh chứng cho điều này là rạch Miếu Ông, cầu Miếu Ông, chợ Miếu Ông (Bình Thủy). Ở quận Thốt Nốt có rạch Rầy (rạch Ông Rầy), cầu Rạch Rầy, đường Rạch Rầy – Bà Chiêu. Người dân địa phương cho biết, nghe người xưa kể lại, ngày xưa cạp hay tới lui chỗ con rạch này, nhiều lúc gập róng rất lớn nên dân gian kiêng cử, nói tránh ra thành rạch (Ông) Rầy (với nghĩa la máng).

Theo tư liệu điền dã của chúng tôi, ở chợ Miếu Ông thuộc phường Long Xuyên, quận Bình Thủy ngày nay, người dân vẫn còn lưu truyền câu chuyện về “Sự tích Miếu Ông Hồ”. Thời khẩn hoang, nơi đây là rừng rậm hoang vu, bạt ngàn, thú dữ nhiều vô kể, trong đó có một con cạp Rằn, mình vàng sọc đen, to như con bò. Thỉnh thoảng bắt người khai hoang ăn thịt. Người dân trong vùng kiêng sợ, gọi là “Ông Hồ”. Một đêm, người dân thấy cạp rằn đánh nhau chí mạng với một con cạp trắng có sọc vẫn không biết từ đâu tới, cuối cùng cả hai đều kiệt sức và bỏ mạng. Hôm sau, dân làng chôn cất hai Ông tử tế. Sau đó, hai Ông về báo mộng cho dân làng, bảo là ăn năn hối hận vì đã quấy nhiễu và hứa sẽ phù hộ dân làng làm ăn mạnh giỏi. Thấy vậy, bà con bảo nhau lập cái miếu nhỏ ở đầu rạch, gọi là Miếu Ông, thỉnh thoảng nhang khói, cầu Ông phù hộ. Ngôi miếu nhỏ tồn tại đến nay cũng khoảng trên dưới 200 năm⁶⁹. Con rạch có miếu thờ hai Ông được đặt tên là rạch Miếu Ông, hai cây cầu bắc qua rạch mang tên cầu Miếu Ông, ngôi chợ dựng ở đầu rạch gọi là chợ Miếu Ông.

Ở ngay đầu vàm chợ Miếu Ông hiện nay vẫn còn cái miếu thờ hai ông Hồ, rộng khoảng 6 mét vuông. Ngày trước, miếu được người dân dựng bằng cây vườn, lợp ngói âm dương, nay được cất lại bằng gạch và lợp tôn khá khang trang. Bên trong miếu có bức tranh vẽ hai ông đang chiến đấu. Hằng năm, vào ngày mùng 10 tháng 5 âm lịch, một số bà con ở đây có tổ chức một lễ nhỏ để tưởng niệm và khấn vái hai ông Hồ phù hộ làm ăn buôn bán, mạnh khỏe, bình an.

Ngoài ra, ở Tây Nam Bộ cũng có nhiều địa danh thể hiện tín ngưỡng này như: rạch Gầm (Tiền Giang), cù lao Ông Hồ (An Giang), giồng Ông Hồ (Long An), cù lao Hồ Châu (cù lao Ông Hồ) (tên gọi khác của cù lao Dung – Sóc Trăng), vàm Hồ Cú⁷⁰

⁶⁹ Ông L. N. T, người trông coi miếu Ông, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy.

⁷⁰ Nghĩa là cạp ngói.

(Đồng Tháp), tắt Ông Thầy (Cà Mau), áp Nàng Rên⁷¹ (Bạc Liêu), cầu Nàng Rên (Sóc Trăng), rạch Thầy Hội⁷² (Trà Vinh), rạch Thầy Hội (Cà Mau),...

b. Tín ngưỡng thờ Thổ thần

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cạp, người Việt nơi đây còn thờ Thổ thần: “Thổ địa quản nhà, Thổ công quản đất”. Thổ Công còn gọi là Thổ Địa, Thổ Thần, là một vị thần trong tín ngưỡng châu Á, cai quản một vùng đất nào đó. Mỗi khi con người làm việc gì liên quan đến đất đai đều phải cúng qua vị thần này (lễ động thổ). Ở Cần Thơ, một số địa danh thể hiện tín ngưỡng này như rạch Miếu, cầu Miếu (Phong Điền) (do ở ngay đầu rạch có miếu thờ Thổ công nên có tên rạch Miếu, cầu bắc qua rạch gọi là cầu Miếu) (Nhâm Hùng, 2013, tr.238-239).

c. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng

Những lưu dân người Việt trên con đường Nam tiến vẫn giữ lại truyền thống văn hóa lập thôn ấp, dựng đình và thờ Thành hoàng. Theo Trần Ngọc Thêm, đình làng là thiết chế văn hóa – tín ngưỡng – hành chính trong làng xã, là biểu tượng của tính cộng đồng; tính cộng đồng trong việc nối kết các thành viên trong làng và tính cộng đồng trong việc nối kết con người với thế giới siêu nhiên (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2001, tr.193-194). Chức năng của đình là thờ Thành hoàng – vị thần cai quản của làng – để Thần phù hộ, che chở cho dân làng, giúp cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống ngày càng ấm no, thịnh vượng. Thần Thành hoàng là chỗ dựa đặc biệt quan trọng trong văn hóa của những lưu dân vào Nam khai khẩn. Có 13 địa danh ở Cần Thơ liên quan đến thiết chế văn hóa này: rạch Ngã Cái Đình, bến Đình, cầu Ngã Ba Đình (bến và ngã ba có đình thần Thới Thuận – quận Thốt Nốt), lộ Đình Nước Vận, ngã ba Đình Nước Vận (lộ đi ngang, ngã ba sông chảy ngang đình thần Thường Thạnh – quận Cái Răng), cầu Kinh Đình, cầu Ngã Ba Đình - Bình An (Ô Môn), chợ Đình Vĩnh Trinh, cầu Chợ Đình Vĩnh Trinh (chợ, cầu gần đình thần Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh), cầu Đình (cầu cạnh đình thần Thới Long), cầu Đình Phú Luông (cầu cạnh đình thần Phú Luông) (quận Ô Môn),...

d. Tín ngưỡng thờ Bà Chúa Xứ

Tín ngưỡng thờ Bà Chúa Xứ cũng là một trong những biểu hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt cả nước nói chung, ở Cần Thơ nói riêng. Bà Chúa Xứ nghĩa là

⁷¹ Có âm gốc là *Nàng Rên*, chỉ một cách kiêng sợ cạp cái vì khi đẻ, nó rên rất lớn, sau nói chệch mà thành (Chu Xuân Diên) – (Lê Trung Hoa, 2014).

⁷² Cách gọi tắt của “cạp tụ hội”.

người có uy quyền nhất vùng, che chở cho dân làng. Theo Ngô Đức Thịnh, hình tượng Bà Chúa Xứ là một hiện tượng tích hợp các lớp văn hóa tạo nên biểu tượng tâm linh:

Bà Chúa Xứ mang hình bóng Bà Mẹ Xứ Sở - Pô Inur Nugar của người Chăm, Thánh Mẫu Thiên Ya Na... Nữ thần Neang Khmau (Bà Đen), tục thờ Neak Tà của người Khmer và xa hơn nữa, những cũng hiển hiện hơn là tất cả các biểu tượng trên đều được quy tụ trong linh tượng Shivalinga và sakti của Shiva là nữ thần Uma của Bàlamôn giáo (Ngô Đức Thịnh, 2012, tr.327).

Ở Cần Thơ, hình thái tín ngưỡng này được thể hiện qua địa danh cầu Rạch Miễu, rạch Bà (Thới Lai), cầu Rạch Miễu (Ô Môn),... (do ở đầu rạch có miếu thờ Bà Chúa Xứ nên đặt tên là rạch Miễu, cầu bắc qua Rạch Miễu gọi là cầu Rạch Miễu), rạch Bà Bóng (Phong Điền) (do con rạch có đoạn “cua queo” ngang qua nhà một bà làm nghề múa bóng rối⁷³ nên gọi là rạch Bà Bóng, hoặc cua Bà Bóng). Theo tư liệu điền dã, đường Chùa Bà chạy dọc theo sông Bằng Tăng ở phường Thới Long quận Ô Môn được mang tên trên vì ở đầu vàm sông có ngôi miếu nhỏ thờ Bà Chúa Xứ, tên miếu là Miếu Bà Cổ Tự Nương Nương, được lập năm 1999. Cây cầu nhỏ bắc qua rạch trước cổng miếu không có tên chính thức cũng được người dân gọi là cầu Chùa Bà để dễ nhận biết.⁷⁴

3.2.1.2 Tín ngưỡng của người Khmer

Người Khmer Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng có tín ngưỡng sùng bái đất đá, cụ thể là tục thờ Neak Tà. Loại hình sùng bái này có ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến đời sống của người Khmer tại địa phương. Tín ngưỡng thờ Neak Tà của người Khmer có từ lâu đời “trước khi bộ tộc này tiếp thu tín ngưỡng Bà La Môn” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2005, tr.134). Neak Tà từ xa xưa đã được xem là thần bảo hộ phum sóc, bảo vệ dân làng (tương tự như Thành hoàng của người Việt). Theo họ, Neak Tà thờ tượng trưng bằng vài hòn đá to và nhiều hòn đá nhỏ hình bầu dục, nhẵn bóng tự nhiên⁷⁵, được dân gian quen gọi là ông Tà đá (người Việt gọi là Ông Tà). Ngoài chức năng bảo hộ, ban phúc thì Neak Tà trong tâm thức người Khmer Cần Thơ còn là thần chữa bệnh, thậm chí trừng phạt,... nên rất được sùng bái, kính trọng, không ai dám

⁷³ Là loại hình múa hát nghi lễ vào các dịp lễ hội tại các đền miếu ở Nam Bộ, gắn liền với tục thờ nữ thần, mang ý nghĩa cầu xin bà phù hộ độ trì cho cuộc sống hàng ngày của con người.

⁷⁴ Ông L.V.V, phường Thới Long, quận Ô Môn.

⁷⁵ Theo Phan An thì có thể tục thờ Neak Tà ở người Khmer là tàn dư của tín ngưỡng thờ đá có ở Nam Á.

xem thường. Nguyễn Hữu Hiếu cho rằng: “*Thần có nhiều sức mạnh, nhà nào cũng phải thờ, bàn thờ đặt trên một trụ gỗ có mái che, để trong vườn gần cổng ra vào*” (rạch Ông Tà, cầu Ông Tà – huyện Phong Điền, cổng Ông Tà – quận Ô Môn). Theo tìm hiểu của chúng tôi, hiện nay các miếu thờ Ông Tà tại các rạch, cổng trên đã không còn nhưng người dân vẫn quen dùng các địa danh này.

3.2.1.3 Tín ngưỡng của người Hoa

Đặc trưng của tín ngưỡng người Hoa Cần Thơ là tục thờ thần: Quan Thánh Đế Quân và Thiên Hậu Nương Nương. Quan Công là một trong ba vị thần quan trọng trong tín ngưỡng của người Hoa (cùng với Thiên Hậu và Phúc Đức Chính Thần). Về tín ngưỡng thờ Quan Thánh, đây là một trong những loại tín ngưỡng khá quan trọng được lớp người Hoa mang theo trong hành trang di dân, biểu hiện được giá trị văn hóa tinh thần của người Hoa. Quan Công tượng trưng cho tinh thần “trung cang nghĩa khí”, “trung nghĩa thiên thu”, đề cao chữ “Tín”, ngoài ra Ông còn được xem là một vị Tài thần, mang lại may mắn, tiền bạc cho gia chủ. Có thể nói, tại Cần Thơ, ở đâu có người Hoa cư trú, ở đó có miếu Hoa và phần lớn được xây cất ở cặp mé sông, như: Hiệp Thiên Cung Ba Láng (Cái Răng), Võ Đế Cổ Miếu (Ô Môn), Quan Đế Võ Miếu (Bình Thủy),... hoặc được xây dựng ở những nơi dân cư đông đúc như: Hiệp Thiên Cung (Cái Răng), Thất Phủ Võ Miếu (Thốt Nốt), Quảng Triệu Hội Quán (Ninh Kiều)... Trên quê hương mới, người Hoa lập miếu thờ Quan Thánh với những tên gọi khác nhau: miếu, cung, điện, hội quán,... người Việt quen gọi là chùa Ông (đường Chùa Ông – Ninh Kiều, đường Chùa Ông – Cái Răng, đường Chùa Ông – Thốt Nốt,...). Ở phường Thới Long, quận Ô Môn có lộ Miếu Ông do con lộ đi ngang Linh Sơn Cổ Miếu (còn gọi là Chùa Ông). Miếu được ông Trần Thiệu cùng con cháu người Hoa lập Hội Triều Châu xây dựng năm Canh Dần 1890 thờ Quan Thánh Đế quân. Ban đầu con lộ nhỏ chưa có tên, người dân vì thấy lộ đi ngang miếu Ông nên gọi luôn là lộ Miếu Ông.⁷⁶

Cùng với sự sùng bái Quan Công, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu⁷⁷ cũng du nhập vào Nam Bộ, trong đó có Cần Thơ theo bước chân của đoàn người Hoa di dân vào thời Minh – Thanh. Trên đường đi biển, họ thường cầu nguyện Bà hiền linh hỗ trợ. Khi định cư được bình an tại vùng Nam Bộ, di dân lập miếu trang trọng thờ Bà, ngưỡng vọng và thờ tự Bà với tấm lòng biết ơn đã giúp đỡ họ được “thuận buồm xuôi gió”.

⁷⁶ Chì P.T.D.M, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ

⁷⁷ Còn gọi là Mã Hậu, một vị thần được sùng kính như một Quan Âm nữ đối với người Việt.

Trong tâm thức người Hoa, Thiên Hậu tên Lâm Mặc, người Phúc Kiến vào thời Tống, sinh năm 960, có tài tiên tri, biết được tương lai của nhiều người. Một hôm cha và anh của bà đi buôn xa bằng đường biển, tự nhiên bà bị hôn mê trong nhiều giờ liền, khiến cho người nhà lo lắng đánh thức dậy. Bà cho biết trong lúc mê, bà thấy họ bị nạn trên biển và bà đã cứu được hai người anh, trong khi sắp cứu được người cha thì bà bị đánh thức. Hai người anh sống sót trở về cũng xác nhận như vậy. Bà nổi tiếng từ đó và trở thành thần phù trợ cho người đi biển, các ngư phủ, đồng thời cũng là thần độ mạng của nữ giới. Theo dòng di dân đến khắp nơi ở Nam Bộ, miếu Thiên Hậu cũng được dựng lên. Vì tôn sùng vị nữ thần bảo hộ này, người Hoa ở Cần Thơ lập miếu thờ (hoặc phối thờ) tại các thị trấn, thị tứ sung túc, như Hội quán Quảng Triệu tại Ninh Kiều, miếu Thiên Hậu Cái Răng, miếu Thiên Hậu Ô Môn. Các địa danh gắn liền với loại hình tín ngưỡng này gồm đường Chùa Bà (Cái Răng), chợ Miếu Bà⁷⁸ (Phong Điền).

Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát, tín ngưỡng dân gian giữa người Hoa và người Việt ở Cần Thơ có nhiều điểm chung, cụ thể như các tục thờ thiên thần, nhân thần, tục đốt vàng mã trong cúng kiếng, tổ chức lễ tết, tục kiêng kị,... Theo tìm hiểu của chúng tôi, cả hai tộc người chịu ảnh hưởng qua lại lẫn nhau về sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng. Người Việt thờ Ông Thiên, Quan Công, Thiên Hậu, Thần Tài, Thổ Địa,... Trong khi đó, người Hoa cũng lui tới cúng bái những ngôi chùa Phật giáo của người Việt. Các hội quán, miếu thờ Thiên Hậu của người Hoa được người Việt xem như là chùa (chùa Ông, chùa Bà) và hầu như không có sự phân biệt rạch ròi⁷⁹. Có thể nói, *“trong sinh hoạt tín ngưỡng, có thể nhận thấy một sự giao thoa mạnh mẽ, đến mức có những nét văn hóa khó phân biệt cội nguồn Hoa Việt”* (Trần Thuận, 2014, tr.46).

Trong tâm thức của cộng đồng người Hoa, Ông Bồn là vị thần cai quản một khu vực đất đai, mang lại của cải, sự giàu có và hạnh phúc cho mọi người. Như vậy, có một sự đồng hóa giữa tín ngưỡng thờ Ông Bồn với tín ngưỡng thờ ông Địa, thờ Thành Hoàng bản cảnh của người Việt và tục thờ Neak tà của người Khmer ở địa phương. Ngoài ra, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu cũng tương tự với tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, người Khmer ở Cần Thơ. Các gia đình người Việt thờ Thiên Hậu tại gia như thần

⁷⁸ Tên gọi khác của chợ Bông Vang. Người dân địa phương cho rằng trước đây gần chợ có một ngôi miếu thờ Bà Thiên Hậu nên quen gọi là chợ Miếu Bà.

⁷⁹ Chì P.T.D.M, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ.

hộ mệnh. Vào các ngày lễ tết, miếu Thiên Hậu (chùa Bà) cũng được người Việt, người Khmer đến hành lễ, tham gia các sinh hoạt tâm linh, xã hội⁸⁰.

Đình ở Cần Thơ là một trong những nơi thể hiện rõ nét nhất quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa ba tộc người Việt – Hoa – Khmer qua hiện tượng phối thờ. Theo khảo sát của chúng tôi, đình làng của người Việt ở Cần Thơ, ngoài thờ thần Thành Hoàng, thờ cọp, Bà Chúa Xứ, Thần Nông... còn thờ Quan Thánh Đế Quân theo tín ngưỡng của người Hoa (đình Thới Bình, đình Thới Thạnh...), thờ Neak Tà theo tín ngưỡng của người Khmer (đình Thới Bình, đình Thới Thạnh Đông...). Điều này tạo nên sự gắn bó, đoàn kết giữa các tộc người trong quá trình cộng cư trên đất Cần Thơ và thực hành sinh hoạt tín ngưỡng.

Tóm lại, trong quá trình cộng cư kéo dài gần ba thế kỉ, quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các tộc người trên địa bàn thành phố Cần Thơ diễn ra trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa của từng tộc người, góp phần tô điểm cho văn hóa cộng đồng thêm phong phú và đặc sắc, tạo nên tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Cần Thơ nói riêng, Tây Nam Bộ nói chung.

3.2.2 Nghệ thuật ngôn từ

Nghệ thuật ngôn từ chính là công cụ chủ yếu của hoạt động giao tiếp trong nội bộ mỗi cộng đồng. Cùng với văn hóa giao tiếp, nghệ thuật ngôn từ thể hiện rất rõ khí chất, tư duy, tình cảm của người dân ở mỗi vùng miền chủ yếu qua hai lĩnh vực: ngôn ngữ và văn chương (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.301-314). Qua khảo sát, địa danh ở Cần Thơ có những đặc điểm về nghệ thuật ngôn từ sau: tính hiếu cổ (441 địa danh) và sự dung hợp văn hóa khá đậm nét (296 địa danh).

Tính hiếu cổ có thể hiểu là sự tôn trọng quá khứ, thể hiện đến lòng biết ơn với các tiền nhân, thể hiện rõ qua tục kiêng cử tên của những người có công (tục kỵ húy, kiêng húy). Kiêng húy là một phong tục đã có từ lâu đời trong khu vực văn hóa chữ Hán, cụ thể là văn hóa Việt Nam cũng như Trung Quốc. Trong phạm vi quốc gia, kiêng húy nghĩa là kiêng kỵ tên húy của vua, không được phép dùng tên húy của vua để đặt tên cho con cái, không dùng trong văn bản hay trong sinh hoạt hàng ngày. Trong gia đình, con cháu không được nhắc đến tên của ông bà tổ tiên. Trong xã hội, tránh nhắc đến tên những người đã chết theo mê tín của người xưa. Những tên của thần linh, vua chúa, ông bà, các bậc trưởng thượng... đều không nên nói đến. Theo

⁸⁰ Chì P.T.D.M, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ.

Ngô Đức Thọ, vấn đề kỵ húy có từ rất lâu đời, “*việc kiêng âm húy của chúa Nguyễn ở mức độ rộng rãi phổ biến là một hiện tượng đặc biệt mà không một cấp quan lại địa phương nào có được...*” (Ngô Đức Thọ, 1997, tr.120). Việc kỵ húy được thực hiện “*trong gia tộc của chúa Nguyễn*” rồi “*lan truyền đến những người giúp việc xung quanh, quan lại cao cấp, những người dân có quan hệ công việc với phủ chúa... người này truyền cho người khác, đời này truyền sang đời khác, lâu dần thành một tập quán kiêng âm húy của các chúa Nguyễn rất bền vững*” (Ngô Đức Thọ, 1997, tr.120). Bắt đầu từ thời Gia Long, sau khi lên ngôi, vua cho ban hành lệnh kỵ húy vào năm 1803, các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Kiến Phúc, Đồng Khánh đều có ban lệnh và bổ sung thêm.

Tục **kiêng húy** ảnh hưởng tới những từ thường dùng trong ngôn ngữ hằng ngày, đến việc đặt tên con cái, đặt tên các địa danh,...

Thái → Thới: phường Thới Bình (Ninh Kiều), huyện Thới Lai, phường Thới An Đông (Bình Thủy),... (kiêng húy chúa Nguyễn Phúc Thái (1648-1691))

Khang → Khương: ấp Trường Khương, ấp Trường Khương A, ấp Trường Khương B (Phong Điền), cồn Khương (Ninh Kiều),... (kiêng húy Lê **Khang** (đời thứ hai dòng Lê Trừ) và Hiếu **Khang** hoàng đế (cha vua Gia Long))

Nguyên → Ngươn: cầu Ba Ngươn 1, cầu Ba Ngươn 2, cầu Ba Ngươn 3 (Phong Điền), khu vực Thới Ngươn A, khu vực Thới Ngươn B (Ô Môn),... (kiêng tên chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên)

Long → Luông: khu vực Phú Luông (Ô Môn), rạch Khai Luông (Ninh Kiều), sông Khai Luông (Bình Thủy),... (kiêng tên của vua Lê Thái Tông là Nguyễn **Long** nên phải nói thành Luông)

Bảo → Bửu: rạch Tràm Bửu (Phong Điền) (kiêng húy bà Nguyễn Thị Ngọc **Bảo** (vợ chúa Trịnh Kiểm) nên phải nói chệch)

Hoa → Bông: cầu Bông Vang (Thốt Nốt), đường huyện Mỹ Khánh – Bông Vang, Rạch Bông Giếng (Phong Điền),... Từ năm 1842, vì kiêng húy bà Hồ Thị **Hoa** (1791-1807), mẹ vua Thiệu Trị, đổi bằng từ đồng nghĩa **Bông**.

Chân → Chơn: kênh Huyện Chơn, cầu Huyện Chơn (Cờ Đỏ) (kiêng húy vua Dục Đức - Nguyễn Phúc Ưng **Chân**)

Nhân → Nhơn: Ấp Mỹ Nhơn, ấp Nhơn Hưng, Xã Nhơn Ái, xã Nhơn Nghĩa (Phong Điền),... (kiêng tên tước của **Nhân** quận công Nguyễn Phúc Lan)

Vũ → Võ: cầu Võ Văn Giang, cầu Võ Thành Tâm (Phong Điền), đường Võ Trường Toản (Ninh Kiều),... (kiêng húy vua Lê Huyền Tông (Duy **Vũ**))

Nghĩa → Ngãi: cầu Đội Ngãi, cầu Cái Ngãi, đường Cầu Cái Ngãi (Phong Điền) (kiêng tên tước và miếu hiệu của chúa Nguyễn Phúc Thái (1648-1691) là Anh Tôn Hiếu **Nghĩa**)

Chu → Châu: khu vực Long Châu (Cờ Đỏ), rạch Khoán Châu (Bình Thủy), công viên Châu Văn Liêm (Ô Môn), đường Trần Việt Châu (Ninh Kiều),... **Chu** bị nói trại thành **Châu** vì kiêng húy chúa Nguyễn Phúc **Chu** (1675-1725).

Hoàng → Huỳnh: cầu Huỳnh Bá, cầu Huỳnh Tấn Phi (Phong Điền), đường Huỳnh Cương (Ninh Kiều),... (kiêng húy chúa Nguyễn **Hoàng** (1524-1613), người có công khai sáng nhà Nguyễn ở Đàng Trong)

Ly → Lợi: ấp Đông Lợi (Cờ Đỏ), ấp Trường Lợi (Thới Lai), vàm Kênh Thắng Lợi 1, cầu Kênh Thắng Lợi 1 (Thốt Nốt),... (kiêng húy của vua Lê Ly nên phải gọi tránh)

Phúc → Phước: phường Phước Thới (Ô Môn), ấp Mỹ Phước (Phong Điền), ấp Thạnh Phước, ấp Phước Trung, ấp Phước Lộc (Cờ Đỏ), chợ Phước Thới (Ô Môn), chợ Phước Lộc (Thốt Nốt),... (kiêng húy vua Nguyễn Ánh - Nguyễn Phúc Ánh)

Có thể nói, tập quán kiêng húy dưới thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn đã trở thành một trong những nguyên nhân có tính chất định hướng trong việc đặt tên các địa danh ở Cần Thơ, tạo thành nét đặc trưng cho phát âm địa phương của người dân Cần Thơ nói riêng và Nam Bộ nói chung.

Ngoài ra, địa danh ở Cần Thơ còn bị ảnh hưởng bởi hiện tượng biến âm (103 địa danh): biến đổi ngữ âm từ Hán Việt cổ sang Hán Việt đời Đường: quý → quới (ấp Thạnh Quới 1 – huyện Cờ Đỏ, ấp Lân Quới, ấp Phụng Quới A, ấp Phụng Quới B – huyện Vĩnh Thạnh,...), thịnh → thanh (huyện Vĩnh Thạnh, phường Thường Thạnh, khu vực Thạnh Huề, khu vực Thạnh Mỹ - quận Cái Răng,...), hợp → hiệp (xã Đông Hiệp, ấp Thới Hiệp, ấp Thới Hiệp 1, ấp Thới Hiệp 2, ấp Thới Hiệp A, ấp Thới Hiệp B – huyện Cờ Đỏ,...)

Ngoài tính hiệu cổ, địa danh ở Cần Thơ còn thể hiện khá rõ nét sự dung hợp văn hóa giữa các tộc người cộng cư trên vùng đất mới. Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các tộc người Khmer – Việt – Hoa ở Cần Thơ diễn ra gần 300 năm trên nhiều phương diện, trước nhất là ngôn ngữ (296 địa danh). Trong đó, nhiều từ ngữ của

các tộc người, đặc biệt là của người Khmer được người Việt vay mượn và sử dụng rộng rãi trong phương ngữ, vừa tạo nên sự phong phú và đa dạng trong vốn từ, vừa thể hiện sự độc đáo, linh hoạt trong việc sử dụng từ vay mượn.

Một số địa danh ở Cần Thơ có nguồn gốc từ tiếng Khmer có thể kể đến là:

Vàm (“piam/ păm/ peam/ piêm”: cửa sông, nơi một con sông nhỏ chảy vào con sông lớn): rạch Vàm Bi, ấp Thị Tứ - Vàm Xáng, cầu Vàm Rạch Tre (Phong Điền),...

Rạch (“prek/ prêk/ preak”: đường nước dẫn vào sông ruộng, thuyền bè có thể đi lại được): đường Rạch Ông Bôi, đường Rạch Ranh, đường Vàm Cái Sắn, đường Vàm Cần Đước (Thốt Nốt), sông Rạch Cam (Bình Thủy), khu vực Rạch Chanh (Ô Môn),...

Bò hóc (“prohok/ prahok”: một loại mắm cá của người Khmer): rạch Bò Ót⁸¹, cầu Bò Ót, chợ Bò Ót (Thốt Nốt),...

Thốt nốt (Th'not: một loại thực vật họ dừa, trái được ăn tươi hoặc nướng, nước ngọt chảy ra khi cắt cuống hoa được dùng để cô đặc thành đường thốt nốt): quận Thốt Nốt, thị trấn Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, rạch Thốt Nốt, kinh Thốt Nốt, chợ Thốt Nốt,...

Nóp⁸²: rạch Nóp (Phong Điền).

Cà ràng (một loại bếp lò, phù hợp với môi trường sông nước): chợ Cái Răng⁸³, quận Cái Răng, cầu Cái Răng, cầu Cái Răng Bé,...

Bên cạnh đó, từ có nguồn gốc từ tiếng Hoa cũng xuất hiện dù không chiếm số lượng nhiều như từ gốc Khmer: xóm Công Xi Heo⁸⁴. Theo Lê Trung Hoa, *công xi* là từ gốc Pháp: *compagnie*, người Hoa phiên ra thành *công ty*, đọc theo giọng Quảng Đông thành *công xi*, là nơi xẻ thịt heo để bán. Xóm này vào thời Pháp thuộc có lò mổ heo ở giữa một con rạch nên người dân đặt tên trên. Bên phía cồn Cái Khế trước đây có một cây cầu chuyên lên heo cho lò mổ nên người dân đặt tên cầu Công Xi Heo.

Thời Pháp thuộc, địa danh ở Cần Thơ chịu ảnh hưởng rất mạnh mẽ của ngôn ngữ Pháp dù mang tính chất ép buộc trong gần 100 năm Pháp đô hộ. Trước hết, đó là

⁸¹ Được Việt hóa từ Prohok, Prohoc, Prahoc thành bò hóc, bò ót. Xưa ở khu vực con rạch này có một xóm người Khmer chuyên làm mắm bò hóc, nay còn khoảng 250 hộ dân nhưng sống tập trung trong một xóm nhỏ thuộc huyện Vĩnh Thạnh, không còn ở chỗ cũ nữa.

⁸² Ngày trước ván đóng quan tài rất khó kiếm nên xác chết thường bó trong chiếc nóp, bên ngoài quấn tròn bằng lớp vạt tre hoặc đấng sập (Sơn Nam).

⁸³ Cái Răng: “Cái” nghĩa là “rạch”, Răng do Kran biến đổi thành (Lê Trung Hoa). Có ý kiến cho rằng do *Kran* - “cái cà ràng” mà ra, là thứ lò nắn bằng đất do người Khmer chế tạo đầu tiên, bày bán nhiều ở chợ Cái Răng rồi thành danh (Vương Hồng Sên).

⁸⁴ Xóm này thuộc khu vực đường Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, hiện không còn. Con rạch chảy qua xóm này đã bị lấp, thành đường lộ (Nhâm Hùng).

sự tiếp nhận nhiều từ gốc Pháp như Xáng (vốn được Việt hóa từ con đường phiên âm từ *chaland*, có nghĩa là sà lan (trên đó người ta đặt máy đào kinh, vét bùn) (Lê Trung Hoa). Kinh do xáng đào gọi là kinh xáng). Có 17 địa danh mang yếu tố Xáng: vàm Xáng, kinh Xáng Xà No, bến phà Vàm Xáng, chợ Vàm Xáng (Phong Điền), hồ Xáng Thối, đường Bờ Hồ Xáng Thối (Ninh Kiều). Hồ Xáng Thối là địa danh ra đời từ thời Pháp thuộc. Trước đây, khu vực này là khu đất liền, Pháp cho xáng thối đất lên để xây nhà thương, từ đó hình thành hồ Xáng Thối, người dân lấy nước ở đó phục vụ cho sinh hoạt nói chung.⁸⁵

Thêm vào đó, các địa danh như bến Bắc, bến phà Bắc, bến Bắc Cần Thơ cũng được phiên âm ra từ tiếng Pháp. Nguyên gốc tiếng Pháp của “Bắc” là “Bac”, nghĩa là phà hay đò ngang, phương tiện vận chuyển lớn qua sông: “*Từ Bắc bao gồm hai phương tiện: - Bến bắc: cầu nổi theo thủy triều cho xe lên xuống. Tiếng Pháp kêu ponton. - Chiếc bắc: chiếc phà lớn chở xe và hành khách qua sông*” (Nhâm Hùng, 2017, tr.136).

Ngoài ra, cầu Bót Số 10⁸⁶, chợ Bót Số 10 (Cái Răng) có mang yếu tố gốc Pháp: *Poste* (cũng gọi *bốt*), nghĩa là “đồn cảnh sát”. Bót này nằm ở nơi đặt cây số thứ 10 trên lộ Đông Dương thời Pháp thuộc (nay là quốc lộ 1A) nên có tên trên.

Hơn nữa, nhiều tên đường, tên bến, tên sở điền ở Cần Thơ thời Pháp thuộc được chính quyền đặt bằng tiếng Pháp. Tên các con đường mới mở trong nội ô tỉnh lỵ thuộc làng Tân An đa số được đặt bằng tiếng Pháp như đường Saintenoy, Capitaine, Capitaine d’Her, Van Vanllenhoven, Delanoue, Paul Bert, Galliénie. Bến Hàng Dương, chợ Hàng Dương được Pháp gọi là *Quai de commercer*, nghĩa là bến Thương Mại. Các sở điền lớn hàng ngàn mẫu đất, quy tụ hàng ngàn tá điền như điền Alber Gressier (điền Tây Be), điền Labaste (điền Tây La – Bách) cũng mang tên tiếng Pháp của điền chủ. Như vậy, trong giai đoạn thuộc Pháp, địa danh của tỉnh Cần Thơ chịu ảnh hưởng không nhỏ của tiếng Pháp. Sự tiếp nhận này tuy có phần thụ động nhưng vẫn bổ sung thêm được một số vốn từ vay mượn của ngôn ngữ phương Tây.

Tiểu kết chương 3

Văn hoá tổ chức là một trong những thành tố văn hoá quan trọng góp phần thể hiện những giá trị văn hóa nội tại của một cộng đồng người trên cơ sở tương tác với môi trường xung quanh, từ đó tổ chức đời sống cộng đồng một cách phù hợp nhất. Với

⁸⁵ Ông N.V.T, phường An Cư, quận Ninh Kiều.

⁸⁶ Tên gọi khác của cầu Rạch Chiếc.

1284 địa danh ở thành phố Cần Thơ, chúng tôi nhận thấy, các giá trị văn hoá nhận thức cơ bản được thể hiện ở các phương diện: văn hoá tổ chức đời sống tập thể (476 địa danh) và văn hoá tổ chức đời sống cá nhân (808 địa danh).

Văn hóa tổ chức đời sống tập thể qua địa danh ở thành phố Cần Thơ thể hiện ở khía cạnh văn hoá tổ chức đời sống nông thôn và đô thị. Theo đó, hệ thống địa danh gắn liền với tên làng xã được lập từ thời nhà Nguyễn đến thời Pháp thuộc góp phần minh họa cho lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị hành chính cơ sở của vùng Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng. Điểm đáng lưu ý ở đây là, khác với miền Bắc, hầu như không có làng nào lấy tên của người có công trong việc lập làng đặt cho tên làng, ít nhiều phản ánh nét văn hóa đặc trưng trong cách đặt tên làng ở vào vùng đất mới được khai phá.

Ngoài ra, công cuộc khai hoang lập ấp ở vùng đất Trấn Giang – Cần Thơ đã cơ bản hoàn thành, cơ cấu tổ chức làng xã nơi đây cũng đã khá hoàn chỉnh. Điều đó phần nào được thể hiện qua các địa danh phản ánh các chức danh trong bộ máy chính quyền địa phương. Đó chủ yếu là những địa danh ghi lại chức danh + tên riêng của các thành viên trong Hội đồng kì mục (Ban hội tề), những người trong bộ máy quản lí và khá quen thuộc với người dân ở địa phương.

Hơn nữa, tiến trình đô thị hóa cũng cơ bản phác họa nên diện mạo đô thị của Cần Thơ từ thời khẩn hoang đến “thủ phủ của miền Tây” và thành phố trực thuộc Trung ương như ngày nay cũng được 121 địa danh lưu dấu. Từ giai đoạn manh nha hình thành đô thị, thủ sở Trấn Giang (tên gọi hành chính đầu tiên của xứ Cần Thơ năm 1739) được Mạc Thiên Tích xây dựng như một nơi có vị trí chiến lược quan trọng về mọi mặt, thu hút dân cư, phát triển thương mại. Từ đầu thế kỉ XX đến nay, quá trình đô thị hoá nơi đây diễn ra khá nhanh chóng, nhất là về cơ sở hạ tầng đô thị (phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy) và về thương mại (phát triển chợ búa, công nghiệp) và được thể hiện khá rõ nét qua địa danh.

Bên cạnh đó, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân của con người đất Tây Đô cũng được ghi lại qua 808 địa danh, đặc biệt chú ý đến tín ngưỡng, nghệ thuật ngôn từ tồn tại trong đời sống của người dân địa phương. Theo đó, các yếu tố thuộc tín ngưỡng của người Việt, Hoa, Khmer được phản ánh trong địa danh, trong đó tín ngưỡng thờ Thành hoàng, thờ cọp, thờ Bà Chúa Xứ của người Việt có phần rõ nét hơn. Ngoài ra, tính hiếu cổ và sự dung hợp trong nghệ thuật ngôn từ được lưu dấu trong địa danh ở Cần

Thơ khá đậm đặc, phần nào thể hiện đặc trưng phát âm của địa phương và sự linh hoạt trong việc sử dụng từ vay mượn của người cư dân bản địa nói riêng, Tây Nam Bộ nói chung. Nhìn chung, những yếu tố thuộc văn hoá tổ chức đời sống cá nhân đều mang tính tùy biến, không bắt buộc cho tất cả các thành viên trong cộng đồng. Nó ẩn chứa những nét độc đáo và đặc sắc mang tính cá nhân của chủ thể văn hóa, có thể tạo nên nét khu biệt với các địa phương khác.

CHƯƠNG 4 VĂN HÓA ỨNG XỬ QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Qua khảo sát, thống kê và phân loại, văn hóa ứng xử được thể hiện qua 2392 địa danh ở thành phố Cần Thơ với số liệu cụ thể:

Bảng 4. 1 Bảng thống kê địa danh thể hiện văn hóa ứng xử qua địa danh ở thành phố Cần Thơ

STT	LOẠI ĐỊA DANH		SỐ LƯỢNG
1	Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên	Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với đất và nước	454
		Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với động vật, thực vật	80
2	Địa danh phản ánh văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	Địa danh phản ánh tâm lí cộng đồng	1614
		Địa danh phản ánh sự tiếp nhận văn hóa Phật giáo	57
		Địa danh phản ánh sự tiếp nhận văn hóa Nho giáo	35
		Địa danh phản ánh sự giao lưu với văn hóa phương Tây	152
TỔNG			2392

(Nguồn: Nguyễn Thúy Diễm, 2021)

4.1 VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bất kể tồn tại ở thời kì lịch sử nào, con người đều phải chịu ảnh hưởng của môi trường sống mang lại, kể cả tự nhiên lẫn xã hội. Con người vừa cải tạo tự nhiên để phục vụ cho nhu cầu sống của mình nhưng cũng vừa phải thích nghi để dung hòa với môi trường đó. Quá trình này đồng thời tạo nên những giá trị văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, thể hiện khá rõ nét trong sinh hoạt của con người.

Văn hóa ứng xử là một trong ba tiểu hệ liên quan đến mối quan hệ của cộng đồng người với môi trường. Đó là văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên (bao gồm thiên nhiên, khí hậu, bản năng sinh tồn của con người trong môi trường đó) và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội (mối liên hệ với các chủ thể văn hóa khác) (Nguyễn San – Phan Đăng, 2012, tr.23).

Tiếp cận lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa và lí thuyết vùng văn hóa, luận án khai thác văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ trên các yếu tố chính: Văn hoá ứng xử với đất và nước, văn hóa ứng xử với động vật và thực vật.

4.1.1 Văn hóa ứng xử với đất và nước

Với đặc điểm địa hình sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, có thể nói vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng mang bản chất văn hóa nước rõ rệt nhất. Theo thống kê, tổng cộng vùng Tây Nam Bộ có khoảng 2.500km sông rạch tự nhiên và trên 6.500km kinh trục và kinh cấp I, trên 36.000km kinh cấp II và cấp III. “*Không nơi nào trên ĐẤT NƯỚC này, ĐẤT và NƯỚC hòa quyện với nhau khăng khít như ở vùng sông nước Tây Nam Bộ*” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.72). Có thể nói, đây là một trong những địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long có nhiều kinh nghiệm ứng xử với nước và đất, khéo léo tận dụng đất để đối phó với nước và ngược lại.

4.1.1.1 Văn hóa tận dụng đất và ứng phó với nước

a. Trong sinh hoạt

Trong sinh hoạt, phương diện điển hình nhất mà người Cần Thơ có ứng xử tận dụng đất, ứng phó với nước là lĩnh vực bếp núc và được lưu giữ trong 11 địa danh. Để nấu nướng trên ghe xuồng, người ta đã sử dụng chiếc cà ràng. Cà ràng cũng được làm từ đất sét (rạch Đất Sét, cầu Đất Sét, kinh Đất Sét), tuy nhiên không phải loại đất sét nào cũng nung được cà ràng với chất lượng tốt như nhau. Theo Trần Ngọc Thêm, trong số những nơi sản xuất cà ràng thì cà ràng Xà Tón (An Giang) có chất lượng tốt nhất vì rất bền, có khi xài vài năm, mang đi mang lại mãi cũng chưa gãy bể. Chúng được các làng gốm Xà Tón sản xuất hàng loạt, rồi giao sỉ cho các ghe thương hồ đem bán tại các chợ lớn nhỏ khắp vùng Tây Nam Bộ. Lộ trình thuận tiện nhất của các ghe chở cà ràng là thả xuôi theo dòng sông Hậu tới chợ nổi Cái Răng thì neo lại⁸⁷ (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.416).

Cà ràng ở Cần Thơ cũng như Tây Nam Bộ không giống bếp kiềng (ba chân) bằng sắt như ở miền Trung, miền Bắc. Bếp cà ràng được làm bằng đất nung, có thành cao hình số 8 hai đầu phình rộng ra để chắn gió, chứa tro và củi chụm, chủ yếu là để than tro văng ra ngoài và giữ nhiệt được tốt hơn. Một ưu thế nữa của bếp cà ràng là loại bếp dễ nấu, không kén củi, có thể để trên sàn nhà bằng tre, gỗ, thậm chí có thể để

⁸⁷ Có ý kiến cho rằng ghe chở cà ràng bán ở chợ Cái Răng từ phía Hòn Đất – Kiên Giang đổ về (Nhâm Hùng).

ngay trên ghe xuống mà không sợ bắt lửa, lại gọn nhẹ, dễ di chuyển. Chính vì lẽ đó mà cà ràng trở thành vật dụng không thể thiếu trên ghe xuống của những con người khai hoang từ buổi đầu lập nghiệp nơi đây.

Chợ Cái Răng (trên bờ và dưới sông) từ đầu thế kỉ XX đã tập nập những ghe mui tròn (ghe đặc trưng của người Khmer) chở cà ràng đến bán quanh năm. Mặt hàng này phổ biến và nhiều đến nỗi người dân địa phương gọi đây là chợ Cà Ràng, về sau đọc trại thành chợ Cái Răng. Theo Vương Hồng Sển, cà ràng được vay mượn từ tiếng Khmer (*kran*) (Vương Hồng Sển, 1993, tr.91). Theo Lê Trung Hoa, trong *Kran* thì *K* thường biến thành *Cà* (*crème* > *cà rem*) chứ không biến thành *Cái*. *Cái* vẫn là “*rạch*”, *Răng* có lẽ là do *Kran* (Lê Trung Hoa, 2014). Theo chúng tôi, cách lí giải của Lê Trung Hoa có phần hợp lí hơn. Nhiều địa danh ở Cần Thơ minh họa cho văn hóa tận dụng đất để ứng phó với nước cho trường hợp của “cà ràng” như: cầu Cái Răng, cầu Cái Răng Bé, rạch Cái Răng, sông Cái Răng, quận Cái Răng, cụm công nghiệp Cái Răng,... Ở Nam Bộ, một số tỉnh cũng có địa danh mang ý nghĩa tương tự như: ấp Cà Vàng (cà vàng có âm gốc là cà ràng - Đồng Tháp), cầu Cái Răng (An Giang), lộ Cái Răng (Cà Mau), rạch Cái Răng (Tây Ninh),...

b. Trong sản xuất

Người dân Cần Thơ đã thích nghi để ứng phó với nước trong mùa nước nổi và tận dụng nguồn đất sét ở địa phương để làm gạch ngói cung cấp cho thị trường trong vùng và các vùng phụ cận. Điều này được ghi nhận qua 20 địa danh.

Mùa nước nổi được xem là một “mùa” trong năm khi sông Tiền, sông Hậu dâng nước lên vào mùa mưa mà không kèm theo lũ lụt. Đây là một mùa nước ngập tự nhiên khi nước từ biển hồ Campuchia đổ về lưu vực sông Mekong. Tại đây sông Mekong chia ra hai nhánh sông Tiền và sông Hậu, sau đó đổ ra biển theo chín cửa sông nhỏ (nay đã bị lấp một cửa). Vùng này địa hình tương đối thấp (0,7 -1,2m so với mực nước biển) nên tốc độ dòng chảy không cao. Có thể so sánh lũ lụt và nước nổi theo bảng 4.2:

Bảng 4. 2 So sánh nước nổi với lũ lụt

Tiêu chí	Nước nổi	Lũ lụt
Mực nước lên xuống	Chậm, từ từ	Nhanh, cấp tập
Tốc độ nước chảy	Chậm, từ từ	Nhanh, cấp tập
Thời gian nước lên	Dài (hàng tháng)	Ngắn (khoảng chục ngày)
Hiệu quả / Hệ quả	Ngập mọi thứ trong nước (gây ngập)	Nhấn chìm mọi thứ trong nước
Tác động đến tâm lí	Được chuẩn bị từ trước, chuẩn	Bất ngờ, không được chuẩn

	bị trước	bị trước
Tác động đến kinh tế	Có lợi về nhiều mặt	Có hại về nhiều mặt
Nhìn nhận, đánh giá	Thiên thiện, là một phần của cuộc sống	Là thiên tai, đối nghịch với con người

(Nguồn: Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.401)

Nhìn chung, đây là mùa nước dù có gây ra một vài bất tiện trong sinh hoạt (nên phải ứng phó) nhưng lại mang đến rất nhiều mối lợi có thể tận dụng được. Ở Cần Thơ, mùa nước nổi thường bắt đầu vào tháng 8 đến tháng 11 hàng năm và được nhiều người trông ngóng. Nước lên đồng gột rửa và bồi đắp, mang theo tôm cá – nguồn sinh kế của nhà nông, đại diện là cá linh nổi tiếng. Đánh bắt thủy sản có thể là nguồn lợi mà nhiều người dân chờ đợi. Hàng loạt xóm nghề thủ công cũng phát triển theo để phục vụ nhu cầu đánh bắt mùa nước nổi như nghề đan lưới, đóng ghe xuồng, nghề câu, lưới cá, chài cá, đóng đáy: xóm Câu, đường Xóm Câu, xóm Chài (Thốt Nốt), xóm Chài, chợ Xóm Chài (Cái Răng), xóm Lưới (Bình Thủy), xóm Đáy, xóm Chài, bến phà Xóm Chài (Ninh Kiều), làng nghề Đan Lưới Thơm Rơm (Thốt Nốt), làng nghề Đan Lọt Thới Long (Ô Môn),...

Các xóm chuyên làm nghề hạ bạc ở Cần Thơ có lịch sử hình thành rất lâu đời. Địa danh xóm Lưới ở làng Bình Thủy – Long Tuyền được hình thành từ những năm đầu của thời khẩn hoang cuối thế kỉ XVIII. Khu vực xóm Lưới chạy dài theo mé sông Hậu đến bên kia rạch Bình Thủy, đối diện với cồn Sơn dài tới rạch Trà Nóc. Những ngư dân của xóm Lưới (quận Bình Thủy) sống bằng nghề chài lưới, giăng câu, đóng đáy,... dọc theo sông Hậu đến nay đã hơn 200 năm. Các xóm làm nghề này xuất hiện ngày càng nhiều và đặc biệt ăn nên làm ra vào mùa nước nổi. Người dân xóm Chài cho biết, hoạt động đánh bắt tôm cá diễn ra quanh năm, tuy nhiên khoảng tháng 10 âm lịch là bắt đầu mùa đóng đáy, cào lưới tôm lóng, tôm càng xanh kéo dài tới ra Giêng. Qua tháng hai đến tháng tư, đầu mùa mưa là mùa tép bạc.⁸⁸ Xóm Chài vào những năm 1950 vẫn còn nghề bắt cá chày – loại cá quý hiếm và đắt giá vùng sông Hậu. Xóm Đáy ở rạch Đầu Sáu chuyên giăng lưới, bắt cá theo con nước, hiện nay vẫn còn di tích miếu cổ thờ Thủy thần, hằng năm đều có lễ hội thả bè tống gió.

Để cung cấp dụng cụ cho người dân khai thác thủy sản, nhiều xóm nghề sản xuất lưới, lợp ra đời như làng nghề Đan Lưới Thơm Rơm, làng nghề Đan Lọt Thới Long.

⁸⁸ Ông H. V. C, người dân xóm Chài, quận Cái Răng.

Trước năm 1975, người đan lợp đã xuất hiện ở Thới Long. Lúc bấy giờ người ta đan lợp cho gia đình dùng là chủ yếu. Sau này khi độ dính cá của chiếc lợp đồn đi xa, người từ khắp dọc đồng bằng sông Cửu Long đổ về Thới Long mua lợp, có khi đến cả ngàn cái. Theo người dân địa phương⁸⁹, ghe xuống ra vào Thới Long tấp nập, có lúc lợp làm ra không đủ bán, chủ ghe xuống ngủ lại qua đêm, cốt để sáng hôm sau có lợp mang về dùng. Lợp được bán đi nhiều nơi như An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng,... cho đến vùng hồ thủy điện Trị An – Đồng Nai. Ngày trước, cứ vào mùa nước nổi, khoảng tháng 5 đến tháng 10 âm lịch, làng đan lợp lại rộn ràng, tất bật. Lợp thả vào mùa nước nổi chỉ khoảng vài tiếng đồng hồ là đã có lưng một lồng tôm cá. Trước đây, Thới Long có tới khoảng 300 hộ làm nghề, bây giờ chỉ còn khoảng 10 hộ bám trụ vì nhiều lí do, trong đó quan trọng hơn hết là mùa nước nổi thường về chậm và nguồn thủy sản không được dồi dào như trước.

Làng nghề Đan Lưới Thơm Rơm là xóm nghề được hình thành từ những thập niên 80 của thế kỉ XX chuyên sản xuất các loại ngư cụ, phục vụ cho nhu cầu đánh bắt thủy sản. Sản phẩm hàng lưới được tiêu thụ quanh năm nhưng cao điểm là vào mùa nước nổi, cung cấp cho địa phương và các vùng lân cận như An Giang, Đồng Tháp, Long An, sang cả Campuchia, Lào, Thái Lan. Hiện có hơn 30 cơ sở sản xuất chính và hơn 320 cơ sở sản xuất gia công.

Có thể nói, nguồn lợi đến từ sông nước Cần Thơ nói chung, mùa nước nổi ở địa phương nói riêng đã mang lại nhiều công ăn việc làm, tạo cơ hội cho nhiều ngành nghề thủ công phát triển, ngoài ra còn có tác dụng tháo chua rửa phèn, đem lại một lượng phù sa lớn bồi thêm cho đồng ruộng. Các địa danh gắn liền với xóm nghề, làng nghề nơi đây góp phần minh chứng cho kinh nghiệm tận dụng đất để ứng phó với nước của người dân Cần Thơ.

Ngoài phương thức thích nghi để ứng phó, tận dụng nguồn lợi từ thủy sản mà mùa nước nổi, người dân Cần Thơ còn tận dụng nguồn đất sét dày lắng đọng trong nước, không phù hợp với sản xuất nông nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói, rồi tận dụng nước để đưa đất sét về lò. Đây là loại đất mềm dẻo khi ẩm nên rất dễ tạo hình bằng tay, khi khô trở nên rắn chắc hơn và khi bị nung bằng nhiệt độ cao sẽ trở thành chất rắn vĩnh cửu. Cho đến nay, đất sét vẫn là một trong những vật liệu rẻ nhất và được sử dụng rộng rãi nhất.

⁸⁹ Ông N. K. Y, HTX Đan Lợp Thới Long.

Ở Cần Thơ, một số nơi gắn liền với loại nguyên vật liệu này có thể kể đến như: rạch Đất Sét, cầu Đất Sét, kinh Đất Sét (Cờ Đỏ),... Nguồn đất sét tuy không có mỏ lớn nhưng lại rất phổ biến ở nhiều địa phương: *“Sét làm gạch ngói tuy không có mỏ lớn với vỉ sét dày, nhưng phổ biến có thể gặp thấy tầng sét màu xám và gần mặt đất với bề dày 1 – 2m phân bố rộng rãi, có thể làm nguyên vật liệu cho lò gạch”* (Tinh úy - Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.54). Vùng Cái Răng xưa nổi tiếng với các lò gạch với các sản phẩm được người dân gần xa ưa chuộng. Cần Thơ đầu thế kỉ XX bước vào giai đoạn đô thị hóa. Nhiều công trình kiến trúc, nhà ở dân dụng mọc lên nhanh chóng. Vùng Cái Răng thời Pháp thuộc phát triển chủ yếu là các lò gạch cung cấp gạch, ngói phục vụ nhu cầu cho địa phương, điển hình là xóm Lò Gạch ở Phong Điền, xóm Lò Gạch ở Cái Răng, kinh Lò Gạch, cầu Lò Gạch (Ô Môn), kinh Thủy Lợi Lò Gạch (Ô Môn), vàm Lò Gạch, vàm Lò Gạch - Mũi Tàu (Thốt Nốt). Riêng vùng Cái Răng đầu thế kỉ XX có gần 7 lò gạch mà vẫn không đủ gạch ngói cho thị trường. Gọi là Lò Gạch nhưng các lò còn sản xuất thêm ngói móc, ngói âm dương. Đặc biệt, đất cặp bờ sông Hậu là đất sét nên tạo điều kiện thuận lợi cho nghề tiểu thủ công nghiệp này phát triển, trong đó dãy đất gần rạch Cái Đôi, Cái Sâu, Xóm Chài dài đến Cái Đôi, Phú Hữu là nổi tiếng nhất: *“thời ấy, gạch Cái Sâu, gạch Phú Hữu nổi tiếng khắp Nam Kỳ. Ngoài ra còn có các lò gạch Sanh Xương, Nhơn Xương, Nguyên Xương, Đức Hòa Hưng cũng được ưa chuộng”*(Nhâm Hùng, 2007, tr.98). Nhà máy gạch ngói Hồ Văn Cẩm, xã Phú Hữu (Tuilerie Phú Hữu) nổi tiếng khắp miền Lục tỉnh, đem sản phẩm sang tận Paris đầu xảo. Hiện ở Cần Thơ có một số cơ sở sản xuất gạch ngói như lò gạch Cái Sâu Hồng Minh, Quốc Thái, Vĩnh Phát, Ngọc Lợi,...

c. Trong giao thông

Vùng Trắn Giang – Cần Thơ ngay từ khi mới được hình thành vào thế kỉ XVIII đã có nhiều sông rạch tự nhiên lớn nhỏ chảy qua. Hệ thống sông ngòi ở Cần Thơ dưới thời Minh Mạng (gọi là huyện Phong Phú) được miêu tả:

Sông Cần Thơ ở phía Đông huyện Phong Phú ba dặm, bờ phía Tây Hậu Giang, rộng 4 trượng, sâu 2 trượng rưỡi. Bờ phía Tây sông này có cự Thủ sở đạo Trắn Giang. Bắt đầu từ Nam Đại Giang chảy xuống, thông sông Bồn, rồi do cửa sông ấy chảy qua đả Suru, đả Răng, cách 13 dặm đến ngã ba Ba Láng. Chi phía Bắc chảy qua Đông 12 dặm thông với sông Bình Thủy. Lại

một chi nữa cũng do phía Bắc chuyển về hướng Đông 45 dặm chảy ra cửa khẩu đạo Kiên Giang, tục gọi là cửa Bé (Huỳnh Minh, 2001, tr.16-17).

Tuy nhiên, giai đoạn này người dân chủ yếu đi lại bằng ghe xuồng dọc theo những sông rạch lớn vì đường bộ chưa được hoàn thiện. Đến thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân đưa ra chính sách nạo vét, mở rộng các kinh rạch sẵn có, đào thêm kinh xáng, kinh nội đồng để thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Như đã trình bày ở mục 2.1.1, có 433 địa danh gắn liền với các yếu tố sông, kinh, rạch, tắc, xẻo,... trên địa bàn. Phương tiện di chuyển cơ bản vẫn là ghe xuồng, tuy nhiên, từ những năm cuối thế kỉ XX, đường bộ nội ô và đường sá đến các vùng phụ cận được mở rộng cho nhiều phương tiện giao thông đường bộ tới lui nội thành và ngoại thành. Giải pháp có thể xem là hữu hiệu để di chuyển trên đất liền mà gặp kinh rạch là bắc cầu để nối liền đường đi. Đó cũng là một cách tận dụng đất để ứng phó với nước trong giao thông.

Tùy theo độ lớn của sông rạch mà cầu bắc qua cũng có nhiều chất liệu và quy cách khác nhau. Nếu nương rạch nhỏ, đường nông thôn, người dân có thể bắc cầu “khi” để qua lại được dễ dàng. Cầu lớn hơn có thể dùng nhiều miếng ván đóng đinh ghép lại với nhau. Cầu ván bắc qua sông rạch lớn cần lót vỉ sắt cho chắc chắn, điển hình như cầu sắt lót ván bắc qua rạch Long Xuyên – Bình Thủy trước năm 1899 được gọi là cầu Ván, từ đó hình thành thêm xóm Cầu Ván, chợ Cầu Ván (Bình Thủy) quanh khu vực này.

Thời Pháp thuộc, để đáp ứng nhu cầu của xe cơ giới qua lại, chính quyền cho bắc những cây cầu sắt (cầu làm bằng các vĩ sắt) (cầu Sắt Thơm Rơm, chợ Cầu Sắt Thơm Rơm, đường Cầu Vĩ – Cái Đôi (phải), đường Cầu Vĩ – Cái Đôi (trái), cầu Vĩ – Thốt Nốt, cầu Sắt Lớn – Thới Lai,) hoặc cầu đúc bê tông làm bằng xi măng. Cầu được bắc qua sông rạch lớn, ghe xuồng thường xuyên qua lại nên phải bắc rất cao so với mặt nước. Nếu cầu không đủ cao phải thiết kế nhịp giữa quay ngang được. Năm 1913, Pháp cho xây cầu Quay bắc qua sông Cái Răng bằng sắt dài 195m có 3 nhịp, nhịp giữa có thể quay được (nay là cầu Cái Răng), tiếp theo đó là cầu Quay Phụng Hiệp⁹⁰. Từ năm 1920 – 1926, tuyến đường Cần Thơ – Rạch Giá có cây cầu Đúc⁹¹ bắc qua sông Cái Lớn nối liền. Những chiếc cầu bắc ngang sông rạch trong những năm đầu thế kỉ XX đã góp phần cho việc đi lại của vùng Cần Thơ thêm thuận tiện, tạo điều kiện cho

⁹⁰ Nay thuộc tỉnh Hậu Giang.

⁹¹ Cầu này nay thuộc tỉnh Hậu Giang, nổi tiếng với đặc sản khóm Cầu Đúc.

việc mở rộng thêm các tuyến đường giao thông nội ô, ngoài thành và đường liên tỉnh Cần Thơ lúc bấy giờ.

Ở những con sông lớn, khoảng cách hai bờ khá xa, khó làm cầu (hoặc do hạn chế về kỹ thuật) thì người ta đặt bến đò để chở người, chở hàng hóa qua sông, nối liền con đường ở hai bên bờ. Thời Pháp thuộc có bến đò Giữa, bến đò Chợ Giữa hàng ngày đưa khách bên kia sông sang chợ Giữa của làng Tân An mua bán, sắm sửa. Ở Ô Môn ngày nay còn lưu giữ địa danh: đường Bến Đò Đu Đủ - Rạch Miễu, chợ Bến Đò Đu Đủ dù bến đò ngày nay đã không còn. Theo Nhâm Hùng, thời kháng Pháp, tại vàm rạch này có một đồn lính Pháp. Cạnh đó có một cây đu đủ rất sai trái. Ngay gốc đu đủ có một bến đò dọc, từ đường lộ ra vàm Rạch Nọc, Cái Trôm nên người đi đò đặt tên là bến đò Đu Đủ (Nhâm Hùng, 2013, tr.164).

Ngoài ra, nếu nhu cầu chuyên chở lớn hơn (hoặc sông lớn) thì bến đò được thay thế bằng bến phà. Năm 1918, bắc Cần Thơ (nay là bến phà Bắc, quận Ninh Kiều) bắt đầu hoạt động với sứ mệnh nối liền tuyến đường thiên lí Bắc Nam. Bến phía bên Cái Vồn gọi là bắc Cái Vồn, bến bên bờ Cần Thơ gọi là bắc Cần Thơ. Hình ảnh chiếc bắc to lớn, lạ lẫm chạy bằng sức người (sau chạy bằng máy từ năng lượng của nồi sốt de đốt củi) xuất hiện từ những năm đầu thế kỉ XX đã mở ra tầm nhìn mới về giao thông đường bộ, góp phần thúc đẩy Cần Thơ phát triển.

4.1.1.2 Văn hoá tận dụng nước và ứng phó với đất

a. Trong sản xuất

Với điều kiện đất nhiễm chua – phèn và thường ngập úng nên không thuận lợi cho canh tác lúa nước, người dân Cần Thơ đã đào mương lên liếp, chuyển sang làm vườn, đánh dấu một bước phát triển mới trong sản xuất. Từ thế kỉ XVII, những lưu dân trên con đường khai khẩn vùng đất mới khi đặt chân đến Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng đã gặp rất nhiều khó khăn khi chọn nơi cư trú và phương thức sản xuất trên vùng đất mới. Đây là vùng đất thấp, nhiều chỗ ngập nước nên lựa chọn an toàn nhất tồn tại ở một nơi mệnh mông sông nước là những dải đất giồng cao ráo ven sông, vừa có nước ngọt sinh hoạt, trồng trọt vừa tránh được thú dữ, rắn rết, muỗi mòng, lam sơn chướng khí.

Theo Nguyễn Chí Bền, với thói quen làm nông truyền thống, người Việt đi đến đâu là trồng lúa ở đấy, cho nên trên các vườn cây ăn trái hiện nay, ban đầu người Việt cũng trồng lúa trước (Nguyễn Chí Bền, 2003, tr.67). Trồng lúa nước là tập quán canh

tác lâu đời của người Việt, quen với việc tát nước be bờ, đắp từng thửa ruộng nhỏ ở miền Trung, miền Bắc. Theo thời gian, họ nhận thức được rằng, đất trũng thấp, phù sa bồi đắp mới là đất màu mỡ để trồng lúa, đất cao lại phù hợp với làm vườn, đặc biệt là vườn cây ăn trái. Để ứng phó với loại đất chua, phèn và dễ ngập úng là biện pháp đào mương lên liếp để chuyển sang làm vườn. Loại vườn này chủ yếu gắn với mục tiêu làm kinh tế nông nghiệp, khác hẳn với kiểu làm vườn tự cung tự cấp hoặc ngắm cảnh như vườn ở miền Trung. Có thể nói, trong quá trình tận dụng nước để tháo chua, rửa phèn, mang lại phù sa cho đất, người Cần Thơ đã có sự thay đổi về nhận thức và hành động, góp phần tạo ra một nghề hoàn toàn mới, tách biệt khỏi nghề nông truyền thống: nghề làm vườn.

Kinh nghiệm tận dụng nước đối phó với đất chua phèn, ngập úng được Sơn Nam ghi lại trong kỹ thuật đào mương lên liếp của người Việt:

Nơi đất thấp gần ven sông, người Việt đào mương lên liếp. Đây là kỹ thuật làm vườn khá tinh vi. Giữa hai mương là liếp đất cao, mương đào càng sâu, càng rộng thì đất quăng lên bồi đắp càng nhiều. Nước lớn chảy vào mang phù sa theo. Phù sa lắng xuống ở lại đáy mương. Khi nước ngoài sông đã ròng thì nước trong mương rút trở ra. Chuyển vào là nước đục, chuyển ra là nước trong, mớ phù sa dưới mương được quăng lên liếp để đắp gốc cây, người làm vườn không cần mua phân bón. (Sơn Nam, 2017, tr.274)

Với kỹ thuật “đào mương lên liếp”, lấy phù sa làm phân, tạo giồng đất cao nơi đất thấp, miệt Vườn Cần Thơ xuất hiện 41 địa danh mang thành tố “Mương” như: rạch Mương Điều, rạch Mương Khai 1, rạch Mương Khai 2, rạch Mương Khai 3, rạch Mương Khai 4, rạch Mương Ngang, rạch Mương Đình (Phong Điền), cầu Mương Mẩu (Mẩu), cầu Mương Lộ (Bình Thủy),... Các nhà vườn nổi tiếng với nhiều loại trái cây đặc sản như vườn quýt của ông Nguyễn Văn Hình, vườn cam của ông Tư Khương, vườn ông Chệt Huôi, vườn sầu riêng của ông Phan Quang Hồng, vườn dâu Hạ Châu của gia đình ông Lê Quang Minh và Lê Quang Bảy,... Trong đó vườn trái cây của ông Cả Lang⁹² còn được lưu dấu trong địa danh.

Đất vườn ở Cần Thơ tập trung ở giữa đoạn sông Hậu và lưu vực sông Cần Thơ với hàng trăm kênh rạch thông nhau. Hơn nữa, nơi đây “sông sâu nước chảy”, đất nạc, phù sa màu mỡ, rất phù hợp với nghề làm vườn: “*Một mẫu vườn dừa được huê lợi*

⁹² Vườn ông Cả Lang (Nguyễn Chi Lang) rộng khoảng hai mẫu trồng nhiều loại trái cây có giá trị, kết hợp khu vườn nuôi thú, thu hút nhiều khách tham quan.

bằng năm mẫu ruộng – Một mẫu vườn cam, quýt đem huê lợi bằng 10 mẫu vườn dừa. Như vậy, mỗi mẫu vườn cam, quýt nếu săn sóc kỹ lưỡng thì đem lợi tức trị giá bằng 50 mẫu ruộng. Với một mẫu vườn, người chủ nhà đủ sống thành thoi...” (Son Nam, 2017, tr.307). “Lập vườn” trở thành ước mơ của biết bao chàng trai trong buổi đầu mở đất:

Chuồn chuồn bay thấp, mưa ngập ruộng vườn

Nghe lời nói lại càng thương

Thương em anh quyết lập vườn cưới em.

Như vậy, miệt Vườn là một trong những biểu hiện của đời sống vật chất và văn hóa phong phú của người Cần Thơ từ những ngày đầu khẩn đất: “*“Đào mương lên liếp” có thể xem là một phát minh lớn của người Việt vùng Tây Nam Bộ, một sáng tạo rất khôn ngoan trong văn hóa ứng xử với đất và nước ở nơi đây*” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2018, tr.438). Bằng sự thông minh và sáng tạo, người Việt khi di dân đến vùng đất này vừa tận dụng được mọi lợi ích của nước vừa đối phó được những nhược điểm của đất vùng trũng, chua phèn, lên liếp lập vườn từ thời Nguyễn và ngày càng mở rộng dọc theo tuyến Cái Răng – Ba Láng – Vàm Xáng – Phong Điền – Long Tuyền – Bình Thủy, góp phần hình thành nên “văn minh miệt vườn” trên đất Tây Đô.

Nếu kỹ thuật đào mương lên liếp rất hữu hiệu đối với những nhà vừa có quy mô vài mẫu đất thì giải pháp đào kinh để tháo chua, rửa phèn trên quy mô lớn, dẫn nước ngọt vào tận nội đồng được chính quyền đương thời đặc biệt quan tâm ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Cần Thơ nói riêng.

Ngay từ thời Nguyễn, chính quyền đã chú trọng việc đào kinh. Kinh Bảo Định đã được đào từ thời chúa Nguyễn Phúc Chu⁹³, kinh Vĩnh Tế được đào thời vua Gia Long - Minh Mạng (từ năm 1819 đến năm 1824). Việc thống kê các con kinh gặp nhiều khó khăn vì có nhiều con kinh đào đợt đầu, đợt sau nối dài rồi được mở rộng, nạo vét lại cho sâu nhiều lần: “*Chuyên viên thủy nông nghiên cứu không chính xác. Lắm vùng đất làm ruộng được, nhưng bỗng nhiên lại trở thành đất thấp, bị ngập lụt triền miên vì ảnh hưởng của mấy con kinh đào lân cận. Trong trường hợp ấy, dân làng và địa chủ xin làm xâu đào thêm kinh phụ để cứu nguy cho ruộng đất của mình*” (Son Nam, 2014, tr.316). Vùng Cái Răng đào thêm kinh Trà Ét (Trà Éch) năm 1902, vét kinh Vàm Bi (1909 – 1910), kinh Thạnh Đông, kinh Chệt Thợ,... Các kinh đào ngoài

⁹³ Kinh này nối liền sông Vàm Cỏ Tây với rạch Mỹ Tho. Đến năm 1819, vua Gia Long cho nạo vét lại và đặt tên là kinh Bảo Định.

việc khai thác được đất bỏ hoang, thoát nước ngập úng còn tận dụng được nước ngọt để tưới tiêu, vận chuyển lúa gạo sau thu hoạch, mở rộng giao thông đường thủy và phục vụ phát triển nông thôn mạnh mẽ.

Đào kinh là một giải pháp quyết liệt, góp phần hoàn thiện hệ thống giao thông đường thủy, thúc đẩy kinh tế Cần Thơ phát triển, trong đó kinh Xáng Xà No được xem là kinh xáng có quy mô lớn đầu tiên được thực hiện thời Pháp thuộc. *“Việc người Pháp đào thêm kinh xáng đem nước ngọt Hậu Giang tưới qua vùng nước mặn đã giúp cho nông nghiệp phát triển, nhiều vùng trũng đất trước kia vô dụng lại trở thành đất ruộng khá tốt, không cần bón phân”* (Sơn Nam, 2017, tr.387). Đây là công trình thủy nông lớn nhất Đông Dương thời Pháp thuộc, giúp tháo phèn, rửa mặn, tưới tiêu cho hàng ngàn mẫu đất hoang hóa vùng Cần Thơ – Rạch Giá, góp phần đưa sản lượng lúa gạo của cả vùng đứng nhất, nhì Nam Kỳ lúc bấy giờ.

*Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Xà No
Anh có thương em thì mua một chiếc đò
Để em lên xuống thăm dò ý anh.*

(Ca dao Nam Bộ)

Khi người Pháp tiến hành khai thác lớn vùng đất phía Tây sông Hậu thì các công ty tư nhân từ nước Pháp cũng đến đây bỏ vốn khai thác hoặc mua đất để sản xuất. Những vùng đất tốt do người Pháp chiếm gọi nôm na là điền Tây, điền Hăng (điền Ông Kho, điền Cờ Đỏ, điền La Bách...), kể đến là những khoảng đất lớn do những người từ miệt trên đến khai khẩn. Họ tổ chức thành hình thức “điền”, một hình thức sản xuất nông nghiệp tập trung.

Sau khi kinh Xáng Xà No hoàn thành, một người Pháp là Alber Gressier bỏ vốn lập một điền Tây, dân gian gọi là điền Ông Kho (hoặc Tây Già, Tây Be), *“rộng lớn gần 3000 mẫu, tập trung đến 3000 hộ tá điền, sản xuất theo quy trình khép kín... Dọc theo hai bờ kinh Xáng Xà No, cứ cách 500m, đào một con kinh nhỏ; cách 1000m đào một con kinh lớn, theo lối đào “xom lươn⁹⁴””* (Nhâm Hùng, 2013, tr.49). Đây là kỹ thuật thủy nông hiện đại, được tính toán chu đáo nhằm giải quyết việc tưới tiêu cho hàng trăm ngàn mẫu đất còn hoang hóa, thúc đẩy hoạt động sản xuất lúa gạo tiến thêm một bước mới tiên tiến hơn.

⁹⁴ Những kinh này được đặt tên từ 1000 (kinh Một Ngàn) đến 14000 (kinh Mười Bốn Ngàn), sau đó tiếp tục 500m lại đào xẻ thêm một con kinh, đặt tên bắt đầu từ kinh Năm Trăm, kinh Một Ngàn Rươi, kinh Hai Ngàn Rươi,... cho đến kinh Mười Bốn Ngàn Rươi.

Thống kê hệ thống kinh đào thời thuộc Pháp, Sơn Nam cho rằng: “*Tính đến năm 1933, trong toàn cõi Nam Kỳ, đã được 180 triệu thước khối (hơn số đất đào kinh Suez), mở thêm 650 cây số kinh xáng, loại kinh lớn (rộng 40 mét, sâu 2 mét rưỡi) và 2500 cây số kinh phụ, nối liền các con kinh lớn hoặc nối liền các sông rạch ở địa phương*” (Sơn Nam, 2017, tr.368-369). Theo thống kê của chúng tôi, riêng tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc đã có 75 kinh đào lớn nhỏ. Thời Việt Nam cộng hòa, tỉnh Phong Dinh có 38 kinh lớn và “*rất nhiều kinh rạch chằng chịt rất tiện lợi cho sự giao thông tại các quận cũng như tại các làng xã*” (Huỳnh Minh, 2001, tr.37-39, chưa tìm thấy tài liệu thống kê đầy đủ). Hiện nay, thành phố Cần Thơ có 167 con kinh chảy trên địa bàn, trong đó có 119 địa danh bắt đầu bằng thành tố “kênh/ kinh”, như: cầu Kênh Ranh 1, cầu Kênh Ranh 2, cầu Kênh Ranh, cầu Kênh Chợ 3, cầu Kênh Xáng, chợ Vàm Xáng, ấp Thị Tứ - Vàm Xáng (Phong Điền), đường Kênh 1, đường Kênh 2, đường Kênh 3, đường Kênh 4, đường Kênh 5, đường Kênh T1, đường Kênh B1, đường Kênh 11, đường Kênh 12, đường Kênh 13, đường Kênh 14, đường Kênh 15 (Vĩnh Thạnh), đường Kênh Mới, đường Kênh Nhà Lâu, đường Cầu Kênh (Ô Môn)...

Nhìn chung, những con kinh đào thủ công, kinh Xáng ở Cần Thơ xuất hiện từ những năm đầu thế kỉ XX đã mở ra bước ngoặt lớn trong công cuộc khai phá vùng đất bờ Tây sông Hậu, thể hiện văn hóa ứng xử tận dụng nước để ứng phó với đất nhằm thau chua, rửa phèn và dẫn nước ngọt phục vụ sản xuất, tưới tiêu, sinh hoạt cho người dân địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế Cần Thơ phát triển, đặc biệt là nông nghiệp.

b. Trong giao thông

Từ những ngày đầu khẩn hoang lập ấp, môi trường sông nước với hệ thống sông ngòi, kinh rạch chằng chịt vừa đem lại nguồn lợi lớn về phù sa, thủy sản,... nhưng cũng trở thành một trong những trở ngại lớn trong giao thông của người dân Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng. Để khắc phục những trở ngại về khoảng cách nơi sông rạch dày đặc và điều kiện đi lại trên bộ còn hạn chế, người dân đã tận dụng nguồn nước sẵn có để phát triển giao thông đường thủy.

Ở một nơi mà số lượng các dòng chảy như sông, kinh, rạch,... khá dày đặc thì Cần Thơ là một trong những địa phương sử dụng ghe xuồng, tàu bè như phương tiện giao thông chủ yếu từ những ngày đầu khai khẩn, trở thành nét văn hóa độc đáo (văn minh tàu bè) trong đời sống của người dân địa phương.

Từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, khi hệ thống đường sá trên bộ chưa thực sự hoàn thiện thì sản phẩm ghe xuồng rất được ưa chuộng để phục vụ cho nhu cầu đi lại, sinh hoạt, đánh bắt, mua bán của người dân Cần Thơ. Nghề đóng ghe xuồng ở Cần Thơ được biết đến bởi danh tiếng của các xóm Ghe, xóm Trại Ghe ở Phong Điền, Cái Răng⁹⁵, xóm Trại Xuồng (Thốt Nốt). Lúc đầu chỉ vài hộ, rồi dần dần trở thành làng nghề, mang tính chuyên nghiệp, cha truyền con nối... Ở Vàm Xáng, Phong Điền, Cái Răng cũng gắn liền với những làng nghề đóng ghe xuồng danh tiếng.

Khi thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa những năm đầu của thế kỉ XX, họ đã hoàn thành hệ thống kinh xáng ở đồng bằng sông Cửu Long, trong đó kinh Xáng Xà No là một trong những điểm nhấn quan trọng, kết nối với các con rạch cũ, tạo điều kiện cho giao thương phát triển, làm thay đổi dần tập quán định cư và sinh hoạt của người dân địa phương, từ đó vùng này dần hình thành các xóm nghề đóng ghe xuồng. Các xóm nghề này phát triển mạnh vì ghe xuồng không chỉ là phương tiện đi lại chủ yếu ở môi trường sông nước mà còn là công cụ sản xuất dùng để chuyên chở nông sản như lúa gạo, trái cây, rau củ... cung cấp hàng hóa cho các chợ nổi lớn trong vùng Cái Răng – Phong Điền. Đây cũng là một trong những nét sinh hoạt độc đáo trong đời sống của người dân nơi đây.

Cùng với sự xâm lược của thực dân Pháp ở Cần Thơ là sự xuất hiện của tàu hơi nước, đầu tiên là những đội tàu Hải quân chạy bằng máy, trang bị vũ khí hiện đại. Khi Cần Thơ bắt đầu tiến trình đô thị hóa, nhất là ở trung tâm làng Tân An, nhu cầu giao thương, hành chính, mua bán, làm việc, học hành... ngày càng tăng, thu hút những người ở xa như Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá... Từ đó, nhu cầu hình thành tuyến đường thủy dân dụng, đặc biệt là những chuyến đò khách/ tàu khách đường dài từ Cần Thơ đi các tỉnh và ngược lại.

Sự xuất hiện của tàu quân đội và dịch vụ tàu thủy đường dài gắn liền với sự ra đời của hàng loạt địa danh như bến Tàu Hải Quân, cầu Tàu Hải Quân, bến Tàu Lục Tỉnh, bến Thương Mại... và các cầu tàu chuyên cung ứng xăng dầu, củi, than: cầu Xéo, xóm Cầu Xéo, cầu Củi, xóm Cầu Củi, cầu Tàu Hoa Kiều,...

Nhìn chung, người dân Cần Thơ và Tây Nam Bộ nói chung đã khéo léo tận dụng nguồn nước tự nhiên dồi dào từ các sông rạch để tạo nên hệ thống giao thông đường thủy rất thuận lợi từ đô thị đến nông thôn, làng xã, liên tỉnh, trong đó ghe

⁹⁵ Trại ghe Hiệp Lợi, Hiệp Kí.

xuồng, tàu bè giữ một vị trí quan trọng, góp phần hình thành nên “văn minh tàu bè” trên đất Tây Đô.

4.1.2 Văn hóa ứng xử với động vật và thực vật

4.1.2.1 Văn hoá ứng xử với động vật

Tây Nam Bộ, trong đó có Cần Thơ là vùng đất mới được khai phá. Ngay từ những ngày đầu khẩn hoang, con người phải đối mặt với biết bao khó khăn, thử thách, rừng rậm hoang vu, lam sơn chướng khí và nhiều thú dữ đe dọa. Trong đó, cọp và sấu là nguy hiểm hơn cả, ảnh hưởng sâu sắc đến tâm thức và tín ngưỡng của cư dân vùng đất này, thể hiện qua 14 địa danh.

*“Cà Mau khi khọt trên bung
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um”*

Hay:

*“U Minh, Rạch Giá thị quá sơn trường
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua”*

a. Văn hóa ứng xử với cọp

Nam Bộ nói chung từ trước khi có dấu chân của những người vùng Ngũ Quảng đến khai khẩn là một vùng đất gần như hoang hóa, rừng rậm um tùm, ẩn chứa nhiều mối hiểm họa cho con người, nguy hiểm nhất có lẽ là cọp. Giai đoạn thế kỉ XVII, XVIII, cọp ở Nam Bộ vừa nhiều vừa dữ. Khi nguồn thức ăn trong rừng ngày càng khan hiếm, cọp tìm đến nơi có người sinh sống để ăn thịt (thịt gia súc, thịt người). Con người vì sợ cọp nên phải diệt cọp để tìm đất định cư, lập nghiệp, nhưng diệt cọp xong lại sợ cọp nên lập miếu thờ, từ đó hình thành tâm lí thờ cọp, phổ biến nhất là thờ ở đình làng, xem như Thần Hồ, Chúa Sơn Lâm... *“Việc thờ cúng dung hòa mối mâu thuẫn: vừa tôn kính, vừa khinh thường; nài nỉ, cầu khẩn nhưng cũng là cảnh cáo, răn đe; tuyệt đối không bao giờ có ý nghĩa khiêu khích”* (Sơn Nam, 2015, tr.106). Ngoài ra, theo Huỳnh Ngọc Trảng, tín ngưỡng này có thể hiện *“sự phức tạp trong tâm thức của họ do sự mâu thuẫn giữa đòi hỏi tất yếu của lịch sử và việc chưa đủ khả năng thực tế để thỏa mãn những đòi hỏi ấy”*. (Huỳnh Ngọc Trảng, 2010)

Theo tìm hiểu của chúng tôi, ở Cần Thơ lưu truyền nhiều mẩu truyện dân gian về cọp, tuy nhiên truyện về cọp giết người cho đến nay chưa được ghi nhận, mà trái lại, cọp là ân nhân, là cứu tinh hiển linh, độ trì cho mọi người có cuộc sống ổn định (Truyện về tục thờ Bạch Hồ làng Thường Thạnh). Cọp còn giúp bảo vệ mùa màng,

phù hộ bà con mạnh giỏi làm ăn (Truyện về tục thờ thần HỔ ở làng Long Tuyền). Giai thoại về miếu ông HỔ ở chợ Bình Thủy, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy cũng kể về một con cọp trắng đánh nhau với một con cọp rằn hung dữ để bảo vệ dân làng (hoặc tranh giành lãnh thổ), cuối cùng hai con đều chết vì kiệt sức. Dân làng đem đi chôn cất. Hôm sau, có người thấy hai con cọp về báo mộng cho biết họ là tướng trời, bị trời trừng phạt và hiện nay đã qua tai kiếp nên đã được về trời. Thấy vậy, dân làng lấy tre, lá cất một cái miếu nhỏ để thờ hai ông, gọi là miếu Ông HỔ. Ở khu vực Thới Đông, phường Phước Thới, quận Ô Môn cũng có một giai thoại về cọp bạch giúp người dân xua đuổi bầy cọp đen vì chúng phá hoại hoa màu của người dân. Người dân cho rằng cọp bạch là thần nên lập miếu thờ và tôn là Chúa HỔ. Ngoài ra, theo Nông Huyền Sơn, vị Thành Hoàng làng được thờ ở đình Bình Thủy chính là ông Cọp và đình Bình Thủy hiện nay chính là được nâng cấp lên từ miếu cổ Long Tuyền thờ thần HỔ (Nông Huyền Sơn, 2013).

Có thể nói, ngay từ thời khai hoang, trong tâm thức của người dân Cần Thơ, cọp là biểu tượng cho sự bảo hộ, chở che, giúp đỡ dân làng. Tín ngưỡng thờ cọp nơi đây cũng thể hiện văn hóa ứng xử của cư dân địa phương đối với loài vật này. Đó là sự kính trọng, biết ơn, tôn kính gọi cọp là “Ông” (thể hiện qua địa danh: rạch Miếu Ông, cầu Miếu Ông, chợ Miếu Ông (Bình Thủy)). Ngoài ra, người dân còn kiêng cử, không nhắc trực tiếp đến các hoạt động của Ông (Ông gặm, rống gọi trại thành Ông rầy): rạch Rầy, cầu Rạch Rầy, đường Rạch Rầy – Bà Chiêu, cầu Rạch Rầy Lộ Mới (Vĩnh Thạnh). Cho đến nay, hầu hết các đình làng ở Cần Thơ đều thờ cọp, điển hình như: đình Bình Thủy, đình Thới Bình, đình Thường Thạnh, đình Cái Sâu, đình Tân Lộc Đông, đình Nhơn Ái, đình Thới Long,...

Nhìn chung, tín ngưỡng thờ cọp thể hiện khá rõ nét văn hóa ứng xử của người dân Cần Thơ trong buổi đầu khai khẩn đất hoang, cụ thể là văn hóa sùng bái cọp, vừa cân bằng tâm lý vừa thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn đối với loài vật này vì sự chở che, bảo hộ cho cuộc sống của họ trên vùng đất mới.

b. Văn hóa ứng xử với sấu

Cùng với mối nguy hiểm từ cọp trên cạn, người dân Cần Thơ và vùng Tây Nam Bộ thời khẩn hoang còn phải đối mặt với nạn cá sấu dưới nước. Với điều kiện tự nhiên sông rạch dày đặc, nỗi sợ sấu ăn thịt càng hiện hữu nên đuổi sấu, bắt sấu là những hoạt động thường xuyên để bảo vệ tính mạng, tài sản của con người nơi đây. Theo lời kể

của cụ T.V.T, gia đình đã nhiều đời sống bằng nghề đay tại vàm Dầu Sấu: “Ông nội tôi tên là T.V.L, qua đời năm 1942 và cha tôi là T.V.M, qua đời năm 1965 đã từng kể cho con cháu biết rạch Dầu Sấu xưa kia rất hoang vắng, dưới sông có nhiều cá to, sấu lớn thường hại người. Khoảng đầu thế kỉ XX có một phường săn cá sấu người Chà rất nổi tiếng đã giúp dân làng phóng lao giết chết con sấu to bằng chiếc xuống năm lá, dài trên 6 mét. Đây là con sấu dữ tợn, một “hung thần” trên sông Cái Răng” [128].

Cư dân Cần Thơ giết cá sấu để trừ mối họa, đồng thời cũng khai thác nguồn lợi (da cá sấu, thịt cá sấu) thể hiện khá rõ nét qua các truyện kể dân gian về cầu Dầu Sấu, về địa danh Dầu Sấu, Cái Da, Cái Răng. Theo Sơn Nam, địa danh Dầu Sấu bắt nguồn từ Cầu Sấu: “sấu bắt về, nuôi trong chuồng (gọi là cầu sấu), trói chân lại, cặm cây nọc xuống để cặm giữ. Sấu vẫn sống nếu bị cắt từng khúc đuôi, lóc thịt ở lưng, miễn là đừng phá vỡ bụng... phía Hậu Giang, nhiều tên đất là Cầu Sấu, nơi dự trữ sấu để bán, nói trại là Dầu Sấu” (Sơn Nam, 2017, tr.67). Có ý kiến cho rằng, sấu bắt được bị người ta trói hai bên bờ ghe, thả dưới nước, chèo ghe bán dọc đường từ Nam Vang xuống Cần Thơ (nay còn chỗ gọi rạch Dầu Sấu) hoặc bán lên Sài Gòn. Có 06 địa danh liên quan đến loài vật này như: lung Sấu, cầu Lung Sấu (Phong Điền), vàm Dầu Sấu, rạch Dầu Sấu, cầu Dầu Sấu, ngã ba Dầu Sấu (Ninh Kiều).

Con người diệt sấu nhưng vì sấu có sức mạnh phi thường nên con người cũng thờ sấu như một vị thần sông để trấn an về tâm lí. Theo Sơn Nam, người Việt xưa rất sợ cá sấu nên hay thờ đầu cá sấu ven sông. Cá sấu được xem như một ác thần cai quản một phần sông nước, thường hay thờ ở đầu vàm, cửa sông. Đó cũng là nét văn hóa ứng xử với cá sấu của người dân Cần Thơ khi phải đối mặt với những hiểm nguy, bất trắc vùng sông nước. Tuy nhiên, hầu như chưa ghi nhận địa danh phản ánh tín ngưỡng thờ sấu ở Cần Thơ.

Khoảng năm 1940, nơi đây vẫn còn cảnh làm thịt sấu tại đầu vàm. Sấu thịt được chở về từ Nam Vang và An Giang bằng xuống, ghe. Hoạt động mua bán khá sầm uất, người mua kẻ bán khá đông, giống như một lò mổ. Từ đó vàm có tên là vàm Dầu Sấu. Con rạch nối từ đầu vàm sông đến rạch Ngõng gọi là rạch Dầu Sấu (sau này có thêm cầu Dầu Sấu, ngã ba Dầu Sấu).

Nhiều địa danh ở vùng Tây Nam Bộ cũng thể hiện văn hóa ứng xử này: rạch Đầu Sáu (Long An), địa Sáu (Tiền Giang), hang Sáu, rạch Bỏ Lược⁹⁶ (Cà Mau), bung Sáu Hi (Đồng Tháp), ấp Đầu Sáu Đông, ấp Đầu Sáu Tây (Bạc Liêu), rạch Đường Chừa⁹⁷ (Vĩnh Long),...

4.1.2.2 Văn hóa ứng xử với thực vật

a. Văn hóa ứng xử với cỏ dại

Trong công cuộc khai khẩn vùng đất phía Tây sông Hậu, người dân Cần Thơ không chỉ đối mặt với rừng rậm, thú dữ mà thực vật ở địa phương cũng là một trong những vấn đề đáng quan ngại khi “cỏ mọc thành tinh, rắn đồng biết gáy”. Trong đó, cỏ bàng và cỏ lát là hai loại phổ biến nhất ở Cần Thơ lúc bấy giờ.

Cỏ bàng, còn gọi là không tâm bô, bàng, cói bàng, là loài có thân dưới cứng, to khoảng 8 – 10 mm, nằm ngang trong bùn: “*Đặc điểm nổi bật của cây cỏ bàng: là loài thuộc thân cỏ, mình tròn, rỗng ruột, có rễ chùm, mình đo gần bằng đầu đũa, cao từ 1.3-2m, trông giống y hệt cây lác (cói) hoặc cây cỏ năn, nhưng cỏ bàng mình lớn, cứng, dài hơn. Cây bàng trở bông quanh năm*” [129]. Cỏ bàng cũng xuất hiện nhiều trong ca dao Nam Bộ:

Trắng da vì bởi mẹ cung

Đen da vì bởi lội bưng nhỏ bàng.

Cây cỏ bàng được người dân Cần Thơ sáng tạo trong những sản phẩm thủ công độc đáo, thể hiện rõ văn hóa tận dụng cỏ dại phục vụ cho đời sống và sinh hoạt hàng ngày. Họ đan thành đệm ngủ, bao bàng (còn gọi là bao cà ròn), nón bàng, giỏ xách, nóp ngủ,... từ loại cỏ dại này. Theo Vương Hồng Sển: “*Đất phèn..., bàng loại như lác nhưng thô xấu hơn, củ ăn thế cơm được, lá dùng đơm đệm, đơm bao gọi là đệm bàng, bao bàng, giúp cho đàn bà con trẻ vào mùa nghỉ việc ruộng bắt qua đơm đất đắp đổi hạt cơm*” (Vương Hồng Sển, 1993, tr.208). Xứ Cần Thơ xưa có nhiều vùng đất hai bên bờ là rạch trũng thấp, thường xuyên ngập nước, khó làm ruộng, lên vườn nên bị bỏ hoang. Từ đó nơi đây mọc hoang nhiều cỏ bàng, còn gọi là cây bàng. Một số địa danh gắn liền với cây cỏ bàng và các sản phẩm thủ công từ cây bàng như: tấc Cây Bàng, bển đò Tấc Cây Bàng, cầu Cây Bàng (Thốt Nốt), rạch Bàng (Bình Thủy), rạch Cà Ròn (tiếng Khmer, nghĩa là cây bàng, đám bàng - Phong Điền),... Riêng về địa

⁹⁶ Truyền thuyết kể về một người mẹ có con bị cá sấu ăn thịt. Để trả thù, bà lấy máu đâm con cá sấu và cá hai cùng chết, chỉ để lại một cái lược bà đang chải tóc.

⁹⁷ Vì con đường có một khúc phải chừa lại do không đắp được vì sợ cá sấu ăn thịt những người đắp đường.

đang rạch Cà Ròn (nay là rạch Trường Long, huyện Phong Điền), trước đây đất Phong Điền nhiều nơi nhiễm phèn, nhiều đám cỏ bàng mọc trên khắp nương, bãi, lung, lán. Người dân địa phương cắt về đập dẹp, đơm đơm, đơm nóp, để dùng trong nhà hoặc đem bán. Rạch có nhiều cây cà ròn gọi là rạch Cà Ròn.⁹⁸

Ngoài tận dụng cỏ bàng, người dân Cần Thơ còn dùng cỏ lác (lát) để dệt chiếu. Cây lác thuộc họ cói, có nhiều chủng loại, trong đó có loại cói bông trắng, còn gọi là lác voi, là nguyên liệu để dệt chiếu, làm dây,... Loại cây này thường mọc thành đám, bên trong đặc, không có đốt, rất phổ biến thời khẩn hoang. Cần Thơ cũng xuất hiện nhiều địa danh chỉ sự tồn tại của loại thực vật này như: cầu Cần Đốt – Xẻo Lát (Lác) (Ô Môn), xẻo Lát, cầu Xẻo Lát (Phong Điền),... Người dân làng Thường Thạnh xưa đã tận dụng lác để dệt chiếu, dần dần hình thành xóm Chiếu, làng nghề Xóm Chiếu (Cái Răng), đến nay vẫn còn khoảng 100 hộ gia đình sống với nghề. Hiện nay, người dân vùng Tây Nam Bộ nói chung, trong đó có Cần Thơ còn phát triển mô hình trồng lác trên diện rộng để cung cấp nguồn nguyên liệu cho các làng nghề dệt chiếu và thủ công mỹ nghệ.

b. Văn hóa ứng xử với lúa gạo

Vào nửa đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang. Bằng nhiều chính sách khuyến khích chiêu mộ dân binh, lập làng, miễn thuế,... diện tích đất đai ngày càng mở rộng, rừng rậm thu hẹp dần. Tuy đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là diện tích trồng lúa gia tăng đáng kể nhưng kỹ thuật gieo trồng cơ bản vẫn là những kỹ thuật đã được nông dân áp dụng từ thế kỉ trước. Đó cơ bản vẫn là sự đúc kết những kinh nghiệm canh tác của nông dân vùng Ngũ Quảng trên nhiều loại ruộng khác nhau được áp dụng một cách sáng tạo, phù hợp với những điều kiện tự nhiên nơi vùng đất mới. Huỳnh Lứa nhận xét: *“Và lưu dân người Việt với kinh nghiệm làm ruộng lâu đời (nhất là kinh nghiệm làm lúa nước mang theo từ nơi chôn nhau, cắt rốn) cộng với những tri thức nông nghiệp mới tiếp thu từ các cư dân tại chỗ, đã thực hiện được yêu cầu nói trên.”* (Huỳnh Lứa chủ biên, 2017, tr.226)

Nhìn chung, bằng kinh nghiệm trồng lúa nước tích lũy được, những lưu dân Việt vùng Ngũ Quảng khi vào đây đã nhanh chóng cải tạo vùng đất thấp trũng ở châu thổ sông Cửu Long và ra sức khai thác nó để rồi nhanh chóng biến nơi đây trở thành vùng đất trù phú, màu mỡ, một vựa lúa lớn của cả nước ta. *“Lúa gạo Nam Bộ là một*

⁹⁸ Ông N.V.P, xã Tân Thới, huyện Phong Điền.

trong những mặt hàng chủ lực xuất khẩu ra thị trường bên ngoài, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nhà nước và nhân dân” (Trần Thuận, 2014, tr.9-10).

Từ đầu thế kỉ XX, nhất là ba thập kỉ đầu, thực dân Pháp thực hiện chính sách đào kinh thủy lợi, vừa tháo chua rửa phèn, vừa dẫn nước ngọt vào nội đồng, khai thác phần lớn diện tích đất còn hoang hóa ở Tây Nam Bộ thời Nguyễn. *“Nhờ vậy mà trong vòng 37 năm (năm 1893 đến năm 1930), diện tích canh tác tiến triển từ 35.000 mẫu tây đến con số 1.800.000 mẫu tây” (Sơn Nam, 2017, tr.368-369).* Diện tích trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long cũng như Cần Thơ tăng vọt, thu hút đông đảo dân chúng từ các vùng đến định cư và canh tác theo dọc các bờ kinh mới đào. Riêng Cần Thơ giai đoạn này đã có 73 kinh đào, chỉ riêng kinh Xáng Xà No đã khai thác được thêm hàng ngàn mẫu đất mới. Kinh đào phát triển, hệ thống đường thủy tỏa đi các tỉnh và Sài Gòn, Nam Vang ngày càng hoàn thiện, phục vụ chính sách xuất khẩu lúa gạo của thực dân Pháp.

Khi người Pháp tiến hành khai thác lớn vùng đất phía Tây sông Hậu thì các công ty tư nhân từ nước Pháp cũng đến đây bỏ vốn khai thác hoặc mua đất để sản xuất. Họ tổ chức thành hình thức “điền”, một hình thức sản xuất nông nghiệp tập trung (điền Ông Kho, điền Tây La Bách, điền Tây Tàu, điền Tây Mập, điền Cờ Đỏ, điền Đông Pháp,...). Trong điền có những cánh đồng bao la đôi khi hàng ngàn mẫu (ha). Hầu hết các điền Tây đều tổ chức sản xuất khép kín từ khâu thủy lợi, cày ải, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản theo một qui trình thống nhất, nghiêm ngặt. Vì thế, năng suất, sản lượng lúa gạo tăng lên đáng kể. Thời Pháp thuộc, vùng Cái Răng nổi tiếng Ông Kho. Sau khi kinh Xáng Xà No hoàn thành, một người Pháp là Alber Gressier bỏ vốn lập một điền Tây, dân gian gọi là điền Ông Kho (hoặc điền Tây Be), *“rộng lớn gần 3000 mẫu, tập trung đến 3000 hộ tá điền, sản xuất theo quy trình khép kín. Ở đây có nhà máy xay lúa, kho chứa rất lớn. Mỗi ngày có 450 nhân công làm việc, mỗi năm có thể xay xát trên dưới 100.000 tấn lúa, đưa về Chợ Lớn xuất cảng. (Nhâm Hùng, 2013, tr.49)*

Ở Cần Thơ, kinh Xáng Xà No được mệnh danh là “con đường lúa gạo”, chỉ năm năm sau khi kinh Xáng Xà No đào xong, mức sản xuất lúa của Cần Thơ lên đến 116.000 tấn mỗi năm, đứng nhứt Nam Kỳ (Sơn Nam). Chợ Cái Răng trở thành một điểm trung chuyển, chế biến lúa gạo tại chỗ rồi chở lên Sài Gòn xuất cảng. Từ đó,

nhều chành lúa, nhà máy xay lúa cho thấy sự phát triển vượt trội về sản lượng cũng như chất lượng lúa gạo ở Cần Thơ, hình thành thêm nghề kinh doanh lúa gạo.

Lúa gạo ngay từ đầu thế kỉ XX đã trở thành đặc sản nổi tiếng nhất, gắn bó nhất với con người Cần Thơ, xứng đáng với lời ca ngợi “*Cần Thơ gạo trắng nước trong*”: xẻo Lúa, rạch Xẻo Lúa (Ô Môn), đường huyện Viện Lúa, rạch Ruộng, chợ Rạch Ruộng, đường Rạch Ruộng, rạch Thơm Rơm, cầu Thơm Rơm, chợ Thơm Rơm, cầu Kênh Thơm Rơm 1, cầu Kênh Thơm Rơm 2, cầu kênh Thơm Rơm - Trung Hưng (Thốt Nốt), kinh Thơm Rơm (Cờ Đỏ),... Năm 1977, Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long được thành lập, nay là Viện nghiên cứu lúa Đồng bằng sông Cửu Long để nghiên cứu, sản xuất và phát triển các giống lúa chất lượng cao cho cả vùng Tây Nam Bộ và các vùng khác (đường Viện Lúa – Thới Lai).

Ngoài ra, những sản phẩm được chế biến từ lúa cũng được lưu giữ qua địa danh ở Cần Thơ như: rạch Bánh Tét, cầu Bánh Tét⁹⁹ (Ô Môn),... Các làng nghề chế biến lương thực thực phẩm đã nổi danh từ thời Pháp thuộc như xóm Bánh Tráng (Phong Điền), xóm Lò Bánh, xóm Lò Bún, xóm Bánh Tráng (Cái Răng), làng nghề Bánh Tráng Thuận Hưng (Thốt Nốt),... minh chứng cho sản lượng và chất lượng của lúa gạo Cần Thơ.

c. Văn hóa ứng xử với cây trái

Trong nửa đầu thế kỉ XIX, bên cạnh việc canh tác lúa, nông dân Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng còn đào mương lên liếp lập vườn trồng cây ăn trái và nhiều loại nông sản khác, tạo điều kiện thích hợp cho sự phát triển của “vương quốc trái cây” ven sông Hậu.

Ngoài lúa gạo, một trong những đặc sản của nông nghiệp Cần Thơ là trái cây đến từ miệt Vườn trái dài từ Cái Răng – Ba Láng – Vàm Xáng – Phong Điền – Long Xuyên – Bình Thủy. Theo địa bạ Minh Mạng thứ 17 (1836), vùng đất hai bên bờ sông Hậu, phía Cần Thơ có nhiều diện tích thổ viên hơn những nơi khác:

Tổng An Trường (phía Cái Vồn) có 2.200 mẫu vườn. Trong đó mỗi thôn có 200 – 300 mẫu.

Tổng Định Bảo (phía Cần Thơ, tức vùng Cái Răng – Phong Điền) có 1000 mẫu.

⁹⁹ Bánh tét lá cẩm là một trong những đặc sản của Cần Thơ.

Tổng Định Thới (phía Bình Thủy - Long Xuyên) có 2.500 mẫu. Nhiều nhất là thôn (làng) Bình Thủy có 216 chủ vườn canh tác 1.188 mẫu, 7 sào, 7 thước. Thôn Thới An có 131 chủ vườn canh tác 949 mẫu, 5 sào, 8 thước.

Có thể nói, miệt Vườn Cần Thơ từ khi mới hình thành dưới thời Nguyễn đã là một trong những miệt Vườn có diện tích canh tác lớn nhất ở bên bờ sông Hậu:

Có 34 địa danh mang tên các loại đặc sản trái cây vườn như: rạch Mương Điều (Phong Điền), cầu Giồng Ôi, rạch Cái Chanh, chợ Cái Chanh (Cái Răng), chợ Rạch Cam, rạch Bờ Xoài, rạch Chanh, cầu Rạch Chanh, rạch Cam, cầu Rạch Cam, chợ Rạch Cam (Bình Thủy), rạch Dâu (Thốt Nốt),...

Trong số các đặc sản cây trái, cau là loại được trồng nhiều nhất ở hầu hết các miệt Vườn ven sông Tiền và sông Hậu vào những năm đầu thế kỉ XX. Cau dễ trồng, trồng một lần có thể thu hoa lợi lâu dài. Các nhà vườn trồng cau lấy hạt bán cho người Hoa. Theo địa phương chí Cần Thơ (1904), ở Cần Thơ có 1.600 mẫu trồng cau, 150 mẫu trồng trầu, 70 mẫu trồng cam quýt, 200 mẫu trồng chuối và 15 mẫu trồng măng cụt. Có thể thấy, cau là một trong những nguồn lợi lớn nhất của miệt Vườn: xẻo Cao/Cau¹⁰⁰, cầu Xẻo Cao (Bình Thủy), xẻo Cao, cầu Xẻo Cao, đường Xẻo Cao – Mương Chuối (Thốt Nốt), cầu Cả Cao, đường Cả Cao (Thốt Nốt), rạch Mương Cao, cầu Mương Cao (Phong Điền),...

Giữa thế kỉ XX, diện tích cây ăn trái ở Cần Thơ khoảng 300 ha, trong đó có một số loại đặc sản xuất bán ra thị trường. Nhu cầu về trầu cau giảm dần trong khi cam quýt lại chiếm tỉ lệ vượt trội. Thống kê năm 1966, cam quýt: 24.900 tấn, xoài: 6.600 tấn, chanh 18.000 tấn, măng cụt: 240 tấn, bưởi: 82 tấn, dứa: 50 tấn, sầu riêng: 50 tấn (Huỳnh Minh, 2001, tr.308).

Từ kỹ thuật đào mương lên liếp đầy sáng tạo, người dân miệt Vườn Cần Thơ đã tạo nên đặc sản cây lành trái ngọt. Ngoài giá trị vật chất, sự phong phú và đa dạng của cây trái cùng với nguồn lợi kinh tế nơi đây cũng góp phần tạo nên những giá trị văn hóa tinh thần. Đây là nơi hội tụ và sản sinh nhiều danh nhân trong lĩnh vực văn hóa như: Phan Văn Trị, nghệ sĩ nhân dân Tám Danh, soạn giả Điêu Huyền, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước,... Hình ảnh chàng trai cô gái miệt Vườn Cần Thơ còn xuất hiện trong ca dao, điệu hò điển hình cho nếp sống lịch lãm, nho nhã của con người: “*Trai Nhơn Ái,*

¹⁰⁰ Trường hợp địa danh bị viết sai chính tả.

gái Long Xuyên / Trai Hai Huyện, gái miệt Vườn”. Nhìn chung, văn hóa cây trái đã góp phần tạo nên “văn minh miệt Vườn” bên bờ Tây sông Hậu.

4.2 VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

4.2.1 Sự phản ánh tâm lí cộng đồng

4.2.1.1 Phản ánh khát vọng của con người

Qua khảo sát, thống kê, phân loại địa danh ở thành phố Cần Thơ, chúng tôi nhận thấy, địa danh phản ánh khát vọng của con người được thể hiện khá rõ nét, cụ thể qua bảng 4.2:

STT	Địa danh phản ánh tâm lí cộng đồng	Số lượng
1	Khát vọng về cuộc sống an bình, yên ổn	360
2	Khát vọng về cuộc sống giàu sang, sung túc, vui vẻ, thịnh vượng	341
3	Khát vọng về cuộc sống lâu dài, vĩnh cửu, tốt đẹp ở vùng đất mới	252
TỔNG		953

Bảng 4.2: Địa danh phản ánh tâm lí cộng đồng ở thành phố Cần Thơ

(Nguồn: Nguyễn Thuý Diễm, 2021)

Theo bảng 4.2, có 953 địa danh ở Cần Thơ phản ánh ước mơ, nguyện vọng của con người, trong đó có 936 địa danh Hán Việt, chiếm 98,2% và đa phần là địa danh chỉ các đơn vị hành chính tại địa phương. Đó là tên gọi của tổng, thôn, làng, xã, phường, ấp, khu vực, nhiều địa danh đã xuất hiện từ thời nhà Nguyễn và tồn tại đến ngày nay. Có thể lí giải: “*Nếu địa danh tự nhiên chịu ảnh hưởng nhiều của văn hoá dân gian thì địa danh hành chính, do ra đời muộn hơn và mang tính chất quan phương, mà chịu ảnh hưởng nhiều của văn hoá bác học. Hầu hết các tên đất này đặt theo từ Hán Việt*” (Đào Tiến Thi, 2001, tr.105). Nhóm địa danh này chủ yếu phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ước mơ của con người khi định cư ở vùng đất mới. Đó là khát vọng về một cuộc sống bình yên, no đủ, giàu sang, sung túc,... và mong muốn gắn bó lâu dài, bền vững ở địa phương mà họ đặt chân đến.

a. Khát vọng về cuộc sống an bình, yên ổn được thể hiện qua 360 địa danh có chứa các thành tố: An, Yên, Thới (Thái), Bình, Định. Có thể kể đến phường Thới An Đông, phường An Thới (Bình Thủy), khu vực Hoà An, khu vực Hoà An A, khu vực Hoà An B (Ô Môn), khu vực Yên Hạ, khu vực Yên Trung, khu vực Yên Thượng (Cái Răng), xã Thới Đông, xã Thới Xuân, xã Thới Hưng (Cờ Đỏ), ấp Thới Bình A, ấp Thới Bình B, ấp Định Hoà A, ấp Định Hoà B (Thới Lai),...

b. Khát vọng về cuộc sống giàu sang, sung túc, vui vẻ, thịnh vượng với 341 địa danh chứa thành tố Lạc, Long, Phú, Hưng, Thạnh (Thịnh), điển hình như: phường Trường Lạc (Ô Môn), phường An Lạc, chợ An Lạc (Ninh Kiều), xã Trường Long, ấp Tân Long, ấp Mỹ Long (Phong Điền), phường Phú Thứ, phường Tân Phú, phường Hưng Phú (Cái Răng), xã Thạnh Mỹ, xã Thạnh Quới, xã Thạnh Thắng, xã Thạnh Tiến (Vĩnh Thạnh),...

c. Khát vọng về cuộc sống lâu dài, vĩnh cửu, tốt đẹp ở vùng đất mới được phản ánh qua 252 địa danh mang thành tố Vĩnh, Trường, Tân, Mỹ, cụ thể là: thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Bình, xã Vĩnh Trinh (Vĩnh Thạnh), ấp Trường Bình, ấp Trường Lợi, ấp Trường Đông, ấp Trường Thọ (Thới Lai), phường Tân Hưng, phường Tân Lộc (Thốt Nốt), chợ Thới Tân, chợ Tân Thạnh (Thới Lai), ấp Mỹ Khánh, ấp Mỹ Nhơn, ấp Mỹ Phước, ấp Mỹ Lộc (Phong Điền),...

Đáng chú ý, nhiều địa danh xuất hiện từ thời khẩn hoang, tồn tại trên địa bàn hàng trăm năm và đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Đó là tên các thôn thuộc huyện Vĩnh Định, được lập từ năm 1814 (năm Gia Long thứ 12). Ở thời Gia Long, huyện Vĩnh Định chưa chia tổng, chỉ lập 37 thôn điểm, trong đó có 39 lượt tên thôn thể hiện khát vọng, ước muốn của con người nói chung, của triều đình nhà Nguyễn nói riêng với nguyện vọng người dân có được một cuộc sống ấm no, tươi đẹp ở nơi vừa khai khẩn. Đó là huyện Vĩnh Định, thôn Thới An, thôn Thới An Đông, thôn Tân An, thôn Châu Quý An, thôn Thới Thuận, thôn Thới Thuận Trung, thôn Thới Hưng, thôn Thới Bình, thôn An Lạc, thôn Long Phú, thôn Long Hưng, thôn Tân Phú Đông, thôn Tân Phú Mỹ, thôn Long Phú, thôn Mỹ Thạnh, thôn Tân Thạnh, thôn Bình Thạnh Tây,...

Thời Pháp thuộc, có 175 địa danh thể hiện khát vọng của con người. Chính quyền cai trị lúc bấy giờ cơ bản vẫn giữ lại cơ cấu hành chính quản lý theo tổng, thôn và chủ yếu vẫn là từ Hán Việt: tổng Định An, tổng Định Bảo, tổng Định Hoà, tổng Định Thới, làng Phú Luông, làng Phong Phú, làng Tân Phú, làng Trung Hưng, làng Thạnh Hưng, làng Tân Hưng, làng Trường Lạc, làng Trường Thạnh,...

Đến thời Việt Nam cộng hoà, chính quyền bãi bỏ cơ chế thôn, tổng thời Pháp, chuyển sang quản lý theo xã, tổng, quận, theo đó, có 56 địa danh thể hiện yếu tố văn hoá này. Đó là xã Phước Thới, xã Tân Thới, xã Thới An, xã Hiệp Hưng, xã Tân Phước Hưng, xã Tân Lược, xã Tân Phong, xã Thân Quới,...

Nhìn chung, đây là những ước mơ, khát vọng, hoài bão chính đáng của con người khi định cư ở một vùng đất mới. Những tên gọi đa phần có nguồn gốc Hán Việt này có thể truyền tải một cách hữu hiệu nhân sinh quan của các cấp chính quyền trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

4.2.1.2 Phản ánh sự tưởng nhớ quê hương bản quán

“*Cây có cội, nước có nguồn*” là truyền thống quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay. Con người luôn có tâm lí chung là hướng về cội nguồn, quê hương bản quán, đặc biệt là với nhóm người phải di cư đến vùng đất mới. Đề hồi tưởng về cố hương, nhắc nhở con cháu về nơi chôn nhau cắt rốn, những lưu dân đến vùng Trấn Giang – Cần Thơ khai khẩn, định cư lập nghiệp cũng mang những tên gọi nơi nguyên quán để đặt cho vùng đất quê hương thứ hai của mình. Có 14 địa danh phản ánh khía cạnh tâm lí này của người dân Cần Thơ, nổi trội nhất có thể kể đến tên gọi Phong Điền.

Phong Điền là tên một huyện ngoại thành của thành phố Cần Thơ. Phong Điền nghĩa là vùng đất tốt, tốt cả về đất đai, thổ nhưỡng lẫn về phong thủy, văn vật. Về nguồn gốc tên gọi Phong Điền, có người cho rằng tên Phong Điền do vua Tự Đức đặt ra, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có cơ sở khẳng định. Lại có ý kiến cho rằng tên gọi Phong Điền là do những người lưu dân miền Trung vào đây từ thời khẩn hoang đời vua Minh Mạng đặt ra. Chúng tôi khá đồng tình với quan điểm này vì những lí do như sau:

Thứ nhất, đối chiếu với lịch sử khai hoang của các xã thuộc huyện Phong Điền, vào năm Minh Mạng thứ XV (năm 1834), vùng Phong Điền – Cần Thơ bắt đầu có những lưu dân đến khai phá. Ở Mỹ Khánh có gia đình ông Nguyễn Văn Phù và bà Hồ Thị Nghĩa đến khai khẩn 50 mẫu đất dọc hai bên một con lạch (sau này được Pháp nạo vét gọi là kinh Trường Tiền¹⁰¹). Ở Giai Xuân có gia đình của ông Nguyễn Văn Lâm và gia đình của bà Tổng¹⁰² từ miền Trung đi thuyền dọc mệch đến đây khai hoang lập nghiệp (Đảng bộ huyện Phong Điền, 2007, tr.11). Như vậy, giai đoạn những lưu dân khai hoang xuất hiện đầu tiên ở vùng đất này trùng khớp với thời gian ra đời tên gọi Phong Điền.

Thứ hai, một số dấu vết truyền thống từ miền ngoài vẫn còn lưu lại ở Phong Điền như “*tục thờ cúng Bà - Cậu (Bà Thủy và Cậu Chai – Cậu Qui), tục thờ các chúa*

¹⁰¹ Có ý kiến cho rằng nguồn gốc kinh Trường Tiền là do con kinh này được Pháp cho sớ Trường Tiền (tức sớ Công Chánh, nay là sớ Giao thông Vận tải) đến nạo vét.

¹⁰² Đề ghi nhớ công khai khẩn của gia đình bà Tổng, người dân đặt tên con rạch nơi bà đến khai hoang là rạch Bà Tổng.

Trần, chúa Ngọc, nữ thần Thượng Động Có Hi...” (Tinh uỷ - Uỷ ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, 2002, tr.29)

Thứ ba, trong ba kiếng họ đầu tiên đến khai phá vùng đất Phong Điền thì đã có hai kiếng họ đến từ quê gốc là huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên: “*Đó là kiếng họ của ông Lê Tam và kiếng họ ông Trần Văn Chiến. Kiếng họ còn lại là của ông Lê Đăng Nguyệt, gốc Quy Nhơn. Do đó rất có thể kiếng họ Lê Tam và kiếng họ Trần Văn Chiến do phải tha phương nơi xứ lạ xa xôi nên gợi ý lấy tên quê mình đặt cho vùng đất mới để đỡ nhớ nhà*” (Trần Văn Nam chủ biên, 2019, tr.86).

Có thể thấy, những cứ liệu trên có thể phần nào củng cố cho lập luận: tên gọi Phong Điền là do những lưu dân từ miền Trung vào đây lập nghiệp đặt ra nhằm tưởng nhớ đến cố hương Phong Điền của mình nơi xứ Huế: rạch Phong Điền, huyện Phong Điền, thị trấn Phong Điền, chợ Phong Điền, bến xe Phong Điền,...

Ngoài ra, xóm Huế (còn gọi là xóm Thúng) (Cái Răng) cũng là địa danh bắt nguồn từ những lưu dân miền Trung vào đây lập nghiệp. Hiện tại xóm thuộc quận Cái Răng và vẫn còn gia đình làm nghề đưng thúng, nia,... Xóm này ra đời vào khoảng những năm 40 của thế kỉ XX, bắt đầu từ ba ghe bầu từ miền ngoài vào đây khoảng tháng 8, tháng 10 hàng năm: “*Tại Cái Răng, họ trụ lại mua tre trúc, mượn thêm nhân công rồi tổ chức đưng thúng, nia, sà, rồi rỏ rỏ mang ra chợ Cái Răng bán. Dần dần thấy làm ăn được, họ định cư luôn tại đây và hình thành nên xóm Thúng*” (Nhâm Hùng, 2007, tr.99).

Một trường hợp điển hình nữa có thể kể đến là làng Phù Ly. Làng Phù Ly thuộc tổng An Trường, hạt Cần Thơ năm 1888 và trực thuộc tỉnh Cần Thơ từ năm 1911 thời Pháp thuộc. Địa danh Phù Ly đã được hình thành rất lâu đời, “*khoảng năm 1840 ở tỉnh Bình Định*” (Ngô Thị Thanh, 2017, tr.57). Đến nay vẫn còn địa danh chợ Phù Ly thuộc huyện Phù Cát tỉnh Bình Định.

Nhìn chung, dù số lượng địa danh phản ánh sự tưởng nhớ quê hương bản quán ở Cần Thơ không nhiều (14 địa danh) nhưng đây cũng là một trong những biểu hiện của lòng yêu quê, nhớ xứ rất đáng trân quý của những con người phải lìa xa nơi chôn nhau cắt rốn để tìm kiếm cuộc sống mới ở phía Nam Tổ quốc.

4.2.1.3 Phản ánh sở thích dùng kí hiệu và số thứ tự

Có đến 647 địa danh ở thành phố Cần Thơ góp phần minh chứng cho sở thích dùng kí hiệu và số thứ tự trong việc gọi tên các đối tượng của chủ thể định danh. Đó chủ yếu là tên ấp, khu vực, cầu, đường, kênh, bao gồm các nhóm chủ yếu sau đây:

a. Kí hiệu hoặc số thứ tự đơn thuần như: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8 (Cờ Đỏ), khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3, khu vực 4, khu vực 5, khu vực 6, khu vực 7, khu vực 8, khu vực 9, khu vực 10, khu vực 11, khu vực 12, khu vực 13, khu vực 14, khu vực 15 (Ô Môn), kênh B, kênh C, kênh D, kênh E, kênh F, kênh G, kênh H (Vĩnh Thạnh),...

Những địa danh đặt cho những con kênh mang kí hiệu B, C, D, E, F, G, H thuộc vùng Cái Sắn thuộc huyện Vĩnh Thạnh. Đây là những kênh được đào vào khoảng những năm 50 của thế kỉ XX nhằm tháo úng, sủ phèn, mang nước ngọt vào đồng ruộng, mang lại nhiều hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp của vùng Cái Sắn nói riêng, Cần Thơ nói chung. Bắt đầu là kênh B (thuộc xã Thạnh Thắng huyện Vĩnh Thạnh), sau đó đến kênh C, kênh D, kênh E,... Mỗi con kênh cách nhau 2km về hướng trung tâm thành phố Cần Thơ. Riêng những địa danh chỉ đơn thuần là những con số có thể chỉ tiện dùng để quản lí về mặt hành chính hoặc để phân biệt các đối tượng mà hầu như không mang một ý nghĩa văn hoá nào đặc biệt.

b. Kí hiệu và số thứ tự kết hợp với nhau như: ấp B1, ấp B2, ấp C1, ấp C2, ấp D1, ấp D2 (Vĩnh Thạnh), kênh T1, kênh T2, kênh T3, kênh KH1, kênh KH4, kênh KH6, cầu KH5, cầu KH6, cầu KH9 (Cờ Đỏ), kênh D1 – E1, kênh D2 – E2, kênh C2 – B2, kênh C2 – D2 (Vĩnh Thạnh),... Những con kênh mang kí hiệu KH là những kênh đào nằm trong dự án thủy lợi quốc gia, được đào từ những năm 80 của thế kỉ XX “nhằm đưa nước tại các rạch lớn từ sông Hậu vào tưới tiêu, khai thác vùng đất còn hoang hoá thuộc các huyện Thốt Nốt, huyện Ô Môn - tỉnh Hậu Giang và huyện Giồng Riềng – tỉnh Kiên Giang. Chữ cái KH là viết tắt từ tên tỉnh Kiên Giang và tỉnh Hậu Giang trước đây” (Nhâm Hùng, 2013, tr.297). Cầu bắc qua những con kênh đó cũng mang kí hiệu KH và kèm theo số thứ tự để phân biệt.

c. Kí hiệu hoặc/và số thứ tự kết hợp với các thành tố khác như: ấp Nhơn Lộc 1, ấp Nhơn Lộc 2, ấp Nhơn Lộc 1A, ấp Nhơn Lộc 1B (Phong Điền), khu vực Lân Thạnh I, khu vực Lân Thạnh II (Thốt Nốt), cầu Kênh 200, cầu Kênh 600, cầu Kênh 1300, kinh Ngàn Nhứt, kinh Ngàn Nhì, kinh Ngàn Ba (Thới Lai),...

Sau 30.4.1975, để lấy nước tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, trên cánh đồng lớn, cứ một ngàn thước (1000 mét), người ta đào một con kinh. Kinh thứ nhất từ bên trong ra gọi là kinh Ngàn Nhứt, ở vị trí đầu ngàn thứ hai gọi là kinh Ngàn Nhì, ở vị trí đầu ngàn thứ ba gọi là kinh Ngàn Ba (Nhâm Hùng, 2013, tr.302-303).

4.2.2 Sự phản ánh văn hóa Phật giáo

Trong hai thế kỉ XVII – XVIII, bằng tài năng, đức độ, trí tuệ và sự lãnh đạo sáng suốt của mình, chúa Nguyễn Hoàng đã mở mang cơ nghiệp nhà họ Nguyễn về phương Nam cho đến tận mũi Cà Mau kéo dài trong suốt gần 400 năm. Cùng với sự nghiệp khẩn hoang, mở rộng lãnh thổ, nền kinh tế, văn hóa, xã hội,... của Đàng Trong giai đoạn này có nhiều biến đổi và phát triển không ngừng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của Phật giáo: *“Phật giáo thời này tuy không phải là quốc giáo nhưng phát triển mạnh. Các chúa Nguyễn đã hết lòng hộ trì Phật pháp, đã góp phần đáng kể cho việc phát triển Phật giáo Đàng Trong, phục hưng Phật giáo nước nhà”* (Trần Thuận, 2014, tr.231).

Cùng với quá trình khai hoang mở cõi về phía Nam, Phật giáo ở Đàng Trong đã không ngừng lớn mạnh và có nhiều bước tiến đáng kể dưới sự ủng hộ của các chúa Nguyễn¹⁰³. Trong giai đoạn Phật giáo được đề cao, trở thành chỗ dựa tinh thần cho chính quyền và người dân thì *“các chúa cho xây cất nhiều chùa mới, trùng tu chùa cũ, ban sắc tứ cho nhiều chùa Phật khắp nơi ở Đàng Trong”* (Trần Thuận, 2014, tr.232). Theo dấu chân của đoàn người di dân từ vùng Ngũ Quảng, Phật giáo đã du nhập vào Tây Nam Bộ từ khoảng thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XX cùng với sự đa dạng về nguồn gốc du nhập cũng như quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với các tộc người cộng cư Việt – Khmer – Hoa. Riêng ở Cần Thơ, qua khảo sát và phân tích số liệu, chúng tôi ghi nhận 57 địa danh thể hiện sự tiếp nhận Phật giáo ở địa phương.

Cột mốc đánh dấu sự phát triển của Phật giáo ở vùng Cần Thơ xưa là sự xuất hiện của chùa Pothisomron vào khoảng giữa đầu thế kỉ XVIII. Chùa Pothisomron (Ô Môn) là ngôi chùa Khmer lâu đời nhất Cần Thơ với lịch sử gần 300 năm. Chùa được khởi dựng từ năm 1735 theo hệ Phật giáo Nam tông Khmer – tôn giáo của cư dân bản địa. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, chùa luôn là chỗ dựa tinh thần, tín ngưỡng của đồng bào Khmer ở địa phương và vùng lân cận.

¹⁰³ Ngay trong danh xưng của các Chúa cũng thể hiện rõ tinh thần gắn bó với Phật giáo như: chúa Nguyễn Hoàng được gọi là Chúa Tiên, Nguyễn Phúc Nguyên còn gọi là Chúa Sãi (Chúa Phật), Nguyễn Phúc Lan được gọi là Chúa Thượng, Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu là người thọ giới Bồ Tát hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân, được xưng tụng là Minh Vương,...

Phật giáo hệ phái Bắc Tông du nhập vào Cần Thơ cùng với hành trình của người dân Ngũ Quảng đến đây khai khẩn. Minh chứng cho sự xuất hiện của tôn giáo này ở Cần Thơ xưa là ngôi chùa Bắc Tông lâu đời nhất ở Cần Thơ - Long Quang cổ tự (Bình Thủy). Chùa Long Quang được khởi nguyên từ năm 1824 khi nơi đây còn hoang sơ, dân cư thưa thớt. Ban đầu, chùa chỉ là một thảo am nhỏ, được thiền sư Thiện Quyền dựng làm chốn tu hành và truyền bá Phật pháp. Được bà con Phật tử đồng lòng góp sức, năm 1825, thảo am được dựng thành chùa Long Trường tự với ước nguyện cầu mong ngôi chùa bền như trời đất, vững như núi sông. Triều đình nhà Nguyễn dưới thời vua Minh Mạng đã ban sắc lệnh cho phép duy trì ngôi chùa và giữ giới tu hành, trở thành ngôi chùa đầu tiên có cao tăng tại xứ Cần Thơ lúc bấy giờ.

Tuy quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo ở Cần Thơ không quá dài nhưng đã nhanh chóng có sự ảnh hưởng đậm nét trong đời sống tinh thần của người dân Cần Thơ. Có 57 địa danh gắn với ngôi chùa trên địa bàn, thể hiện sự tôn kính, sùng bái đạo Phật của người dân địa phương: cầu Ngọn Chùa (Cái Răng), rạch Chùa, cầu Rạch Chùa, rạch Xẻo Chùa, cầu Chùa Cả Du (rạch, cầu gần chùa Cả Du, tức chùa Pôthi Somrôn ở quận Ô Môn), cầu Chùa 1, cầu Chùa 2, cầu Rạch Chùa (Phong Điền), đường Lộ Chùa (gần chùa Tịnh Độ Cư Sĩ Hưng Nhứt Tự - quận Thốt Nốt), cầu Chùa (cầu gần Chùa Linh Sơn Cổ Tự - quận Thốt Nốt), lộ Chùa (lộ đi ngang chùa Long Châu – quận Ô Môn), cầu Rạch Chùa An Hòa (cầu bắc ngang rạch dẫn vào chùa An Hòa – quận Ô Môn), rạch Ngã Chùa, cầu Rạch Ngã Chùa (rạch, cầu gần tịnh xá Ngọc Liên huyện Vĩnh Thạnh),...

4.2.3 Sự phản ánh văn hóa Nho giáo

Dưới thời nhà Nguyễn, hệ tư tưởng Nho giáo được xem là nền tảng, là tư tưởng chính thống trong đạo trị nước của các ông vua Nguyễn: “*Nhà Nguyễn chọn Nho giáo làm tôn giáo chủ đạo*” (Trần Thuận, 2014, tr.53). Tuy nhiên, Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển trong giai đoạn này chứng tỏ Nho giáo không phải là độc tôn, chưa hẳn là chỗ dựa duy nhất của con người về mặt tinh thần, nhất là các nhà Nho đương thời, đặc biệt là tầng lớp quan lại đứng trước bối cảnh rối ren của xã hội và nạn ngoại xâm.

Từ những ngày đầu khẩn hoang đến hết thời chúa Nguyễn, Nho học mới bắt đầu manh nha hình thành trên vùng đất mới với số môn đồ ít ỏi. Tuy nhiên, Nam Bộ giai đoạn này đón nhận một luồng di dân đông đảo người Hoa với hệ tư tưởng Nho học vốn có do Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch và Mạc Cửu chỉ huy, làm tiền

đề cho sự cách tân, biến đổi của Nho giáo cho phù hợp với điều kiện mới. Thêm vào đó, sự ra đời của tao đàn Chiêu Anh Các tại Hà Tiên năm 1736 do Mạc Thiên Tích sáng lập đã chiêu mộ nhiều nho sĩ, vừa ngâm vịnh, sáng tác thơ ca vừa bàn luận thế sự, truyền bá tư tưởng Khổng Mạnh. Ngoài ra, trong hành trình bôn tẩu của chúa Nguyễn Ánh, nhiều quan lại, môn đồ Nho học theo Chúa chạy vào phương Nam, “*góp phần làm gia tăng đột biến số lượng Nho sĩ ở vùng đất mới vốn dĩ nghèo nàn và làm thay đổi hẳn bộ mặt Nho giáo Nam Bộ*” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2010, tr.140).

Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi (1802), Nho giáo Nam Bộ có điều kiện phát triển với các cuộc thi hương tuyển chọn người tài, nhiều thi xã được thành lập trên đất Gia Định. Bình Dương thi xã tập hợp được nhiều văn tài hàng đầu như Gia Định tam gia: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh (Tĩnh). Bạch Mai thi xã ra đời muộn hơn nhưng tầm ảnh hưởng trong giới Nho học cũng không kém với các tên tuổi như Trương Hảo Hiệp, Phan Hiển Đạo, Nguyễn Đình Chiêu, Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, Tôn Thọ Tường¹⁰⁴,... Tuy nhiên, thi xã hoạt động chưa bao lâu thì thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ. Đa phần các văn nhân, thi nhân của thi xã ý thức được vai trò của kẻ sĩ trong thời nước nhà loạn lạc, biến ngôi bút thành vũ khí sắc bén chống lại kẻ thù, số khác sẵn sàng tham gia các phong trào của nghĩa quân kháng Pháp.

Hòa chung với tinh thần và sĩ khí của các Nho sĩ ở Bình Dương thi xã, Bạch Mai thi xã, Cần Thơ xuất hiện một tao đàn Bà Đồ ở làng Long Tuyền với sự góp mặt của các sĩ phu yêu nước như Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị,... tạo nên môi trường trao đổi văn chương, bàn luận thế sự của Nho sĩ đất Cần Thơ và các địa phương lân cận.

Huống chi từ khi cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa có mặt ở xã Long Tuyền (Bình Thủy), cụ cử Phan Văn Trị lui ẩn ở Phong Điền, cụ Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt cáo quan về hưu ở Hà Tiên, các cụ vẫn thường qua lại với nhau, họp mặt nơi thị trấn Cần Thơ, thử nghĩ tình trạng văn hóa của sĩ phu Cần Thơ lúc bấy giờ có khá cao chăng?... Lại nữa, các cụ Đồ Chiêu ở Ba Tri, Cử Thạnh, Phan Hiếu Đạo ở Định Tường vẫn tới lui, bảo sao Cần Thơ được tiếng là trung tâm văn hóa ngay từ thuở xa xưa? (Huỳnh Minh, 2001, tr.109)

Bà Đồ tên thật là Nguyễn Thị Nguyệt, người ở xóm Cây Dầu, bút danh là Hằng Nga, còn gọi là Hằng Nga nữ sĩ. Bà lập nên tao đàn Bà Đồ không chỉ để tập hợp các

¹⁰⁴ Tôn Thọ Tường sau này cộng tác với kẻ thù, làm tay sai cho thực dân Pháp.

văn nhân, thi sĩ ngâm vịnh, thù tạc mà còn là trường học dạy chữ cho trẻ em trong xóm, vì thế xóm Cây Dầu được gọi là xóm Bà ĐỒ, lưu danh đến ngày nay, minh chứng cho sự thanh tú, tao nhã của vùng Bình Thủy xưa.

Có thể thấy, giới Nho sĩ giai đoạn này đã dần có sự chuyển biến về mặt nhận thức, thoát khỏi sự bó buộc của tư tưởng quân thần, hòa vào xu thế chống giặc ngoại xâm của dân tộc và nhanh chóng trở thành chỗ dựa tinh thần cho nhân dân trong những phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp.

Năm 1867, Nam Kỳ lục tỉnh rơi trọn vào tay thực dân Pháp, cơ bản tách rời khỏi sự cai quản của triều đình Huế, gần như chấm dứt vai trò của Nho giáo về mặt Nhà nước trên vùng đất này. Đối với các nhà Nho yêu nước, tư tưởng trung quân ái quốc chuyển hóa thành trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng đứng lên chống giặc. Tiêu biểu trong giai đoạn này là phong trào yêu nước, khí phách hiên ngang của các Nho sĩ – chiến sĩ: Trương Định, Thiên hộ Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân), Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị,... Chính trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, Nho giáo ở Nam Bộ, trong đó có Cần Thơ đã tiếp thu những tư tưởng mới, tiến bộ, phù hợp với bối cảnh lịch sử - xã hội đương thời. Nhiều con đường ở Cần Thơ mang tên những vị Nho sĩ yêu nước của đất Cần Thơ cũng như vùng Nam Bộ, ghi dấu những thành tựu và công lao của các vị đóng góp cho sự tồn tại và hưng thịnh của Nho giáo một thời ở vùng đất phía Nam: đường Mạc Thiên Tích, đường Trương Định, đường Nguyễn Đình Chiểu, đường Thủ Khoa Huân, đường Phan Văn Trị (Ninh Kiều), đường Huỳnh Mẫn Đạt, đường Nguyễn Thông, đường Bùi Hữu Nghĩa, đường Lê Quang Chiểu (Bình Thủy), đường Trịnh Hoài Đức, đường Võ Duy Dương (Thốt Nốt), đường huyện Phan Văn Trị (Phong Điền),...

Tóm lại, Nho giáo ở Cần Thơ cũng như cả vùng Nam Bộ được du nhập theo dấu chân của những con người di dân từ miền Bắc, miền Trung vào và chịu ảnh hưởng của Nho giáo Trung Quốc qua những luồng di cư đông đảo của người Hoa vào thế kỉ XVII. Trong quá trình hình thành và phát triển khá ngắn ngủi, Nho giáo ở Cần Thơ đã kịp ghi lại tên tuổi của những nhà Nho tài năng, thông tuệ và giàu lòng yêu nước. Đứng trước tình hình chính trị xã hội nhiều biến động nửa cuối thế kỉ XIX, tầng lớp quan lại Nho sĩ địa phương đã có sự chuyển biến linh hoạt về tư tưởng, sẵn sàng giao

cao ngọn cờ yêu nước, giữ vững khí tiết và trở thành những điểm sáng, chỗ dựa tinh thần của nhân dân trong các phong trào kháng Pháp.

4.2.4 Sự phản ánh văn hóa phương Tây

Cùng với quá trình giao lưu kinh tế trong các thế kỉ XVII – XVIII, văn hóa Việt Nam đã tiếp xúc với văn minh phương Tây qua các hoạt động thương mại, truyền đạo,... Với Nam Bộ, quá trình tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới mẻ này diễn ra khá nhanh chóng nhờ vào một vùng văn hóa năng động, mở thoáng đặc trưng: *“Nền văn hóa “mở” dù mới được hình thành với quá trình chinh phục vùng đất phương Nam của xứ Đàng Trong là cơ sở để con người của vùng đất này nhanh chóng tiếp nhận những yếu tố văn hóa mới từ bên ngoài du nhập vào”* (Trần Thuận, 2014, tr.48). Bắt đầu từ lúc thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ lục tỉnh năm 1867, văn hóa Pháp nói riêng, văn minh phương Tây nói chung có điều kiện thuận lợi để du nhập mạnh mẽ hơn nữa vào vùng đất này, trong đó, Cần Thơ là một trong những địa phương chịu ảnh hưởng trên cả văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần.

Lối sống phương Tây ngày càng trở nên phổ biến trong đời sống của người dân Cần Thơ, đặc biệt trong quá trình đô thị hóa. Bộ mặt đô thị ở trung tâm tỉnh lỵ Cần Thơ tại làng Tân An có nhiều thay đổi đáng kể, từ nhà cửa, cầu đường đến tàu bè, bến bãi.

Tiếp thu những thành tựu văn minh vật chất của phương Tây, Cần Thơ xuất hiện những công trình xây dựng với kỹ thuật tiên tiến: cầu Quay (Cái Răng), kinh Xáng Xà No (Phong Điền), bến phà Bắc, bến Bắc Cần Thơ (Ninh Kiều),... Dịch vụ tàu bè đi lục tỉnh và Nam Vang thời Pháp thuộc ngày càng phát triển, kèm theo đó là các dịch vụ đi kèm: xóm Cầu Xéo (cầu bắc xéo để tàu lên xuống hành khách, hàng hóa), xóm Cầu Củi, chợ Cầu Củi (Ninh Kiều) (xóm ở cạnh một hăng củi, nằm dọc theo bờ sông, có cây cầu bắc ra ngoài để ghe, tàu cập bến chở củi cung ứng cho các tàu chạy bằng than (nồi sôt-de)),...

Khi giao thông đường bộ ở trung tâm tỉnh lỵ được cơ bản hoàn tất, thực dân Pháp đặt tên cho 20 con đường nội ô bằng tiếng Pháp, trong đó một số đường lấy tên của các viên Tham biện ở Cần Thơ giai đoạn này như đường Pierre Lebrun (Tham biện thứ 1 năm 1885), đường Boulevard Saintenoy (Tham biện hạng 3 làm Tham biện thứ 1 năm 1891, năm 1895), đường Boulevard Delanoue (Tham biện hạng 1 làm Chủ tỉnh, năm 1901).

Các giá trị tinh thần chịu ảnh hưởng khá sâu rộng của văn hóa phương Tây cũng dần phổ biến rộng rãi, một trong số đó là tiếp nhận Thiên Chúa giáo. Sự xuất hiện của Thiên Chúa giáo đã góp phần làm đa dạng và phong phú đời sống văn hóa tinh thần của người dân Cần Thơ, đặc biệt là giáo dân. Sinh hoạt văn hóa công giáo bao gồm nghi lễ, quan niệm, trang phục, kiến trúc nhà thờ,... xuất hiện bên cạnh văn hóa tôn giáo cổ truyền góp phần tạo nên nét đặc sắc cho các sinh hoạt tôn giáo ở địa phương. Nhiều địa danh thể hiện sự ảnh hưởng của tôn giáo này ở Cần Thơ là: sông Nhà Thờ, vàm Nhà Thờ, cầu Nhà Thờ (sông, vàm chày ngang nhà thờ Giáo xứ Thới Lai – xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai), vàm Cồn Chen Nhà Thờ, kênh Nhà Thờ (gần nhà thờ Công Giáo Thới Lai, đổ ra sông Ô Môn), rạch Nhà Thờ, cầu Rạch Nhà Thờ (Phong Điền), cống Nhà Thờ (cống gần nhà thờ Cống 16 huyện Vĩnh Thạnh), ngã tư Nhà Thờ (ngã tư gần nhà thờ Công giáo Định Môn, huyện Thới Lai),...

Một trong những ảnh hưởng của văn hóa phương Tây tác động đến đời sống tinh thần của người dân ở Cần Thơ là nhạc Tây. Sự xuất hiện và phát triển của tân nhạc thời Pháp thuộc thổi một làn gió mới mẽ vào lĩnh vực âm nhạc của dân tộc (hẻm Hai Địa (Ninh Kiều)). Ngoài ra, nhạc cách mạng của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã góp phần đắc lực trong việc cổ vũ, thúc đẩy phong trào yêu nước của thanh niên (công viên Lưu Hữu Phước – Ninh Kiều, đường Lưu Hữu Phước – Ô Môn).

Như vậy, những địa danh ở Cần Thơ thời Pháp thuộc đã phần nào thể hiện quá trình giao lưu, tiếp biến với văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hóa Pháp. Sự tiếp nhận này đã có những ảnh hưởng, tác động nhất định đến văn hóa bản địa trên cơ sở chọn lọc, kế thừa, tạo nên sự đa dạng trong văn hóa Cần Thơ cũng như vùng Tây Nam Bộ.

Đối với văn hóa phương Tây, người dân Cần Thơ vừa tiếp nhận có chọn lọc những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến để hội nhập, phát triển nhưng cũng vừa đấu tranh quyết liệt ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ. Nhân dân Cần Thơ và cả Nam Bộ lại ra sức phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Cuộc chiến không khoan nhượng diễn ra với nhiều hình thức, trong đó mạnh mẽ nhất là đấu tranh vũ trang, trong đó trận đánh của đội cảm tử quân do Lê Bình chỉ huy tấn công vào Bộ chỉ huy Pháp tại Nhà việc làng Thường Thạnh (Cái Răng) đã gây tiếng vang lớn trong cả nước. Đây là trận đánh đầu tiên vô cùng quan trọng của lực lượng công an Cần Thơ (phường Lê Bình, đường Lê

Bình, cầu Lê Bình, đường Trần Chiên, đường Lê Nhựt Tảo, đường Bùi Quang Trinh, đường Cao Minh Lộc – Cái Răng), đường Lê Bình (Ninh Kiều).

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, người dân Cần Thơ không tiếc máu xương tham gia vệ quốc. Nhiều tên anh hùng liệt sĩ xuất hiện trong địa danh: phường Châu Văn Liêm, công viên Châu Văn Liêm (Ô Môn), đường Trần Vĩnh Kiệt, đường Hoàng Quốc Việt, đường Trần Ngọc Quế, đường Trần Hoàng Na, đường Trần Văn Khéo, đường Nguyễn Việt Hồng (Ninh Kiều),...

Có 10 địa danh gắn liền với chứng tích lịch sử còn tồn tại trong địa danh ở Cần Thơ qua các thời kì: chợ Nóc Bằng (Cờ Đỏ), cầu Bót Số 10, chợ Bót Số 10, cầu Ông Cửu (Cái Răng), khu di tích Khám Lớn (Ninh Kiều), khu di tích Ông Hào, đường Lộ Vòng Cung, khu di tích Giàn Gừa (Phong Điền), khu di tích Căn Cứ Vườn Mận (Bình Thủy), khu di tích Ông Đưa (Thới Lai),...

Tóm lại, trong bối cảnh của những cuộc chiến tranh vệ quốc, người dân Cần Thơ thể hiện ý thức phản kháng quyết liệt với những thế lực thù địch từ phương Tây với lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc. 85 địa danh gắn liền với tên của các anh hùng liệt sĩ, các chứng tích chiến tranh đã minh chứng cho những trang sử hào hùng của dân tộc ta ở vùng đất Cần Thơ.

Tiểu kết chương 4

Nhìn một cách tổng quát, trong quá trình hình thành nên văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội, con người nói chung và con người ở Cần Thơ nói riêng phải thực hiện đồng thời hai cách ứng xử cơ bản. Một mặt, họ tận dụng những ưu đãi mà tự nhiên ban tặng và giao lưu, tiếp xúc với các cộng đồng tộc người khác cùng cộng cư để tạo nên sức mạnh cộng đồng bền vững. Mặt khác, họ phải đối phó với những khó khăn thử thách cả trong tự nhiên lẫn xã hội để cải tạo, dung hòa môi trường sống nhằm tồn tại, phát triển một cách linh hoạt và thuận lợi nhất có thể.

Về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, người dân địa phương đã khéo léo tận dụng những giá trị mà môi trường đất và nước mang lại, nhất là trong lĩnh vực sinh hoạt, sản xuất và giao thông để phục vụ cho đời sống. Khi tận dụng đất để ứng phó với nước, người dân bản địa đã có kinh nghiệm dùng đất sét để tạo cà ràng, làm gạch ngói; lập các xóm nghề hạ bạc để mưu sinh vào mùa nước nổi; bắc cầu, làm bến đò, bến phà qua kinh rạch để tiện di chuyển. Đồng thời, khi tận dụng nước để ứng phó với đất,

người dân Cần Thơ đã tận dụng lượng phù sa bồi lắng để làm vườn, tạo nên một miệt Vườn trù phú ven sông Hậu; đào kinh để tháo chua, rửa phèn, phát triển nông nghiệp địa phương.

Ngoài ra, văn hoá ứng xử với động vật và thực vật cũng được phản ánh qua địa danh ở thành phố Cần Thơ. Riêng với động vật, thái độ ứng xử với cọp và sấu vừa tạo nên đặc trưng tín ngưỡng địa phương vừa thể hiện sự cứng rắn, thậm chí tiêu diệt để bảo vệ sự yên bình cho cộng đồng. Tuy nhiên, riêng ở Cần Thơ, chúng tôi chỉ ghi nhận được những biểu hiện về sự sùng bái, tôn kính cọp, hầu như không tìm được những nội dung liên quan đến việc tiêu diệt cọp. Điều này hoàn toàn ngược lại trong văn hoá ứng xử với cá sấu tại địa phương. Bên cạnh đó, văn hoá ứng xử với thực vật, đặc biệt là với lúa gạo, trái cây cũng phần nào minh hoạ cho sự phát triển khá vượt bậc về nông nghiệp ở Cần Thơ. Nhìn chung, 534 địa danh ở Cần Thơ phản ánh thành tố văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên đã góp phần thể hiện sự thông minh, sáng tạo và linh hoạt khi sinh sống ở một vùng đất mới.

Thêm vào đó, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội qua địa danh ở thành phố Cần Thơ còn được thể hiện qua sự phản ánh tâm lí cộng đồng (1614 địa danh), trong đó, sở thích dùng kí hiệu và số thứ tự của chủ thể định danh được biểu hiện khá rõ nét (647 địa danh). Ngoài ra, du nhập cùng với bước chân mở cõi của những con người đi khai khẩn, Phật giáo đến với vùng đất Trấn Giang - Cần Thơ từ năm 1735 và phát triển dần đến ngày nay. Cùng với đó, Nho giáo cùng với hệ tư tưởng chính thống trong đạo trị quốc từ thời nhà Nguyễn cũng có những dấu ấn trên vùng đất này với tên tuổi của nhiều văn nhân, sĩ phu có khí phách hiên ngang, tinh thần yêu nước mạnh mẽ. Ngoài Phật giáo, Nho giáo, địa danh ở thành phố Cần Thơ cũng phần nào minh chứng cho sự tiếp nhận văn hoá phương Tây. Ở đó, cư dân sở tại một mặt tiếp nhận có chọn lọc những thành tựu nổi bật về vật chất lẫn tinh thần của văn hoá phương Tây để hội nhập, phát triển nhưng cũng vừa đấu tranh quyết liệt ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp xâm lược. Đó là sự tiếp nhận linh hoạt các giá trị phù hợp với văn hóa dân tộc, đồng thời bảo vệ bản sắc văn hóa đặc trưng của Cần Thơ nói riêng, vùng Tây Nam Bộ nói chung.

C. KẾT LUẬN

Như một hướng tiếp cận khá mới mẻ, tìm hiểu các giá trị văn hoá của một địa phương thông qua một đối tượng thuộc ngôn ngữ học (địa danh) dù chưa đạt quá nhiều thành tựu nổi bật nhưng cũng đã cơ bản mang lại những góc nhìn đa diện, đa chiều, đóng góp những ý nghĩa nhất định trong khuynh hướng nghiên cứu này. Qua 4905 địa danh thu thập, phân loại được, trên cơ sở tiếp cận lí thuyết vùng văn hóa, lí thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa, chúng tôi bước đầu khai thác, giải mã địa danh ở Cần Thơ từ góc nhìn văn hoá học, từ đó khái quát được một số vấn đề cơ bản như sau:

Thứ nhất: về mặt lí luận, chúng tôi đã đưa ra những nội dung chính yếu về địa danh, văn hóa, khuynh hướng nghiên cứu địa danh từ góc nhìn văn hóa học nhằm giải mã địa danh một cách đa diện và có hệ thống. Trên cơ sở tiếp thu những quan niệm về địa danh của ngôn ngữ học, chúng tôi đề xuất cách phân loại địa danh theo cấu trúc của văn hoá học. Quan điểm nghiên cứu theo cấu trúc tam phân: văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức và văn hoá ứng xử cũng được tác giả đề cập. Ngoài ra, mối quan hệ giữa văn hoá và địa danh cơ bản được xác định trong luận án. Các lí thuyết nghiên cứu được chúng tôi tiếp cận là lí thuyết vùng văn hoá và lí thuyết giao lưu, tiếp biến văn hoá.

Thêm vào đó, luận án còn khái quát địa bàn nghiên cứu để xem xét sự tác động của bối cảnh lịch sử, điều kiện tự nhiên, xã hội và con người ở Cần Thơ đến quá trình hình thành, lưu truyền và tồn tại của địa danh nơi đây. Quả thật, trải qua các giai đoạn lịch sử với nhiều thay đổi về tên gọi cũng như địa giới hành chính, vùng đất Trần Giang - Cần Thơ đã từng bước khẳng định vị thế là “thủ phủ của miền Tây” với tiềm năng phát triển về nhiều mặt. Hơn nữa, đặc trưng thiên nhiên sông nước thuộc tiểu vùng phù sa ngọt cùng với sự cộng cư lâu dài của các tộc người Việt – Hoa – Khmer đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến địa danh của vùng đất này.

Từ hệ thống lí luận trên kết hợp linh hoạt với các phương pháp nghiên cứu thích hợp, luận án đã phân nào giải mã được các thành tố văn hóa tồn tại trong địa danh, bước đầu phác hoạ được bức tranh văn hóa của Cần Thơ qua các giai đoạn lịch sử bằng chính những địa danh tồn tại trên vùng đất này.

Thứ hai: về mặt nội dung, luận án đã trình bày những giá trị văn hóa tồn tại trong địa danh ở thành phố Cần Thơ liên quan đến các thành tố văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử, cụ thể là:

Về văn hóa nhận thức qua địa danh ở Cần Thơ, những địa danh tồn tại ở vùng đất này phần nào minh chứng cho những yếu tố thuận lợi, ưu đãi nhưng cũng không kém phần chướng ngại, thách thức của môi trường tự nhiên. Đó đồng thời cũng là điều kiện để người dân Cần Thơ tích lũy những tri thức bản địa cần thiết cho sự tồn tại và phát triển ở vùng đất mới trong gần ba thế kỉ. Bên cạnh đó, sức mạnh cộng đồng được vun đắp từ những quy tắc ứng xử giữa các thành viên trong cùng tộc người và quá trình cộng cư giữa các tộc người anh em Việt – Hoa- Khmer cũng được thể hiện khá rõ nét qua địa danh ở Cần Thơ. Hơn thế nữa, địa danh ở vùng đất này cũng ghi nhận và đề cao vị thế, vai trò của người phụ nữ trong công cuộc mở đất và giữ đất, góp phần thể hiện nét đặc trưng trong văn hóa nhận thức về môi trường xã hội qua địa danh ở Cần Thơ nói riêng, vùng Tây Nam Bộ nói chung.

Về văn hóa tổ chức, địa danh ở thành phố Cần Thơ cơ bản thể hiện được những nét chính trong văn hóa tổ chức tập thể và cá nhân. Điểm nổi bật trong văn hóa tổ chức tập thể là cơ cấu tổ chức làng xã ở nông thôn cũng như tiến trình đô thị hóa của vùng đất Trản Giang - Cần Thơ từ những ngày đầu khẩn hoang được lưu lại khá cụ thể trong địa danh. Ngoài ra, những thành tố của văn hóa tổ chức cá nhân cũng được thể hiện qua địa danh, phản ánh khá rõ nét đời sống tinh thần mang sắc thái cá nhân của chủ thể văn hóa trong gần 300 năm gắn bó với vùng đất này, tạo nên nét khu biệt với các địa phương khác trong khu vực.

Về văn hóa ứng xử qua địa danh ở thành phố Cần Thơ, chúng tôi ghi nhận được số lượng địa danh phản ánh nhiều nhất (2392 địa danh, chiếm 48,8%) so với hai tiểu hệ thống còn lại, chủ yếu ở các phương diện văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Các địa danh thể hiện văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên góp phần minh chứng cho sự thông minh, khéo léo, vừa tận dụng những lợi thế mà thiên nhiên ban tặng, vừa thích nghi, ứng phó với những thách thức, trở ngại mà thiên nhiên mang lại, góp phần thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của cư dân sở tại khi cư trú trong không gian văn hóa mới. Thêm vào đó, văn hóa ứng xử trong quá trình giao lưu, tiếp biến với các tộc người cộng cư cũng như văn hóa Phật giáo, văn hóa Nho giáo và văn hóa phương Tây đã được không ít địa danh ở Cần Thơ ghi lại khá đậm nét, phần nào minh chứng cho sự tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hóa phù hợp, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa đặc trưng của cư dân địa phương nói riêng, vùng Tây Nam Bộ nói chung.

Trong chừng mực nghiên cứu của luận án, chúng tôi nhận thấy, địa danh ở thành phố Cần Thơ có một số đặc điểm chung với địa danh của vùng Tây Nam Bộ, cơ bản đã phác hoạ được các cấu trúc tam phân là văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức và văn hoá ứng xử của Cần Thơ nói riêng, đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Tuy nhiên, ở một số khía cạnh, địa danh ở Cần Thơ cũng có những điểm khác biệt nhất định:

Thứ nhất, trong văn hoá nhận thức về môi trường xã hội, chúng tôi chủ yếu thống kê được địa danh thể hiện mối liên hệ giữa các tộc người Việt – Hoa – Khmer, chưa tìm được địa danh nào có nguồn gốc từ tộc người Chăm xuất hiện ở Cần Thơ. Theo số liệu về dân cư đã trình bày ở chương 1, người Chăm hầu như ít định cư trên vùng đất này nên các yếu tố liên quan đến tộc người Chăm chưa được ghi nhận qua địa danh cũng là điều dễ hiểu.

Thứ hai, từ thủ sở đạo Trấn Giang thời nhà Nguyễn đến thành phố trực thuộc trung ương như hiện nay, Cần Thơ được xem là một trong những địa phương có vị thế chiến lược, được chính quyền trong các giai đoạn lịch sử tập trung phát triển quân sự, cơ sở hạ tầng đô thị (giao thông đường thuỷ, đường bộ, đường hàng không), kinh tế - thương mại, văn hoá, xã hội,... từ đó, diện mạo của đô thị miền sông nước được phác hoạ khá nhanh chóng và rõ nét. Đây cũng chính là tiền đề cho sự giao lưu, tiếp biến với văn hoá Pháp nói riêng, văn hoá phương Tây nói chung trên vùng đất này. Chính vì thế, địa danh thể hiện văn hoá tổ chức đô thị và văn hoá ứng xử với môi trường xã hội (cụ thể là sự phản ánh văn hoá phương Tây) ở Cần Thơ có thể được ghi nhận nhiều hơn các địa phương khác trong khu vực.

Thứ ba, văn hoá ứng xử với động vật, đặc biệt là với cọp và sấu đã góp phần tạo nên đặc trưng tín ngưỡng địa phương. Tuy nhiên, riêng trong địa danh ở Cần Thơ, chúng tôi chỉ thống kê được những địa danh thể hiện về sự sùng bái, tôn kính cọp, thò cọp và hầu như không tìm được những địa danh liên quan đến việc tiêu diệt cọp. Tuy nhiên, văn hoá ứng xử với cá sấu tại địa phương thì hoàn toàn ngược lại, chỉ có những địa danh phản ánh việc tiêu diệt sấu mà không có tín ngưỡng thờ sấu như các tỉnh khác ở vùng Tây Nam Bộ.

Với các giả thuyết được đặt ra trước đó, từ những kết quả nghiên cứu của luận án mang lại, chúng tôi có thể khẳng định rằng: địa danh ở thành phố Cần Thơ có khả năng phản ánh các thành tố của văn hoá nhận thức, thể hiện những tri thức, kinh

nghiệm mà con người tích lũy được về môi trường tự nhiên và các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng mà họ đang sinh sống. Thêm vào đó, những đặc điểm cơ bản của văn hoá tổ chức đời sống tập thể ở nông thôn cũng như thành thị của vùng đất Trấn Giang – Cần Thơ và văn hoá tổ chức đời sống cá nhân của người dân địa phương cũng được phản nào khắc hoạ qua địa danh. Hơn thế nữa, hệ thống địa danh nơi đây góp phần minh chứng cho những thành tố của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của con người đang sinh sống trên vùng đất này. Tóm lại, trên một số phương diện nhất định, văn hoá của Cần Thơ đã cơ bản được tái hiện, phác hoạ tương đối rõ nét qua địa danh tồn tại ở địa phương.

Cũng từ luận án này, chúng tôi đúc kết được một số nội dung khi nghiên cứu văn hoá qua địa danh nói chung, địa danh ở thành phố Cần Thơ nói riêng như sau:

1. Địa danh rõ ràng là một trong những sản phẩm của văn hoá, có mối liên hệ mật thiết với văn hoá nhưng đây là hai phạm trù không thể hoàn toàn trùng khớp. Địa danh ẩn chứa các giá trị văn hoá nhưng không thể phản ánh một cách đầy đủ nên văn hoá đó, nói cách khác, mảng văn hoá được phản ánh trong địa danh hẹp hơn rất nhiều so với những gì văn hoá vốn có. Theo đó, địa danh ở thành phố Cần Thơ cũng chỉ phản nào minh hoạ cho những yếu tố của văn hoá địa phương ở một chừng mực nhất định mà thôi.

2. Việc đặt tên cho một/ nhiều đối tượng của chủ thể văn hoá không hẳn là sự sao chép nguyên bản hiện thực tự nhiên, xã hội, con người của một địa phương, một vùng miền vào địa danh mà đây là sự chọn lọc, phản ánh quá trình tri nhận và lựa chọn theo lăng kính chủ quan của chủ thể văn hoá, vì thế, có những yếu tố văn hoá được thể hiện khá rõ nét, có yếu tố chỉ được ghi nhận một cách mờ nhạt. Tương tự với địa danh ở thành phố Cần Thơ, phạm trù văn hoá ứng xử được địa danh lưu dấu nhiều hơn cả, trong khi đó các thành tố văn hoá tổ chức (văn hoá tổ chức trong gia đình – gia tộc, tôn giáo, phong tục tập quán, văn hoá giao tiếp, nghệ thuật thanh sắc và hình khối) hầu như không được thể hiện qua địa danh.

3. Địa danh dân gian và địa danh cho chính quyền địa phương đặt góp phần bổ sung, hoàn thiện cho hệ thống địa danh trên địa bàn. Địa danh dân gian (đa phần là địa danh thuần Việt) dù không trực tiếp xuất hiện trên các văn bản hành chính nhưng ít biến đổi, tồn tại một cách bền vững, lâu dài trong tâm trí, nhận thức của người dân, chứa đựng nhiều giá trị văn hoá. Nhiều địa danh dân gian cũng trở thành địa danh

chính thức. Đồng thời, địa danh do Nhà nước đặt (đa phần là địa danh Hán Việt) dễ thay đổi khi có sự chia tách, sáp nhập các đơn vị hoặc địa giới hành chính để thuận tiện cho việc quản lí, được chọn lựa theo nhiều tiêu chí nghiêm ngặt, đồng thời thể hiện ước muốn của giai cấp cầm quyền. Tuy vậy, mỗi loại địa danh đều mang lại những giá trị văn hoá riêng không thể phủ nhận. Hơn nữa, sự song hành tồn tại của hai loại địa danh này giúp cho người nghiên cứu có được cái nhìn đa diện, khách quan hơn khi nhìn nhận, lí giải các khía cạnh văn hoá có liên quan.

Từ những vấn đề nêu trên, nhìn một cách tổng quát, luận án góp phần chứng minh thành phố Cần Thơ thuộc tiểu vùng văn hóa miệt vườn của khu vực Tây Nam Bộ và địa danh của vùng đất này chứa đựng nhiều giá trị văn hóa đặc biệt, cần được giữ gìn và phát huy một cách hợp lí. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số đề xuất, nếu có thể, các cơ quan chức năng nên xem xét lại một số trường hợp sau đây:

Thứ nhất, những địa danh bằng số hiện tồn tại trên địa bàn vì xét về mặt ý nghĩa, địa danh bằng các con số hầu như không phản ánh các giá trị văn hóa hoặc không mang một nội dung, ý nghĩa nào cụ thể. Thay vào đó, chúng tôi đề xuất nên sử dụng các địa danh đã được lưu truyền trong dân gian nhưng chưa có mặt trong các văn bản hành chính để thay thế nhằm hạn chế sự mai một hoặc mất đi của chúng.

Thứ hai, cần chấn chỉnh các địa danh viết sai chính tả ở phần vần và phụ âm do tập quán phát âm ở địa phương, góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cho các thế hệ sau. Bên cạnh đó, cần đặt tên cho nhiều kinh, rạch, cầu, đường chưa có tên một cách chính thống trên văn bản, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong công tác quản lí và nghiên cứu.

Thứ ba, việc người dân không hiểu được nguồn gốc, ý nghĩa những địa danh tồn tại ngay ở địa bàn mình sinh sống, thậm chí hiểu sai, hiểu nhầm, đặc biệt là thế hệ trẻ đang rất phổ biến. Vì thế, thiết nghĩ nên đẩy mạnh công tác truyền thông (như các cuộc thi tìm hiểu về địa danh, các chương trình truyền thanh, truyền hình giới thiệu về địa danh,...), tăng cường hoạt động nghiên cứu về địa danh ở Cần Thơ nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tồn tại trong những “*tám bia lịch sử - văn hóa*” ở địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Ái (1994), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Đào Duy Anh (1932), *Hán Việt từ điển*, Nhà xuất bản Imprimerie Tiéng Dân.
- [3] Đào Duy Anh (1992), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Văn Âu (1993), *Địa danh Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Văn Âu (2000), *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thị Ngọc Bích (2008), *Khía cạnh văn hóa của địa danh ở tỉnh Đồng Tháp*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Nguyễn Chí Bền (2004), “Những hằng số của văn hóa dân gian người Việt Nam Bộ”, In trong “Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ”, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Nguyễn Văn Bồn (1999), *Một số lễ tục dân gian người Khmer đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [10] Hoàng Thị Châu (1964), “Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông”, *Thông báo khoa học Văn học - Ngôn ngữ* (1964-1965), tập 2, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Từ Chi, Nguyễn Chí Bền (2013), *Văn hóa tộc người Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [12] Trương Thị Kim Chuyên (2017), *Vùng đất Nam Bộ (tập 1), Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- [13] Nguyễn Thuý Diễm (2021), “Văn hoá nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí khoa học trường Đại học Trà Vinh*, (43), tr.32-41.
- [14] Nguyễn Văn Diệp (2010), *Khía cạnh văn hóa của địa danh ở tỉnh Tiền Giang*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] Trần Phong Điều (2015), *Tín ngưỡng dân gian đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [16] Trần Phong Điều (2016), *Văn hóa dân gian người Hoa ở Cần Thơ*, Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội.
- [17] Trần Phong Điều (2020), *Chùa của người Hoa ở Cần Thơ*, Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [18] Nguyễn Dược – Trung Hải (1998), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Bá Dương (2017), *Hỏi và đáp về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [20] Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [21] Đảng bộ huyện Phong Điền (2007), *Biên khảo lịch sử Phong Điền – Cần Thơ*.
- [22] Nguyễn Đình Đầu (1995), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang (An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng và một phần tỉnh Đồng Tháp)*, Cadastral registers study of Nguyen dynasty An Giang, thành phố Hồ Chí Minh.
- [23] *Địa phương chí tỉnh Phong Dinh (các năm 1956, 1961, 1964)* (1964), Bản photo, Thư viện thành phố Cần Thơ.
- [24] Nguyễn Công Đức – Nguyễn Văn Lập (2015), “Địa danh học Việt Nam: những vấn đề cần bàn”, *Ngôn ngữ & đời sống* số 4 (234), tr. 1-5.
- [25] Trịnh Hoài Đức (1999), *Gia định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tinh, Đào Duy Anh dịch và hiệu đính, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [26] Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

- [27] Trần Văn Giàu (2002), *Nam Bộ xưa và nay*, Tạp chí Xưa và Nay, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [28] Mai Thanh Hải (2006), *Từ điển tín ngưỡng tôn giáo thế giới và Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [29] Nguyễn Hữu Hiếu (1987), *Truyện kể dân gian Nam Bộ*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [30] Nguyễn Hữu Hiếu (2005), *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ qua chuyện tích và giả thuyết*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [31] Lý Tùng Hiếu, Lê Trung Hoa (2010), *Văn hóa Việt Nam qua ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [32] Lý Tùng Hiếu (2012), *Ngôn ngữ văn hóa vùng đất Sài Gòn và Nam Bộ*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [33] Lê Trung Hoa (2002a), “Các phương pháp cơ bản trong việc nghiên cứu địa danh”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, (7/2002), tr.8-11.
- [34] Lê Trung Hoa (2002b), *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, thành phố Hồ Chí Minh.
- [35] Lê Trung Hoa (2003a), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh thành phố Hồ Chí Minh)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, thành phố Hồ Chí Minh.
- [36] Lê Trung Hoa (2003b), *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [37] Lê Trung Hoa (2011), *Địa danh học Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [38] Lê Trung Hoa (2014), *Từ điển địa danh Nam Bộ - Bản thảo do tác giả cung cấp*.
- [39] Lê Trung Hoa (2016), *Những bài viết về địa danh Việt Nam*, Bản thảo do tác giả tập hợp và cung cấp.
- [40] Hội nghiên cứu Đông Dương (2018), *Chuyên khảo về tỉnh Cần Thơ*, Nguyễn Nghị, Nguyễn Thanh Long dịch, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [41] Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Văn hóa người Hoa Nam Bộ*, Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

- [42] Trần Đức Hùng (2016), *Nghiên cứu đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa từ ngữ địa phương Nam Bộ (trong thơ ca dân gian Nam Bộ)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh, Nghệ An.
- [43] Nhâm Hùng (2007), *Cái Răng hình thành và phát triển*, Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [44] Nhâm Hùng (2013a), *Phong Điền địa linh nhân kiệt*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [45] Nhâm Hùng (2013b), *Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [46] Nhâm Hùng (2015), *Tên đường phố Cần Thơ*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [47] Nhâm Hùng (2017), *Cần Thơ phố cũ nét xưa*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [48] Võ Sĩ Khải (2002), *Văn hóa đồng bằng Nam Bộ (Di tích kiến trúc cổ)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, thành phố Hồ Chí Minh.
- [49] Đinh Gia Khánh (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [50] Trương Vĩnh Ký, *Tiểu giáo trình địa lí Nam kỳ*, Nguyễn Đình Đầu dịch (1997), Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [51] Phan Huy Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [52] Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam Bộ - Tín ngưỡng, tôn giáo*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, thành phố Hồ Chí Minh.
- [53] Nguyễn Văn Loan (2012), *Khảo sát địa danh ở Hà Tĩnh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh, Nghệ An.
- [54] Ngô Đăng Lợi (chủ biên) (1998), *Từ điển Bách khoa địa danh Hải Phòng*, Nhà xuất bản Hải Phòng, Hải Phòng.
- [55] Huỳnh Lứa (chủ biên) (2017), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [56] Từ Thu Mai (2004), *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, Hà Nội.

- [57] Hồ Xuân Mai (2015), *Ngôn ngữ văn hóa Nam Bộ*, Nhà xuất bản Chính trị - Quốc gia, Hà Nội.
- [58] Huỳnh Minh (2001), *Cần Thơ xưa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.
- [59] Sơn Nam (2014), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [60] Sơn Nam (2015a), *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm và tiếp cận đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [61] Sơn Nam (2015b), *Tìm hiểu đất Hậu Giang & Lịch sử đất An Giang*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [62] Sơn Nam (2017), *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa & Văn minh miệt Vườn*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [63] Trần Văn Nam (2008), *Văn hóa sông nước Cần Thơ*, Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [64] Trần Văn Nam (2010), *Văn hóa Tết đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [65] Trần Văn Nam (chủ biên) (2019), *Truyện dân gian Cần Thơ*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- [66] Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [67] Lý Thị Minh Ngọc (2012), *Văn hóa qua địa danh ở tỉnh Trà Vinh*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [68] Vũ Văn Ngọc (2011), *Nam Bộ nhìn từ văn hoá, văn học và ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [69] Đoàn Hồng Nguyên (2014), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [70] Lê Nguyễn (2005), *Xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc – Nhân vật và sự kiện lịch sử*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [71] Hoàng Phê (chủ biên) (2009), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Hà Nội.
- [72] Nguyễn Liên Phong (2012), *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, Nguyễn Q. Thắng chú dịch, giới thiệu, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.

- [73] Thạch Phương và các cộng sự (2014), *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [74] Huỳnh Lê Thị Xuân Phương (2009), *Văn hóa qua địa danh tỉnh Khánh Hòa*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [75] Nguyễn Thị Kim Phượng (2009), *Nghiên cứu địa danh ở tỉnh Bến Tre*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [76] Radughin (chủ biên) (2004), *Văn hóa học – Những bài giảng*, (Vũ Đình Phòng dịch, Từ Thị Loan hiệu đính), Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [77] Rôđin (2000), *Văn hóa học*, (Nguyễn Hồng Minh dịch, Phạm Tô Minh hiệu đính), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [78] Nguyễn San, Phan Đăng (2012), *Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [79] Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội.
- [80] Superanskaja. A.V. (1985), *Địa danh học là gì* (Đinh Lan Hương dịch, Nguyễn Xuân Hoà hiệu đính), Hà Nội.
- [81] Trần Thanh Tâm, (1976), “Thử bàn về địa danh Việt Nam”, *Nghiên cứu lịch sử*, số 3+4, tr. 63 – 68.
- [82] Ngô Thị Thanh (2017), *Địa danh tỉnh Vĩnh Long qua góc nhìn văn hóa dân gian*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [83] Võ Văn Thành (2013), *Văn hóa Nam Bộ qua cái nhìn của Sơn Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [84] Nguyễn Phương Thảo (1994), *Văn hóa dân gian Nam Bộ những phác thảo*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [85] Nguyễn Thị Thu Thắm (2017), *Nghi lễ vòng đời của người Khmer thành phố Cần Thơ - Truyền thống và biến đổi*, Luận văn Thạc sĩ ngành Văn hoá học, Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [86] Bùi Quang Thắng (2017), *Hành trình vào văn hóa học*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

- [87] Hồ Bá Thâm (2003), *Văn hóa Nam Bộ - vấn đề và phát triển*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
- [88] Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ An trở ra)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [89] Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [90] Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [91] Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Văn hóa học và văn hóa Việt Nam*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [92] Trần Ngọc Thêm (2013), *Những vấn đề văn hóa học lí luận và ứng dụng*, Nhà xuất bản Văn hóa văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [93] Trần Ngọc Thêm (chủ biên), (2018), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Tái bản lần 2, Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [94] Ngô Đức Thịnh (2004), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [95] Ngô Đức Thịnh (2012a), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội.
- [96] Ngô Đức Thịnh (2012b), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [97] Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [98] Ngô Đức Thọ (1997), *Nghiên cứu chữ hý Việt Nam qua các triều đại*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội.
- [99] Trần Thuận (2014), *Nam Bộ vài nét lịch sử - văn hóa*, Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [100] Nguyễn Thị Thu Thủy (2018), *Địa danh ở Ninh Thuận Bình Thuận dưới góc nhìn văn hoá học*, Luận án Tiến sĩ ngành Văn hoá học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

[101] Võ Thị Thu Thủy (2013), *Văn hóa ứng xử với thiên nhiên qua không gian ở của người Việt*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

[102] Huỳnh Công Tín (2003), “Địa danh ở đồng bằng Nam Bộ”, *Ngữ học Trẻ*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội.

[103] Huỳnh Công Tín (2009), *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[104] Huỳnh Công Tín (2012), *Ấn tượng văn hóa đồng bằng Nam Bộ*, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[105] Huỳnh Công Tín (2013), *Đặc trưng văn hoá Nam Bộ qua phương ngữ*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[106] Bùi Đức Tịnh (1999), *Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ*, Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.

[107] Tỉnh ủy - Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ (2002), *Địa chí Cần Thơ*.

[108] Võ Nữ Hạnh Trang (2006), *Văn hóa qua địa danh Việt ở tỉnh Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

[109] Võ Nữ Hạnh Trang (2020), *Địa danh Tây Nam Bộ dưới góc nhìn văn hoá học*, Luận án Tiến sĩ ngành Văn hoá học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

[110] Nguyễn Kiên Trường (1996), *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng (Sơ bộ so sánh với địa danh một số vùng khác)*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

[111] Đặng Nghiêm Vạn (2010), *Văn hoá Việt Nam đa tộc người*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.

[112] Đinh Xuân Vịnh (1996), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

[113] Tô Hoàng Vũ – Trần Văn Nam (chủ biên, 2008), *Văn hóa, văn nghệ dân gian Cần Thơ*, Nhà xuất bản Văn nghệ - Liên hiệp các hội Văn hóa nghệ thuật thành phố Cần Thơ.

[114] Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2015), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần thứ 15, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[115] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2011), *Từ điển địa danh văn hóa lịch sử Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[116] Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, *Đặc khảo văn hóa người Hoa ở Nam Bộ*, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[117] Phan An (2015), “Tìm hiểu giá trị văn hóa của người Việt ở Nam Bộ: Trường hợp người con gái út, [<http://www.vanhoahoc.net/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/2743-phan-an-tim-hieu-gia-tri-van-hoa-cua-nguoi-viet-o-nam-bo-nguoi-con-gai-ut.html>], (truy cập ngày 20/01/2020)

[118] Phan An (2015), “Tính cộng đồng làng xã như một giá trị Việt Nam và những hệ quả của nó (trường hợp làng xã Nam Bộ”, [<http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/2772-phan-an-tinh-cong-dong-lang-xa-nhu-mot-he-gia-tri-viet-nam-va-nhung-he-qua-cua-no.html>], (truy cập ngày 05/12/2019)

[119] Hoàng Thị Châu (2011), “Địa danh nước ngoài trên bản đồ thế giới: Khái niệm, thuật ngữ và phương thức nhập nội địa danh”, [<https://bacsiletrungngan.wordpress.com/2011/04/08/d%E1%BB%8Ba-danh-n%C6%B0%E1%BB%9Bc-ngoi-trn-b%E1%BA%A3n-d%E1%BB%93-th%E1%BA%BF-gi%E1%BB%9Bi-khi-ni%E1%BB%87m-thu%E1%BA%ADt-ng%E1%BB%AF-v-ph%C6%B0%C6%A1ng-th%E1%BB%A9c/>], (truy cập ngày 20/6/2019)

[120] Trần Ngọc Khánh (2011), “Mấy cơ sở tiếp cận lí thuyết nghiên cứu văn hoá”, [<http://www.vanhoahoc.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/2073-tran-ngoc-khanh-may-co-so-tiep-can-ly-thuyet-nghien-cuu-van-hoa.html>], (truy cập ngày 25/8/2021)

[121] Ngô Văn Lê (2020), “Làng và quan hệ dòng họ của người Việt Nam Bộ”, [<https://vietnamhoc.net/lang-va-quan-he-dong-ho-cua-nguoi-viet-nam-bo/>], (truy cập ngày 15/3/2021)

[122] Nông Huyền Sơn (2013), “Giai thoại về bộ cốt “ông Cả Cọp” ở đình Bình Thủy”, [<http://antg.cand.com.vn/Tu-lieu-antg/Giai-tohai-ve-bo-cot-ong-Ca-cop-o-dinh-Binh-Thuy-306770/>], (truy cập ngày 06/9/2019)

[123] Trần Ngọc Thêm (1993), “Đi tìm ngôn ngữ của văn hóa và đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ”, *Việt Nam: Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa*,

[<http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/vhh-phuong-phap-nghien-cuu/1684-tran-ngoc-them-di-tim-ngon-ngu-cua-van-hoa-va-dac-trung-van-hoa-cua-ngon-ngu.html>], (truy cập ngày 10/11/2019)

[124] Trần Ngọc Thêm (2014), “Khái luận về văn hóa”, [<http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/2569-tran-ngoc-them-khai-luan-ve-van-hoa.html>], (truy cập ngày 12/12/2019)

[125] Huỳnh Ngọc Thu (2011), “Giao lưu và tiếp biến văn hóa ở cộng đồng đa dân tộc (Việt, Khmer, Hoa) tại xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang”, [<http://nhanhoc.hcmussh.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/nhanhoc/Nghien%20Cuu/NCKH%20GV/Huynh%20Ngoc%20Thu%20%20Giao%20Luu%20Tiep%20bien%20Van%20Hoa%20Kien%20Giang.pdf>], (truy cập ngày 09/11/2019)

[126] Huỳnh Ngọc Trảng (2010), “Truyện kể về cạp ở Nam Bộ”, [<http://diendan.vnthuquan.net/tm.aspx?m=580788&mpage=1&tree=true>], (truy cập ngày 02/8/2019)

[127] “Cá sấu trong tâm thức dân gian của cư dân Tây Nam Bộ” (2013), [<https://cuulong.org/ca-sau-trong-tam-thuc-dan-gian-cua-cu-dan-tay-nam-bo/>], (truy cập ngày 12/6/2019)

[128] “Cây cỏ bàng và nghề từ cây cỏ bàng” (2020), [<https://huongsacmientay.com/cay-co-bang-va-nghe-tu-cay-co-bang/>], (truy cập ngày 18/12/2021)

[129] “Cần Thơ”, [<https://www.cantho.gov.vn/wps/portal/home/gioi-thieu/chi-tiet/Gioi+thieu+TPCT/Gioi+thieu+chung>], (truy cập ngày 12/12/2019)

[130] “Cần Thơ”, [<https://www.cantho.gov.vn/wps/portal/home/gioi-thieu/danh-sach-tin/Gioi+thieu+TPCT/Dieu+kien+tu+nhien>], (truy cập ngày 12/12/2019)

[131] “Cần Thơ”, [<https://www.cantho.gov.vn/wps/portal/home/gioi-thieu/chi-tiet/Gioi+thieu+TPCT/Co+cau+dan+so>], (truy cập ngày 12/12/2019)

[132] “Đất và người Cần Thơ”, [<https://tourismcantho.vn/vi/dat-va-nguoi-can-tho/n2129.html>], (truy cập ngày 12/12/2019)

[133] “Luật giao thông đường thủy nội địa”, 2014, [<https://luatvietnam.vn/giao-thong/luat-sua-doi-giao-thong-duong-thuy-87926-d1.html>], (truy cập ngày 15/6/2019)

[134] “Sông Hậu – Hậu Giang”, [<https://dulichmientaysense.com/song-hau-hau-giang-n.html>], (truy cập ngày 16/8/2021)

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thúy Diễm (2018), “Tìm hiểu các thành tố văn hóa thời Pháp thuộc qua địa danh của thành phố Cần Thơ”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Văn hóa và văn học Nam Bộ trong thời kì hội nhập*, Trường Đại học Trà Vinh.
2. Nguyễn Thúy Diễm (2020), “Văn hóa nhận thức về môi trường xã hội qua địa danh ở thành phố Cần Thơ”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia Văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ - thực trạng và giải pháp*, Trường Đại học Trà Vinh.
3. Nguyễn Thúy Diễm (2021), “Văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí khoa học trường Đại học Trà Vinh*, số 43, tháng 6 năm 2021, Trà Vinh.
4. Nguyễn Thúy Diễm (2022), “Tín ngưỡng qua địa danh ở thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, Hà Nội, số đặc biệt, tháng 3 năm 2022.
5. Nguyễn Thúy Diễm (2022), “Văn hoá tổ chức đô thị qua địa danh ở thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, Hà Nội, số đặc biệt, tháng 12 năm 2022.

PHỤ LỤC THỐNG KÊ

PHỤ LỤC 1 VĂN HÓA NHẬN THỨC QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

2.1. NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
2.1.1. Nhận thức về môi trường sông nước				
<i>2.1.1.1 Nhận thức về hệ thống sông ngòi, kênh rạch</i>				
STT	THÀNH TỐ CHUNG	ĐỊA DANH	QUẬN/HUYỆN	GHI CHÚ
1	kênh	Láng Sen	Vĩnh Thạnh	
2	sông	Ba Láng	Cái Răng	
3	phường	Ba Láng	Cái Răng	
4	chợ	Láng Sen	Vĩnh Thạnh	
5	đường huyện	Láng Chim	Vĩnh Thạnh	
6	rạch	Ba Láng	Phong Điền	
7	rạch	Ba Láng	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
8	vùng	Láng Hầm	Phụng Hiệp	
9	vàm	Kinh Ba Láng	Châu Thành	
10	kênh	Lung Ấu	Vĩnh Thạnh	
11	cầu	Lung Sáu	Phong Điền	
12	cầu	Lung Sáu	Phong Điền	
13	cầu	Lung Tượng	Ô Môn	
14	cầu	Lung Văn	Cờ Đỏ	
15	đường	Út Cũng – Lung Sen	Ô Môn	
16	khu du lịch	Lung Cột Cầu	Phong Điền	
17	sông	Rạch Cam	Bình Thủy	
18	sông	Rạch Cam Nhỏ	Bình Thủy	
19	vàm	Rạch Có	Thốt Nốt	
20	vàm	Rạch Rây	Thốt Nốt	
21	khu vực	Rạch Chanh	Ô Môn	
22	khu vực	Rạch Sung	Ô Môn	
23	cầu	Rạch Ranh	Bình Thủy	
24	cầu	Rạch Gừa	Bình Thủy	
25	cầu	Rạch Giữa	Bình Thủy	
26	cầu	Rạch Miếu	Bình Thủy	
27	cầu	Rạch Phô	Bình Thủy	
28	cầu	Rạch Chanh	Bình Thủy	
29	cầu	Rạch Cam	Bình Thủy	
30	cầu	Rạch Súc	Bình Thủy	
31	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
32	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
33	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
34	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
35	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	

36	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
37	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
38	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
39	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
40	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
41	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
42	cầu	Rạch Chùa 12	Phong Điền	
43	cầu	Rạch Miếu 22	Phong Điền	
44	cầu	Rạch Miếu 23	Phong Điền	
45	cầu	Rạch Miếu 24	Phong Điền	
46	cầu	Rạch Miếu 25	Phong Điền	
47	cầu	Rạch Miếu 26	Phong Điền	
48	cầu	Rạch Miếu	Phong Điền	
49	cầu	Rạch Sâu Nhỏ	Phong Điền	
50	cầu	Rạch Sâu Lớn 2	Phong Điền	
51	cầu	Rạch Sâu Lớn 3	Phong Điền	
52	cầu	Rạch Sâu Lớn 4	Phong Điền	
53	cầu	Rạch Sâu Lớn 6	Phong Điền	
54	cầu	Rạch Miếu 1	Phong Điền	
55	cầu	Rạch Miếu 2	Phong Điền	
56	cầu	Rạch Miếu 3	Phong Điền	
57	cầu	Rạch Miếu 4	Phong Điền	
58	cầu	Rạch Miếu 5	Phong Điền	
59	cầu	Rạch Miếu 6	Phong Điền	
60	cầu	Rạch Miếu 7	Phong Điền	
61	cầu	Rạch Miếu 8	Phong Điền	
62	cầu	Rạch Miếu 9	Phong Điền	
63	cầu	Rạch Miếu 10	Phong Điền	
64	cầu	Rạch Miếu 11	Phong Điền	
65	cầu	Rạch Miếu 12	Phong Điền	
66	cầu	Rạch Miếu 13	Phong Điền	
67	cầu	Rạch Miếu 14	Phong Điền	
68	cầu	Rạch Miếu 15	Phong Điền	
69	cầu	Rạch Miếu 16	Phong Điền	
70	cầu	Rạch Miếu 17	Phong Điền	
71	cầu	Rạch Miếu 18	Phong Điền	
72	cầu	Rạch Miếu 19	Phong Điền	
73	cầu	Rạch Miếu 20	Phong Điền	
74	cầu	Rạch Miếu 21	Phong Điền	
75	cầu	Rạch Cóc	Phong Điền	
76	cầu	Rạch Còm	Phong Điền	
77	cầu	Rạch Cùng	Phong Điền	
78	cầu	Rạch Sấn	Phong Điền	
79	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
80	cầu	Rạch Nhà Thờ	Phong Điền	
81	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
82	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	

83	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
84	cầu	Rạch Nhum	Thới Lai	
85	cầu	Rạch Tra	Thới Lai	
86	cầu	Rạch Miếu	Thới Lai	
87	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
88	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
89	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
90	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
91	cầu	Rạch Nhum	Ô Môn	
92	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
93	cầu	Rạch Rích	Thốt Nốt	
94	cầu	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
95	cầu	Rạch Sơn	Thốt Nốt	
96	cầu	Rạch Ngõng	Ninh Kiều	
97	chợ	Rạch Cam	Bình Thủy	
98	chợ	Rạch Cam	Bình Thủy	
99	chợ	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
100	chợ	Rạch Rích	Thốt Nốt	
101	chợ	Rạch Nọc	Ô Môn	
102	đường	Rạch Ranh	Thốt Nốt	
103	đường	Rạch Ông Bồi	Thốt Nốt	
104	đường	Ngọn Rạch Cát	Thốt Nốt	
105	đường	Rạch Rích	Thốt Nốt	
107	đường	Rạch Bà Góa	Thốt Nốt	
108	đường	Rạch Cát	Thốt Nốt	
109	đường	Rạch Tắc Bằng Tăng	Thốt Nốt	
110	đường	Rạch Đình	Thốt Nốt	
111	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
112	đường	Rạch Chùa (Núi Dài)	Thốt Nốt	
113	đường	Rạch Rừng	Thốt Nốt	
114	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
115	đường	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
116	đường	Rạch Bò Ót	Thốt Nốt	
117	đường	Rạch Chanh	Thốt Nốt	
118	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
119	đường	Rạch Rạp	Thốt Nốt	
120	đường	Rạch Cả Kè	Thốt Nốt	
121	đường	Rạch Khai Long	Thốt Nốt	
122	đường	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
123	đường	Rạch Rày	Thốt Nốt	
124	đường	Cặp Rạch Cái Tiến	Thốt Nốt	
125	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
126	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
127	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
128	đường	Rạch Bắc Đuông	Thốt Nốt	
129	đường	Rạch Gập	Ô Môn	

130	đường	Rạch Ranh-Rạch Chùa	Ô Môn	
131	đường	Kinh Ông - Đồn Bê - Rạch Làng -Mười Đông	Ô Môn	
132	đường	Rạch Rích- Thới Hòa B - Thới Hòa C	Ô Môn	
133	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
134	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
135	đường	Rạch Sung - Sông Hậu	Ô Môn	
136	đường	Rạch Bánh Tét	Ô Môn	
137	đường	Bà Kiển - Cầu Rạch Chanh	Ô Môn	
138	đường	Bến Đò Đu Đu - Rạch Miếu Hội	Ô Môn	
139	đường	Rạch Chanh	Vĩnh Thạnh	
140	đường	Rạch Ngã Chùa (Tây)	Vĩnh Thạnh	
141	đường	Rạch Ngã Chùa (Đông)	Vĩnh Thạnh	
142	đường	Rạch Bà Bôi (Nam)	Vĩnh Thạnh	
143	đường	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
144	đường huyện	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
145	vàm	Rạch Nọc	Ô Môn	
146	đường	Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Thốt Nốt	
147	kinh	Rạch Hạt	Thuận Trung	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
148	miệt	Rạch Gòi	Phụng Hiệp	
149	kênh	Xẻo Đông	Cờ Đỏ	
150	rạch	Xẻo Sâu	Phong Điền	
151	rạch	Xẻo Quýt	Ô Môn	
152	rạch	Xẻo Lúa	Ô Môn	
153	rạch	Xẻo Nhành	Phong Điền	
154	rạch	Xẻo Nổ	Ô Môn	
155	rạch	Xẻo Khế	Ô Môn	
156	rạch	Xẻo Chùa	Ô Môn	
157	rạch	Xẻo Đé	Ô Môn	
158	rạch	Xẻo Trâu	Ô Môn	
159	rạch	Xẻo Đé	Phong Điền	
160	rạch	Xẻo Lá	Cái Răng	
161	câu	Xẻo Sao	Bình Thủy	
162	câu	Xẻo Cao	Bình Thủy	
163	câu	Xẻo Nhum	Phong Điền	
164	câu	Xẻo Kinh	Phong Điền	
165	câu	Xẻo Lát	Phong Điền	
166	câu	Xẻo Khế	Bình Thủy	
167	câu	Xẻo Cửa	Phong Điền	
168	câu	Xẻo Lô	Cái Răng	
169	câu	Xẻo Lá	Cái Răng	
170	câu	Xẻo Sào	Thới Lai	
171	câu	Xẻo Chắc	Thới Lai	

172	câu	Xẻo Mây	Ô Môn	
173	câu	Xẻo Chắc	Ô Môn	
174	câu	Cân Đốt - Xẻo Lát	Ô Môn	
175	câu	Xẻo Cao	Thốt Nốt	
176	câu	Xẻo An	Thốt Nốt	
177	câu	Xẻo Nhanh	Thốt Nốt	
178	câu	Xẻo Tràm	Thốt Nốt	
179	câu	Xẻo Cách	Cờ Đỏ	
180	câu	Xẻo Xây Lớn	Cờ Đỏ	
181	câu	Xẻo Xây Nhỏ	Cờ Đỏ	
182	câu	Xẻo Tre	Cờ Đỏ	
183	câu	Xẻo Tràm	Cờ Đỏ	
184	đường	Xẻo Chốt (Trái)	Thốt Nốt	
185	đường	Xẻo Chốt (Phải)	Thốt Nốt	
186	đường	Xẻo Cao - Mương Chuối	Thốt Nốt	
187	đường	Xẻo Nhanh	Thốt Nốt	
188	đường	Cam My- Xẻo Nổ	Ô Môn	
189	đường	Xẻo Xanh	Vĩnh Thạnh	
190	rạch	Xẻo Lúa	Ô Môn	
191	rạch	Xẻo Tre	Phong Điền	
192	rạch	Cái Tắc	Phong Điền	
193	rạch	Cái Tắc	Cái Răng	
194	bến đò	Tắc Cây Bàng	Thốt Nốt	
195	câu	Cái Tắc	Cái Răng	
196	câu	Tắc Cà Đi	Thới Lai	
197	câu	Ngã Tắc	Thốt Nốt	
198	đường	Rạch Tắc Bằng Tăng	Thốt Nốt	
199	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
200	đường	Ngã Tắc	Thốt Nốt	
201	ngã ba	Cái Tắc	Cái Răng	
202	rạch	Vàm Bi	Phong Điền	
203	rạch	Vàm	Ô Môn	
204	ấp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
205	câu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
206	câu	Vàm Nhon	Thới Lai	
207	câu	Hai Vàm	Thốt Nốt	
208	câu	Hai Vàm	Thốt Nốt	
209	câu	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
210	câu	Vàm Xáng	Cờ Đỏ	
211	chợ	Bích Vàm	Thốt Nốt	
212	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
213	đường	Vàm Cái Sắn	Thốt Nốt	
214	đường	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
215	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
216	đường	Vàm Bằng Lãng	Thốt Nốt	
217	đường	Vàm Trà Uôi	Thốt Nốt	
218	đường	Vàm Bằng Lãng	Thốt Nốt	

219	đường	Vàm Trà Uôi	Thốt Nốt	
220	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
221	đường huyện	Trường Long-Vàm Bi	Phong Điền	
222	bến phà	Vàm Xáng	Phong Điền	
223	kênh	Vàm Bi	Phong Điền	
224	cầu	Xẻo Đé	Phong Điền	
225	cầu	Xẻo Cui	Phong Điền	
226	rạch	Xẻo Tre	Phong Điền	
227	cầu	Xẻo Tre	Phong Điền	
228	khu vực	3 Sông Hậu	Ninh Kiều	
229	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
230	ngã ba	Sông Cầu Cả	Cờ Đỏ	
231	khu đô thị	Nam Sông Hậu	Cái Răng	
232	đường	Mé Sông	Châu Thành	thời Pháp thuộc
233	rạch	Kênh Chợ	Phong Điền	
234	vàm	Kênh Thăng Lợi I	Thốt Nốt	
235	vàm	Kênh Cụt	Thốt Nốt	
236	cầu	Kênh Thủy	Bình Thủy	
237	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
238	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
239	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
240	cầu	Kênh Chợ 4	Phong Điền	
241	cầu	Kênh Chợ 5	Phong Điền	
242	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
243	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
244	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
245	cầu	Kênh Ranh 1	Phong Điền	
246	cầu	Kênh Ranh 2	Phong Điền	
247	cầu	Kênh Ranh 3	Phong Điền	
248	cầu	Kênh Thủy Lợi	Cái Răng	
249	cầu	Kênh 1300	Thới Lai	
250	cầu	Kênh Mười Thước	Thới Lai	
251	cầu	Kênh 600	Thới Lai	
252	cầu	Kênh 200	Thới Lai	
253	cầu	Kênh Xáng	Ô Môn	
254	cầu	Kênh Kh6	Ô Môn	
255	cầu	Kênh F	Vĩnh Thạnh	
256	cầu	Kênh E	Vĩnh Thạnh	
257	cầu	Kênh 600	Vĩnh Thạnh	
258	cầu	Kênh 8	Vĩnh Thạnh	
259	cầu	Kênh 9	Vĩnh Thạnh	
260	cầu	Kênh 10	Vĩnh Thạnh	
261	cầu	Kênh Sườn 1	Vĩnh Thạnh	
262	cầu	Kênh Sườn 2	Vĩnh Thạnh	
263	cầu	Kênh D1	Vĩnh Thạnh	
264	cầu	Kênh Đòn Đông	Vĩnh Thạnh	
265	cầu	Kênh Sườn D - E	Vĩnh Thạnh	

266	cầu	Kênh Sườn C - D	Vĩnh Thạnh	
267	cầu	Kênh D2	Vĩnh Thạnh	
268	cầu	Kênh C2	Vĩnh Thạnh	
269	cầu	Kênh Đầu Ngàn	Vĩnh Thạnh	
270	cầu	Kênh 500	Vĩnh Thạnh	
271	cầu	Kênh Số 1	Cờ Đỏ	
272	cầu	Kênh Số 2	Cờ Đỏ	
273	cầu	Kênh Số 3	Cờ Đỏ	
274	cầu	Kênh Số 4	Cờ Đỏ	
275	cầu	Kênh Số 5	Cờ Đỏ	
276	cầu	Kênh Số 6	Cờ Đỏ	
277	cầu	Kênh Số 7	Cờ Đỏ	
278	cầu	Kênh D	Vĩnh Thạnh	
279	đường	Kênh Thăng Lợi I	Thốt Nốt	
280	đường	Kênh Xoài Mật	Thốt Nốt	
281	đường	Kênh Thơm Rơm 1	Thốt Nốt	
282	đường	Kênh Thơm Rơm 2	Thốt Nốt	
283	đường	Kênh Thơm Rơm - Trung Hưng	Thốt Nốt	
284	đường	Cầu Kênh	Ô Môn	
285	đường	Ngã Ba Tầm Vu- Kênh Trám Một	Ô Môn	
286	đường	Kênh Nhà Lầu	Ô Môn	
287	đường	Kênh Mới	Ô Môn	
288	đường	Kênh Nhà Lầu	Ô Môn	
289	đường	Kênh Mới	Ô Môn	
290	đường	Kênh 5 Hóng	Ô Môn	
291	đường	Kênh C1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
292	đường	Kênh B1	Vĩnh Thạnh	
293	đường	Phụng Quới A	Vĩnh Thạnh	
294	đường	Kênh C1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
295	đường	Kênh D1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
296	đường	Kênh D1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
297	đường	Kênh F1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
298	đường	Kênh F1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
299	đường	Kênh G1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
300	đường	Kênh G1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
301	đường	Kênh H1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
302	đường	Kênh Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
303	đường	Kênh T3	Vĩnh Thạnh	
304	đường	Kênh 9	Vĩnh Thạnh	
305	đường	Kênh 10	Vĩnh Thạnh	
306	đường	Kênh 16	Vĩnh Thạnh	
307	đường	Kênh 17	Vĩnh Thạnh	
308	đường	Kênh G1-2 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
309	đường	Kênh F1-2 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
310	đường	Kênh E1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	

311	đường	Kênh E1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
312	đường	Kênh 11	Vĩnh Thạnh	
313	đường	Kênh 12	Vĩnh Thạnh	
314	đường	Kênh 13	Vĩnh Thạnh	
315	đường	Kênh 14	Vĩnh Thạnh	
316	đường	Kênh 15	Vĩnh Thạnh	
317	đường	Kênh T1	Vĩnh Thạnh	
318	đường	Kênh 1	Vĩnh Thạnh	
319	đường	Kênh 2	Vĩnh Thạnh	
320	đường	Kênh 3	Vĩnh Thạnh	
321	đường	Kênh 4	Vĩnh Thạnh	
322	đường	Kênh 5	Vĩnh Thạnh	
323	đường	Kênh B1	Vĩnh Thạnh	
324	đường huyện	Kênh FM	Vĩnh Thạnh	
325	đường huyện	Kênh Đập Đá	Vĩnh Thạnh	
326	đường huyện	Kênh E1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
327	đường huyện	Kênh D1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
328	đường huyện	Kênh D1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
329	ngã ba	Kênh Số 10	Thốt Nốt	
330	cầu	Xẻo Kinh	Phong Điền	
331	cầu	Kinh Giữa	Phong Điền	
332	cầu	Kinh Năm Nay	Phong Điền	
333	cầu	Kinh Chuối	Thới Lai	
334	cầu	Kinh Ngang	Thới Lai	
335	cầu	Kinh Số 1	Thới Lai	
336	cầu	Kinh Công Điền	Thới Lai	
337	cầu	Kinh Cờ Mì	Thới Lai	
338	cầu	Kinh Số 1	Thới Lai	
339	cầu	Kinh Số 2	Thới Lai	
340	cầu	Kinh Số 3	Thới Lai	
341	cầu	Kinh Số 4	Thới Lai	
342	cầu	Kinh Lộ	Thới Lai	
343	cầu	Kinh Đình	Ô Môn	
344	cầu	Kinh Đôi	Cờ Đỏ	
345	cầu	Kinh Mới	Cờ Đỏ	
346	đường	Kinh Đình	Ô Môn	
347	đường	Kinh Ông - Đồn Bê - Rạch Làng-Mười Đông	Ô Môn	
348	vàm	Kinh Ba Láng	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
349	côn	Cái Khế	Ninh Kiều	
350	kênh	Cái He	Cờ Đỏ	
351	rạch	Cái Sơn- Mương Khai	Phong Điền	
352	rạch	Cái Tắc	Phong Điền	
353	rạch	Cái Nai	Cái Răng	
354	rạch	Cái Chanh	Cái Răng	
355	rạch	Cái Đâu	Ô Môn	

356	rạch	Cái Chôm	Ô Môn	
357	rạch	Ngã Cái	Thốt Nốt	
358	rạch	Cái Khê	Ninh Kiều	
359	rạch	Cái Sơn	Ninh Kiều	
360	rạch	Cái Đâu	Ô Môn	
361	rạch	Cái Khê	Ninh Kiều	
362	rạch	Cái Sơn	Ninh Kiều	
363	sông	Cái Răng	Cái Răng	
364	sông	Cái Nai	Cái Răng	
365	sông	Cái Da	Cái Răng	
366	sông	Cái Đôi	Cái Răng	
367	sông	Cái Sâu	Cái Răng	
368	sông	Cái Cui	Cái Răng	
369	vàm	Cái Sắn	Thốt Nốt	
370	quận	Cái Răng	Cái Răng	
371	phường	Cái Khê	Ninh Kiều	
372	khu vực	Cái Sơn	Ô Môn	
373	cảng	Cái Cui	Cái Răng	
374	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
375	cầu	Cái Sâu	Cái Răng	
376	cầu	Cái Tắc	Cái Răng	
377	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
378	cầu	Cái Da	Cái Răng	
379	cầu	Cái Nai	Cái Răng	
380	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
381	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
382	cầu	Cái Sơn	Thốt Nốt	
383	cầu	Cái Ngãi	Thốt Nốt	
384	cầu	Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
385	cầu	Ngã Cái	Thốt Nốt	
386	cầu	Cái He	Cờ Đỏ	
387	cầu	Cái Sơn	Ninh Kiều	
388	chợ	Cái Chanh	Cái Răng	
389	chợ	Nội Cái Răng	Cái Răng	
390	đường	Cái Sơn Trên	Thốt Nốt	
391	đường	Ngã Cái	Thốt Nốt	
392	đường	Vàm Cái Sắn	Thốt Nốt	
393	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
394	đường	Sân Bóng - Cái Đôi	Thốt Nốt	
395	đường	Cầu Vĩ - Cái Đôi (Phải)	Thốt Nốt	
396	đường	Cầu Vĩ - Cái Đôi (Trái)	Thốt Nốt	
397	đường	Cặp Rạch Cái Tiến	Thốt Nốt	
398	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
399	đường	Cầu Cái Ngãi	Thốt Nốt	
400	đường	Kênh Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
401	đường	Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
402	đường huyện	Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	

403	ngã ba	Cái Tắc	Cái Răng	
404	cụm công nghiệp	Cái Răng	Cái Răng	
405	chợ	Cái Vồn		thời Pháp thuộc
406	rạch	Cái Chanh	Bình Thủy	
407	rạch	Cái Chanh	Thốt Nốt	
408	rạch	Cái Tắc	Cái Răng	
409	rạch	Cái Muồng		
410	rạch	Cái Dầu		
411	rạch	Cái Đôi		chảy theo xã An Bình và Phú Thử
412	rạch	Cái Sâu		xã Phú Thử - rạch Cái Da
413	rạch	Cái Cui		chảy tới rạch Kinh Thạch Đông
414	rạch	Cái Khế		chảy từ cầu Đôi tới Đầu Sáu
415	rạch	Cái Dầu		chảy theo ranh giới xã Đông Phú và Phú Hữu cho tới gần giáp ranh quận Phụng Hiệp và quận Châu Thành
416	rạch	Cái Tắc	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
417	rạch	Cái Da	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
418	kinh	Cái Dầu	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
419	rạch	Cái Nai	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
420	rạch	Cái Răng Lớn	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
421	rạch	Cái Răng Bé	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
422	rạch	Cái Cấm	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
423	kinh	Cái Muồng	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
424	kinh	Cái Túc	Phong Phú	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
425	rạch	Cái Trôm	Phong Phú	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
426	rạch	Cái Chồn	Phụng Hiệp	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)

427	rạch	Cái Nhum	Phụng Hiệp	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
428	rạch	Ngã Cái	Thuận Nhơn	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
429	miệt	Cái Răng – Cần Thơ – Bình Thủy		tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
430	vàm	Ruộng Cái Da	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
431	đường	Sông Hậu	Ninh Kiều	
432	đường	Nam Sông Hậu	Cái Răng	
433	đạo	Trần Giang		thời nhà Nguyễn
<i>2.1.1.2 Văn hóa nhận thức về giao thông đường thủy</i>				
1	rạch	Bình Thủy	Bình Thủy	
2	cầu	Bình Thủy	Bình Thủy	
3	cầu	Bình Thủy 2	Bình Thủy	
4	chợ	Bình Thủy	Bình Thủy	
5	quận	Bình Thủy	Bình Thủy	
6	phường	Bình Thủy	Bình Thủy	
7	thôn	Bình Thủy		thời nhà Nguyễn
8	làng	Bình Thủy		thời Pháp thuộc
9	cầu	Nước Vắn	Bình Thủy	
10	vàm	Nước Vắn	Bình Thủy	
11	ngã ba	Nước Vắn	Bình Thủy	
12	rạch	Nước Lạnh	Bình Thủy	
13	sông	Cái Sâu	Cái Răng	
14	cầu	Cái Sâu	Cái Răng	
15	rạch	Xẻo Sâu	Phong Điền	
16	cầu	Rạch Sâu Nhỏ	Phong Điền	
17	cầu	Rạch Sâu Lớn 2	Phong Điền	
18	cầu	Rạch Sâu Lớn 3	Phong Điền	
19	cầu	Rạch Sâu Lớn 4	Phong Điền	
20	cầu	Rạch Sâu Lớn 6	Phong Điền	
21	rạch	Bùng Binh	Cái Răng	
22	cầu	Bùng Binh	Cái Răng	
23	rạch	Bùng Binh		hương lộ Số 10 – giáp ranh xã Phú Thử, tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
24	rạch	Ngã Bát	Cái Răng	
25	cầu	Ngã Bát	Cái Răng	
26	rạch	Ngã Bát	Ô Môn	
27	cầu	Ngã Bát	Ô Môn	
28	đường	Ngã Bát	Ô Môn	
29	rạch	Ngã Cạy	Ô Môn	
30	cầu	Ngã Cạy	Ô Môn	

31	rạch	Ngã Cay	Ninh Kiều	
32	cầu	Ngã Cay	Ninh Kiều	
33	kinh	Ngã Cay	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
2.1.2 Nhận thức về hệ thống động thực vật				
1	rạch	Miễu Ông	Bình Thủy	
2	cầu	Miễu Ông	Bình Thủy	
3	chợ	Miễu Ông	Bình Thủy	
4	rạch	Rây	Thốt Nốt	
5	cầu	Rạch Rây	Thốt Nốt	
6	đường	Rạch Rây – Bà Chiêu	Thốt Nốt	
7	rạch	Ông Tượng	Thốt Nốt	
8	rạch	Đường Xuông	Vĩnh Thạnh	
9	cầu	Đường Xuông	Thốt Nốt	
10	rạch	Đường Trâu	Vĩnh Thạnh	
11	làng	Trâu	Vĩnh Thạnh	
12	cầu	Lung Tượng	Ô Môn	
13	cầu	Mương Trâu Trên	Ô Môn	
14	cầu	Mương Trâu Dưới	Ô Môn	
15	rạch	Xẻo Trâu	Ô Môn	
16	đường	Rạch Rây – Lộ Mới	Vĩnh Thạnh	
17	cầu	Mương Trâu	Thốt Nốt	
18	đường	Mương Trâu	Thốt Nốt	
19	cầu	Mương Trâu	Cờ Đỏ	
20	đường	Trâu Nhỏ	Vĩnh Thạnh	
21	đường	Trâu Lớn (Nam)	Vĩnh Thạnh	
22	đường	Trâu Lớn (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
23	cầu	Ông Voi	Thới Lai	
24	rạch	Cái Nai	Cái Răng	
25	sông	Cái Nai	Cái Răng	
26	cầu	Cái Nai	Cái Răng	
27	cầu	Nhiêm	Phong Điền	
28	rạch	Cầu Nhiêm	Phong Điền	
29	rạch	Cần Đước	Phong Điền	
30	vàm	Cần Đước	Thốt Nốt	
31	cầu	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
32	đường	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
33	đường	Lộ Cần Đước	Thốt Nốt	
34	rạch	Càng Đước	Phong Điền	
35	cầu	Càng Đước	Phong Điền	
36	kinh	Ông Cò	Vĩnh Thạnh	
37	rạch	Láng Chim	Vĩnh Thạnh	
38	cầu	Láng Chim	Vĩnh Thạnh	
39	đường huyện	Láng Chim	Vĩnh Thạnh	
40	cồn	Cò	Thốt Nốt	
41	chợ	Cồn Cò	Thốt Nốt	
42	rạch	Rừng	Thốt Nốt	

43	đường	Rạch Rừng	Thốt Nốt	
44	rạch	Dù Tho	Ô Môn	
45	xóm	Dù Tho	Ô Môn	
46	sông	Cần Thơ	Ninh Kiều	
47	rạch	Cần Thơ	Ninh Kiều	
48	thành phố	Cần Thơ	Ninh Kiều	
49	cầu	Cần Thơ	Cái Răng	
50	chợ	Cần Thơ	Ninh Kiều	
51	bến phà	Cần Thơ	Ninh Kiều	
52	bến phà	Bắc Cần Thơ	Ninh Kiều	
53	sân bay	Cần Thơ	Bình Thủy	
54	bến xe	Nam Cần Thơ	Ninh Kiều	
55	rạch	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
56	cầu	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
57	chợ	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
58	đường	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
59	rạch	Cái Hô	Ô Môn	
60	cầu	Cái Hô	Ô Môn	
61	rạch	Cá Hô	Thốt Nốt	
62	tắc	Cá Hô	Thốt Nốt	
63	rạch	Phê	Ô Môn	
64	xóm	Câu	Thốt Nốt	
65	đường	Xóm Câu	Thốt Nốt	
66	xóm	Chài	Thốt Nốt	
67	xóm	Chài	Cái Răng	
68	bến phà	Xóm Chài	Ninh Kiều	
69	chợ	Xóm Chài	Cái Răng	
70	xóm	Lưới	Bình Thủy	
71	xóm	Đáy	Ninh Kiều	
72	làng	Lọp Thới Long	Ô Môn	
73	lung	Sầu	Phong Điền	
74	cầu	Lung Sầu	Phong Điền	
75	vàm	Đầu Sầu	Ninh Kiều	
76	rạch	Đầu Sầu	Ninh Kiều	
77	ngã ba	Đầu Sầu	Ninh Kiều	
78	cầu	Đầu Sầu	Ninh Kiều	
79	khu di tích	Giàn Gừa	Phong Điền	
80	rạch	Gừa	Bình Thủy	
81	cầu	Rạch Gừa	Bình Thủy	
82	rạch	Nửa	Phong Điền	
83	rạch	Cà Ròn	Phong Điền	
83	rạch	Kè	Phong Điền	
84	cầu	Rạch Kè	Phong Điền	
85	kênh	Cái Sơn	Phong Điền	
86	kênh	Cái Sơn 2	Phong Điền	
87	rạch	Cái Sơn – Mương Khai	Phong Điền	
88	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	

89	rạch	Cái Sơn	Ninh Kiều	
90	cầu	Cái Sơn	Ninh Kiều	
91	khu vực	Cái Sơn	Ô Môn	
92	cầu	Cả Sơn	Ô Môn	
93	cầu	Sơn	Ô Môn	
94	cầu	Cái Sơn	Thốt Nốt	
95	cầu	Rạch Sơn	Thốt Nốt	
96	đường	Cái Sơn Trên	Thốt Nốt	
97	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
98	cồn	Sơn	Bình Thủy	
99	chợ	Mít Nài	Ninh Kiều	
100	rạch	Chiếc	Cái Răng	
101	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
102	rạch	Cái Trôm	Ô Môn	
103	cầu	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
104	rạch	Cái Chôm	Ô Môn	
105	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
107	đường	Rạch Trom	Thốt Nốt	
108	rạch	Bằng Tăng	Ô Môn	
109	chợ	Bằng Tăng	Ô Môn	
110	đường	Rạch Bằng Tăng	Thốt Nốt	
111	đường	Bằng Tăng	Ô Môn	
112	rạch	Tâm Vu	Ô Môn	
113	cầu	Tâm Vu	Thốt Nốt	
114	chợ	Tâm Vu	Ninh Kiều	
115	đường	Tâm Vu	Ninh Kiều	
116	đường	Tâm Vu	Bình Thủy	
117	đường	Tâm Vu	Bình Thủy	
118	đường	Ngã Ba Tâm Vu – Kinh Trám Một	Ô Môn	
119	rạch	Ba Cui	Phong Điền	
120	rạch	Bông Vang	Phong Điền	
121	đường huyện	Mỹ Khánh – Bông Vang	Phong Điền	
122	cầu	Bông Vang	Thốt Nốt	
123	rạch	Bông Vang	Bình Thủy	
124	cầu	Bông Vang	Bình Thủy	
125	rạch	Bông Điều	Phong Điền	
126	rạch	Điều	Thới Lai	
127	công	Cây Điều	Ô Môn	
128	đường	Công Cây Điều	Ô Môn	
129	cầu	Muong Điều	Phong Điền	
130	cầu	Muong Điều	Thốt Nốt	
131	đường	Muong Điều	Thốt Nốt	
132	xẻo	Cui	Phong Điền	
133	sông	Cái Cui	Phong Điền	
134	rạch	Cái Cui	Cái Răng	
135	cảng	Cái Cui	Cái Răng	

136	cầu	Trà Cui	Thốt Nốt	
137	đường	Trà Cui Trên	Thốt Nốt	
138	đường	Trà Cui Dưới	Thốt Nốt	
139	xẻo	Cui	Phong Điền	
140	lung	Sen	Phong Điền	
141	rạch	Lung Sen	Phong Điền	
142	kênh	Láng Sen	Vĩnh Thạnh	
143	chợ	Láng Sen	Vĩnh Thạnh	
144	đường	Út Cưng – Lung Sen	Ô Môn	
145	bàu	Sen Trắng	Phong Điền	
146	rạch	Mật Cật	Phong Điền	
147	xẻo	Tre	Phong Điền	
148	vàm	Rạch Tre	Phong Điền	
149	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
150	cầu	Xẻo Tre	Cờ Đỏ	
151	xẻo	Đế	Phong Điền	
152	rạch	Xẻo Đế	Ô Môn	
153	rạch	Sung	Phong Điền	
154	vàm	Rạch Sung	Phong Điền	
155	rạch	Sung	Ô Môn	
156	khu vực	Rạch Sung	Ô Môn	
157	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
158	rạch	Xà No	Phong Điền	
159	kênh	Xáng Xà No	Phong Điền	
160	cầu	Xà No	Phong Điền	
161	vàm	Xáng Xà No	Phong Điền	
162	vàm	Xà No Lò Đường	Phong Điền	
163	rạch	Vông	Phong Điền	
164	rạch	Nhum	Thốt Nốt	
165	rạch	Nhum	Phong Điền	
166	cầu	Xẻo Nhum	Phong Điền	
167	cầu	Rạch Nhum	Thới Lai	
168	cầu	Rạch Nhum	Ô Môn	
169	rạch	Sang Trắng	Ô Môn	
170	cầu	Sang Trắng	Ô Môn	
171	chợ	Sang Trắng	Ô Môn	
172	cầu	Sang Trắng 1	Bình Thủy	
173	chợ	Sang Trắng	Bình Thủy	
174	xẻo	Sao	Bình Thủy	
175	cầu	Xẻo Sao	Bình Thủy	
176	xóm	Ba Cây Sao	Phong Điền	
177	rạch	Sao	Phong Điền	
178	xóm	Cây Dầu	Bình Thủy	
179	rạch	Bàng	Bình Thủy	
180	rạch	Hàng Bàng	Ninh Kiều	
181	tắc	Cây Bàng	Thốt Nốt	
182	bến đò	Tắc Cây Bàng	Thốt Nốt	

183	cầu	Cây Bàng	Thốt Nốt	
184	đường	Cái Sơn – Hàng Bàng	Ninh Kiều	
185	rạch	Bân	Cái Răng	
186	cầu	Rạch bân	Cái Răng	
187	đường	Hàng Bả Đậu	Cái Răng	
188	bến xe	Bả Đậu	Cái Răng	
189	quận	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
190	phường	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
191	rạch	thốt Nốt	Thốt Nốt	
192	kênh	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
193	sông	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
194	chợ	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
195	bến xe	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
196	cầu	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
197	khu công nghiệp	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
198	khu công nghiệp	Thốt Nốt I	Thốt Nốt	
199	khu công nghiệp	Thốt Nốt II	Thốt Nốt	
200	rạch	Bằng Lãng	Thốt Nốt	
201	cầu	Bằng Lãng	Thốt Nốt	
202	chợ	Bằng Lãng	Thốt Nốt	
203	vàm	Bằng Lãng	Thốt Nốt	
204	đường	Lộ Bằng Lãng	Thốt Nốt	
205	đường	Vàm Bằng Lãng	Thốt Nốt	
206	vàm	Cái Sắn	Thốt Nốt	
207	đường	Vàm Cái Sắn	Thốt Nốt	
208	rạch	Cái Sắn	Thốt Nốt	
209	cầu	Cái Sắn	Thốt Nốt	
210	chợ	Cái Sắn	Thốt Nốt	
211	rạch	Sắn	Phong Điền	
212	cầu	Rạch Sắn	Phong Điền	
213	cầu	Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
214	đường	Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
215	đường	Kênh Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
216	đường huyện	Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
217	kinh	Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
218	rạch	Bờ Tràm	Phong Điền	
219	cầu	Hàng Tràm	Ô Môn	
220	rạch	Cây Cầm	Phong Điền	
221	cầu	Cây Cầm	Phong Điền	
222	xẻo	Tràm	Thốt Nốt	
223	cầu	Xẻo Tràm	Thốt Nốt	
224	xẻo	Tràm	Cờ Đỏ	
225	cầu	Xẻo Tràm	Cờ Đỏ	
226	đường	Bờ Tràm	Vĩnh Thạnh	

227	rạch	Cây me	Phong Điền	
228	cầu	Cây Me	Ô Môn	
229	rạch	Công	Phong Điền	
230	rạch	Cây Dầu	Phong Điền	
231	cầu	Cây Dầu	Phong Điền	
232	cầu	Cây Dầu	Thới Lai	
233	đường huyện	Lộ Cây Dầu	Thới Lai	
234	rạch	Dầu	Thới Lai	
235	rạch	Cây Dầu Đôi	Thới Lai	
236	rạch	Gáo Đôi	Bình Thủy	
237	cầu	Gáo Đôi	Bình Thủy	
238	rạch	Đìa Muồng	Phong Điền	
239	rạch	Xẻo lá	Phong Điền	
240	kênh	Mương Lá	Cờ Đỏ	
241	rạch	Xẻo Lá	Cái Răng	
242	cầu	Xẻo Lá	Cái Răng	
243	cầu	Chòm Lá	Ô Môn	
244	kênh	Hàng Gòn	Vĩnh Thạnh	
245	rạch	Đìa Gòn	Thới Lai	
246	rạch	Mương Bó	Thới Lai	
247	rạch	Mương Bó	Phong Điền	
248	rạch	Xẻo Quao	Thới Lai	

2.1.3 Nhận thức về nơi cư trú

1	xóm	Nhà Bè	Cái Răng	
2	làng	Cá Bè Cồn Sơn	Bình Thủy	
3	kinh	Chợ	Phong Điền	
4	rạch	Kênh Chợ	Phong Điền	
5	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
6	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
7	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
8	cầu	Kênh Chợ 4	Phong Điền	
9	cầu	Kênh Chợ 5	Phong Điền	
10	cầu	Chợ Vĩnh Trinh	Thốt Nốt	
11	đường	Chợ Bò Ót	Thốt Nốt	
12	đường	Chợ Dân Lập	Thốt Nốt	
13	bến đò	Chợ Giữa	Châu Thành	thời Pháp thuộc
14	kinh	Chợ	Phong Điền	thời Pháp thuộc
15	khu vực	Chợ Cũ	Thốt Nốt	thời Pháp thuộc
16	vàm	Chợ Cũ	Thốt Nốt	thời Pháp thuộc
17	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
18	bến	Bạ	Cái Răng	
19	rạch	Bến Bạ	Cái Răng	
20	cầu	Bến Bạ	Cái Răng	
21	xóm	Lưới	Bình Thủy	

TỔNG MỤC 2.1: 735 địa danh

2.2 NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

2.2.1 Nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng				
1	xóm	Ghe	Phong Điền	
2	xóm	Trại Ghe	Phong Điền	
3	xóm	Bảy Hộ	Phong Điền	
4	xóm	Cối	Thốt Nốt	
5	xóm	Lò Tương	Phong Điền	
6	xóm	Lò Tương	Cái Răng	
7	xóm	Lò Bánh	Cái Răng	
8	xóm	Lò Nem	Cái Răng	
9	xóm	Lò Bún	Cái Răng	
10	xóm	Bánh Tráng	Cái Răng	
11	làng nghề	Bánh Tráng Thuận Hưng	Thốt Nốt	
12	xóm	Chiều	Cái Răng	
13	xóm	Thúng	Thốt Nốt	
14	xóm	Mê Bô	Thốt Nốt	
15	xóm	Nón	Thới Lai	
16	xóm	Lò Vôi	Cái Răng	
17	xóm	Lò Gạch	Cái Răng	
18	làng nghề	Bánh Keo Ba Rích	Ô Môn	
19	xóm	Cà Đai	Ninh Kiều	
20	xóm	Công Xi Heo	Ninh Kiều	
21	xóm	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
22	xóm	Cầu Củi	Ninh Kiều	
23	xóm	Cầu Ván	Bình Thủy	
24	làng	Lọ Thới Long	Ô Môn	
25	xóm	Ba Cây Sao	Phong Điền	
26	xóm	Bánh Tráng	Phong Điền	
27	Xóm	Thúng	Cái Răng	
2.2.2 Nhận thức về mối quan hệ với các cộng đồng tộc người khác				
1	câu	Ông Tà	Phong Điền	
2	rạch	Ông Tà	Thới Lai	
3	hạt	Cần Thơ		thời Pháp thuộc
4	tỉnh	Cần Thơ		thời Pháp thuộc
5	thị xã	Cần Thơ		thuộc tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc
6	thành phố	Cần Thơ		thuộc khu 9 – Tây Nam Bộ (thời kháng chiến chống Mỹ)
7	sông	Cần Thơ		chảy trên địa bàn quận, huyện: Ninh Kiều – Cái Răng – Phong Điền – Bình Thủy
8	thành phố	Cần Thơ		thuộc tỉnh Cần

				Thơ (1991 – 2004)
9	thành phố	Cần Thơ	Ninh Kiều	
10	bắc	Cần Thơ	Ninh Kiều	
11	bến phà	Cần Thơ	Ninh Kiều	
12	bến	Bắc Cần Thơ	Ninh Kiều	
13	cầu	Cần Thơ	Ninh Kiều	
14	sân bay	Cần Thơ	Ninh Kiều	
15	rạch	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
16	cầu	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
17	chợ	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
18	đường	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
19	bến xe	Nam Cần Thơ	Cái Răng	
20	thôn	Ô Môn		thời nhà Nguyễn, thuộc huyện Vĩnh Định
21	quận	Ô Môn		thời Pháp thuộc
22	huyện	Ô Môn		thuộc tỉnh Cần Thơ
23	làng	Ô Môn		thời Pháp thuộc
24	rạch	Ô Môn	Phong Phú	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
25	huyện	Ô Môn		thuộc tỉnh Hậu Giang (sau đó thuộc tỉnh Cần Thơ do chia tách)
26	thị trấn	Ô Môn		thuộc huyện Ô Môn, tỉnh Hậu Giang
27	chợ	Ô Môn	Ô Môn	
28	rạch	Ô Môn	Ô Môn	
29	kinh	Xáng Ô Môn	Ô Môn	
30	kinh	Ô Môn	Vĩnh Thạnh	
31	quận	Ô Môn	Ô Môn	
32	bến xe	Ô Môn		
33	khu công nghiệp	Ô Môn	Ô Môn	
34	khu công nghiệp	Bắc Ô Môn	Ô Môn	
35	huyện	Thốt Nốt		thuộc tỉnh Cần Thơ
36	thị trấn	Thốt Nốt		thuộc huyện Thốt Nốt
37	chợ	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
38	rạch	Thốt Nốt	Thốt Nốt	

39	kinh	Xáng Thốt Nốt	Thốt Nốt	
40	sông	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
41	cầu	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
42	khu công nghiệp	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
43	khu công nghiệp	Thốt Nốt I	Thốt Nốt	
44	khu công nghiệp	Thốt Nốt II	Thốt Nốt	
45	phường	Trà An	Bình Thủy	
46	rạch	Xà No	Phong Điền	
47	kênh	Xáng Xà No	Phong Điền	
48	cầu	Xà No	Phong Điền	
49	vàm	Xáng Xà No	Phong Điền	
51	vàm	Xà No Lò Đường	Phong Điền	
52	rạch	Xà No Bức	Phong Điền	
53	cầu	Xà No Cạn	Phong Điền	
54	cầu	Xà No – Lò Đường	Phong Điền	
55	rạch	Bằng Tăng	Ô Môn	
56	chợ	Bằng Tăng	Ô Môn	
57	đường	Rạch Bằng Tăng	Thốt Nốt	
58	đường	Bằng Tăng	Ô Môn	
59	rạch	Chiếc	Cái Răng	
60	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
61	rạch	Cà Ròn	Phong Điền	
62	rạch	Dù Tho	Ô Môn	
63	xóm	Dù Tho	Ô Môn	
64	đường	Ngọn Di Tho	Ô Môn	
65	rạch	Cần Đước	Phong Điền	
66	vàm	Cần Đước	Thốt Nốt	
67	cầu	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
68	đường	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
69	đường	Lộ Cần Đước	Thốt Nốt	
70	rạch	Càng Đước	Phong Điền	
71	cầu	Càng Đước	Phong Điền	
72	rạch	Phê	Ô Môn	
73	làng	Lọp Thới Long	Ô Môn	
74	quận	Cái Răng		thời Pháp thuộc
75	thị trấn	Cái Răng	Châu Thành	tỉnh Cần Thơ
76	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
77	chợ	Cái Răng	Cái Răng	
78	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
79	sông	Cái Răng	Cái Răng	
80	cụm công nghiệp	Cái Răng	Cái Răng	
81	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
82	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	

83	chợ	Nôi Cái Răng	Cái Răng	
83	kênh	Bò Ót	Thốt Nốt	
84	cầu	Bò Ót	Thốt Nốt	
85	chợ	Bò Ót	Thốt Nốt	
86	đường	Rạch Bò Ót	Thốt Nốt	
87	đường	Chợ Bò Ót	Thốt Nốt	
88	rạch	Nóp	Phong Điền	
89	chợ	Rạch Nọc	Ô Môn	
90	rạch	Đường Xuông	Vĩnh Thạnh	
91	cầu	Đường Xuông	Thốt Nốt	
92	rạch	Đường Trâu	Vĩnh Thạnh	
93	kênh	Đường Thét	Thới Lai	
94	cống	Đường Thét	Thới Lai	
95	cầu	Đường Thét	Thới Lai	
96	đường	Chùa Ông	Cái Răng	
97	đường	Chùa Bà	Cái Răng	
98	đường	Chùa Ông	Ninh Kiều	
99	đường	Chùa Ông	Thốt Nốt	
100	chợ	Miếu Bà	Phong Điền	
101	lộ	Miếu Ông	Ô Môn	
102	rạch	Công Xi Heo	Ninh Kiều	
103	xóm	Công Xi Heo	Ninh Kiều	
104	sông	Rạch Cam	Bình Thủy	
105	sông	Rạch Cam Nhỏ	Bình Thủy	
107	vàm	Rạch Có	Thốt Nốt	
108	vàm	Rạch Rây	Thốt Nốt	
109	khu vực	Rạch Chanh	Ô Môn	
110	khu vực	Rạch Sung	Ô Môn	
111	cầu	Rạch Ranh	Bình Thủy	
112	cầu	Rạch Gừa	Bình Thủy	
113	cầu	Rạch Giữa	Bình Thủy	
114	cầu	Rạch Miếu	Bình Thủy	
115	cầu	Rạch Phó	Bình Thủy	
116	cầu	Rạch Cam	Bình Thủy	
117	cầu	Rạch Súc	Bình Thủy	
118	cầu	Rạch Chanh	Bình Thủy	
119	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
120	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
121	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
122	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
123	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
124	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
125	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
126	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
127	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
128	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
129	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	

130	cầu	Rạch Chùa 12	Phong Điền	
131	cầu	Rạch Sâu Nhỏ	Phong Điền	
132	cầu	Rạch Sâu Lớn 2	Phong Điền	
133	cầu	Rạch Sâu Lớn 3	Phong Điền	
134	cầu	Rạch Sâu Lớn 4	Phong Điền	
135	cầu	Rạch Sâu Lớn 6	Phong Điền	
136	cầu	Rạch Miếu 1	Phong Điền	
137	cầu	Rạch Miếu 2	Phong Điền	
138	cầu	Rạch Miếu 3	Phong Điền	
139	cầu	Rạch Miếu 4	Phong Điền	
140	cầu	Rạch Miếu 5	Phong Điền	
141	cầu	Rạch Miếu 6	Phong Điền	
142	cầu	Rạch Miếu 7	Phong Điền	
143	cầu	Rạch Miếu 8	Phong Điền	
144	cầu	Rạch Miếu 9	Phong Điền	
145	cầu	Rạch Miếu 10	Phong Điền	
146	cầu	Rạch Miếu 11	Phong Điền	
147	cầu	Rạch Miếu 12	Phong Điền	
148	cầu	Rạch Miếu 13	Phong Điền	
149	cầu	Rạch Miếu 14	Phong Điền	
150	cầu	Rạch Miếu 15	Phong Điền	
151	cầu	Rạch Miếu 16	Phong Điền	
152	cầu	Rạch Miếu 17	Phong Điền	
153	cầu	Rạch Miếu 18	Phong Điền	
154	cầu	Rạch Miếu 19	Phong Điền	
155	cầu	Rạch Miếu 20	Phong Điền	
156	cầu	Rạch Miếu 21	Phong Điền	
157	cầu	Rạch Miếu 22	Phong Điền	
158	cầu	Rạch Miếu 23	Phong Điền	
159	cầu	Rạch Miếu 24	Phong Điền	
160	cầu	Rạch Miếu 25	Phong Điền	
161	cầu	Rạch Miếu 26	Phong Điền	
162	cầu	Rạch Cóc	Phong Điền	
163	cầu	Rạch Sắn	Phong Điền	
164	cầu	Rạch Còm	Phong Điền	
165	cầu	Rạch Cùng	Phong Điền	
166	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
167	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
168	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
169	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
170	cầu	Rạch Nhum	Thới Lai	
171	cầu	Rạch Tra	Thới Lai	
172	cầu	Rạch Miếu	Thới Lai	
173	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
174	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
175	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
176	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	

177	cầu	Rạch Rích	Thốt Nốt	
178	cầu	Rạch Nhum	Ô Môn	
179	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
180	cầu	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
181	cầu	Rạch Sơn	Thốt Nốt	
182	cầu	Rạch Ngõng	Ninh Kiều	
183	chợ	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
184	chợ	Rạch Rích	Thốt Nốt	
185	chợ	Rạch Cam	Bình Thủy	
186	chợ	Rạch Nọc	Ô Môn	
187	đường	Rạch Ranh	Thốt Nốt	
188	đường	Rạch Ông Bồi	Thốt Nốt	
189	đường	Ngọn Rạch Cát	Thốt Nốt	
190	đường	Rạch Rích	Thốt Nốt	
191	đường	Rạch Bà Góa	Thốt Nốt	
192	đường	Rạch Cát	Thốt Nốt	
193	đường	Rạch Tắc Bằng Tăng	Thốt Nốt	
194	đường	Rạch Bò Ót	Thốt Nốt	
195	đường	Rạch Chanh	Thốt Nốt	
196	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
197	đường	Rạch Rạp	Thốt Nốt	
198	đường	Rạch Đình	Thốt Nốt	
199	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
200	đường	Rạch Cả Kè	Thốt Nốt	
201	đường	Rạch Khai Long	Thốt Nốt	
202	đường	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
203	đường	Rạch Rày	Thốt Nốt	
204	đường	Rạch Chùa (Nói Dài)	Thốt Nốt	
205	đường	Rạch Rừng	Thốt Nốt	
206	đường	Cặp Rạch Cái Tiến	Thốt Nốt	
207	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
208	đường	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
209	đường	Rạch Rích - Thới Hòa B - Thới Hòa C	Ô Môn	
210	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
211	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
212	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
213	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
214	đường	Rạch Bắc Đuông	Thốt Nốt	
215	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
216	đường	Rạch Sung - Sông Hậu	Ô Môn	
217	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
218	đường	Rạch Ranh-Rạch Chùa	Ô Môn	
219	đường	Rạch Bánh Tét	Ô Môn	
220	đường	Kinh Ông- Đồn Bể-Rạch Làng-Mười Đông	Ô Môn	
221	đường	Bà Kiên - Cầu Rạch	Ô Môn	

		Chanh		
222	đường	Rạch Chanh	Vĩnh Thạnh	
223	đường	Bến Đò Đu Đu - Rạch Miễu Hội	Ô Môn	
224	đường	Rạch Ngã Chùa (Tây)	Vĩnh Thạnh	
225	đường	Rạch Ngã Chùa (Đông)	Vĩnh Thạnh	
226	đường	Rạch Bà Bôi (Nam)	Vĩnh Thạnh	
227	đường	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
228	đường huyện	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
229	rạch	Trà Niềng Lớn	Phong Điền	
230	rạch	Trà Niềng Bé	Phong Điền	
231	rạch	Trà Vợ Lớn	Thới Lai	
232	cầu	Trà Keo Trong	Ô Môn	
233	ấp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
234	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
235	chợ	Bích Vàm	Thốt Nốt	
236	đường	Vàm Cái Sắn	Thốt Nốt	
237	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
238	đường	Vàm Bằng Lãng	Thốt Nốt	
239	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
240	kênh	Ông Tường	Bình Thủy	
241	kênh	Ông Huyện	Bình Thủy	
242	kênh	Bón Tổng	Cờ Đỏ	
243	kênh	Bảy Phẩm	Cờ Đỏ	
244	kênh	Huyện Chơn	Cờ Đỏ	
245	kênh	Huyện Tiệp	Cờ Đỏ	
246	kênh	Năm Châu	Cờ Đỏ	
247	rạch	Cai Cầm	Phong Điền	
248	rạch	Tràm Bửu	Phong Điền	
249	rạch	Cái Sơn- Mương Khai	Phong Điền	
250	rạch	Mương Đình	Phong Điền	
251	rạch	Sáu Thanh	Bình Thủy	
252	vàm	Kênh Thảng Lợi I	Thốt Nốt	
253	vàm	Bà Sự	Ô Môn	
254	cầu	Bà Chính	Bình Thủy	
255	cầu	Rạch Phó	Bình Thủy	
256	cầu	Ông Tường	Bình Thủy	
257	cầu	Kênh Thủy	Bình Thủy	
258	cầu	Hai Lộ	Phong Điền	
259	cầu	Út Thanh	Phong Điền	
260	cầu	Hai Sài Gòn	Phong Điền	
261	cầu	Mười Lân	Phong Điền	
262	cầu	Tư Tài	Phong Điền	
263	cầu	Năm Chiến	Phong Điền	
264	cầu	Ba Xuân	Phong Điền	
265	cầu	Sáu Đại Liên	Phong Điền	
266	cầu	Tư Thanh	Phong Điền	

267	câu	Ba Lâm	Phong Điền	
268	câu	Út Hùng	Phong Điền	
269	câu	Hai Phương	Phong Điền	
270	câu	Hai Ân	Phong Điền	
271	câu	Ba Ngưon 1	Phong Điền	
272	câu	Ba Ngưon 2	Phong Điền	
273	câu	Ba Ngưon 3	Phong Điền	
274	câu	Ông Khải	Phong Điền	
275	câu	Út Nam	Phong Điền	
276	câu	Hai Sơn	Phong Điền	
277	câu	Ông Hằng	Phong Điền	
278	câu	Tư Trường	Phong Điền	
279	câu	Hai Thắng	Phong Điền	
280	câu	Ba Lạc	Phong Điền	
281	câu	Ba Sơn	Phong Điền	
282	câu	Ba Bảo	Phong Điền	
283	câu	Năm Thạnh	Phong Điền	
284	câu	Ông Hân	Phong Điền	
285	câu	Năm Chánh	Phong Điền	
286	câu	Ông Hoàng	Phong Điền	
287	câu	Tám Nghĩa	Phong Điền	
288	câu	Hai Khuynh	Phong Điền	
289	câu	Hai Hiệp	Phong Điền	
290	câu	Hai Hồng	Phong Điền	
291	câu	Hai Toại	Phong Điền	
292	câu	Ba Quân	Phong Điền	
293	câu	Tư Thúy	Phong Điền	
294	câu	Hai Hoa	Phong Điền	
295	câu	Ông Hào	Phong Điền	
296	câu	Tám Lạc	Phong Điền	
297	câu	Hai Sử	Phong Điền	
298	câu	Hai Hồ	Phong Điền	
299	câu	Ông Cơ	Phong Điền	
300	câu	Bảy Hiệp	Phong Điền	
301	câu	Hai Long	Phong Điền	
302	câu	Tư Quý	Phong Điền	
303	câu	Bà Nga	Phong Điền	
304	câu	Ông Thọ	Phong Điền	
305	câu	Năm Trạng	Phong Điền	
306	câu	Bà Thành	Phong Điền	
307	câu	Tám Xuân	Phong Điền	
308	câu	Ông Chính	Phong Điền	
309	câu	Tư Duyên	Phong Điền	
310	câu	Ông Lập	Phong Điền	
311	câu	Bảy Hồng	Phong Điền	
312	câu	Tám Hoài	Phong Điền	
313	câu	Ông Đô	Phong Điền	

314	cầu	Tám Việt	Phong Điền	
315	cầu	Kênh Thủy Lợi	Cái Răng	
316	cầu	Ông Cửu Nhỏ	Cái Răng	
317	cầu	Bảy Phầm	Thới Lai	
318	cầu	Kinh Công Điền	Thới Lai	
319	cầu	Ông Huyện	Thới Lai	
320	cầu	Ông Định	Thới Lai	
321	cầu	Hai Hà	Ô Môn	
322	cầu	Bảy Tổng	Ô Môn	
323	cầu	Ba Ý	Ô Môn	
324	cầu	Chín Ý	Ô Môn	
325	cầu	Út Khánh	Ô Môn	
326	cầu	Bảy Huyền	Ô Môn	
327	cầu	Sáu Tùng	Ô Môn	
328	cầu	Ranh Trường Lạc - Thới An Đông	Ô Môn	
329	cầu	Ngọn Bà Quý	Ô Môn	
330	cầu	Mười Điền	Ô Môn	
331	cầu	Bảy Khoa	Ô Môn	
332	cầu	Ông Tài Bé	Ô Môn	
333	cầu	Hai Tài	Ô Môn	
334	cầu	Bà Thiên	Ô Môn	
335	cầu	Ông Hộ	Ô Môn	
336	cầu	Thủy Lợi Giữa	Ô Môn	
337	cầu	Sáu Tùng	Ô Môn	
338	cầu	Sáu Bích	Ô Môn	
339	cầu	Tám Can	Ô Môn	
340	cầu	Sáu Sang	Ô Môn	
341	cầu	Năm Đức	Thốt Nốt	
342	cầu	Cống Bản Thầy Tài	Thốt Nốt	
343	cầu	Ông Tùng	Thốt Nốt	
344	cầu	Sáu Lập	Thốt Nốt	
345	cầu	Hai Hảo	Thốt Nốt	
346	cầu	Ông Nghị	Thốt Nốt	
347	cầu	Ông Sáu Chúc	Thốt Nốt	
348	cầu	Ông Sáu Chúc	Thốt Nốt	
349	cầu	Chợ Vĩnh Trinh	Thốt Nốt	
350	cầu	Xẻo An	Thốt Nốt	
351	cầu	Bà Quế	Thốt Nốt	
352	cầu	Năm Châu	Cờ Đỏ	
353	cầu	Bốn Tổng	Cờ Đỏ	
354	chợ	Bích Vàm	Thốt Nốt	
355	chợ	Ông Cửu	Cái Răng	
356	đường	Ông Tùng	Thốt Nốt	
357	đường	Chùa Vạn Phước Tự	Thốt Nốt	
358	đường	Chùa Giác Hòa	Thốt Nốt	
359	đường	Rạch Đình	Thốt Nốt	

360	đường	Hai Hiền	Thốt Nốt	
361	đường	Rạch Khai Long	Thốt Nốt	
362	đường	Kênh Thắng Lợi I	Thốt Nốt	
363	đường	Út Tượng	Thốt Nốt	
364	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
365	đường	Rạch Rích - Thới Hòa B, Thới Hòa C	Ô Môn	
366	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
367	đường	Ngã Ba Đình - Bình An	Ô Môn	
368	đường	Bà Chiêu (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
369	đường huyện	Trường Long-Vàm Bi	Phong Điền	
370	đường huyện	Mỹ Khánh - Bông Vang	Phong Điền	
371	rạch	Nọc	Ô Môn	
372	vàm	Rạch Nọc	Ô Môn	
2.2.3 Nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng				
1	kênh	Bà Vèn	Cờ Đỏ	
2	kênh	Xáng Bà Đầm	Thới Lai	
3	rạch	Bà Đúc	Thới Lai	
4	rạch	Bà Keo	Thới Lai	
5	rạch	Bà Chiêu	Thốt Nốt	
6	rạch	Bà Chủ Kiều	Ninh Kiều	
7	rạch	Bà Giám	Ninh Kiều	
8	rạch	Bà Đông	Cái Răng	
9	rạch	Bà Hủ	Cái Răng	
10	rạch	Bà Tính	Cái Răng	
11	rạch	Bà Hương	Cái Răng	
12	rạch	Bà Vèn	Cái Răng	
13	rạch	Bà Dố	Bình Thủy	
14	rạch	Bà Chín	Bình Thủy	
15	rạch	Bà Sự	Ô Môn	
16	rạch	Bà Diêm	Ô Môn	
17	rạch	Bà Ruôi	Ô Môn	
18	rạch	Bà Bộ	Bình Thủy	
19	rạch	Bà Bóng	Phong Điền	
20	rạch	Bà Đạt	Phong Điền	
21	rạch	Bà Đạt	Phong Điền	
22	rạch	Bà Hiệp	Phong Điền	
23	rạch	Bà Hòn	Phong Điền	
24	rạch	Bà Mưu	Phong Điền	
25	rạch	Bà Tý	Phong Điền	
26	xóm	Bà Đồ	Bình Thủy	
27	rạch	Bà Giá	Thốt Nốt	
28	rạch	Bà Mảng	Thốt Nốt	
29	rạch	Bà Bún	Thốt Nốt	
30	vàm	Bà Chiêu	Thốt Nốt	
31	vàm	Bà Quế	Thốt Nốt	
32	vàm	Bà Sự	Ô Môn	

33	câu	Bà Mon	Bình Thủy	
34	câu	Bà Bộ	Bình Thủy	
35	câu	Bà Chính	Bình Thủy	
36	câu	Bà Kè	Bình Thủy	
37	câu	Bà Chua	Phong Điền	
38	câu	Bà Thầy	Phong Điền	
39	câu	Bà Đạt	Phong Điền	
40	câu	Bà Sáu Mến	Phong Điền	
41	câu	Bà Hui	Phong Điền	
42	câu	Bà Hiệp	Phong Điền	
43	câu	Bà Nga	Phong Điền	
44	câu	Bà Thành	Phong Điền	
45	câu	Bà Mưu	Phong Điền	
46	câu	Bà Vèn	Cái Răng	
47	câu	Bà Vèn	Cái Răng	
48	câu	Bà Vèn 2	Cái Răng	
49	câu	Bà Đóng	Cái Răng	
51	câu	Bà Rựa	Cái Răng	
52	câu	Bà Đầm	Thới Lai	
53	câu	Ngọn Bà Quý	Ô Môn	
54	câu	Bà Thom	Ô Môn	
55	câu	Bà Thiên	Ô Môn	
56	câu	Mương Bà Tuất	Ô Môn	
57	câu	Bà Rui	Ô Môn	
58	câu	Bà Kiều	Ô Môn	
59	câu	Bà Mảng	Thốt Nốt	
60	câu	Bà Mười	Thốt Nốt	
61	câu	Bà Bún	Thốt Nốt	
62	câu	Bà Thầy	Thốt Nốt	
63	câu	Bà Quế	Thốt Nốt	
64	câu	Bà Chín	Thốt Nốt	
65	câu	Bà Chiêu	Thốt Nốt	
66	chợ	Bà Bộ	Bình Thủy	
67	chợ	Bà Vèn	Cái Răng	
68	công	Bà Mụ	Ô Môn	
69	đường	Bà Mười	Thốt Nốt	
70	đường	Rạch Bà Góa	Thốt Nốt	
71	đường	Bà Nhiên	Thốt Nốt	
72	đường	Lộ Bà Chiêu	Thốt Nốt	
73	đường	Bà Cả	Thốt Nốt	
74	đường	Bà Chiêu (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
75	đường	Bà Kiên - Cầu Rạch Chanh	Ô Môn	
76	đường	Rạch Bà Bôi (Nam)	Vĩnh Thạnh	
77	đường	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
78	đường huyện	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
79	ngã ba	Bà Chiêu	Thốt Nốt	

80	đường	Nguyễn Việt Hồng	Ninh Kiều	
81	đường	Tạ Thị Phi	Bình Thủy	
82	đường	Trần Thị Mươi	Bình Thủy	
83	đường	Phạm Thị Ban	Bình Thủy	
83	đường	Lê Thị Nường	Bình Thủy	
84	đường	Đặng Thị Nường	Bình Thủy	
85	đường	Lê Thị Tạo	Thốt Nốt	
86	đường	Nguyễn Thị Lưu	Thốt Nốt	
87	đường	Huỳnh Thị Giang	Ô Môn	
88	đường	Thái Thị Hạnh	Ô Môn	
89	đường	Huỳnh Thị Nở	Cái Răng	
90	đường	Nguyễn Thị Trâm	Cái Răng	
91	công viên	Lê Thị Tạo	Thốt Nốt	
92	cầu	Nguyễn Thị Đào	Phong Điền	
93	cầu	Kim Em	Phong Điền	
94	cầu	Trần Thị Bảy	Phong Điền	
95	cầu	Lý Thị Luyện	Phong Điền	
TỔNG MỤC 2.2: 494 địa danh				
TỔNG PHỤ LỤC 1: 1229 địa danh				

PHỤ LỤC 2
VĂN HÓA TỔ CHỨC QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

3.1. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
3.1.1 Văn hóa tổ chức nông thôn				
<i>3.1.1.1 Về lịch sử hình thành và phát triển tổ chức nông thôn</i>				
STT	THÀNH TỐ CHUNG	ĐỊA DANH	HUYỆN/ TỈNH	GHI CHÚ
1	thôn	Bình Thạnh Tây	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
2	thôn	Bình Trung	huyện Vĩnh Định	
3	thôn	Bình Lâm	huyện Vĩnh Định	
4	thôn	Bình Đức	huyện Vĩnh Định	
5	thôn	Mỹ Phước	huyện Vĩnh Định	
6	thôn	Mỹ Thạnh	huyện Vĩnh Định	
7	thôn	Đại Hữu	huyện Vĩnh Định	
8	thôn	Thới Thuận	huyện Vĩnh Định	
9	thôn	Thới Thuận Trung	huyện Vĩnh Định	
10	thôn	Tân Thuận Đông	huyện Vĩnh Định	
11	thôn	Tân Lộc Đông	huyện Vĩnh Định	
12	thôn	Thới Hưng	huyện Vĩnh Định	
13	thôn	Thới An	huyện Vĩnh Định	
14	thôn	Thới An Đông	huyện Vĩnh Định	
15	thôn	Bình Thủy	huyện Vĩnh Định	
16	thôn	Thới Bình	huyện Vĩnh Định	
17	thôn	Tân An	huyện Vĩnh Định	
18	thôn	Tân Thạnh	huyện Vĩnh Định	
19	thôn	Tân Nhơn	huyện Vĩnh Định	
20	thôn	Tân Phú Đông	huyện Vĩnh Định	
21	thôn	Phú Mỹ Đông	huyện Vĩnh Định	
22	thôn	An Lạc	huyện Vĩnh Định	
23	thôn	Long Phú	huyện Vĩnh Định	
24	thôn	Tân Thạnh Đông	huyện Vĩnh Định	
25	thôn	An Thạnh Nhứt	huyện Vĩnh Định	
26	thôn	Đại Hòa	huyện Vĩnh Định	
27	thôn	An Thạnh Nhi	huyện Vĩnh Định	
28	thôn	An Hòa	huyện Vĩnh Định	
29	thôn	Hòa Mỹ	huyện Vĩnh Định	
30	thôn	Châu Quý An	huyện Vĩnh Định	
31	thôn	Mỹ Hội Đông	huyện Vĩnh Định	
32	thôn	Long Hưng	huyện Vĩnh Định	
33	thôn	Mỹ Đức	huyện Vĩnh Định	
34	thôn	Tân Lợi	huyện Vĩnh Định	
35	điểm	An Thạnh	huyện Vĩnh Định	

36	điểm	Tân Thanh	huyện Vĩnh Định	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
37	thôn	Đức Giang	huyện Vĩnh Định	
38	làng	An Khương	tổng Định Phong	
39	làng	Nhơn Mỹ	tổng Định Phong	
40	làng	Nhơn nghĩa	tổng Định Phong	
41	làng	Nhơn Thới	tổng Định Phong	
42	làng	Phú Hữu	tổng Định Phong	
43	làng	Phú Thứ	tổng Định Phong	
44	làng	Phú Thạnh	tổng Định Phong	
45	làng	Thạnh lợi	tổng Định Phong	
46	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Phong	
47	làng	Bình Thạnh	tổng Định Thạnh	
48	làng	Bình Khánh	tổng Định Thạnh	
49	làng	Bình Phước	tổng Định Thạnh	
50	làng	Bình Xuân	tổng Định Thạnh	
51	làng	Thới Bình	tổng Định Thạnh	
52	làng	Thới Phong	tổng Định Thạnh	
53	làng	Nhu Lăng	tổng Định Thạnh	
54	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Thạnh	
55	làng	Gia Kiệt	tổng Tuân Lễ	
56	làng	Hòa Gia	tổng Tuân Lễ	
57	làng	Ngãi Lộ	tổng Tuân Lễ	
58	làng	Tân Thiêt	tổng Tuân Lễ	
59	làng	Thanh Bạch	tổng Tuân Lễ	
60	làng	Trà Sơn	tổng Tuân Lễ	
61	làng	Trùng Giang	tổng Tuân Lễ	
62	làng	Định Hòa	tổng An Trường	
63	làng	Đông An	tổng An Trường	
64	làng	Đông Hậu	tổng An Trường	
65	làng	An Hòa	tổng An Trường	
66	làng	Tân Lược	tổng An Trường	
67	làng	Đông Thành	tổng An Trường	
68	làng	Đông Thành Trung	tổng An Trường	
69	làng	Đông Thạnh Thôn	tổng An Trường	
70	làng	Đông Lợi	tổng An Trường	
71	làng	Kim Bôn	tổng An Trường	
72	làng	Mỹ Chánh	tổng An Trường	
73	làng	Mỹ Thuận	tổng An Trường	
74	làng	Mỹ Thuận Trung	tổng An Trường	
75	làng	Tân Long	tổng An Trường	
76	làng	Tân Lộc Trung	tổng An Trường	
77	làng	Tân Phong	tổng An Trường	
78	làng	Tân Phong Tây	tổng An Trường	
79	làng	Tân Quới	tổng An Trường	
80	làng	Phù Ly	tổng An Trường	
81	làng	Đông Phú	tổng Định An	
82	làng	Đông Phú Trung	tổng Định An	

83	làng	Hậu Thạnh	tổng Định An
84	làng	Long Hưng	tổng Định An
85	làng	Phú Mỹ Đông	tổng Định An
86	làng	An Lạc	tổng Định An
87	làng	Ngãi Tứ	tổng Bình Lễ
88	làng	Loan Tân	tổng Bình Lễ
89	làng	Bình An	tổng Bình Lễ
90	làng	Hanh Thông	tổng Bình Lễ
91	làng	Mỹ Yên	tổng Bình Lễ
92	làng	Thiện Mỹ	tổng Bình Lễ
93	làng	An Ninh	tổng Bình Lễ
94	làng	Ngãi Tam	tổng Bình Lễ
95	làng	Ngãi Ngũ	tổng Bình Lễ
96	làng	Thiện Trường	tổng Bình Lễ
97	làng	Bình Thủy	tổng Định Thới
98	làng	Bình Thủy Đông	tổng Định Thới
99	làng	Tân Khánh	tổng Định Thới
100	làng	Thới Lai	tổng Định Thới
101	làng	Thới Luông	tổng Định Thới
102	làng	Thới Thạnh Thôn	tổng Định Thới
103	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Định Thới
104	làng	Thới Trung	tổng Định Thới
105	làng	Thới Hanh	tổng Định Thới
107	làng	Thới An	tổng Định Thới
108	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới
109	làng	Phú Luông	tổng Định Thới
110	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới
111	làng	Thới Giai	tổng Định Thới
112	làng	Định Môn	tổng Định Thới
113	làng	Long Tuyên	tổng Định Thới
114	làng	Long Thạnh	tổng Thành Trị
115	làng	Thiện Giao	tổng Thành Trị
116	làng	Thiện Hóa	tổng Thành Trị
117	làng	Vĩnh Thuận	tổng Thành Trị
118	làng	Vĩnh Hữu	tổng Thành Trị
119	làng	Vĩnh Thới	tổng Thành Trị
120	làng	Vĩnh Xuân	tổng Thành Trị
121	làng	Tích Thiện	tổng Thành Trị
122	làng	Tích Khánh	tổng Thành Trị
123	làng	An Thổ	tổng Thành Trị
124	làng	Tân Hòa	tổng Tuân Giáo
125	làng	Hưng Khê	tổng Tuân Giáo
126	làng	Thông Thảo	tổng Tuân Giáo
127	làng	Châu Hưng	tổng Tuân Giáo
128	làng	Ân Phụ	tổng Tuân Giáo
129	làng	Lương Điền	tổng Tuân Giáo

130	làng	Phong Phú	tông Tuân Giáo	tỉnh Cần Thơ năm 1911
131	làng	Phong Thới	tông Tuân Giáo	
132	làng	Phong Nhượng	tông Tuân Giáo	
133	làng	Thơ Đôi	tông Tuân Giáo	
134	làng	Châu Gia	tông Tuân Giáo	
135	làng	Lân Thạnh	tông Tuân Giáo	
136	làng	Ngọc Hồ	tông Tuân Giáo	
137	làng	Ngãi Nhứt	tông Tuân Giáo	
138	làng	Ngãi Nhì	tông Tuân Giáo	
139	làng	Ngọc Sum	tông Tuân Giáo	
140	làng	Nhu Gia	tông Tuân Giáo	
141	làng	Tam Đăng	tông Tuân Giáo	
142	làng	Tân Phú	tông Tuân Giáo	
143	làng	Tân Thạnh	tông Tuân Giáo	
144	làng	Trực Tâm	tông Tuân Giáo	
145	làng	Tú Hòa	tông Tuân Giáo	
146	làng	Tân Quy	tông Tuân Giáo	
147	làng	Nhơn Ái	tông Định Bảo	
148	làng	Nhơn Ái Tây	tông Định Bảo	
149	làng	Tân Lợi	tông Định Bảo	
150	làng	Trường Lạc	tông Định Bảo	
151	làng	Trường Thạnh	tông Định Bảo	
152	làng	Thới Bình	tông Định Bảo	
153	làng	Tân An	tông Định Bảo	
154	làng	Tân Thạnh Đông	tông Định Bảo	
155	làng	Thạnh Xuân	tông Định Bảo	
156	làng	Trường Khánh	tông Định Bảo	
157	làng	Trường Bình	tông Định Bảo	
158	làng	Thường Thạnh	tông Định Bảo	
159	làng	Thường Thạnh Đông	tông Định Bảo	
160	làng	Thạnh An	tông Định Bảo	
161	làng	Ô Môn	tông Định Bảo	
162	làng	Đông Lợi	tông An Trường	
163	làng	Đông Thạnh Thôn	tông An Trường	
164	làng	Đông Thành Trung	tông An Trường	
165	làng	Mỹ Chánh	tông An Trường	
166	làng	Phù Ly	tông An Trường	
167	làng	Mỹ Thuận	tông An Trường	
168	làng	Tân Lược	tông An Trường	
169	làng	Tân Phong	tông An Trường	
170	làng	Tân Quới	tông An Trường	
171	làng	An Hòa	tông An Trường	
172	làng	Định Hòa	tông An Trường	
173	làng	Bình Ninh	tông Bình Lễ	
174	làng	Hanh Thông	tông Bình Lễ	
175	làng	Ngãi Tứ	tông Bình Lễ	
176	làng	Mỹ An	tông Bình Lễ	

177	làng	Loan Tân	tổng Bình Lễ
178	làng	Tân Thiết	tổng Bình Lễ
179	làng	Trùng Giang	tổng Bình Lễ
180	làng	Đông Hậu	tổng Bình Lễ
181	làng	Thiện Mỹ	tổng Bình Lễ
182	làng	Đông Phú	tổng Định An
183	làng	Hậu Thạnh	tổng Định An
184	làng	Long Hưng	tổng Định An
185	làng	Phú Mỹ Đông	tổng Định An
186	làng	Phú Hữu	tổng Định An
187	làng	Phú Thứ	tổng Định An
188	làng	Mỹ Khánh	tổng Định Bảo
189	làng	Phú Lợi	tổng Định Bảo
190	làng	Nhơn Nghĩa	tổng Định Bảo
191	làng	Tân An	tổng Định Bảo
192	làng	Thạnh An	tổng Định Bảo
193	làng	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo
194	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Bảo
195	làng	Nhơn Ái	tổng Định Bảo
196	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo
197	làng	Thường Thạnh	tổng Định Bảo
198	làng	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo
199	làng	Tân Hòa Tây	tổng Định Bảo
200	làng	Đông Sơn	tổng Định Hòa
201	làng	Hòa Mỹ	tổng Định Hòa
202	làng	Mỹ Phước	tổng Định Hòa
203	làng	Nhu Lăng	tổng Định Hòa
204	làng	Trung Hưng	tổng Định Hòa
205	làng	Phụng Hiệp	tổng Định Hòa
206	làng	Song Mỹ	tổng Định Hòa
207	làng	Trường Thạnh Sơn	tổng Định Hòa
208	làng	Tân Bình	tổng Định Hòa
209	làng	Thạnh Xuân	tổng Định Hòa
210	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Hòa
211	làng	Long Mỹ	tổng Định Hòa
212	làng	Tân Lập	tổng Định Hòa
213	làng	Tân Hưng	tổng Định Hòa
214	làng	Thường Phước	tổng Định Hòa
215	làng	Bình Phước	tổng Định Thới
216	làng	Phú Luông	tổng Định Thới
217	làng	Long Tuyên	tổng Định Thới
218	làng	Bình Xuân	tổng Định Thới
219	làng	Thới Hạnh	tổng Định Thới
220	làng	Tân Thới	tổng Định Thới
221	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới
222	làng	Thới Giai	tổng Định Thới
223	làng	Thới An	tổng Định Thới

224	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	quận Châu Thành, tỉnh Phong Dinh năm 1958
225	làng	Tân Lợi	tổng Định Thới	
226	làng	Gia Kết	tổng Thành Trị	
227	làng	Ngãi Lộ	tổng Thành Trị	
228	làng	Hựu Thạnh	tổng Thành Trị	
229	làng	Thuận Thới	tổng Thành Trị	
230	làng	Tích Hóa	tổng Thành Trị	
231	làng	Tích Khách	tổng Thành Trị	
232	làng	Trà Sơn	tổng Thành Trị	
233	làng	Trà Côn	tổng Thành Trị	
234	làng	Vĩnh Xuân	tổng Thành Trị	
235	làng	Định Môn	tổng Thới Bảo	
236	làng	Ô Môn	tổng Thới Bảo	
237	làng	Thới Lai	tổng Thới Bảo	
238	làng	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	
239	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Thới Bảo	
240	làng	Trường Lạc	tổng Thới Bảo	
241	làng	Trường Long	tổng Thới Bảo	
242	làng	Trường Thạnh	tổng Thới Bảo	
243	làng	Ân Phụ	tổng Tuân Giáo	
244	làng	An Thổ	tổng Tuân Giáo	
245	làng	Phong Thới	tổng Tuân Giáo	
246	làng	Hiệp An	tổng Tuân Giáo	
247	làng	Hòa Thạnh	tổng Tuân Giáo	
248	làng	Lương Điền	tổng Tuân Giáo	
249	làng	Tân Quy	tổng Tuân Giáo	
250	làng	Phong Phụ	tổng Tuân Giáo	
251	làng	Phong Nhượng	tổng Tuân Giáo	
252	làng	Thơ Đôi	tổng Tuân Giáo	
253	làng	Tam Ngãi	tổng Tuân Giáo	
254	làng	Tam Hòa	tổng Tuân Giáo	
255	làng	Thông Thảo	tổng Tuân Giáo	
256	làng	Thạnh Phú	tổng Tuân Giáo	
257	làng	Châu Hưng	tổng Tuân Giáo	
258	làng	Tân Hòa	tổng Tuân Giáo	
259	xã	Nhơn Ái	tổng Định Bảo	
260	xã	Nhơn Nghĩa	tổng Định Bảo	
261	xã	Mỹ Khánh	tổng Định Bảo	
262	xã	Thạnh An	tổng Định Bảo	
263	xã	Tân Phú Thạnh	tổng Định Bảo	
264	xã	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
265	xã	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
266	xã	An Bình	tổng Định An	
267	xã	Đông Phú	tổng Định An	
268	xã	Giai Xuân	tổng Định An	
269	xã	Long Tuyên	tổng Định An	
270	xã	Phú Hữu	tổng Định An	

271	xã	Tân An	tổng Định An	quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958	
272	xã	Thuận Đức	tổng Định An		
273	xã	Bình An	tổng Thới Bảo		
274	xã	Định Môn	tổng Thới Bảo		
275	xã	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo		
276	xã	Thường Thạnh	tổng Thới Bảo		
277	xã	Phước Thới	tổng Định Thới		
278	xã	Tân Thới	tổng Định Thới		
279	xã	Thới An	tổng Định Thới		
280	xã	Thới An Đông	tổng Định Thới		
281	xã	Thới Long	tổng Định Thới		
282	xã	Hiệp Hưng	tổng Định Phước		quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
283	xã	Hòa Mỹ	tổng Định Phước		
284	xã	Phụng Hiệp	tổng Định Phước		
285	xã	Tân Phước Hưng	tổng Định Phước		
286	xã	Đông Phước	tổng Định Hòa		
287	xã	Long Thạnh	tổng Định Hòa		
288	xã	Tân Hòa	tổng Phong Đa	quận Thuận Nhon, tỉnh Phong Dinh năm 1958	
289	xã	Tân Bình	tổng Phong Đa		
290	xã	Thạch Hòa	tổng Phong Đa		
291	xã	Trường Long	tổng Phong Đa		
292	xã	Lễ Tâm	tổng Phong Đa		
293	xã	Chủ Thiện	tổng Phong Đa		
294	xã	Thới Đông	tổng Phong Thuận	quận Thuận Trung, tỉnh Phong Dinh năm 1958	
295	xã	Thới Lai	tổng Phong Thuận		
296	xã	Thạnh Phú	tổng Phong Thuận		
297	xã	Ngôn Thiện	tổng Phong Thuận		

3.1.1.2 Về cơ cấu tổ chức truyền thống

STT	THÀNH TỐ CHUNG	ĐỊA DANH	QUẬN/ HUYỆN	GHI CHÚ
1	kênh	Thầy Cai	Cờ Đỏ	
2	rạch	Cai Cầm	Phong Điền	
3	cầu	Cai Cang	Thới Lai	
4	đường	Cai Tư	Thốt Nốt	
5	kênh	Cai Cang	Phong Điền	
6	kênh	Thầy Cai	Phong Điền	
7	rạch	Cai Cầm	Phong Điền	
8	cầu	Cả Đá	Phong Điền	
9	cầu	Cả Sơn	Ô Môn	
10	cầu	Chùa Cả Du	Ô Môn	
11	cầu	Cả Hồ	Thốt Nốt	
12	cầu	Cả Cao	Thốt Nốt	
13	cầu	Cả Sọp	Thốt Nốt	
14	cầu	Cả Kè	Thốt Nốt	
15	đường	Rạch Cả Kè	Thốt Nốt	
16	đường	Cả Hồ	Thốt Nốt	

17	đường	Ngọn Chùa Cả Du	Ô Môn	
18	đường	Cả Cao	Thốt Nốt	
19	rạch	Cả Ký	Thốt Nốt	
20	cầu	Cả Ký	Thốt Nốt	
21	đường	Bà Cả	Thốt Nốt	
22	ngã ba	Sông Cầu Cả	Cờ Đỏ	
23	kinh	Cả Sang	Cờ Đỏ	
24	rạch	Cả Lang	Phong Điền	
25	cầu	Cả Lang	Phong Điền	
26	chợ	Cả Lang	Phong Điền	
27	rạch	Cả Đài	Ninh Kiều	
28	xóm	Cả Đài	Ninh Kiều	
29	chợ	Cả Đài	Ninh Kiều	
30	cầu	Cả Đài	Ninh Kiều	
31	kênh	Hương Trường Da	Thới Lai	
32	rạch	Ông Hương	Bình Thủy	
33	rạch	Ông Chủ	Thới Lai	
34				
35	đường	Lộ Ông Chủ	Thốt Nốt	
36	rạch	Bà Chủ Kiểu	Ninh Kiều	
37	rạch	Chủ Trụ	Ô Môn	
38	kinh	Ông Quảng (Quản)	Cờ Đỏ	
39	kinh	Quảng Thung	Cờ Đỏ	
40	đường	Quảng Mão	Thốt Nốt	
41	kinh	Quản Hên	Vĩnh Thạnh	
42	cầu	Quản Hên	Vĩnh Thạnh	
43	kinh	Quản Biểu	Vĩnh Thạnh	
44	cầu	Quản Biểu	Vĩnh Thạnh	
45	rạch	Ông Hào	Phong Điền	
46	cầu	Ông Hào	Phong Điền	
47	ngã ba	Ông Hào	Phong Điền	
48	đường	Áng Khám – Ông Hào	Phong Điền	
49	kinh	Hào Ngộ	Phong Điền	
50	kinh	Bà Bộ	Ninh Kiều	
51	cầu	Bà Bộ	Ninh Kiều	
52	chợ	Bà Bộ	Bình Thủy	
53	rạch	Đội Ngãi	Phong Điền	
54	cầu	Đội Ngãi	Phong Điền	
55	rạch	Cai Tư	Thốt Nốt	
56	cầu	Cai Tư	Thốt Nốt	
57	rạch	Thầy Cai Hoá	Thuận Nhơn	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
58	kinh	Cai Tổng Cang	Thuận Nhơn	
3.1.2 Văn hóa tổ chức đô thị				
1	đường	Mạc Thiên Tích	Ninh Kiều	
2	rạch	Tham Tướng	Ninh Kiều	

3	cầu	Tham Tướng	Ninh Kiều	
4	chợ	Tham Tướng	Ninh Kiều	
5	hẻm	Nhà Thờ Tham Tướng	Ninh Kiều	
6	khu vực	Tham Tướng	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
7	đường	Mạc Tử Sanh	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
8	ngã ba	Rạch Gò	Rạch Gò	thời Pháp thuộc
9	quận	Rạch Gò	Rạch Gò	thời Pháp thuộc
10	chợ	Rạch Gò	Rạch Gò	thời Pháp thuộc
11	cầu	Rạch Gò	Rạch Gò	thời Pháp thuộc
12	bến phà	Vàm Xáng	Phong Điền	
13	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
14	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
15	kinh	Vàm Bi (Bảy Hộ)	Phong Điền	
16	ấp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
17	cầu	Kênh Xáng	Ô Môn	
18	cầu	Vàm Xáng	Cờ Đỏ	
19	cầu	Vàm Xáng	Phong Điền	
20	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
21	kinh	Xáng Xà No	Phong Điền	
22	kinh	Xáng Ô Môn	Ô Môn	
23	kinh	Xáng Thốt Nốt	Thốt Nốt	
24	kinh	Xáng Thốt Nốt	Cờ Đỏ	
25	kinh	Xáng Bà Đầm	Thới Lai	
26	kinh	Xáng Thị Đới	Thới Lai	
27	hồ	Xáng Thối	Ninh Kiều	
28	đường	Bờ Hồ Xáng Thối	Ninh Kiều	
29	kênh	Lộ Tẻ	Ô Môn	
30	cầu	Lộ Mới	Ô Môn	
31	cầu	Lộ Mới	Thốt Nốt	
32	chợ	Lộ Tẻ	Thốt Nốt	
33	công viên	Lộ Tẻ	Thốt Nốt	
34	đường	Lộ Chuối	Thốt Nốt	
35	đường	Hương Lộ Tân Lộc	Thốt Nốt	
36	đường	Lộ Càn Đước	Thốt Nốt	
37	đường	Lộ Ông Ba	Thốt Nốt	
38	đường	Lộ Sân Banh	Thốt Nốt	
39	đường	Lộ Rẫy	Thốt Nốt	
40	đường	Lộ Bà Chiêu	Thốt Nốt	
41	đường	Lộ Chùa	Thốt Nốt	
42	đường	Lộ Bằng Lăng	Thốt Nốt	
43	đường	Lộ Tử	Thốt Nốt	
44	đường	Hương Lộ Thuận Hưng	Thốt Nốt	
45	đường	Lộ Ông Chủ	Thốt Nốt	
46	đường	Cầu Ut Sắt – Tinh Lộ 923	Ô Môn	

47	đường	Lộ Chùa	Ô Môn	
48	đường	Lộ Mới	Vĩnh Thạnh	
49	đường huyện	Lộ Cây Dầu	Thới Lai	
50	ngã ba	Lộ Tẻ	Thốt Nốt	
51	đường	Lộ Sóng Lươn	Phong Điền	
52	đường	Lộ Tẻ	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
53	khu vực	Lộ Tẻ - Cầu Ván	Bình Thủy	
54	đường	Lộ Chùa	Ô Môn	
55	đường	Lộ Mới	Ô Môn	
56	đường	Lộ Nhựa Vĩnh Trinh	Thốt Nốt	
57	ngã ba	Lộ Tẻ	Thốt Nốt	
58	đường	Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Thốt Nốt	
59	chợ	Lộ Tẻ	Thốt Nốt	
60	đường	Lộ Tẻ	Thốt Nốt	
61	kinh	Lộ Bức	Phong Điền	
62	cầu	Lộ Bức	Phong Điền	
63	đường	Lộ 19	Ninh Kiều	
64	đường	Lộ 20	Ninh Kiều	
65	cầu	Đường Thét	Thới Lai	
66	cầu	Đường Xuông	Thốt Nốt	
67	rạch	Đường Láng	Thuận Nhơn	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
68	rạch	Đường Xe	Bình Thủy	
69	bến	Tàu Lục Tỉnh	Ninh Kiều	
70	cầu	Tàu Lục Tỉnh	Ninh Kiều	
71	bến	Tàu Hải Quân	Ninh Kiều	
72	cầu	Tàu Hải Quân	Ninh Kiều	
73	cầu	Tàu Hoa Kiều	Ninh Kiều	
74	chợ	Bến Đò Đu Đủ	Ô Môn	
75	đường	Bến Đò Đu Đủ - Rạch Miếu Hội	Ô Môn	
76	xóm	Cầu Cui	Ninh Kiều	
77	cầu	Cui	Ninh Kiều	
78	cầu	Xéo	Ninh Kiều	
79	xóm	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
80	ngã ba	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
81	cầu	Quay	Cái Răng	
82	bến	Bắc	Ninh Kiều	
83	cầu	Bắc	Ninh Kiều	
84	bến	Bắc Cần Thơ	Ninh Kiều	
85	bến phà	Bắc	Ninh Kiều	
86	bến	Bắc Cái Vồn		thời Pháp thuộc
87	bến	Ngựa Đái	Ninh Kiều	
88	bến	Xe Kiếng	Ninh Kiều	
89	bến	Xe Mới	Châu Thành	

90	xóm	Cầu Ván	Ninh Kiều	
91	khu vực	Lộ Tể - Cầu Ván	Ninh Kiều	
92	cầu	Sáu Thanh	Ninh Kiều	
93	đường	Vành Đai Phi Trường (Nhánh A)	Ninh Kiều	
94	đường	Vành Đai Phi Trường (Nhánh B)	Bình Thủy	
95	khu dân cư	Vành Đai Phi Trường	Bình Thủy	
96	khu dân cư	Nhà 18 Căn	Châu Thành	thời Pháp thuộc
97	khu dân cư	Nhà Năm Căn	Châu Thành	thời Pháp thuộc
98	Ngã ba	Dưỡng Lão	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
99	đường	Nhà Thương	Châu Thành	thời Pháp thuộc
100	hẻm	Tài Xiu	Châu Thành	thời Pháp thuộc
101	hẻm	Thời Trang	Châu Thành	thời Pháp thuộc
102	bến	Thương Mại	Ninh Kiều	
103	kinh	Chợ	Phong Điền	
104	rạch	Kênh Chợ	Phong Điền	
105	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
107	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
108	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
109	cầu	Kênh Chợ 4	Phong Điền	
110	cầu	Kênh Chợ 5	Phong Điền	
111	cầu	Chợ Vĩnh Trinh	Thốt Nốt	
112	đường	Chợ Bò Ót	Thốt Nốt	
113	đường	Chợ Dân Lập	Thốt Nốt	
114	bến đò	Chợ Giữa	Châu Thành	thời Pháp thuộc
115	kinh	Chợ	Phong Điền	thời Pháp thuộc
116	khu vực	Chợ Cũ	Thốt Nốt	thời Pháp thuộc
117	vàm	Chợ Cũ	Thốt Nốt	thời Pháp thuộc
118	quận	Châu Thành		tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc
119	quận	Châu Thành		tỉnh Phong Dinh thời VNCH
120	huyện	Châu Thành		tỉnh Cần Thơ
121	huyện	Châu Thành A		tỉnh Cần Thơ

TỔNG MỤC 3.1: 476 địa danh

**3.2 VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN QUA ĐỊA DANH
Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

3.2.1 Tín ngưỡng

1	rạch	Mương Đình	Phong Điền	
2	cầu	Tri Đình	Ô Môn	
3	cầu	Kinh Đình	Ô Môn	

4	cầu	Ngã Ba Đình	Thốt Nốt	
5	đường	Rạch Đình	Thốt Nốt	
6	đường	Kinh Đình	Ô Môn	
7	đường	Ngã Ba Đình - Bình An	Ô Môn	
8	bến	Đình	Ninh Kiều	
9	rạch	Mương Đình	Phong Điền	
10	lộ	Đình Nước Vặn	Cái Răng	
11	ngã ba	Đình Nước Vặn	Cái Răng	
12	chợ	Đình Vĩnh Trinh	Vĩnh Thạnh	
13	cầu	Chợ Đình Vĩnh Trinh	Vĩnh Thạnh	
14	rạch	Miếu Ông	Bình Thủy	
15	cầu	Miếu Ông,	Bình Thủy	
16	cầu	Miếu Ông,	Bình Thủy	
17	chợ	Miếu Ông	Bình Thủy	
18	rạch	Rây	Thốt Nốt	
19	cầu	Rạch Rây	Thốt Nốt	
20	đường	Rạch Rây	Thốt Nốt	
21	đường	Rạch Rây – Bà Chiêu	Thốt Nốt	
22	rạch	Miếu	Phong Điền	
23	cầu	Miếu	Phong Điền	
24	rạch	Ông Tà	Phong Điền	
25	cầu	Ông Tà	Phong Điền	
26	cống	Ông Tà	Ô Môn	
27	đường	Chùa Ông	Ninh Kiều	
28	đường	Chùa Ông	Cái Răng	
29	đường	Chùa Bà	Cái Răng	
30	đường	Chùa Ông	Thốt Nốt	
31	chợ	Miếu Bà	Phong Điền	
32	cầu	Rạch Miếu	Thới Lai	
33	rạch	Bà	Thới Lai	
34	rạch	Miếu Trắng	Ô Môn	
35	cầu	Miếu Trắng	Thới Lai	
36	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
37	rạch	Bà Bống	Phong Điền	
38	cầu	Miếu Trắng	Bình Thủy	
39	cầu	Rạch Miếu	Bình Thủy	
40	cầu	Rạch Miếu 1	Phong Điền	
41	cầu	Rạch Miếu 2	Phong Điền	
42	cầu	Rạch Miếu 3	Phong Điền	
43	cầu	Rạch Miếu 4	Phong Điền	
44	cầu	Rạch Miếu 5	Phong Điền	
45	cầu	Rạch Miếu 6	Phong Điền	
46	cầu	Rạch Miếu 7	Phong Điền	
47	cầu	Rạch Miếu 8	Phong Điền	
48	cầu	Rạch Miếu 9	Phong Điền	
49	cầu	Rạch Miếu 10	Phong Điền	

50	cầu	Rạch Miếu 11	Phong Điền	
51	cầu	Rạch Miếu 12	Phong Điền	
52	cầu	Rạch Miếu 13	Phong Điền	
53	cầu	Rạch Miếu 14	Phong Điền	
54	cầu	Rạch Miếu 15	Phong Điền	
55	cầu	Rạch Miếu 16	Phong Điền	
56	cầu	Rạch Miếu 17	Phong Điền	
57	cầu	Rạch Miếu 18	Phong Điền	
58	cầu	Rạch Miếu 19	Phong Điền	
59	cầu	Rạch Miếu 20	Phong Điền	
60	cầu	Rạch Miếu 21	Phong Điền	
61	cầu	Rạch Miếu 22	Phong Điền	
62	cầu	Rạch Miếu 23	Phong Điền	
63	cầu	Rạch Miếu 24	Phong Điền	
64	cầu	Rạch Miếu 25	Phong Điền	
65	cầu	Rạch Miếu 26	Phong Điền	
66	cầu	Rạch Miếu	Phong Điền	
67	đường	Bến Đò Đu Đủ - Rạch Miếu Hội	Ô Môn	
68	rạch	Miếu Hậu Tổ	Phong Điền	
69	lộ	Miếu Ông	Ô Môn	
70	đường	Chùa Bà	Ô Môn	
71	cầu	Chùa Bà	Ô Môn	

3.2.2 Nghệ thuật ngôn từ

1	kinh	Thới Ninh	Bình Thủy	
2	huyện	Thới Lai	Thới Lai	
3	phường	Thới Bình	Ninh Kiều	
4	phường	Thới An Đông	Bình Thủy	
5	phường	An Thới	Bình Thủy	
6	phường	Thới Long	Ô Môn	
7	phường	Thới Thuận	Thốt Nốt	
8	phường	Phước Thới	Ô Môn	
9	phường	Thới An	Ô Môn	
10	phường	Thới Hòa	Ô Môn	
11	thị trấn	Thới Lai	Thới Lai	
12	xã	Thới Đông	Cờ Đỏ	
13	xã	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
14	xã	Thới Xuân	Cờ Đỏ	
15	xã	Thới Tân	Thới Lai	
16	xã	Thới Thạnh	Thới Lai	
17	xã	Tân Thới	Phong Điền	
18	ấp	Thới Thạnh	Phong Điền	
19	ấp	Thới Hưng	Phong Điền	
20	ấp	Thới Bình	Phong Điền	
21	ấp	Thới Hưng	Phong Điền	
22	ấp	Thới Hòa	Cờ Đỏ	
23	ấp	Thới Hòa A	Cờ Đỏ	

24	ấp	Thới Hòa B	Cờ Đỏ	
25	ấp	Thới Thuận	Cờ Đỏ	
26	ấp	Thới Bình	Cờ Đỏ	
27	ấp	Thới Hiệp	Cờ Đỏ	
28	ấp	Thới Trung	Cờ Đỏ	
29	ấp	Thới Xuyên	Cờ Đỏ	
30	ấp	Thới Trung	Cờ Đỏ	
31	ấp	Thới Hòa	Cờ Đỏ	
32	ấp	Thới Thạnh	Cờ Đỏ	
33	ấp	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
34	ấp	Thới Xuân	Cờ Đỏ	
35	ấp	Thới Hữu	Cờ Đỏ	
36	ấp	Thới Phong	Cờ Đỏ	
37	ấp	Thới Hòa C	Cờ Đỏ	
38	ấp	Thới Bình 1	Cờ Đỏ	
39	ấp	Thới Phước	Cờ Đỏ	
40	ấp	Thới Thuận	Cờ Đỏ	
41	ấp	Thới Trường 1	Cờ Đỏ	
42	ấp	Thới Trường 2	Cờ Đỏ	
43	ấp	Thới Bình 2	Cờ Đỏ	
44	ấp	Thới Hiệp	Cờ Đỏ	
45	ấp	Thới Hiệp 1	Cờ Đỏ	
46	ấp	Thới Hiệp 2	Cờ Đỏ	
47	ấp	Thới Trung	Cờ Đỏ	
48	ấp	Thới Hữu	Cờ Đỏ	
49	ấp	Thới Trung A	Cờ Đỏ	
50	ấp	Thới Bình A1	Thới Lai	
51	ấp	Thới Bình A2	Thới Lai	
52	ấp	Thới Bình A3	Thới Lai	
53	ấp	Thới Bình	Thới Lai	
54	ấp	Thới Bình A	Thới Lai	
55	ấp	Thới Bình B	Thới Lai	
56	ấp	Thới Thuận	Thới Lai	
57	ấp	Thới Hòa A	Thới Lai	
58	ấp	Thới Hòa C	Thới Lai	
59	ấp	Thới Hòa B	Thới Lai	
60	ấp	Thới Khánh	Thới Lai	
61	ấp	Thới Khánh A	Thới Lai	
62	ấp	Thới Phước 1	Thới Lai	
63	ấp	Thới Phước 2	Thới Lai	
64	ấp	Thới Thuận A	Thới Lai	
65	ấp	Thới Thuận B	Thới Lai	
66	ấp	Thới Phong A	Thới Lai	
67	ấp	Thới Phước	Thới Lai	
68	ấp	Thới Hòa A	Thới Lai	
69	ấp	Thới Hòa	Thới Lai	
70	ấp	Thới Hiệp A	Thới Lai	

71	ấp	Thới Thanh	Thới Lai	
72	ấp	Thới Ninh	Thới Lai	
73	ấp	Thới Thuận A	Thới Lai	
74	ấp	Thới Thuận B	Thới Lai	
75	ấp	Thới Quan	Thới Lai	
76	ấp	Thới Phước B	Thới Lai	
77	ấp	Thới Thanh	Thới Lai	
78	ấp	Thới Quan B	Thới Lai	
79	ấp	Đông Thới	Thới Lai	
80	ấp	Thới Ninh	Thới Lai	
81	ấp	Thới Phước	Thới Lai	
82	ấp	Thới Thanh A	Thới Lai	
83	ấp	Thới Thanh B	Thới Lai	
84	ấp	Thới Thanh	Thới Lai	
85	ấp	Thới Quan	Thới Lai	
86	ấp	Thới Tân A	Thới Lai	
87	ấp	Thới Tân B	Thới Lai	
88	ấp	Thới Phong B	Thới Lai	
89	ấp	Thới Bình	Thới Lai	
90	ấp	Thới Hiệp B	Thới Lai	
91	ấp	Thới Hòa B	Thới Lai	
92	ấp	Thới Lộc	Thới Lai	
93	ấp	Thới Xuân	Thới Lai	
94	ấp	Thới Trung	Thới Lai	
95	ấp	Thới Phước A	Thới Lai	
96	khu vực	Thới Bình 1	Thốt Nốt	
97	khu vực	Thới Bình 2	Thốt Nốt	
98	khu vực	Thới An 1	Thốt Nốt	
99	khu vực	Thới An 2	Thốt Nốt	
100	khu vực	Thới An 3	Thốt Nốt	
101	khu vực	Thới An 4	Thốt Nốt	
102	khu vực	Thới Hòa 1	Thốt Nốt	
103	khu vực	Thới Hòa 2	Thốt Nốt	
104	khu vực	Thới Thạnh 1	Thốt Nốt	
105	khu vực	Thới Thạnh 2	Thốt Nốt	
107	khu vực	Thới Bình	Thốt Nốt	
108	khu vực	Thới Trinh C	Ô Môn	
109	khu vực	Thới Hòa	Ô Môn	
110	khu vực	Thới Hòa A	Ô Môn	
111	khu vực	Thới Hòa B	Ô Môn	
112	khu vực	Thới Hòa C	Ô Môn	
113	khu vực	Thới Bình	Ô Môn	
114	khu vực	Thới Bình A	Ô Môn	
115	khu vực	Thới Phong	Ô Môn	
116	khu vực	Thới Phong A	Ô Môn	
117	khu vực	Thới Lợi	Ô Môn	
118	khu vực	Thới Lợi A	Ô Môn	

119	khu vực	Thới Thuận	Ô Môn	
120	khu vực	Thới Thuận A	Ô Môn	
121	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
122	khu vực	Thới Thạnh A	Ô Môn	
123	khu vực	Thới Lợi	Ô Môn	
124	khu vực	Thới Trinh	Ô Môn	
125	khu vực	Thới Nguơn	Ô Môn	
126	khu vực	Thới Nguơn	Ô Môn	
127	khu vực	Thới Hòa	Ô Môn	
128	khu vực	Thới Thuận	Ô Môn	
129	khu vực	Thới Đông	Ô Môn	
130	khu vực	Thới Hưng	Ô Môn	
131	khu vực	Thới Hòa B	Ô Môn	
132	khu vực	Thới Hòa C	Ô Môn	
133	khu vực	Thới Bình	Ô Môn	
134	khu vực	Thới Xương 1	Ô Môn	
135	khu vực	Thới Xương 2	Ô Môn	
136	khu vực	Thới Hòa 1	Ô Môn	
137	khu vực	Thới Hòa 2	Ô Môn	
138	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
139	khu vực	Thới Thạnh Đông	Ô Môn	
140	khu vực	Thới Mỹ	Ô Môn	
141	khu vực	Thới Trinh	Ô Môn	
142	khu vực	Thới Trinh A	Ô Môn	
143	khu vực	Thới Trinh B	Ô Môn	
144	khu vực	Thạnh Thới	Cái Răng	
145	câu	Thới Ninh	Bình Thủy	
146	thôn	Thới Thuận	huyện Vĩnh Định	
147	thôn	Thới Thuận Trung	huyện Vĩnh Định	
148	thôn	Thới Hưng	huyện Vĩnh Định	
149	thôn	Thới An	huyện Vĩnh Định	
150	thôn	Thới An Đông	huyện Vĩnh Định	
151	thôn	Thới Bình	huyện Vĩnh Định	
152	làng	Nhơn Thới	tổng Định Phong	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
153	làng	Thới Bình	tổng Định Thạnh	
154	làng	Thới Phong	tổng Định Thạnh	
155	làng	Thới Lai	tổng Định Thới	
156	làng	Thới Luông	tổng Định Thới	
157	làng	Thới Thạnh Thôn	tổng Định Thới	
158	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Định Thới	
159	làng	Thới Trung	tổng Định Thới	
160	làng	Thới Hanh	tổng Định Thới	
161	làng	Thới An	tổng Định Thới	
162	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	
163	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới	
164	làng	Thới Giai	tổng Định Thới	
165	tổng	Định Thới		

166	làng	Vĩnh Thới	tổng Thành Trị	
167	làng	Phong Thới	tổng Tuân Giáo	
168	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo	
169	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo	Tỉnh Cần Thơ năm 1911
170	làng	Thới Hạnh	tổng Định Thới	
171	làng	Tân Thới	tổng Định Thới	
172	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới	
173	làng	Thới Giai	tổng Định Thới	
174	làng	Thới An	tổng Định Thới	
175	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	
176	tổng	Định Thới		
177	tổng	Thới Bảo		
178	làng	Thuận Thới	tổng Thành Trị	
179	làng	Thới Lai	tổng Thới Bảo	
180	làng	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	
181	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Thới Bảo	
182	làng	Phong Thới	tổng Tuân Giáo	
183	tổng	Thới Bảo		quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
184	xã	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	
185	xã	Phước Thới	tổng Định Thới	
186	xã	Tân Thới	tổng Định Thới	
187	xã	Thới An	tổng Định Thới	
188	xã	Thới An Đông	tổng Định Thới	
189	xã	Thới Long	tổng Định Thới	
190	xã	Thới Đông	tổng Phong Thuận	quận Thuận Trung, tỉnh Phong Dinh năm 1958
191	xã	Thới Lai	tổng Phong Thuận	
192	côn	Khuong	Ninh Kiều	
193	ấp	Trường Khuong A	Phong Điền	
194	ấp	Trường Khuong	Phong Điền	
195	ấp	Trường Khuong	Thới Lai	
196	ấp	Trường Khuong A	Thới Lai	
197	ấp	Trường Khuong B	Thới Lai	
198	ấp	Hội Đồng Khuong	Cờ Đỏ	
199	làng	An Khuong	tổng Định Phong	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
200	khu vực	Thới Ngươn A	Ô Môn	
201	khu vực	Thới Ngươn B	Ô Môn	
202	câu	Ba Ngươn 1	Phong Điền	
203	câu	Ba Ngươn 2	Phong Điền	
204	câu	Ba Ngươn 3	Phong Điền	
205	câu	Ba Ngươn 1	Phong Điền	
206	câu	Ba Ngươn 2	Phong Điền	
207	câu	Ba Ngươn 3	Phong Điền	
208	rạch	Khai Luông	Ninh Kiều	
209	rạch	Khai Luông	Ninh Kiều	

210	sông	Khai Luông	Bình Thuỷ	
211	khu vực	Phú Luông	Ô Môn	
212	rạch	Khai Luông	Ô Môn	
213	làng	Thới Luông	tổng Định Thới	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
214	làng	Phú Luông	tổng Định Thới	
215	rạch	Tràm Bửu	Phong Điền	
216	rạch	Bông Giếng	Phong Điền	
217	đường	Huỳnh Mẫn Đạt	Bình Thuỷ	
218	đường	Huỳnh Thị Giang	Ô Môn	
219	vàm	Kênh Thắng Lợi I	Thốt Nốt	
220	phường	Hưng Lợi	Ninh Kiều	
221	ấp	Tân Lợi	Phong Điền	
222	ấp	An Lợi	Cờ Đỏ	
223	ấp	Thanh Lợi 2	Cờ Đỏ	
224	ấp	Thanh Lợi	Cờ Đỏ	
225	ấp	Đông Lợi	Cờ Đỏ	
226	ấp	Thanh Lợi 1	Cờ Đỏ	
227	ấp	Trường Lợi	Thới Lai	
228	ấp	Phụng Lợi	Vĩnh Thạnh	
229	ấp	Vĩnh Lợi	Vĩnh Thạnh	
230	khu vực	Tân Lợi 1	Thốt Nốt	
231	khu vực	Tân Lợi 2	Thốt Nốt	
232	khu vực	Thới Lợi	Ô Môn	
233	khu vực	Thới Lợi A	Ô Môn	
234	khu vực	Thanh Lợi	Cái Răng	
235	khu vực	Kênh Thủy Lợi	Cái Răng	
236	khu vực	Thủy Lợi Giữa	Ô Môn	
237	khu vực	Thủy Lợi	Thốt Nốt	
238	khu vực	An Phú Lợi	Thốt Nốt	
239	khu vực	Thắng Lợi 2-T3	Vĩnh Thạnh	
240	khu vực	Hưng Lợi	Ninh Kiều	
241	chợ	Hưng Lợi	Ninh Kiều	
242	đường	Lê Lợi	Thốt Nốt	
243	đường	Lê Lợi	Thốt Nốt	
244	cầu	Thủy Lợi – Khu Vực Bình An	Ô Môn	
245	cầu	Thắng Lợi 1(Bắc)	Vĩnh Thạnh	
246	cầu	Thắng Lợi 1 (Nam)	Vĩnh Thạnh	
247		Thắng Lợi 2 (Phải)	Vĩnh Thạnh	
248	cầu	Cầu Thắng Lợi 2 (Trái)	Vĩnh Thạnh	
249	đường	Thắng Lợi	Vĩnh Thạnh	
250	thôn	Tân Lợi	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
251	làng	Thanh Lợi	tổng Định Phong	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
252	làng	Đông Lợi	tổng An Trường	
253	làng	Tân Lợi	tổng Định Bảo	

254	làng	Đông Lợi	tổng An Trường	tỉnh Cần Thơ năm 1911
255	làng	Phú Lợi	tổng Định Bảo	
256	làng	Tân Lợi	tổng Định Thới	
257	phường	Phước Thới	Ô Môn	
258	ấp	Mỹ Phước	Phong Điền	
259	ấp	Thanh Phước	Cờ Đỏ	
260	ấp	Thanh Phước	Cờ Đỏ	
261	ấp	Thanh Phước 2	Cờ Đỏ	
262	ấp	Phước Trung	Cờ Đỏ	
263	ấp	Phước Lộc	Cờ Đỏ	
264	ấp	Đông Phước	Cờ Đỏ	
265	ấp	Thới Phước 1	Thới Lai	
266	ấp	Thới Phước 2	Thới Lai	
267	ấp	Định Phước	Thới Lai	
268	ấp	Thới Phước	Thới Lai	
269	ấp	Thới Phước B	Thới Lai	
270	ấp	Thới Phước A	Thới Lai	
271	khu vực	Phước Lộc	Thốt Nốt	
272	khu vực	Tân Phước	Thốt Nốt	
273	khu vực	Bình Phước	Ô Môn	
274	chợ	Phước Lộc	Thốt Nốt	
275	chợ	Phước Thới	Ô Môn	
276	công viên	Lưu Hữu Phước	Ninh Kiều	
277	đường	Chùa Vạn Phước Tự	Thốt Nốt	
278	đường	Liên Khu Vực Bình Phước - Bình Hòa A	Ô Môn	
279	thôn	Mỹ Phước	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
280	làng	Bình Phước	tổng Định Thạnh	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
281	làng	Mỹ Phước	tổng Định Hòa	tỉnh Cần Thơ năm 1911
282	làng	Thường Phước	tổng Định Hòa	
283	làng	Bình Phước	tổng Định Thới	
284	xã	Phước Thới	tổng Định Thới	quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
285	tổng	Định Phước		quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
286	xã	Tân Phước Hưng	tổng Định Phước	
287	xã	Đông Phước	tổng Định Hòa	
288	ấp	Thanh Quới 1	Cờ Đỏ	
289	ấp	Lân Quới	Vĩnh Thạnh	
290	ấp	Lân Quới 2	Vĩnh Thạnh	
291	ấp	Phụng Quới A	Vĩnh Thạnh	
292	ấp	Ấp Phụng Quới B	Vĩnh Thạnh	
293	kênh	Thanh Đông	Cái Răng	
294	huyện	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	
295	phường	Hưng Thạnh	Cái Răng	

296	phường	Thường Thạnh	Cái Răng	
297	phường	Thạnh Hòa	Thốt Nốt	
298	thị trấn	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	
299	thị trấn	Thạnh An	Vĩnh Thạnh	
300	xã	Trung Thạnh	Cờ Đỏ	
301	xã	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
302	xã	Tân Thạnh	Thới Lai	
303	xã	Thới Thạnh	Thới Lai	
304	xã	Thạnh An	Vĩnh Thạnh	
305	xã	Thạnh Lộc	Vĩnh Thạnh	
306	xã	Thạnh Mỹ	Vĩnh Thạnh	
307	xã	Thạnh Quới	Vĩnh Thạnh	
308	xã	Thạnh Thắng	Vĩnh Thạnh	
309	xã	Thạnh Tiến	Vĩnh Thạnh	
310	xã	An Thạnh	Phong Điền	
311	xã	Thới Thạnh	Phong Điền	
312	ấp	Bình Thạnh	Phong Điền	
313	ấp	Thạnh Hưng	Cờ Đỏ	
314	ấp	Thạnh Hòa	Cờ Đỏ	
315	ấp	Thạnh Trung	Cờ Đỏ	
316	ấp	Thạnh Hưng 2	Cờ Đỏ	
317	ấp	Thạnh Phú 1	Cờ Đỏ	
318	ấp	Thạnh Phú 2	Cờ Đỏ	
319	ấp	Thạnh Phước	Cờ Đỏ	
320	ấp	Thạnh Hòa	Cờ Đỏ	
321	ấp	Thạnh Phước	Cờ Đỏ	
322	ấp	Thạnh Phước 2	Cờ Đỏ	
323	ấp	Thạnh Lộc	Cờ Đỏ	
324	ấp	Thạnh Hưng	Cờ Đỏ	
325	ấp	Thạnh Xuân	Cờ Đỏ	
326	ấp	Thới Thạnh	Cờ Đỏ	
327	ấp	An Thạnh	Cờ Đỏ	
328	ấp	Thạnh Lộc 1	Cờ Đỏ	
329	ấp	Thạnh Lợi	Cờ Đỏ	
330	ấp	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
331	ấp	Thạnh Lợi 2	Cờ Đỏ	
332	ấp	Thạnh Lợi	Cờ Đỏ	
333	ấp	Thạnh Lộc 2	Cờ Đỏ	
334	ấp	Thạnh Lộc 1	Cờ Đỏ	
335	ấp	Thạnh Quới 1	Cờ Đỏ	
336	ấp	Thạnh Hưng 1	Cờ Đỏ	
337	ấp	Đông Thạnh	Cờ Đỏ	
338	ấp	Thạnh Lợi 1	Cờ Đỏ	
339	ấp	Trường Thạnh	Thới Lai	
340	ấp	Đông Thạnh	Thới Lai	
341	ấp	Long Thạnh	Vĩnh Thạnh	
342	khu vực	Phụng Thạnh 1	Thốt Nốt	

343	khu vực	Long Thạnh 1	Thốt Nốt	
344	khu vực	Long Thạnh 2	Thốt Nốt	
345	khu vực	Long Thạnh A	Thốt Nốt	
346	khu vực	Qui Thạnh	Thốt Nốt	
347	khu vực	Lân Thạnh I	Thốt Nốt	
348	khu vực	Lân Thạnh II	Thốt Nốt	
349	khu vực	Tân Thạnh	Thốt Nốt	
350	khu vực	Phụng Thạnh 2	Thốt Nốt	
351	khu vực	Lân Thạnh 1	Thốt Nốt	
352	khu vực	Lân Thạnh 2	Thốt Nốt	
353	khu vực	Qui Thạnh 1	Thốt Nốt	
354	khu vực	Thạnh Phú 1	Thốt Nốt	
355	khu vực	Thới Thạnh 1	Thốt Nốt	
356	khu vực	Thới Thạnh 2	Thốt Nốt	
357	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
358	khu vực	Thới Thạnh A	Ô Môn	
359	khu vực	Hòa Thạnh	Ô Môn	
360	khu vực	Hòa Thạnh A	Ô Môn	
361	khu vực	Hòa Thạnh B	Ô Môn	
362	khu vực	Tân Thạnh	Ô Môn	
363	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
364	khu vực	Thới Thạnh Đông	Ô Môn	
365	khu vực	Thạnh Hòa	Cái Răng	
366	khu vực	Thạnh Thới	Cái Răng	
367	khu vực	Thạnh Thuận	Cái Răng	
368	khu vực	Thạnh Lợi	Cái Răng	
369	khu vực	Thạnh Thắng	Cái Răng	
370	khu vực	Thạnh Hưng	Cái Răng	
371	khu vực	Thạnh Phú	Cái Răng	
372	khu vực	Phú Thạnh	Cái Răng	
373	khu vực	Thạnh Mỹ	Cái Răng	
375	khu vực	Thạnh Huệ	Cái Răng	
376	khu vực	Thạnh Hòa	Cái Răng	
377	khu vực	Thạnh Thắng	Cái Răng	
378	khu vực	Thạnh Lợi	Cái Răng	
379	khu vực	Thạnh Phú	Cái Răng	
380	khu vực	Thạnh Hưng	Cái Răng	
381	khu vực	Năm Thạnh	Phong Điền	
382	khu vực	An Thạnh	Cờ Đỏ	
383	chợ	Lân Thạnh	Thốt Nốt	
384	chợ	Thới Thạnh	Ô Môn	
385	chợ	Thới Thạnh	Thới Lai	
386	chợ	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
387	chợ	Tân Thạnh	Thới Lai	
388	chợ	Trung Thạnh	Cờ Đỏ	
389	chợ	Thạnh Lộc	Vĩnh Thạnh	
390	kinh	Thạnh Đông	Cái Răng	

391	thôn	Bình Thạnh Tây	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
392	thôn	Mỹ Thạnh	huyện Vĩnh Định	
393	thôn	Tân Thạnh	huyện Vĩnh Định	
394	thôn	Tân Thạnh Đông	huyện Vĩnh Định	
395	thôn	An Thạnh Nhứt	huyện Vĩnh Định	
396	thôn	An Thạnh Nhi	huyện Vĩnh Định	
397	điểm	An Thạnh	huyện Vĩnh Định	
398	tổng	Định Thạnh		hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
399	làng	Phú Thạnh	tổng Định Phong	
400	làng	Thạnh Lợi	tổng Định Phong	
401	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Phong	
402	làng	Bình Thạnh	tổng Định Thạnh	
403	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Thạnh	
404	làng	Đông Thạnh	tổng An Trường	
405	làng	Hậu Thạnh	tổng Định An	
406	làng	Thới Thạnh	tổng Định Thới	
407	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Định Thới	
408	làng	Long Thạnh	tổng g Thành Trị	
409	làng	Lân Thạnh	tổng Tuân Giáo	
410	làng	Tân Thạnh	tổng Tuân Giáo	
411	làng	Trường Thạnh	tổng Định Bảo	
412	làng	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
413	làng	Thạnh Xuân	tổng Định Bảo	
414	làng	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
415	làng	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
416	làng	Thạnh An	tổng Định Bảo	
417	làng	Đông Thạnh	tổng An Trường	tỉnh Cần Thơ năm 1911
418	làng	Hậu Thạnh	tổng Định An	
419	làng	Thạnh An	tổng Định Bảo	
420	làng	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
421	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Bảo	
422	làng	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
423	làng	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
424	làng	Trường Thạnh Sơn	tổng Định Hòa	
425	làng	Thạnh Xuân	tổng Định Hòa	
426	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Hòa	
427	làng	Hựu Thạnh	tổng Thành Trị	
428	làng	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	
429	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Thới Bảo	
430	làng	Trường Thạnh	tổng Thới Bảo	
431	làng	Hòa Thạnh	tổng Tuân Giáo	
432	làng	Thạnh Phú	tổng Tuân Giáo	
433	xã	Thạnh An	tổng Định Bảo	
434	xã	Tân Phú Thạnh	tổng Định Bảo	
435	xã	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
436	xã	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
437	xã	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	quận Long Phú,

438	xã	Thường Thạnh	tổng Thới Bảo	tỉnh Phong Dinh năm 1958
439	xã	Long Thạnh	tổng Định Hòa	quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
440	xã	Thạnh Hòa	tổng Phong Đa	quận Thuận Nhơn, tỉnh Phong Dinh năm 1958
441	xã	Thạnh Phú	tổng Phong Thuận	quận Thuận Trung, tỉnh Phong Dinh năm 1958
442	sông	Rạch Cam	Bình Thủy	
443	sông	Rạch Cam Nhỏ	Bình Thủy	
444	vàm	Rạch Có	Thốt Nốt	
445	vàm	Rạch Rây	Thốt Nốt	
446	khu vực	Rạch Chanh	Ô Môn	
447	khu vực	Rạch Sung	Ô Môn	
448	cầu	Rạch Ranh	Bình Thủy	
449	cầu	Rạch Gừa	Bình Thủy	
450	cầu	Rạch Giữa	Bình Thủy	
451	cầu	Rạch Miếu	Bình Thủy	
452	cầu	Rạch Phố	Bình Thủy	
453	cầu	Rạch Chanh	Bình Thủy	
454	cầu	Rạch Cam	Bình Thủy	
455	cầu	Rạch Súc	Bình Thủy	
456	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
457	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
458	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
459	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
460	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
461	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
462	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
463	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
464	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
465	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
466	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
467	cầu	Rạch Chùa 12	Phong Điền	
468	cầu	Rạch Miếu 22	Phong Điền	
469	cầu	Rạch Miếu 23	Phong Điền	
470	cầu	Rạch Miếu 24	Phong Điền	
471	cầu	Rạch Miếu 25	Phong Điền	
472	cầu	Rạch Miếu 26	Phong Điền	
473	cầu	Rạch Miếu	Phong Điền	
474	cầu	Rạch Sâu Nhỏ	Phong Điền	
475	cầu	Rạch Sâu Lớn 2	Phong Điền	
476	cầu	Rạch Sâu Lớn 3	Phong Điền	
477	cầu	Rạch Sâu Lớn 4	Phong Điền	

478	cầu	Rạch Sâu Lớn 6	Phong Điền	
479	cầu	Rạch Miếu 1	Phong Điền	
480	cầu	Rạch Miếu 2	Phong Điền	
481	cầu	Rạch Miếu 3	Phong Điền	
482	cầu	Rạch Miếu 4	Phong Điền	
483	cầu	Rạch Miếu 5	Phong Điền	
484	cầu	Rạch Miếu 6	Phong Điền	
485	cầu	Rạch Miếu 7	Phong Điền	
486	cầu	Rạch Miếu 8	Phong Điền	
487	cầu	Rạch Miếu 9	Phong Điền	
488	cầu	Rạch Miếu 10	Phong Điền	
489	cầu	Rạch Miếu 11	Phong Điền	
490	cầu	Rạch Miếu 12	Phong Điền	
491	cầu	Rạch Miếu 13	Phong Điền	
492	cầu	Rạch Miếu 14	Phong Điền	
493	cầu	Rạch Miếu 15	Phong Điền	
494	cầu	Rạch Miếu 16	Phong Điền	
495	cầu	Rạch Miếu 17	Phong Điền	
496	cầu	Rạch Miếu 18	Phong Điền	
497	cầu	Rạch Miếu 19	Phong Điền	
498	cầu	Rạch Miếu 20	Phong Điền	
499	cầu	Rạch Miếu 21	Phong Điền	
500	cầu	Rạch Cóc	Phong Điền	
501	cầu	Rạch Còm	Phong Điền	
502	cầu	Rạch Cùng	Phong Điền	
503	cầu	Rạch Sắn	Phong Điền	
504	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
505	cầu	Rạch Nhà Thờ	Phong Điền	
506	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
507	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
508	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
509	cầu	Rạch Nhum	Thới Lai	
510	cầu	Rạch Tra	Thới Lai	
511	cầu	Rạch Miếu	Thới Lai	
512	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
513	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
514	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
515	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
516	cầu	Rạch Nhum	Ô Môn	
517	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
518	cầu	Rạch Rích	Thốt Nốt	
519	cầu	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
520	cầu	Rạch Sơn	Thốt Nốt	
521	cầu	Rạch Ngỗng	Ninh Kiều	
522	chợ	Rạch Cam	Bình Thủy	
523	chợ	Rạch Cam	Bình Thủy	
524	chợ	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	

525	chợ	Rạch Rích	Thốt Nốt	
526	chợ	Rạch Nọc	Ô Môn	
527	đường	Rạch Ranh	Thốt Nốt	
528	đường	Rạch Ông Bôi	Thốt Nốt	
529	đường	Ngon Rạch Cát	Thốt Nốt	
530	đường	Rạch Rích	Thốt Nốt	
531	đường	Rạch Bà Góa	Thốt Nốt	
532	đường	Rạch Cát	Thốt Nốt	
533	đường	Rạch Tắc Bằng Tăng	Thốt Nốt	
534	đường	Rạch Đình	Thốt Nốt	
535	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
536	đường	Rạch Chùa (Núi Dài)	Thốt Nốt	
537	đường	Rạch Rừng	Thốt Nốt	
538	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
539	đường	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
540	đường	Rạch Bò Ót	Thốt Nốt	
541	đường	Rạch Chanh	Thốt Nốt	
542	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
543	đường	Rạch Rạp	Thốt Nốt	
544	đường	Rạch Cà Kè	Thốt Nốt	
545	đường	Rạch Khai Long	Thốt Nốt	
546	đường	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
547	đường	Rạch Rày	Thốt Nốt	
548	đường	Cặp Rạch Cái Tiên	Thốt Nốt	
549	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
550	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
551	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
552	đường	Rạch Bắc Đương	Thốt Nốt	
553	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
554	đường	Rạch Ranh-Rạch Chùa	Ô Môn	
555	đường	Kinh Ông - Đôn Bể - Rạch Làng -Mười Đông	Ô Môn	
556	đường	Rạch Rích- Thới Hòa B - Thới Hòa C	Ô Môn	
557	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
558	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
559	đường	Rạch Sung - Sông Hậu	Ô Môn	
560	đường	Rạch Bánh Tét	Ô Môn	
561	đường	Bà Kiên - Cầu Rạch Chanh	Ô Môn	
562	đường	Bến Đò Đu Đu - Rạch Miếu Hội	Ô Môn	
563	đường	Rạch Chanh	Vĩnh Thạnh	
564	đường	Rạch Ngã Chùa (Tây)	Vĩnh Thạnh	
565	đường	Rạch Ngã Chùa (Đông)	Vĩnh Thạnh	
566	đường	Rạch Bà Bôi (Nam)	Vĩnh Thạnh	

567	đường	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
568	đường huyện	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
569	vàm	Rạch Nọc	Ô Môn	
570	đường	Lộ Tể - Rạch Sỏi	Thốt Nốt	
571	kinh	Rạch Hạt	Thuận Trung	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
572	miệt	Rạch Gỏi	Phụng Hiệp	
573	rạch	Vàm Bi	Phong Điền	
574	rạch	Vàm	Ô Môn	
575	ấp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
576	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
577	cầu	Vàm Nhon	Thới Lai	
578	cầu	Hai Vàm	Thốt Nốt	
579	cầu	Hai Vàm	Thốt Nốt	
580	cầu	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
581	cầu	Vàm Xáng	Cờ Đỏ	
582	chợ	Bích Vàm	Thốt Nốt	
583	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
584	đường	Vàm Cái Sắn	Thốt Nốt	
585	đường	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
586	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
587	đường	Vàm Bằng Lãng	Thốt Nốt	
588	đường	Vàm Trà Uôi	Thốt Nốt	
589	đường	Vàm Bằng Lãng	Thốt Nốt	
590	đường	Vàm Trà Uôi	Thốt Nốt	
591	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
592	đường huyện	Trường Long-Vàm Bi	Phong Điền	
593	bến phà	Vàm Xáng	Phong Điền	
594	kênh	Vàm Bi	Phong Điền	
595	rạch	Vàm	Ô Môn	thời Pháp thuộc
596	chợ	Vàm	Ô Môn	thời Pháp thuộc
597	rạch	Vàm Bi	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
598	rạch	Vàm Nhon	Phong Phú	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
599	hạt	Cần Thơ		thời Pháp thuộc
600	tỉnh	Cần Thơ		thời Pháp thuộc
601	thị xã	Cần Thơ		thuộc tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc
602	thành phố	Cần Thơ		thuộc khu 9 – Tây Nam Bộ (thời kháng chiến chống Mỹ)
603	sông	Cần Thơ		chảy trên địa bàn

				quận, huyện: Ninh Kiều – Cái Răng – Phong Điền – Bình Thủy
604	thành phố	Cần Thơ		Thuộc tỉnh Cần Thơ (1991 – 2004)
605	thành phố	Cần Thơ	Ninh Kiều	
606	bắc	Cần Thơ	Ninh Kiều	
607	bến phà	Cần Thơ	Ninh Kiều	
608	bến	Bắc Cần Thơ	Ninh Kiều	
609	cầu	Cần Thơ	Ninh Kiều	
610	sân bay	Cần Thơ	Ninh Kiều	
611	rạch	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
612	cầu	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
613	chợ	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
614	đường	Cần Thơ Bé	Thốt Nốt	
615	bến xe	Nam Cần Thơ	Cái Răng	
616	thôn	Ô Môn		thời nhà Nguyễn, thuộc huyện Vĩnh Định
617	quận	Ô Môn		thời Pháp thuộc
618	xứ	Ô Môn		thời Pháp thuộc
619	huyện	Ô Môn		thuộc tỉnh Cần Thơ
620	làng	Ô Môn		Thời Pháp thuộc
621	rạch	Ô Môn	Phong Phú	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
622	huyện	Ô Môn		thuộc tỉnh Hậu Giang (sau đó thuộc tỉnh Cần Thơ do chia tách)
623	thị trấn	Ô Môn		thuộc huyện Ô Môn, tỉnh Hậu Giang
624	chợ	Ô Môn	Ô Môn	
625	rạch	Ô Môn	Ô Môn	
626	kinh	Xáng Ô Môn	Ô Môn	
627	kinh	Ô Môn	Vĩnh Thạnh	
628	quận	Ô Môn	Ô Môn	
629	bến xe	Ô Môn		
630	khu công nghiệp	Ô Môn	Ô Môn	
631	khu công nghiệp	Bắc Ô Môn	Ô Môn	
632	huyện	Thốt Nốt		thuộc tỉnh Cần Thơ

633	thị trấn	Thốt Nốt		thuộc huyện Thốt Nốt
634	chợ	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
635	rạch	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
636	kinh	Xáng Thốt Nốt	Thốt Nốt	
637	sông	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
638	cầu	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
639	khu công nghiệp	Thốt Nốt	Thốt Nốt	
640	khu công nghiệp	Thốt Nốt I	Thốt Nốt	
641	khu công nghiệp	Thốt Nốt II	Thốt Nốt	
642	phường	Trà An	Bình Thủy	
643	rạch	Xà No	Phong Điền	
644	kênh	Xáng Xà No	Phong Điền	
645	cầu	Xà No	Phong Điền	
646	vàm	Xáng Xà No	Phong Điền	
647	vàm	Xà No Lò Đường	Phong Điền	
648	rạch	Xà No Bức	Phong Điền	
649	cầu	Xà No Cạn	Phong Điền	
650	cầu	Xà No – Lò Đường	Phong Điền	
651	rạch	Bằng Tăng	Ô Môn	
652	chợ	Bằng Tăng	Ô Môn	
653	đường	Rạch Bằng Tăng	Thốt Nốt	
654	đường	Bằng Tăng	Ô Môn	
655	rạch	Chiếc	Cái Răng	
656	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
657	rạch	Cà Ròn	Phong Điền	
658	rạch	Dù Tho	Ô Môn	
659	xóm	Dù Tho	Ô Môn	
660	đường	Ngọn Dì Tho	Ô Môn	
661	rạch	Cần Đước	Phong Điền	
662	vàm	Cần Đước	Thốt Nốt	
663	cầu	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
664	đường	Vàm Cần Đước	Thốt Nốt	
665	đường	Lộ Cần Đước	Thốt Nốt	
666	rạch	Càng Đước	Phong Điền	
672	cầu	Càng Đước	Phong Điền	
673	rạch	Phê	Ô Môn	
674	làng	Lọp Thới Long	Ô Môn	
675	quận	Cái Răng		thời Pháp thuộc
676	thị trấn	Cái Răng	Châu Thành	tỉnh Cần Thơ
677	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
678	chợ	Cái Răng	Cái Răng	
679	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
680	sông	Cái Răng	Cái Răng	

681	cụm công nghiệp	Cái Răng	Cái Răng	
682	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
683	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
684	chợ	Nối Cái Răng	Cái Răng	
685	kênh	Bò Ót	Thốt Nốt	
686	cầu	Bò Ót	Thốt Nốt	
687	chợ	Bò Ót	Thốt Nốt	
688	đường	Rạch Bò Ót	Thốt Nốt	
689	đường	Chợ Bò Ót	Thốt Nốt	
690	rạch	Nóp	Phong Điền	
691	rạch	Nọc	Ô Môn	
692	chợ	Rạch Nọc	Ô Môn	
693	vàm	Rạch Nọc	Ô Môn	
694	rạch	Công Xi Heo	Ninh Kiều	
695	xóm	Công Xi Heo	Ninh Kiều	
696	hồ	Xáng Thối	Ninh Kiều	
697	ấp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
698	cầu	Kênh Xáng	Ô Môn	
699	cầu	Vàm Xáng	Cờ Đỏ	
700	cầu	Vàm Xáng	Phong Điền	
701	bến phà	Vàm Xáng	Phong Điền	
702	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
703	cầu	Vàm Xáng	Phong Điền	
704	kinh	Xáng Xà No	Phong Điền	
705	kinh	Xáng Ô Môn	Ô Môn	
706	kinh	Xáng Thốt Nốt	Thốt Nốt	
707	kinh	Xáng Thốt Nốt	Cờ Đỏ	
708	kinh	Xáng Bà Đầm	Thới Lai	
709	kinh	Xáng Thị Đới	Thới Lai	
710	bến phà	Bắc	Ninh Kiều	
711	bến	Bắc Cần Thơ	Ninh Kiều	
712	cầu	Bắc	Ninh Kiều	
713	bến	Bắc Cái Vồn		thời Pháp thuộc
714	cầu	Bót Số 10	Cái Răng	
715	chợ	Bót Số 10	Cái Răng	
716	đường	Boulevard Paul Doumer	Châu Thành	thời Pháp thuộc
717	đường	Paul Emery	Châu Thành	thời Pháp thuộc
718	đường	Avenue Capitaine D'hers	Châu Thành	thời Pháp thuộc
719	đường	Pierre Lebrun	Châu Thành	thời Pháp thuộc
720	đường	Lamarre	Châu Thành	thời Pháp thuộc
721	đường	Boulevaerd Saintenoy	Châu Thành	thời Pháp thuộc
722	đường	Boulevard Colonel Dessert	Châu Thành	thời Pháp thuộc
723	đường	Boulevard Luro	Châu Thành	thời Pháp thuộc

724	đường	Boulevard Gallieni	Châu Thành	thời Pháp thuộc
725	đường	Boulevard Paul Bert	Châu Thành	thời Pháp thuộc
726	đường	Paul Beau	Châu Thành	thời Pháp thuộc
727	đường	Mézin	Châu Thành	thời Pháp thuộc
728	đường	Avenue Artistide Briand	Châu Thành	thời Pháp thuộc
729	đường	Rue Des Douane	Châu Thành	thời Pháp thuộc
730	đường	Boulevard Van Volenhoven	Châu Thành	thời Pháp thuộc
731	đường	Boulevard Delanoue	Châu Thành	thời Pháp thuộc
731	đường	Rue Corency	Châu Thành	thời Pháp thuộc
733	đường	Place Maurice Long	Châu Thành	thời Pháp thuộc
734	đường	Place De l'Hopital	Châu Thành	thời Pháp thuộc
735	đường	Place Artistide Briand	Châu Thành	thời Pháp thuộc
736	điền	Alber Gressier		thời Pháp thuộc
737	điền	Labaste		thời Pháp thuộc
TỔNG MỤC 3.2: 808 địa danh				
TỔNG PHỤ LỤC 2: 1284 địa danh				

PHỤ LỤC 3
VĂN HOÁ ỨNG XỬ QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

4.1 VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
4.1.1 Văn hóa ứng xử với đất và nước qua địa danh ở thành phố Cần Thơ				
<i>4.1.1.1 Văn hoá tận dụng đất và ứng phó với nước</i>				
<i>a.. Trong sinh hoạt</i>				
STT	THÀNH TỐ CHUNG	ĐỊA DANH	QUẬN/HUYỆN	GHI CHÚ
1	quận	Cái Răng	Cái Răng	thời Pháp thuộc
2	thị trấn	Cái Răng	Châu Thành	tỉnh Cần Thơ
3	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
4	chợ	Cái Răng	Cái Răng	
5	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
6	sông	Cái Răng	Cái Răng	
7	cụm công nghiệp	Cái Răng	Cái Răng	
8	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
9	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
10	chợ	Nổi Cái Răng	Cái Răng	
11	rạch	Cái Răng Bé	Cái Răng	
<i>b. Trong sản xuất</i>				
1	xóm	Câu	Thốt Nốt	
2	đường	Xóm Câu	Thốt Nốt	
3	xóm	Chài	Thốt Nốt	
4	xóm	Chài	Cái Răng	
5	chợ	Xóm Chài	Cái Răng	
6	xóm	Lưới	Bình Thủy	
7	xóm	Đáy	Ninh Kiều	
8	bến phà	Xóm Chài	Ninh Kiều	
9	làng nghề	Lưới Thơm Rơm	Thốt Nốt	
10	làng nghề	Đan Lọt Thới Long	Ô Môn	
11	xóm	Lò Gạch	Phong Điền	
12	xóm	Lò Gạch	Cái Răng	
13	kinh	Lò Gạch	Ô Môn	
14	cầu	Lò Gạch	Ô Môn	
15	kinh	Thủy Lợi Lò Gạch	Ô Môn	
16	vàm	Lò Gạch	Thốt Nốt	
17	vàm	Lò Gạch – Mũi Tàu	Thốt Nốt	
18	rạch	Đất Sét	Cờ Đỏ	
19	cầu	Đất Sét	Cờ Đỏ	
20	kinh	Đất Sét	Cờ Đỏ	
<i>c. Trong giao thông</i>				
1	khu vực	3 Sông Hậu	Ninh Kiều	

2	đường	Sông Hậu	Ninh Kiều	
3	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
4	ngã ba	Sông Cầu Cả	Cờ Đỏ	
5	khu đô thị	Nam Sông Hậu	Cái Răng	
6	đường	Mé Sông	Châu Thành	thời Pháp thuộc
7	sông	Rạch Cam	Bình Thủy	
8	sông	Rạch Cam Nhỏ	Bình Thủy	
9	vàm	Rạch Có	Thốt Nốt	
10	vàm	Rạch Rây	Thốt Nốt	
11	khu vực	Rạch Chanh	Ô Môn	
12	khu vực	Rạch Sung	Ô Môn	
13	cầu	Rạch Ranh	Bình Thủy	
14	cầu	Rạch Gừa	Bình Thủy	
15	cầu	Rạch Giữa	Bình Thủy	
16	cầu	Rạch Miếu	Bình Thủy	
17	cầu	Rạch Phố	Bình Thủy	
18	cầu	Rạch Cam	Bình Thủy	
19	cầu	Rạch Súc	Bình Thủy	
20	cầu	Rạch Chanh	Bình Thủy	
21	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
22	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
23	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
24	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
25	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
26	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
27	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
28	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
29	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
30	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
31	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
32	cầu	Rạch Chùa 12	Phong Điền	
33	cầu	Rạch Sâu Nhỏ	Phong Điền	
34	cầu	Rạch Sâu Lớn 2	Phong Điền	
35	cầu	Rạch Sâu Lớn 3	Phong Điền	
36	cầu	Rạch Sâu Lớn 4	Phong Điền	
37	cầu	Rạch Sâu Lớn 6	Phong Điền	
38	cầu	Rạch Miếu 1	Phong Điền	
39	cầu	Rạch Miếu 2	Phong Điền	
40	cầu	Rạch Miếu 3	Phong Điền	
41	cầu	Rạch Miếu 4	Phong Điền	
42	cầu	Rạch Miếu 5	Phong Điền	
43	cầu	Rạch Miếu 6	Phong Điền	
44	cầu	Rạch Miếu 7	Phong Điền	
45	cầu	Rạch Miếu 8	Phong Điền	
46	cầu	Rạch Miếu 9	Phong Điền	
47	cầu	Rạch Miếu 10	Phong Điền	
48	cầu	Rạch Miếu 11	Phong Điền	

49	cầu	Rạch Miếu 12	Phong Điền	
50	cầu	Rạch Miếu 13	Phong Điền	
51	cầu	Rạch Miếu 14	Phong Điền	
52	cầu	Rạch Miếu 15	Phong Điền	
53	cầu	Rạch Miếu 16	Phong Điền	
54	cầu	Rạch Miếu 17	Phong Điền	
55	cầu	Rạch Miếu 18	Phong Điền	
56	cầu	Rạch Miếu 19	Phong Điền	
57	cầu	Rạch Miếu 20	Phong Điền	
58	cầu	Rạch Miếu 21	Phong Điền	
59	cầu	Rạch Miếu 22	Phong Điền	
60	cầu	Rạch Miếu 23	Phong Điền	
61	cầu	Rạch Miếu 24	Phong Điền	
62	cầu	Rạch Miếu 25	Phong Điền	
63	cầu	Rạch Miếu 26	Phong Điền	
64	cầu	Rạch Cóc	Phong Điền	
65	cầu	Rạch Sấn	Phong Điền	
66	cầu	Rạch Còm	Phong Điền	
67	cầu	Rạch Cùg	Phong Điền	
68	cầu	Vàm Rạch Tre	Phong Điền	
69	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
70	cầu	Rạch Sơn	Phong Điền	
71	cầu	Rạch Chiếc	Cái Răng	
72	cầu	Rạch Nhum	Thới Lai	
73	cầu	Rạch Tra	Thới Lai	
74	cầu	Rạch Miếu	Thới Lai	
75	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
76	cầu	Rạch Miếu	Ô Môn	
77	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
78	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
79	cầu	Rạch Rích	Thốt Nốt	
80	cầu	Rạch Nhum	Ô Môn	
81	cầu	Rạch Đùng	Ô Môn	
82	cầu	Rạch Trôm	Thốt Nốt	
83	cầu	Rạch Sơn	Thốt Nốt	
84	cầu	Rạch Ngỗng	Ninh Kiều	
85	chợ	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
86	chợ	Rạch Rích	Thốt Nốt	
87	chợ	Rạch Cam	Bình Thủy	
88	chợ	Rạch Nọc	Ô Môn	
89	đường	Rạch Ranh	Thốt Nốt	
90	đường	Rạch Ông Bồi	Thốt Nốt	
91	đường	Ngọn Rạch Cát	Thốt Nốt	
92	đường	Rạch Rích	Thốt Nốt	
93	đường	Rạch Bà Góa	Thốt Nốt	
94	đường	Rạch Cát	Thốt Nốt	

95	đường	Rạch Tắc Bằng Tăng	Thốt Nốt	
96	đường	Rạch Bò Ót	Thốt Nốt	
97	đường	Rạch Chanh	Thốt Nốt	
98	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
99	đường	Rạch Rạp	Thốt Nốt	
100	đường	Rạch Đình	Thốt Nốt	
101	đường	Rạch Hai Vàm	Thốt Nốt	
102	đường	Rạch Cả Kè	Thốt Nốt	
103	đường	Rạch Khai Long	Thốt Nốt	
104	đường	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
105	đường	Rạch Rày	Thốt Nốt	
107	đường	Rạch Chùa (Núi Dài)	Thốt Nốt	
108	đường	Rạch Rừng	Thốt Nốt	
109	đường	Cặp Rạch Cái Tiến	Thốt Nốt	
110	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
111	đường	Rạch Trom	Thốt Nốt	
112	đường	Rạch Rích - Thới Hòa B - Thới Hòa C	Ô Môn	
113	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
114	đường	Rạch Phó Tiên	Thốt Nốt	
115	đường	Rạch Sung – Sông Hậu	Ô Môn	
116	đường	Rạch Bích Vàm	Thốt Nốt	
117	đường	Rạch Bắc Đuông	Thốt Nốt	
118	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
119	đường	Rạch Sung - Sông Hậu	Ô Môn	
120	đường	Rạch Gập	Ô Môn	
121	đường	Rạch Ranh-Rạch Chùa	Ô Môn	
122	đường	Rạch Bánh Tét	Ô Môn	
123	đường	Kinh Ông- Đồn Bể-Rạch Làng-Mười Đông	Ô Môn	
124	đường	Bà Kiên - Cầu Rạch Chanh	Ô Môn	
125	đường	Rạch Chanh	Vĩnh Thạnh	
126	đường	Bến Đò Đu Đu - Rạch Miếu Hội	Ô Môn	
127	đường	Rạch Ngã Chùa (Tây)	Vĩnh Thạnh	
128	đường	Rạch Ngã Chùa (Đông)	Vĩnh Thạnh	
129	đường	Rạch Bà Bôi (Nam)	Vĩnh Thạnh	
130	đường	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
131	đường huyện	Rạch Bà Bôi (Bắc)	Vĩnh Thạnh	
132	côn	Cái Khế	Ninh Kiều	
133	kênh	Cái He	Cờ Đỏ	
134	rạch	Cái Sơn- Mương Khai	Phong Điền	
135	rạch	Cái Tắc	Phong Điền	
136	rạch	Cái Nai	Cái Răng	
137	rạch	Cái Chanh	Cái Răng	
138	rạch	Cái Đâu	Ô Môn	

139	rạch	Cái Chôm	Ô Môn	
140	rạch	Ngã Cái	Thốt Nốt	
141	rạch	Cái Khê	Ninh Kiều	
142	rạch	Cái Sơn	Ninh Kiều	
143	rạch	Cái Đâu	Ô Môn	
144	rạch	Cái Khê	Ninh Kiều	
145	rạch	Cái Sơn	Ninh Kiều	
146	sông	Cái Răng	Cái Răng	
147	sông	Cái Nai	Cái Răng	
148	sông	Cái Da	Cái Răng	
149	sông	Cái Đôi	Cái Răng	
150	sông	Cái Sâu	Cái Răng	
151	sông	Cái Cui	Cái Răng	
152	vàm	Cái Sắn	Thốt Nốt	
153	quận	Cái Răng	Cái Răng	
154	phường	Cái Khê	Ninh Kiều	
155	khu vực	Cái Sơn	Ô Môn	
156	cảng	Cái Cui	Cái Răng	
157	cầu	Cái Răng	Cái Răng	
158	cầu	Cái Sâu	Cái Răng	
159	cầu	Cái Tắc	Cái Răng	
160	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
161	cầu	Cái Da	Cái Răng	
162	cầu	Cái Nai	Cái Răng	
163	cầu	Cái Răng Bé	Cái Răng	
164	cầu	Rạch Cái Chôm	Ô Môn	
165	cầu	Cái Sơn	Thốt Nốt	
166	cầu	Cái Ngãi	Thốt Nốt	
167	cầu	Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
168	cầu	Ngã Cái	Thốt Nốt	
169	cầu	Cái He	Cờ Đỏ	
170	cầu	Cái Sơn	Ninh Kiều	
171	chợ	Cái Chanh	Cái Răng	
172	chợ	Nội Cái Răng	Cái Răng	
173	đường	Cái Sơn Trên	Thốt Nốt	
174	đường	Ngã Cái	Thốt Nốt	
175	đường	Vàm Cái Sắn	Thốt Nốt	
176	đường	Rạch Cái Tắc	Thốt Nốt	
177	đường	Sân Bóng - Cái Đôi	Thốt Nốt	
178	đường	Cầu Vĩ - Cái Đôi (Phải)	Thốt Nốt	
179	đường	Cầu Vĩ - Cái Đôi (Trái)	Thốt Nốt	
180	đường	Cặp Rạch Cái Tiến	Thốt Nốt	
181	đường	Rạch Cái Sơn	Thốt Nốt	
182	đường	Cầu Cái Ngãi	Thốt Nốt	
183	đường	Kênh Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
184	đường	Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
185	đường huyện	Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	

186	ngã ba	Cái Tắc	Cái Răng	
187	cụm công nghiệp	Cái Răng	Cái Răng	
188	chợ	Cái Vồn		thời Pháp thuộc
189	rạch	Cái Chanh	Bình Thủy	
190	rạch	Cái Chanh	Thốt Nốt	
191	rạch	Cái Tắc	Cái Răng	
192	rạch	Cái Muồng	Cái Răng	
193	rạch	Cái Dầu	Cái Răng	
194	rạch	Cái Đôi		chảy theo xã An Bình và Phú Thử
195	rạch	Cái Sâu		xã Phú Thử - rạch Cái Da
196	rạch	Cái Cui		chảy tới rạch Kinh Thạch Đông
197	rạch	Cái Khế		chảy từ cầu Đôi tới Đầu Sáu
198	rạch	Cái Dầu		chảy theo ranh giới xã Đông Phú và Phú Hữu cho tới gần giáp ranh quận Phụng Hiệp và quận Châu Thành
199	rạch	Cái Tắc	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
200	rạch	Cái Da	Châu Thành	
201	kinh	Cái Dầu	Châu Thành	
202	rạch	Cái Nai	Châu Thành	
203	rạch	Cái Răng Lớn	Châu Thành	
204	rạch	Cái Răng Bé	Châu Thành	
205	rạch	Cái Cắm	Châu Thành	
206	kinh	Cái Muồng	Châu Thành	
207	kinh	Cái Túc	Phong Phú	
208	rạch	Cái Trôm	Phong Phú	
209	rạch	Cái Chồn	Phụng Hiệp	
210	rạch	Cái Nhum	Phụng Hiệp	
211	rạch	Ngã Cái	Thuận Nhơn	
212	miệt	Cái Răng – Cần Thơ – Bình Thủy		
213	lung	Cột Cầu	Phong Điền	
214	khu du lịch	Lung Cột Cầu	Phong Điền	
215	đường	Bà Kiên - Cầu Rạch Chanh	Ô Môn	
216	ngã ba	Sông Cầu Cả	Cờ Đỏ	
217	đường	Cầu Kênh	Ô Môn	
218	đường	Cầu Vĩ - Cái Đôi (Phải)	Thốt Nốt	

219	đường	Cầu Vĩ - Cái Đôi (Trái)	Thốt Nốt	
220	đường	Cầu Cái Ngãi	Thốt Nốt	
221	rạch	Cầu Nhiêm	Phong Điền	
222	chợ	Cầu Nhiêm	Phong Điền	
223	xóm	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
224	xóm	Cầu Cúi	Ninh Kiều	
225	xóm	Cầu Ván	Bình Thủy	
226	chợ	Cầu Ván	Bình Thủy	
227	đường	Cầu Thủy Lợi – Khu Vực Bình An	Ô Môn	
228	đường	Cầu Út Sắt – Tỉnh Lộ 923	Ô Môn	
229	chợ	Cầu Sắt Thơm Rơm	Thốt Nốt	
230	khu vực	Lộ Tẻ - Cầu Ván	Bình Thủy	
231	kinh	Cầu Sắt	Thới Lai	
232	đường	Bến Đò Đu Đủ - Rạch Miễu	Ô Môn	
233	chợ	Bến Đò Đu Đủ	Ô Môn	
234	bến phà	Bắc	Ninh Kiều	
235	bến	Bắc Càn Thơ	Ninh Kiều	
236	cầu	Bắc	Ninh Kiều	
237	bến	Bắc Cái Vồn		thời Pháp thuộc

4.1.1.2 Tận dụng nước và ứng phó với đất

a. Trong sản xuất

1	kênh	Mương Lá	Cờ Đỏ	
2	kênh	Mương Gổ	Cờ Đỏ	
3	kênh	Mương Khai 1	Phong Điền	
4	kênh	Mương Đình	Phong Điền	
5	kênh	Mương Khai 2	Phong Điền	
6	kênh	Mương Khai 3	Phong Điền	
7	kênh	Mương Khai 4	Phong Điền	
8	kênh	Mương Ngang	Phong Điền	
9	sông	Mương Khai	Bình Thủy	
10	cầu	Mương Mâu	Bình Thủy	
11	cầu	Mương Lộ	Bình Thủy	
12	cầu	Mương Điều	Phong Điền	
13	cầu	Mương Lộ	Thới Lai	
14	cầu	Mương Ông Giáo	Ô Môn	
15	cầu	Mương Ranh	Ô Môn	
16	cầu	Mương Bà Tuát	Ô Môn	
17	cầu	Mương Trâu Trên	Ô Môn	
18	cầu	Mương Trâu Dưới	Ô Môn	
19	cầu	Mương Khai	Ô Môn	
20	cầu	Mương Điều	Thốt Nốt	
21	cầu	Mương Trâu	Thốt Nốt	
22	cầu	Mương Bào	Thốt Nốt	
23	cầu	Mương Ranh	Thốt Nốt	

24	cầu	Mương Trâu	Thốt Nốt	
25	cầu	Mương Trâu	Cờ Đỏ	
26	đường	Mương Bào	Thốt Nốt	
27	đường	Mương Trâu	Thốt Nốt	
28	đường	Mương Bào	Thốt Nốt	
29	đường	Xẻo Cao - Mương Chuối	Thốt Nốt	
30	đường	Mương Điều	Thốt Nốt	
31	đường	Đập Đá - Mương Bông	Ô Môn	
32	cầu	Mương Khai	Ô Môn	
33	cầu	Mương Cao	Ô Môn	
34	rạch	Cái Sơn- Mương Khai	Phong Điền	
35	cầu	Mương Suốt	Ô Môn	
36	kinh	Mương Khai	Thới Lai	
37	kinh	Mương Huyện	Thới Lai	
38	rạch	Mương Điều	Phong Điền	
39	rạch	Mương Củi	Phong Điền	
40	rạch	Mương Bó	Phong Điền	
41	rạch	Mương Đình	Phong Điền	
42	rạch	Kênh Chợ	Phong Điền	
43	vàm	Kênh Thăng Lợi I	Thốt Nốt	
44	vàm	Kênh Cụt	Thốt Nốt	
45	cầu	Kênh Thủy	Bình Thủy	
46	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
47	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
48	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
49	cầu	Kênh Chợ 4	Phong Điền	
50	cầu	Kênh Chợ 5	Phong Điền	
51	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
52	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
53	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
54	cầu	Kênh Ranh 1	Phong Điền	
55	cầu	Kênh Ranh 2	Phong Điền	
56	cầu	Kênh Ranh 3	Phong Điền	
57	cầu	Kênh Thủy Lợi	Cái Răng	
58	cầu	Kênh 1300	Thới Lai	
59	cầu	Kênh Mười Thước	Thới Lai	
60	cầu	Kênh 600	Thới Lai	
61	cầu	Kênh 200	Thới Lai	
62	cầu	Kênh Xáng	Ô Môn	
63	cầu	Kênh Kh6	Ô Môn	
64	cầu	Kênh F	Vĩnh Thạnh	
65	cầu	Kênh E	Vĩnh Thạnh	
66	cầu	Kênh 600	Vĩnh Thạnh	
67	cầu	Kênh 8	Vĩnh Thạnh	
68	cầu	Kênh 9	Vĩnh Thạnh	

69	cầu	Kênh 10	Vĩnh Thạnh	
70	cầu	Kênh Sườn 1	Vĩnh Thạnh	
71	cầu	Kênh Sườn 2	Vĩnh Thạnh	
72	cầu	Kênh D1	Vĩnh Thạnh	
73	cầu	Kênh Đòn Đông	Vĩnh Thạnh	
74	cầu	Kênh Sườn D - E	Vĩnh Thạnh	
75	cầu	Kênh Sườn C - D	Vĩnh Thạnh	
76	cầu	Kênh D2	Vĩnh Thạnh	
77	cầu	Kênh C2	Vĩnh Thạnh	
78	cầu	Kênh Đầu Ngàn	Vĩnh Thạnh	
79	cầu	Kênh 500	Vĩnh Thạnh	
80	cầu	Kênh Số 1	Cờ Đỏ	
81	cầu	Kênh Số 2	Cờ Đỏ	
82	cầu	Kênh Số 3	Cờ Đỏ	
83	cầu	Kênh Số 4	Cờ Đỏ	
84	cầu	Kênh Số 5	Cờ Đỏ	
85	cầu	Kênh Số 6	Cờ Đỏ	
86	cầu	Kênh Số 7	Cờ Đỏ	
87	cầu	Kênh D	Vĩnh Thạnh	
88	đường	Kênh Thắng Lợi I	Thốt Nốt	
89	đường	Kênh Xoài Mật	Thốt Nốt	
90	đường	Kênh Thơm Rơm 1	Thốt Nốt	
91	đường	Kênh Thơm Rơm 2	Thốt Nốt	
92	đường	Kênh Thơm Rơm - Trung Hưng	Thốt Nốt	
93	đường	Cầu Kênh	Ô Môn	
94	đường	Ngã Ba Tầm Vu- Kênh Trám Một	Ô Môn	
95	đường	Kênh Nhà Lầu	Ô Môn	
96	đường	Kênh Mới	Ô Môn	
97	đường	Kênh Nhà Lầu	Ô Môn	
98	đường	Kênh Mới	Ô Môn	
99	đường	Kênh 5 Hóng	Ô Môn	
100	đường	Kênh C1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
101	đường	Kênh B1	Vĩnh Thạnh	
102	đường	Phụng Quới A	Vĩnh Thạnh	
103	đường	Kênh C1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
104	đường	Kênh D1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
105	đường	Kênh D1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
107	đường	Kênh F1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
108	đường	Kênh F1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
109	đường	Kênh G1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
110	đường	Kênh G1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
111	đường	Kênh H1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
112	đường	Kênh Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
113	đường	Kênh T3	Vĩnh Thạnh	
114	đường	Kênh 9	Vĩnh Thạnh	

115	đường	Kênh 10	Vĩnh Thạnh	
116	đường	Kênh 16	Vĩnh Thạnh	
117	đường	Kênh 17	Vĩnh Thạnh	
118	đường	Kênh G1-2 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
119	đường	Kênh F1-2 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
120	đường	Kênh E1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
121	đường	Kênh E1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
122	đường	Kênh 11	Vĩnh Thạnh	
123	đường	Kênh 12	Vĩnh Thạnh	
124	đường	Kênh 13	Vĩnh Thạnh	
125	đường	Kênh 14	Vĩnh Thạnh	
126	đường	Kênh 15	Vĩnh Thạnh	
127	đường	Kênh T1	Vĩnh Thạnh	
128	đường	Kênh 1	Vĩnh Thạnh	
129	đường	Kênh 2	Vĩnh Thạnh	
130	đường	Kênh 3	Vĩnh Thạnh	
131	đường	Kênh 4	Vĩnh Thạnh	
132	đường	Kênh 5	Vĩnh Thạnh	
133	đường	Kênh B1	Vĩnh Thạnh	
134	đường huyện	Kênh FM	Vĩnh Thạnh	
135	đường huyện	Kênh Đập Đá	Vĩnh Thạnh	
136	đường huyện	Kênh E1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
137	đường huyện	Kênh D1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
138	đường huyện	Kênh D1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
139	ngã ba	Kênh Số 10	Thốt Nốt	
140	cầu	Xẻo Kinh	Phong Điền	
141	cầu	Kinh Giữa	Phong Điền	
142	cầu	Kinh Năm Nay	Phong Điền	
143	cầu	Kinh Chuối	Thới Lai	
144	cầu	Kinh Ngang	Thới Lai	
145	cầu	Kinh Số 1	Thới Lai	
146	cầu	Kinh Công Điền	Thới Lai	
147	cầu	Kinh Cò Mi	Thới Lai	
148	cầu	Kinh Số 1	Thới Lai	
149	cầu	Kinh Số 2	Thới Lai	
150	cầu	Kinh Số 3	Thới Lai	
151	cầu	Kinh Số 4	Thới Lai	
152	cầu	Kinh Lộ	Thới Lai	
153	cầu	Kinh Đình	Ô Môn	
154	cầu	Kinh Đồi	Cờ Đỏ	
155	cầu	Kinh Mới	Cờ Đỏ	
156	đường	Kinh Đình	Ô Môn	
157	đường	Kinh Ống - Đồn Bể - Rạch Làng-Mười Đông	Ô Môn	
158	vàm	Kinh Ba Láng	Châu Thành	thời tỉnh Phong Đinh (thời VNCH)

159	bến phà	Vàm Xáng	Phong Điền	
160	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
161	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
162	kinh	Vàm Bi (Bảy Hộ)	Phong Điền	
163	ấp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
164	cầu	Kênh Xáng	Ô Môn	
165	cầu	Vàm Xáng	Cờ Đỏ	
166	cầu	Vàm Xáng	Phong Điền	
167	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
168	kinh	Xáng Xà No	Phong Điền	
169	kinh	Xáng Ô Môn	Ô Môn	
170	kinh	Xáng Thốt Nốt	Thốt Nốt	
171	kinh	Xáng Thốt Nốt	Cờ Đỏ	
172	kinh	Xáng Bà Đầm	Thới Lai	
173	kinh	Xáng Thị Đới	Thới Lai	
174	hồ	Xáng Thối	Ninh Kiều	
175	đường	Bờ Hồ Xáng Thối	Ninh Kiều	

b. Trong giao thông

1	xóm	Ghe	Phong Điền	
2	xóm	Trại Ghe	Phong Điền	
3	xóm	Trại Xuông	Thốt Nốt	
4	bến	Tàu Hải Quân	Ninh Kiều	
5	cầu	Tàu Hải Quân	Ninh Kiều	
6	bến	Tàu Lục Tỉnh	Ninh Kiều	
7	cầu	Xéo	Ninh Kiều	
8	xóm	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
9	cầu	Củi	Ninh Kiều	
10	xóm	Cầu Củi	Ninh Kiều	
11	cầu	Tàu Hoa Kiều	Cái Răng	

4.1.2 Văn hóa ứng xử với động vật và thực vật

4.1.2.1 Văn hoá ứng xử với động vật

1	rạch	Miếu Ông	Bình Thủy	
2	cầu	Miếu Ông	Bình Thủy	
3	chợ	Miếu Ông	Bình Thủy	
4	rạch	Rây	Vĩnh Thạnh	
5	cầu	Rạch Rây	Vĩnh Thạnh	
6	đường	Rạch Rây – Bà Chiêu	Vĩnh Thạnh	
7	đường	Rạch Rây	Thốt Nốt	
8	đường	Rạch Rây – Lộ Mới	Vĩnh Thạnh	
9	lung	Sấu	Phong Điền	
10	rạch	Đầu Sấu	Ninh Kiều	
11	vàm	Đầu Sấu	Ninh Kiều	
12	ngã ba	Đầu Sấu	Ninh Kiều	
13	cầu	Lung Sấu	Phong Điền	
14	cầu	Đầu Sấu	Ninh Kiều	

4.1.2.2 Văn hoá ứng xử với thực vật

1	tắc	Cây Bàng	Thốt Nốt	
2	bến đò	Tắc Cây Bàng	Thốt Nốt	
3	cầu	Cây Bàng	Thốt Nốt	
4	rạch	Bàng	Bình Thủy	
5	rạch	Cà Ròn	Phong Điền	
6	cầu	Cần Đốt – Xẻo Lát (Lác)	Ô Môn	
7	xẻo	Lát (Lác)	Phong Điền	
8	cầu	Xẻo Lát (Lác)	Phong Điền	
9	xẻo	Lúa	Ô Môn	
10	rạch	Xẻo Lúa	Ô Môn	
11	đường huyện	Viện Lúa	Thốt Nốt	
12	rạch	Ruộng	Thốt Nốt	
13	chợ	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
14	đường	Rạch Ruộng	Thốt Nốt	
15	vàm	Ruộng Cái Da	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
16	rạch	Thơm Rơm	Thốt Nốt	
17	cầu	Thơm Rơm	Thốt Nốt	
18	chợ	Thơm Rơm	Thốt Nốt	
19	cầu	Kênh Thơm Rơm 1	Thốt Nốt	
20	cầu	Kênh Thơm Rơm 2	Thốt Nốt	
21	cầu	kênh Thơm Rơm - Trung Hưng	Thốt Nốt	
22	kinh	Thơm Rơm	Cờ Đỏ	
23	rạch	Bánh Tét	Ô Môn	
24	cầu	Bánh Tét	Ô Môn	
25	xóm	Lò Tương	Phong Điền	
26	xóm	Bánh Tráng	Phong Điền	
27	xóm	Lò Tương	Cái Răng	
28	xóm	Lò Bánh	Cái Răng	
29	xóm	Lò Bún	Cái Răng	
30	xóm	Bánh Tráng	Cái Răng	
31	làng nghề	Bánh Tráng Thuận Hưng	Thốt Nốt	
32	làng nghề	Bánh Kẹo Ba Rích	Ô Môn	
33	giồng	Ôi	Cái Răng	
34	cầu	Giồng Ôi	Cái Răng	
35	rạch	Cái Chanh	Cái Răng	
36	rạch	Chanh	Bình Thủy	
37	cầu	Rạch Chanh	Bình Thủy	
38	rạch	Chuối	Phong Điền	
39	cầu	Rạch Chuối	Phong Điền	
40	kinh	Chuối	Thới Lai	
41	cầu	Kinh Chuối	Thới Lai	
42	đường	Lộ Chuối	Thốt Nốt	
43	rạch	Điều	Thới Lai	
44	công	Cây Điều	Ô Môn	
45	đường	Công Cây Điều	Ô Môn	

46	rạch	Xẻo Chuối	Ô Môn	
47	câu	Xẻo Chuối	Ô Môn	
48	rạch	Xẻo Khế	Ô Môn	
49	câu	Xẻo Khế	Ô Môn	
50	khu di tích	Vườn Mận	Bình Thủy	
51	rạch	Dâu	Thốt Nốt	
52	rạch	Mương Điều	Phong Điền	
53	rạch	Mương Cao	Phong Điền	
54	rạch	Mương Chuối	Thốt Nốt	
55	câu	Mương Điều	Phong Điền	
56	câu	Mương Điều	Thốt Nốt	
57	đường	Xẻo Cao - Mương Chuối	Thốt Nốt	
58	đường	Mương Điều	Thốt Nốt	
59	đường	Mương Chuối	Thốt Nốt	
60	rạch	Bờ Xoài	Bình Thủy	
61	đường	Hàng Xoài	Cái Răng	
62	đường	Hàng Xoài	Châu Thành	thời Pháp thuộc
63	câu	Xẻo Cao/ Cau	Bình Thủy	
64	câu	Xẻo Cáo / Cau	Thốt Nốt	
65	câu	Cả Cao / Cau	Thốt Nốt	
66	đường	Cả Cao / Cau	Thốt Nốt	

TỔNG MỤC 4.1: 534 địa danh

**4.2 VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI QUA ĐỊA DANH
Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

4.2.1 Sự phản ánh tâm lý cộng đồng

4.2.1.1 Phản ánh khát vọng của con người

a. Khát vọng về cuộc sống an bình, yên ổn

1	thôn	Thới An	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
2	thôn	Thới An Đông	huyện Vĩnh Định	
3	thôn	Tân An	huyện Vĩnh Định	
4	thôn	Châu Quý An	huyện Vĩnh Định	
5	tổng	An Trường		hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
6	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới	
7	tổng	An Trường		tỉnh Cần Thơ năm 1911 (thời Pháp thuộc)
8	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới	
9	xã	Bình An	tổng Thới Bảo	quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
10	xã	Thới An Đông	tổng Định Thới	
11	khu vực	Thới An 1	Thốt Nốt	

12	khu vực	Thới An 2	Thốt Nốt	
13	khu vực	Thới An 3	Thốt Nốt	
14	khu vực	Thới An 4	Thốt Nốt	
15	khu vực	Hòa An	Ô Môn	
16	khu vực	Hòa An A	Ô Môn	
17	khu vực	Hòa An B	Ô Môn	
18	câu	Ranh Trường Lạc - Thới An Đông	Ô Môn	
19	chợ	An Lạc	Ninh Kiều	
20	chợ	Sắt An Lạc	Ninh Kiều	
21	làng	Mỹ Yên	tổng Bình Lễ	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
22	ấp	Định Yên	Thới Lai	
23	khu vực	Bình Yên	Ô Môn	
24	khu vực	Yên Hạ	Cái Răng	
25	khu vực	Yên Trung	Cái Răng	
26	khu vực	Yên Thượng	Cái Răng	
27	thôn	Thới Thuận	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
28	thôn	Thới Thuận Trung	huyện Vĩnh Định	
29	thôn	Thới Hưng	huyện Vĩnh Định	
30	thôn	Thới An	huyện Vĩnh Định	
31	thôn	Thới An Đông	huyện Vĩnh Định	
32	thôn	Thới Bình	huyện Vĩnh Định	
33	làng	Nhon Thới	tổng Định Phong	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
34	làng	Thới Bình	tổng Định Thạnh	
35	làng	Thới Phong	tổng Định Thạnh	
36	tổng	Định Thới		
37	làng	Thới Lai	tổng Định Thới	
38	làng	Thới Luông	tổng Định Thới	
39	làng	Thới Thạnh Thôn	tổng Định Thới	
40	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Định Thới	
41	làng	Thới Trung	tổng Định Thới	
42	làng	Thới Hanh	tổng Định Thới	
43	làng	Thới An	tổng Định Thới	
44	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	
45	làng	Phú Luông	tổng Định Thới	
46	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới	
47	làng	Thới Giai	tổng Định Thới	
48	làng	Vĩnh Thới	tổng Thành Trị	
49	làng	Phong Thới	tổng Tuân Giáo	
50	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo	
51	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo	tỉnh Cần Thơ năm 1911
52	tổng	Định Thới		
53	làng	Thới Hanh	tổng Định Thới	
54	làng	Tân Thới	tổng Định Thới	

55	làng	Thới An Đông	tổng Định Thới	
56	làng	Thới Giai	tổng Định Thới	
57	làng	Thới An	tổng Định Thới	
58	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	
59	làng	Thuận Thới	tổng Thành Trị	
60	tổng	Thới Bảo		
61	làng	Thới Lai	tổng Thới Bảo	
62	làng	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	
63	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Thới Bảo	
64	làng	Phong Thới	tổng Tuân Giáo	
65	tổng	Thới Bảo		quận Long
66	tổng	Định Thới		Phú, tỉnh
67	xã	Phước Thới	tổng Định Thới	Phong Dinh
68	xã	Tân Thới	tổng Định Thới	năm 1958
69	xã	Thới An	tổng Định Thới	
70	xã	Thới An Đông	tổng Định Thới	
71	xã	Thới Long	tổng Định Thới	
72	xã	Thới Đông	tổng Phong	quận Thuận
73	xã	Thới Lai	tổng Phong	Trung, tỉnh
74	thôn	Bình Thạnh Tây	huyện Vĩnh Định	Phong Dinh
75	thôn	Bình Trung	huyện Vĩnh Định	năm 1958
76	thôn	Bình Lâm	huyện Vĩnh Định	
77	thôn	Bình Đức	huyện Vĩnh Định	
78	thôn	Bình Thủy	huyện Vĩnh Định	thời nhà
79	thôn	Thới Bình	huyện Vĩnh Định	Nguyễn
80	làng	Bình Thạnh	tổng Định Thạnh	hạt Cần Thơ
81	làng	Bình Khánh	tổng Định Thạnh	năm 1888
82	làng	Bình Phước	tổng Định Thạnh	(thời Pháp
83	làng	Bình Xuân	tổng Định Thạnh	thuộc)
84	làng	Thới Bình	tổng Định Thạnh	
85	tổng	Bình Lễ		
86	làng	Bình An	tổng Bình Lễ	
87	làng	Bình Thủy	tổng Định Thới	
88	làng	Bình Thủy Đông	tổng Định Thới	
89	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo	
90	làng	Trường Bình	tổng Định Bảo	
91	tổng	Bình Lễ		tỉnh Cần
92	làng	Bình Ninh	tổng Bình Lễ	Thơ năm
93	làng	Thới Bình	tổng Định Bảo	1911
94	làng	Tân Bình	tổng Định Hòa	
95	làng	Bình Phước	tổng Định Thới	
96	làng	Bình Xuân	tổng Định Thới	
97	xã	An Bình	tổng Định An	quận Châu
				Thành, tỉnh
				Phong Dinh

				năm 1958
98	xã	Tân Bình	tổng Phong Đa	quận Thuận Nhơn, tỉnh Phong Dinh năm 1958
99	huyện	Vĩnh Định		thời nhà Nguyễn
100	tổng	Định Phong		hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
101	tổng	Định An		
102	tổng	Định Thới		
103	tổng	Định Bảo		
104	làng	Định Hòa	tổng An Trường	
105	làng	Định Môn	tổng Định Thới	
107	làng	Định Hòa	tổng An Trường	tỉnh Cần Thơ năm 1911
108	tổng	Định An		
109	tổng	Định Bảo		
110	tổng	Định Hòa		
111	tổng	Định Thới		
112	làng	Định Môn	tổng Thới Bảo	
113	tổng	Định Bảo		quận Châu Thành, tỉnh Phong Dinh năm 1958
114	tổng	Định Thới		quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
115	xã	Định Môn	tổng Thới Bảo	
116	tổng	Định Phước		quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
117	tổng	Định Hoà		
118	phường	Thới An Đông	Bình Thủy	
119	khu vực	Thới An 1	Thốt Nốt	
120	khu vực	Thới An 2	Thốt Nốt	
121	khu vực	Thới An 3	Thốt Nốt	
122	khu vực	Thới An 4	Thốt Nốt	
123	khu vực	Hòa An A	Ô Môn	
124	khu vực	Hòa An B	Ô Môn	
125	cầu	Ranh Trường Lạc - Thới An Đông	Ô Môn	
126	chợ	Sắt An Lạc	Ninh Kiều	
127	kinh	Thới Ninh	Bình Thủy	
128	huyện	Thới Lai	Thới Lai	
129	phường	Thới Bình	Ninh Kiều	
130	phường	Thới An Đông	Bình Thủy	
131	phường	An Thới	Bình Thủy	
132	phường	Thới Long	Ô Môn	

133	phường	Thới Thuận	Thốt Nốt	
134	phường	Phước Thới	Ô Môn	
135	phường	Thới An	Ô Môn	
136	phường	Thới Hòa	Ô Môn	
137	thị trấn	Thới Lai	Thới Lai	
138	xã	Thới Đông	Cờ Đỏ	
139	xã	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
140	xã	Thới Xuân	Cờ Đỏ	
141	xã	Thới Tân	Thới Lai	
142	xã	Thới Thạnh	Thới Lai	
143	xã	Tân Thới	Phong Điền	
144	ấp	Thới Thạnh	Phong Điền	
145	ấp	Thới Hưng	Phong Điền	
146	ấp	Thới Bình	Phong Điền	
147	ấp	Thới Hưng	Phong Điền	
148	ấp	Thới Hòa	Cờ Đỏ	
149	ấp	Thới Hòa A	Cờ Đỏ	
150	ấp	Thới Hòa B	Cờ Đỏ	
151	ấp	Thới Thuận	Cờ Đỏ	
152	ấp	Thới Bình	Cờ Đỏ	
153	ấp	Thới Hiệp	Cờ Đỏ	
154	ấp	Thới Trung	Cờ Đỏ	
155	ấp	Thới Xuyên	Cờ Đỏ	
156	ấp	Thới Trung	Cờ Đỏ	
157	ấp	Thới Hòa	Cờ Đỏ	
158	ấp	Thới Thạnh	Cờ Đỏ	
159	ấp	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
160	ấp	Thới Xuân	Cờ Đỏ	
161	ấp	Thới Hữu	Cờ Đỏ	
162	ấp	Thới Phong	Cờ Đỏ	
163	ấp	Thới Hòa C	Cờ Đỏ	
164	ấp	Thới Bình 1	Cờ Đỏ	
165	ấp	Thới Phước	Cờ Đỏ	
166	ấp	Thới Thuận	Cờ Đỏ	
167	ấp	Thới Trường 1	Cờ Đỏ	
168	ấp	Thới Trường 2	Cờ Đỏ	
169	ấp	Thới Bình 2	Cờ Đỏ	
170	ấp	Thới Hiệp	Cờ Đỏ	
171	ấp	Thới Hiệp 1	Cờ Đỏ	
172	ấp	Thới Hiệp 2	Cờ Đỏ	
173	ấp	Thới Trung	Cờ Đỏ	
174	ấp	Thới Hữu	Cờ Đỏ	
175	ấp	Thới Trung A	Cờ Đỏ	
176	ấp	Thới Bình A1	Thới Lai	
177	ấp	Thới Bình A2	Thới Lai	
178	ấp	Thới Bình A3	Thới Lai	
179	ấp	Thới Bình	Thới Lai	

180	ấp	Thới Bình A	Thới Lai	
181	ấp	Thới Bình B	Thới Lai	
182	ấp	Thới Thuận	Thới Lai	
183	ấp	Thới Hòa A	Thới Lai	
184	ấp	Thới Hòa C	Thới Lai	
185	ấp	Thới Hòa B	Thới Lai	
186	ấp	Thới Khánh	Thới Lai	
187	ấp	Thới Khánh A	Thới Lai	
188	ấp	Thới Phước 1	Thới Lai	
189	ấp	Thới Phước 2	Thới Lai	
190	ấp	Thới Thuận A	Thới Lai	
191	ấp	Thới Thuận B	Thới Lai	
192	ấp	Thới Phong A	Thới Lai	
193	ấp	Thới Phước	Thới Lai	
194	ấp	Thới Hòa A	Thới Lai	
195	ấp	Thới Hòa	Thới Lai	
196	ấp	Thới Hiệp A	Thới Lai	
197	ấp	Thới Thanh	Thới Lai	
198	ấp	Thới Ninh	Thới Lai	
199	ấp	Thới Thuận A	Thới Lai	
200	ấp	Thới Thuận B	Thới Lai	
201	ấp	Thới Quan	Thới Lai	
202	ấp	Thới Phước B	Thới Lai	
203	ấp	Thới Thanh	Thới Lai	
204	ấp	Thới Quan B	Thới Lai	
205	ấp	Đông Thới	Thới Lai	
206	ấp	Thới Ninh	Thới Lai	
207	ấp	Thới Phước	Thới Lai	
208	ấp	Thới Thanh A	Thới Lai	
209	ấp	Thới Thanh B	Thới Lai	
210	ấp	Thới Thanh	Thới Lai	
211	ấp	Thới Quan	Thới Lai	
212	ấp	Thới Tân A	Thới Lai	
213	ấp	Thới Tân B	Thới Lai	
214	ấp	Thới Phong B	Thới Lai	
215	ấp	Thới Bình	Thới Lai	
216	ấp	Thới Hiệp B	Thới Lai	
217	ấp	Thới Hòa B	Thới Lai	
218	ấp	Thới Lộc	Thới Lai	
219	ấp	Thới Xuân	Thới Lai	
220	ấp	Thới Trung	Thới Lai	
221	ấp	Thới Phước A	Thới Lai	
222	khu vực	Thới Bình 1	Thốt Nốt	
223	khu vực	Thới Bình 2	Thốt Nốt	
224	khu vực	Thới An 1	Thốt Nốt	
225	khu vực	Thới An 2	Thốt Nốt	
226	khu vực	Thới An 3	Thốt Nốt	

227	khu vực	Thới An 4	Thốt Nốt	
228	khu vực	Thới Hòa 1	Thốt Nốt	
229	khu vực	Thới Hòa 2	Thốt Nốt	
230	khu vực	Thới Thạnh 1	Thốt Nốt	
231	khu vực	Thới Thạnh 2	Thốt Nốt	
232	khu vực	Thới Bình	Thốt Nốt	
233	khu vực	Thới Trinh C	Ô Môn	
234	khu vực	Thới Hòa	Ô Môn	
235	khu vực	Thới Hòa A	Ô Môn	
236	khu vực	Thới Hòa B	Ô Môn	
237	khu vực	Thới Hòa C	Ô Môn	
238	khu vực	Thới Bình	Ô Môn	
239	khu vực	Thới Bình A	Ô Môn	
240	khu vực	Thới Phong	Ô Môn	
241	khu vực	Thới Phong A	Ô Môn	
242	khu vực	Thới Lợi	Ô Môn	
243	khu vực	Thới Lợi A	Ô Môn	
244	khu vực	Thới Thuận	Ô Môn	
245	khu vực	Thới Thuận A	Ô Môn	
246	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
247	khu vực	Thới Thạnh A	Ô Môn	
248	khu vực	Thới Lợi	Ô Môn	
249	khu vực	Thới Trinh	Ô Môn	
250	khu vực	Thới Ngươn	Ô Môn	
251	khu vực	Thới Ngươn	Ô Môn	
252	khu vực	Thới Hòa	Ô Môn	
253	khu vực	Thới Thuận	Ô Môn	
254	khu vực	Thới Đông	Ô Môn	
255	khu vực	Thới Hưng	Ô Môn	
256	khu vực	Thới Hòa B	Ô Môn	
257	khu vực	Thới Hòa C	Ô Môn	
258	khu vực	Thới Bình	Ô Môn	
259	khu vực	Thới Xương 1	Ô Môn	
260	khu vực	Thới Xương 2	Ô Môn	
261	khu vực	Thới Hòa 1	Ô Môn	
262	khu vực	Thới Hòa 2	Ô Môn	
263	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
264	khu vực	Thới Thạnh Đông	Ô Môn	
265	khu vực	Thới Mỹ	Ô Môn	
266	khu vực	Thới Trinh	Ô Môn	
267	khu vực	Thới Trinh A	Ô Môn	
268	khu vực	Thới Trinh B	Ô Môn	
269	khu vực	Thạnh Thới	Cái Răng	
270	cầu	Thới Ninh	Bình Thủy	
271	cầu	Thới Lai	Thới Lai	
272	cầu	Ranh Trường Lạc - Thới An Đông	Ô Môn	

273	cầu	Thới Long - Thới An	Ô Môn	
274	chợ	Thới Bình A	Thốt Nốt	
275	chợ	An Thới	Bình Thủy	
276	chợ	Thị Trấn Thới Lai	Thới Lai	
277	chợ	Thới Thạnh	Thới Lai	
278	chợ	Thới Tân	Thới Lai	
279	chợ	Thới Long	Ô Môn	
280	chợ	Thới An	Ô Môn	
281	chợ	Thới Thạnh	Ô Môn	
282	chợ	Phước Thới	Ô Môn	
283	chợ	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
284	đường	Rạch Rích - Thới Hòa B, Thới Hòa C	Ô Môn	
285	đường huyện	Tân Thới - Trường Thành	Phong Điền	
286	đường huyện	Thới Lai - Đông Bình	Thới Lai	
287	đường huyện	Thới Lai - Trường Xuân	Thới Lai	
288	sông	Bình Thủy	Bình Thủy	
289	quận	Bình Thủy	Bình Thủy	
290	phường	Bình Thủy	Bình Thủy	
291	phường	Thới Bình	Ninh Kiều	
292	phường	An Bình	Ninh Kiều	
293	xã	Đông Bình	Thới Lai	
294	xã	Vĩnh Bình	Vĩnh Thạnh	
295	ấp	Tân Bình	Phong Điền	
296	ấp	Thới Bình	Phong Điền	
297	ấp	Bình Thạnh	Phong Điền	
298	ấp	Bình Xuân	Phong Điền	
299	ấp	Nhon Bình	Phong Điền	
300	ấp	Nhon Bình A	Phong Điền	
301	ấp	Thới Bình	Cờ Đỏ	
302	ấp	Thới Bình 1	Cờ Đỏ	
303	ấp	Thới Bình 2	Cờ Đỏ	
304	ấp	Thới Bình A1	Thới Lai	
305	ấp	Thới Bình A2	Thới Lai	
306	ấp	Thới Bình A3	Thới Lai	
307	ấp	Thới Bình	Thới Lai	
308	ấp	Thới Bình A	Thới Lai	
309	ấp	Thới Bình B	Thới Lai	
310	ấp	Trường Bình	Thới Lai	
311	ấp	Thanh Bình	Thới Lai	
312	ấp	Trường Bình	Thới Lai	
313	ấp	Thới Bình	Thới Lai	
314	khu vực	Thới Bình 1	Thốt Nốt	
315	khu vực	Thới Bình 2	Thốt Nốt	
316	khu vực	Đông Bình	Thốt Nốt	
317	khu vực	Thới Bình	Thốt Nốt	
318	khu vực	Thới Bình	Ô Môn	

319	khu vực	Thới Bình A	Ô Môn	
320	khu vực	Bình Hưng	Ô Môn	
321	khu vực	Bình Phước	Ô Môn	
322	khu vực	Bình Hòa A	Ô Môn	
323	khu vực	Bình Hòa B	Ô Môn	
324	khu vực	Bình An	Ô Môn	
325	khu vực	Bình Khánh	Ô Môn	
326	khu vực	Bình Lập	Ô Môn	
327	khu vực	Thới Bình	Ô Môn	
328	khu vực	Tân Bình	Ô Môn	
329	khu vực	Bình Thuận	Ô Môn	
330	khu vực	Bình Hòa	Ô Môn	
331	khu vực	Bình Lợi	Ô Môn	
332	khu vực	Bình Yên	Ô Môn	
333	khu vực	Khánh Bình	Cái Răng	
334	cầu	Bình Thủy	Bình Thủy	
335	cầu	Bình Thủy 2	Bình Thủy	
336	chợ	An Bình	Ninh Kiều	
337	chợ	Bình Thủy	Bình Thủy	
338	chợ	Thới Bình A	Thốt Nốt	
339	chợ	Đông Bình	Thới Lai	
340	đường	Hòa Bình	Ninh Kiều	
341	đường	Hòa Bình	Thốt Nốt	
342	đường	Hòa Bình	Thốt Nốt	
343	đường	Bình An	Ô Môn	
344	đường	Cầu Thủy Lợi – Khu Vực Bình An	Ô Môn	
345	đường	Liên Khu Vực Bình Phước - Bình Hòa A	Ô Môn	
346	đường	Ngã Ba Đình - Bình An	Ô Môn	
347	đường huyện	Thới Lai - Đông Bình	Thới Lai	
348	ngã tư	Đông Bình	Thới Lai	
349	xã	Định Môn	Thới Lai	
350	ấp	Định Hòa A	Thới Lai	
351	ấp	Định Hòa B	Thới Lai	
352	ấp	Định Mỹ	Thới Lai	
353	ấp	Định Yên	Thới Lai	
354	ấp	Định Khánh B	Thới Lai	
355	ấp	Định Khánh A	Thới Lai	
356	ấp	Định Thành	Thới Lai	
357	ấp	Định Phước	Thới Lai	
358	khu vực	Long Định	Ô Môn	
359	bến đò	Định An	Thốt Nốt	
360	đường huyện	Định Môn - Trường Thành	Thới Lai	
<i>b. Khát vọng về cuộc sống giàu sang, sung túc, vui vẻ, thịnh vượng</i>				
1	thôn	An Lạc	huyện Vĩnh Định	thời nhà

				Nguyễn
2	làng	An Lạc	tổng Định An	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
3	làng	Trường Lạc	tổng Định Bảo	
4	làng	Trường Lạc	tổng Thới Bảo	
5	phường	An Lạc	Ninh Kiều	tỉnh Cần Thơ năm 1911
6	phường	Trường Lạc	Ô Môn	
7	cầu	Ranh Trường Lạc - Thới An Đông	Ô Môn	
8	chợ	An Lạc	Ninh Kiều	
9	chợ	Sắt An Lạc	Ninh Kiều	
10	thôn	Long Phú	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
11	thôn	Long Hưng	huyện Vĩnh Định	
12	làng	Tân Long	tổng An Trường	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
13	làng	Long Hưng	tổng Định An	
14	làng	Long Tuyên	tổng Định Thới	
15	làng	Long Thạnh	tổng Thành Trị	
16	làng	Thới Luông	tổng Định Thới	
17	làng	Phú Luông	tổng Định Thới	
18	làng	Long Hưng	tổng Định An	
19	làng	Long Mỹ	tổng Định Hòa	tỉnh Cần Thơ năm 1911
20	làng	Long Tuyên	tổng Định Thới	
21	làng	Trường Long	tổng Thới Bảo	
22	làng	Phú Luông	tổng Định Thới	
23	xã	Long Tuyên	tổng Định An	quận Châu Thành, tỉnh Phong Dinh năm 1958
24	quận	Long Phú		quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
25	xã	Thới Long	tổng Định Thới	
26	xã	Long Thạnh	tổng Định Hòa	quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
27	xã	Trường Long	tổng Phong Đa	quận Thuận Nhơn, tỉnh Phong Dinh năm 1958
28	phường	Long Tuyên	Bình Thủy	
29	phường	Long Hòa	Bình Thủy	
30	phường	Thới Long	Ô Môn	
31	phường	Long Hưng	Ô Môn	

32	xã	Trường Long	Phong Điền	
33	ấp	Mỹ Long	Phong Điền	
34	ấp	Tân Long	Phong Điền	
35	ấp	Tân Long B	Phong Điền	
36	ấp	Long Thạnh	Vĩnh Thạnh	
37	ấp	Vĩnh Long	Vĩnh Thạnh	
38	ấp	Qui Long	Vĩnh Thạnh	
39	khu vực	Long Thạnh 1	Thốt Nốt	
40	khu vực	Long Thạnh 2	Thốt Nốt	
41	khu vực	Long Thạnh A	Thốt Nốt	
42	khu vực	Long Châu	Thốt Nốt	
43	khu vực	Hòa Long	Ô Môn	
44	khu vực	Hòa Long A	Ô Môn	
45	khu vực	Long Hòa	Ô Môn	
46	khu vực	Long Định	Ô Môn	
47	khu vực	Long Thành	Ô Môn	
48	cầu	Sa Long	Ô Môn	
49	cầu	Thới Long - Thới An	Ô Môn	
50	cầu	Thành Long	Thốt Nốt	
51	cầu	Hung Long	Thốt Nốt	
52	chợ	Thới Long	Ô Môn	
53	đường	Rạch Khai Long	Thốt Nốt	
54	đường	Thành Long	Thốt Nốt	
55	đường huyện	Trường Long-Vàm Bi	Phong Điền	
56	rạch	Khai Luông	Ninh Kiều	
57	rạch	Khai Luông	Ninh Kiều	
58	sông	Khai Luông	Bình Thủy	
59	khu vực	Phú Luông	Ô Môn	
60	rạch	Khai Luông	Ô Môn	
61	thôn	Tân Phú Đông	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
62	thôn	Phú Mỹ Đông	huyện Vĩnh Định	
63	thôn	Long Phú	huyện Vĩnh Định	
64	làng	Phú Hữu	tổng Định Phong	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
65	làng	Phú Thứ	tổng Định Phong	
66	làng	Phú Thạnh	tổng Định Phong	
67	làng	Đông Phú	tổng Định An	
68	làng	Đông Phú Trung	tổng Định An	
69	làng	Phú Mỹ Đông	tổng Định An	
70	làng	Phú Luông	tổng Định Thới	
71	làng	Phong Phú	tổng Tuân Giáo	
72	làng	Tân Phú	tổng Tuân Giáo	
73	làng	Đông Phú	tổng Định An	tỉnh Cần Thơ năm 1911
74	làng	Phú Mỹ Đông	tổng Định An	
75	làng	Phú Hữu	tổng Định An	
76	làng	Phú Thứ	tổng Định An	
77	làng	Phú Lợi	tổng Định Bảo	
78	làng	Phú Luông	tổng Định Thới	

79	làng	Thạnh Phú	tổng Tuân Giáo	
80	xã	Tân Phú Thạnh	tổng Định Bảo	quận Châu Thành, tỉnh Phong Dinh năm 1958
81	xã	Đông Phú	tổng Định An	
82	xã	Phú Hữu	tổng Định An	
83	quận	Long Phú		quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
84	xã	Thạnh Phú	tổng Phong Thuận	quận Thuận Trung, tỉnh Phong Dinh năm 1958
85	phường	An Phú	Ninh Kiều	
86	phường	Phú Thứ	Cái Răng	
87	phường	Tân Phú	Cái Răng	
88	phường	Hưng Phú	Cái Răng	
89	xã	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
90	ấp	Trường Phú B	Phong Điền	
91	ấp	Trường Phú 2	Phong Điền	
92	ấp	Nhon Phú	Phong Điền	
93	ấp	Nhon Phú	Phong Điền	
94	ấp	Nhon Phú A	Phong Điền	
95	ấp	Nhon Phú 1	Phong Điền	
96	ấp	Trường Phú I	Phong Điền	
97	ấp	Trường Phú A	Phong Điền	
98	ấp	Thạnh Phú 1	Cờ Đỏ	
99	ấp	Thạnh Phú 2	Cờ Đỏ	
100	ấp	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
101	ấp	Phú Thọ	Thới Lai	
102	ấp	Trường Phú B	Thới Lai	
103	ấp	Trường Phú	Thới Lai	
104	ấp	Trường Phú A	Thới Lai	
105	ấp	Phú Thọ	Thới Lai	
107	khu vực	Phúc Lộc 1	Thốt Nốt	
108	khu vực	Tân Phú	Thốt Nốt	
109	khu vực	Phúc Lộc 2	Thốt Nốt	
110	khu vực	Phúc Lộc 3	Thốt Nốt	
111	khu vực	Thạnh Phú 1	Thốt Nốt	
112	khu vực	Phú Luông	Ô Môn	
113	khu vực	Thạnh Phú	Cái Răng	
114	khu vực	Phú Khánh	Cái Răng	
115	khu vực	Phú Hưng	Cái Răng	
116	khu vực	Phú Xuân	Cái Răng	
117	khu vực	An Phú	Cái Răng	
118	khu vực	Phú Thạnh	Cái Răng	
119	khu vực	Phú Thuận A	Cái Răng	

120	khu vực	Phú Lợi	Cái Răng	
121	khu vực	Phú Lễ	Cái Răng	
122	khu vực	Phú Thuận	Cái Răng	
123	khu vực	Phú Thành	Cái Răng	
124	khu vực	Phú Thắng	Cái Răng	
125	khu vực	Phú Tân	Cái Răng	
126	khu vực	Phú Mỹ	Cái Răng	
127	khu vực	Phú Quới	Cái Răng	
128	khu vực	Thạnh Phú	Cái Răng	
129	cầu	Trường Phú B	Phong Điền	
130	cầu	An Phú Lợi	Thốt Nốt	
131	chợ	Phú Thứ	Cái Răng	
132	chợ	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
133	khu công nghiệp	Hung Phú I	Bình Thủy	
134	khu công nghiệp	Hung Phú II	Cái Răng	
135	thôn	Thới Hưng	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
136	thôn	Long Hưng	huyện Vĩnh Định	
137	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Thạnh	hạt Cần Thơ năm 1888
138	làng	Long Hưng	tổng Định An	(thời Pháp thuộc)
139	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	
140	làng	Hưng Khê	tổng Tuân Giáo	
141	làng	Châu Hưng	tổng Tuân Giáo	
142	làng	Long Hưng	tổng Định An	tỉnh Cần Thơ năm 1911
143	làng	Trung Hưng	tổng Định Hòa	
144	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Hòa	
145	làng	Tân Hưng	tổng Định Hòa	
146	làng	Thới Hưng	tổng Định Thới	
147	làng	Châu Hưng	tổng Tuân Giáo	
148	xã	Hiệp Hưng	tổng Định Phước	quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
149	xã	Tân Phước Hưng	tổng Định Phước	
150	phường	Hung Lợi	Ninh Kiều	
151	phường	Hung Thạnh	Cái Răng	
152	phường	Hung Phú	Cái Răng	
153	phường	Long Hưng	Ô Môn	
154	phường	Thuận Hưng	Thốt Nốt	
155	phường	Tân Hưng	Thốt Nốt	
156	xã	Trung Hưng	Cờ Đỏ	
157	xã	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
158	ấp	Nhon Hưng	Phong Điền	
159	ấp	Nhon Hưng A	Phong Điền	
160	ấp	Tân Hưng	Phong Điền	
161	ấp	Thới Hưng A	Phong Điền	
162	ấp	Thới Hưng	Phong Điền	

163	ấp	Thạnh Hưng	Cờ Đỏ	
164	ấp	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
165	ấp	Thạnh Hưng 2	Cờ Đỏ	
166	ấp	Thạnh Hưng	Cờ Đỏ	
167	ấp	Thạnh Hưng 1	Cờ Đỏ	
168	ấp	Trường Hưng	Thới Lai	
169	ấp	Phụng Hưng	Vĩnh Thạnh	
170	ấp	Vĩnh Hưng	Vĩnh Thạnh	
171	khu vực	Thới Hưng	Ô Môn	
172	khu vực	Bình Hưng	Ô Môn	
173	khu vực	Tân Hưng	Ô Môn	
174	khu vực	Trường Hưng	Ô Môn	
175	khu vực	Thạnh Hưng	Cái Răng	
176	khu vực	Phú Hưng	Cái Răng	
177	khu vực	Khánh Hưng	Cái Răng	
178	khu vực	An Hưng	Cái Răng	
179	khu vực	Thạnh Hưng	Cái Răng	
180	cầu	Trung Hưng	Cờ Đỏ	
181	cầu	Hưng Long	Thốt Nốt	
182	cầu	Thuận Hưng	Thốt Nốt	
183	cầu	Hưng Lợi	Ninh Kiều	
184	chợ	Hưng Lợi	Ninh Kiều	
185	chợ	Thuận Hưng	Thốt Nốt	
186	chợ	Thới Hưng	Cờ Đỏ	
187	chợ	Trung Hưng	Cờ Đỏ	
188	đường	Kênh Thơm Rôm - Trung Hưng	Thốt Nốt	
189	đường	Hương Lộ Thuận Hưng	Thốt Nốt	
190	khu công nghiệp	Hưng Phú I	Bình Thủy	
191	khu công nghiệp	Hưng Phú II	Cái Răng	
192	làng nghề	Bánh Tráng Thuận Hưng	Thốt Nốt	
193	chợ	Thịnh Vượng	Ô Môn	
194	kênh	Thạnh Đông	Cái Răng	
195	huyện	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	
196	phường	Hưng Thạnh	Cái Răng	
197	phường	Thường Thạnh	Cái Răng	
198	phường	Thạnh Hòa	Thốt Nốt	
199	thị trấn	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	
200	thị trấn	Thạnh An	Vĩnh Thạnh	
201	xã	Trung Thạnh	Cờ Đỏ	
202	xã	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
203	xã	Tân Thạnh	Thới Lai	
204	xã	Thới Thạnh	Thới Lai	
205	xã	Thạnh An	Vĩnh Thạnh	
206	xã	Thạnh Lộc	Vĩnh Thạnh	

207	xã	Thạnh Mỹ	Vĩnh Thạnh	
208	xã	Thạnh Quới	Vĩnh Thạnh	
209	xã	Thạnh Thắng	Vĩnh Thạnh	
210	xã	Thạnh Tiến	Vĩnh Thạnh	
211	xã	An Thạnh	Phong Điền	
212	xã	Thới Thạnh	Phong Điền	
213	ấp	Bình Thạnh	Phong Điền	
214	ấp	Thạnh Hưng	Cờ Đỏ	
215	ấp	Thạnh Hòa	Cờ Đỏ	
216	ấp	Thạnh Trung	Cờ Đỏ	
217	ấp	Thạnh Hưng 2	Cờ Đỏ	
218	ấp	Thạnh Phú 1	Cờ Đỏ	
219	ấp	Thạnh Phú 2	Cờ Đỏ	
220	ấp	Thạnh Phước	Cờ Đỏ	
221	ấp	Thạnh Hòa	Cờ Đỏ	
222	ấp	Thạnh Phước	Cờ Đỏ	
223	ấp	Thạnh Phước 2	Cờ Đỏ	
224	ấp	Thạnh Lộc	Cờ Đỏ	
225	ấp	Thạnh Hưng	Cờ Đỏ	
226	ấp	Thạnh Xuân	Cờ Đỏ	
227	ấp	Thới Thạnh	Cờ Đỏ	
228	ấp	An Thạnh	Cờ Đỏ	
229	ấp	Thạnh Lộc 1	Cờ Đỏ	
230	ấp	Thạnh Lợi	Cờ Đỏ	
231	ấp	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
232	ấp	Thạnh Lợi 2	Cờ Đỏ	
233	ấp	Thạnh Lợi	Cờ Đỏ	
234	ấp	Thạnh Lộc 2	Cờ Đỏ	
235	ấp	Thạnh Lộc 1	Cờ Đỏ	
236	ấp	Thạnh Quới 1	Cờ Đỏ	
237	ấp	Thạnh Hưng 1	Cờ Đỏ	
238	ấp	Đông Thạnh	Cờ Đỏ	
239	ấp	Thạnh Lợi 1	Cờ Đỏ	
240	ấp	Trường Thạnh	Thới Lai	
241	ấp	Đông Thạnh	Thới Lai	
242	ấp	Long Thạnh	Vĩnh Thạnh	
243	khu vực	Phụng Thạnh 1	Thốt Nốt	
244	khu vực	Long Thạnh 1	Thốt Nốt	
245	khu vực	Long Thạnh 2	Thốt Nốt	
246	khu vực	Long Thạnh A	Thốt Nốt	
247	khu vực	Qui Thạnh	Thốt Nốt	
248	khu vực	Lân Thạnh I	Thốt Nốt	
249	khu vực	Lân Thạnh II	Thốt Nốt	
250	khu vực	Tân Thạnh	Thốt Nốt	
251	khu vực	Phụng Thạnh 2	Thốt Nốt	
252	khu vực	Lân Thạnh 1	Thốt Nốt	
253	khu vực	Lân Thạnh 2	Thốt Nốt	

254	khu vực	Qui Thạnh 1	Thốt Nốt	
255	khu vực	Thạnh Phú 1	Thốt Nốt	
256	khu vực	Thới Thạnh 1	Thốt Nốt	
257	khu vực	Thới Thạnh 2	Thốt Nốt	
258	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
259	khu vực	Thới Thạnh A	Ô Môn	
260	khu vực	Hòa Thạnh	Ô Môn	
261	khu vực	Hòa Thạnh A	Ô Môn	
262	khu vực	Hòa Thạnh B	Ô Môn	
263	khu vực	Tân Thạnh	Ô Môn	
264	khu vực	Thới Thạnh	Ô Môn	
265	khu vực	Thới Thạnh Đông	Ô Môn	
266	khu vực	Thạnh Hòa	Cái Răng	
267	khu vực	Thạnh Thới	Cái Răng	
268	khu vực	Thạnh Thuận	Cái Răng	
269	khu vực	Thạnh Lợi	Cái Răng	
270	khu vực	Thạnh Thắng	Cái Răng	
271	khu vực	Thạnh Hưng	Cái Răng	
272	khu vực	Thạnh Phú	Cái Răng	
273	khu vực	Phú Thạnh	Cái Răng	
274	khu vực	Thạnh Mỹ	Cái Răng	
275	khu vực	Thạnh Huệ	Cái Răng	
276	khu vực	Thạnh Hòa	Cái Răng	
277	khu vực	Thạnh Thắng	Cái Răng	
278	khu vực	Thạnh Lợi	Cái Răng	
279	khu vực	Thạnh Phú	Cái Răng	
280	khu vực	Thạnh Hưng	Cái Răng	
281	khu vực	Năm Thạnh	Phong Điền	
282	khu vực	An Thạnh	Cờ Đỏ	
283	chợ	Lân Thạnh	Thốt Nốt	
284	chợ	Thới Thạnh	Ô Môn	
285	chợ	Thới Thạnh	Thới Lai	
286	chợ	Thạnh Phú	Cờ Đỏ	
287	chợ	Tân Thạnh	Thới Lai	
288	chợ	Trung Thạnh	Cờ Đỏ	
289	chợ	Thạnh Lộc	Vĩnh Thạnh	
290	kinh	Thạnh Đông	Cái Răng	
291	thôn	Bình Thạnh Tây	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
292	thôn	Mỹ Thạnh	huyện Vĩnh Định	
293	thôn	Tân Thạnh	huyện Vĩnh Định	
294	thôn	Tân Thạnh Đông	huyện Vĩnh Định	
295	thôn	An Thạnh Nhứt	huyện Vĩnh Định	
296	thôn	An Thạnh Nhi	huyện Vĩnh Định	
297	điểm	An Thạnh	huyện Vĩnh Định	
298	tổng	Định Thạnh		hạt Cần Thơ năm 1888
299	làng	Phú Thạnh	tổng Định Phong	

300	làng	Thạnh Lợi	tổng Định Phong	(thời Pháp thuộc)
301	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Phong	
302	làng	Bình Thạnh	tổng Định Thạnh	
303	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Thạnh	
304	làng	Đông Thạnh	tổng An Trường	
305	làng	Hậu Thạnh	tổng Định An	
306	làng	Thới Thạnh	tổng Định Thới	
307	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Định Thới	
308	làng	Long Thạnh	tổng g Thành Trị	
309	làng	Lân Thạnh	tổng Tuân Giáo	
310	làng	Tân Thạnh	tổng Tuân Giáo	
311	làng	Trường Thạnh	tổng Định Bảo	
312	làng	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
313	làng	Thạnh Xuân	tổng Định Bảo	
314	làng	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
315	làng	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
316	làng	Thạnh An	tổng Định Bảo	
317	làng	Đông Thạnh	tổng An Trường	tỉnh Cần Thơ năm 1911
318	làng	Hậu Thạnh	tổng Định An	
319	làng	Thạnh An	tổng Định Bảo	
320	làng	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
321	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Bảo	
322	làng	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
323	làng	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
324	làng	Trường Thạnh Sơn	tổng Định Hòa	
325	làng	Thạnh Xuân	tổng Định Hòa	
326	làng	Thạnh Hưng	tổng Định Hòa	
327	làng	Hựu Thạnh	tổng Thành Trị	
328	làng	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	
329	làng	Thới Thạnh Hạ	tổng Thới Bảo	
330	làng	Trường Thạnh	tổng Thới Bảo	
331	làng	Hòa Thạnh	tổng Tuân Giáo	
332	làng	Thạnh Phú	tổng Tuân Giáo	
333	xã	Thạnh An	tổng Định Bảo	
334	xã	Tân Phú Thạnh	tổng Định Bảo	
335	xã	Thường Thạnh	tổng Định Bảo	
336	xã	Thường Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
337	xã	Thới Thạnh	tổng Thới Bảo	quận Long Phú, tỉnh Phong Dinh năm 1958
338	xã	Thường Thạnh	tổng Thới Bảo	
339	xã	Long Thạnh	tổng Định Hòa	quận Phụng Hiệp, tỉnh

				Phong Dinh năm 1958
340	xã	Thanh Hòa	tổng Phong Đa	quận Thuận Nhơn, tỉnh Phong Dinh năm 1958
341	xã	Thanh Phú	tổng Phong Thuần	quận Thuận Trung, tỉnh Phong Dinh năm 1958
<i>c. Khát vọng về cuộc sống lâu dài, vĩnh cửu, tốt đẹp ở vùng đất mới</i>				
1	huyện	Vĩnh Định		thời nhà Nguyễn
2	làng	Vĩnh Thuận	tổng Thành Trị	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
3	làng	Vĩnh Hữu	tổng Thành Trị	
4	làng	Vĩnh Thới	tổng Thành Trị	
5	làng	Vĩnh Xuân	tổng Thành Trị	
6	làng	Vĩnh Xuân	tổng Thành Trị	tỉnh Cần Thơ năm 1911
7	huyện	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	
8	thị trấn	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	
9	xã	Vĩnh Bình	Vĩnh Thạnh	
10	xã	Vĩnh Trinh	Vĩnh Thạnh	
11	ấp	Vĩnh Tiến	Vĩnh Thạnh	
12	ấp	Vĩnh Nhuận	Vĩnh Thạnh	
13	ấp	Vĩnh Mỹ	Vĩnh Thạnh	
14	ấp	Vĩnh Thọ	Vĩnh Thạnh	
15	ấp	Vĩnh Hưng	Vĩnh Thạnh	
16	ấp	Vĩnh Lộc	Vĩnh Thạnh	
17	ấp	Vĩnh Lộc	Vĩnh Thạnh	
18	ấp	Vĩnh Long	Vĩnh Thạnh	
19	ấp	Vĩnh Lân	Vĩnh Thạnh	
20	ấp	Vĩnh Qui	Vĩnh Thạnh	
21	ấp	Vĩnh Phụng	Vĩnh Thạnh	
22	ấp	Vĩnh Thành	Vĩnh Thạnh	
23	ấp	Vĩnh Lợi	Vĩnh Thạnh	
24	cầu	Chợ Vĩnh Trinh	Thốt Nốt	
25	đường	Lộ Nhựa Vĩnh Trinh	Thốt Nốt	
26	tổng	An Trường		hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
27	làng	Thiên Trường	tổng Bình Lễ	
28	làng	Trường Lạc	tổng Định Bảo	
29	làng	Trường Thạnh	tổng Định Bảo	
30	làng	Trường Khánh	tổng Định Bảo	
31	làng	Trường Bình	tổng Định Bảo	
32	tổng	An Trường		tỉnh Cần Thơ năm
33	làng	Trường Thạnh Sơn	tổng Định Hòa	

34	làng	Trường Lạc	tổng Thới Bảo	1911
35	làng	Trường Long	tổng Thới Bảo	
36	làng	Trường Thạnh	tổng Thới Bảo	
37	xã	Trường Long	tổng Phong Đa	quận Thuận Nhon, tỉnh Phong Dinh năm 1958
38	phường	Trường Lạc	Ô Môn	
39	xã	Trường Thắng	Thới Lai	
40	xã	Trường Xuân A	Thới Lai	
41	xã	Trường Xuân B	Thới Lai	
42	xã	Trường Thành	Thới Lai	
43	xã	Trường Long	Phong Điền	
44	ấp	Trường Phú B	Phong Điền	
45	ấp	Trường Thọ 2a	Phong Điền	
46	ấp	Trường Thọ 2	Phong Điền	
47	ấp	Trường Phú 2	Phong Điền	
48	ấp	Trường Thọ A	Phong Điền	
49	ấp	Trường Khương A	Phong Điền	
50	ấp	Trường Thọ B	Phong Điền	
51	ấp	Trường Khương	Phong Điền	
52	ấp	Trường Trung A	Phong Điền	
53	ấp	Trường Ninh A	Phong Điền	
54	ấp	Trường Hòa	Phong Điền	
55	ấp	Trường Thọ I	Phong Điền	
56	ấp	Trường Phú I	Phong Điền	
57	ấp	Trường Phú A	Phong Điền	
58	ấp	Trường Đông A	Phong Điền	
59	ấp	Trường Tây	Phong Điền	
60	ấp	Trường Thọ	Phong Điền	
61	ấp	Trường Trung B	Phong Điền	
62	ấp	Thới Trường 1	Cờ Đỏ	
63	ấp	Thới Trường 2	Cờ Đỏ	
64	ấp	Trường Trung	Thới Lai	
65	ấp	Trường Tây	Thới Lai	
66	ấp	Trường Tây A	Thới Lai	
67	ấp	Trường Khánh	Thới Lai	
68	ấp	Trường Thạnh A	Thới Lai	
69	ấp	Trường Bình	Thới Lai	
70	ấp	Trường Lợi	Thới Lai	
71	ấp	Trường Đông	Thới Lai	
72	ấp	Trường Thọ	Thới Lai	
73	ấp	Trường Thọ 1	Thới Lai	
74	ấp	Trường Khương	Thới Lai	
75	ấp	Trường Phú B	Thới Lai	
76	ấp	Trường Ninh I	Thới Lai	
77	ấp	Trường Ninh II	Thới Lai	

78	ấp	Trường Ninh III	Thới Lai	
79	ấp	Trường Ninh Iv	Thới Lai	
80	ấp	Trường Ninh	Thới Lai	
81	ấp	Trường Ninh A	Thới Lai	
82	ấp	Trường Bình	Thới Lai	
83	ấp	Trường Khuông A	Thới Lai	
84	ấp	Trường Khuông B	Thới Lai	
85	ấp	Trường Thuận	Thới Lai	
86	ấp	Trường Phú	Thới Lai	
87	ấp	Trường Lợi	Thới Lai	
88	ấp	Trường Phú A	Thới Lai	
89	ấp	Trường Hòa	Thới Lai	
90	ấp	Trường Khánh	Thới Lai	
91	ấp	Trường Bình	Thới Lai	
92	ấp	Trường Thắng	Thới Lai	
93	ấp	Trường Hưng	Thới Lai	
94	ấp	Trường Thuận	Thới Lai	
95	khu vực	Trường Thọ I	Thốt Nốt	
96	khu vực	Trường Thọ II	Thốt Nốt	
97	khu vực	Trường Hưng	Ô Môn	
98	khu vực	Trường Hòa	Ô Môn	
99	khu vực	Trường Trung	Ô Môn	
100	cầu	Ranh Trường Lạc - Thới An Đông	Ô Môn	
101	chợ	Trường Thọ	Thốt Nốt	
102	chợ	Trường Hòa	Phong Điền	
103	chợ	Trường Xuân	Thới Lai	
104	chợ	Trường Xuân B	Thới Lai	
105	chợ	Trường Thắng	Thới Lai	
107	chợ	Trường Xuân A	Thới Lai	
108	chợ	Trường Trung	Ô Môn	
109	đường huyện	Tân Thới - Trường Thành	Phong Điền	
110	đường huyện	Trường Long-Vàm Bi	Phong Điền	
111	đường huyện	Thới Lai - Trường Xuân	Thới Lai	
112	đường huyện	Định Môn - Trường Thành	Thới Lai	
113	ngã tư	Trường Xuân	Thới Lai	
114	rạch	Trường Tiền	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
115	thôn	Tân Thuận Đông	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
116	thôn	Tân Lộc Đông	huyện Vĩnh Định	
117	thôn	Tân An	huyện Vĩnh Định	
118	thôn	Tân Thạnh	huyện Vĩnh Định	
119	thôn	Tân Nhơn	huyện Vĩnh Định	
120	thôn	Tân Phú Đông	huyện Vĩnh Định	
121	thôn	Tân Thạnh Đông	huyện Vĩnh Định	

122	thôn	Tân Lợi	huyện Vĩnh Định	
123	điểm	Tân Thanh	huyện Vĩnh Định	
124	làng	Tân Thiết	tổng Tuân Lễ	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
125	làng	Tân Lược	tổng An Trường	tỉnh Cần Thơ năm 1911
126	làng	Tân Long	tổng An Trường	
127	làng	Tân Lộc Trung	tổng An Trường	
128	làng	Tân Phong	tổng An Trường	
129	làng	Tân Phong Tây	tổng An Trường	
130	làng	Tân Quới	tổng An Trường	
131	làng	Loan Tân	tổng Bình Lễ	
132	làng	Tân Khánh	tổng Định Thới	
133	làng	Tân Hòa	tổng Tuân Giáo	
134	làng	Tân Phú	tổng Tuân Giáo	
135	làng	Tân Thạnh	tổng Tuân Giáo	
136	làng	Tân Quy	tổng Tuân Giáo	
137	làng	Tân Lợi	tổng Định Bảo	
138	làng	Tân An	tổng Định Bảo	
139	làng	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo	quận Châu Thành, tỉnh Phong Dinh năm 1958
140	xã	Tân Lược	tổng An Trường	
141	xã	Tân Phong	tổng An Trường	
142	xã	Tân Quới	tổng An Trường	
143	xã	Loan Tân	tổng Bình Lễ	
144	xã	Tân Thiết	tổng Bình Lễ	
145	xã	Tân An	tổng Định Bảo	
146	xã	Tân Thạnh Đông	tổng Định Bảo	
147	xã	Tân Hòa Tây	tổng Định Bảo	
148	xã	Tân Bình	tổng Định Hòa	
149	xã	Tân Lập	tổng Định Hòa	
150	xã	Tân Hưng	tổng Định Hòa	
151	xã	Tân Thới	tổng Định Thới	
152	xã	Tân Lợi	tổng Định Thới	
153	xã	Tân Quy	tổng Tuân Giáo	
154	xã	Tân Hòa	tổng Tuân Giáo	
155	xã	Tân Phú Thạnh	tổng Định Bảo	
156	xã	Tân An	tổng Định An	
157	xã	Tân Thới	tổng Định Thới	quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh năm 1958
158	xã	Tân Phước Hưng	tổng Định Phước	
159	xã	Tân Hòa	tổng Phong Đa	quận Thuận

160	xã	Tân Bình	tổng Phong Đa	Nhon, tỉnh Phong Dinh năm 1958
161	côn	Tân Lộc	Thốt Nốt	
162	kênh	Ranh B1-Tân Hiệp	Vĩnh Thạnh	
163	kênh	Tân Đô	Vĩnh Thạnh	
164	phường	Tân An	Ninh Kiều	
165	phường	Tân Phú	Cái Răng	
166	phường	Tân Hưng	Thốt Nốt	
167	phường	Tân Lộc	Thốt Nốt	
168	xã	Tân Thạnh	Thới Lai	
169	xã	Thới Tân	Thới Lai	
170	xã	Tân Thới	Phong Điền	
171	ấp	Tân Bình	Phong Điền	
172	ấp	Tân Hưng	Phong Điền	
173	ấp	Tân Hòa	Phong Điền	
174	ấp	Tân Thuận	Phong Điền	
175	ấp	Tân Long	Phong Điền	
176	ấp	Tân Thành	Phong Điền	
177	ấp	Tân Long B	Phong Điền	
178	ấp	Tân Nhơn	Phong Điền	
179	ấp	Tân Lợi	Phong Điền	
180	ấp	Thới Tân A	Thới Lai	
181	ấp	Thới Tân B	Thới Lai	
182	khu vực	Tân An	Thốt Nốt	
183	khu vực	Tân Mỹ I	Thốt Nốt	
184	khu vực	Tân Mỹ II	Thốt Nốt	
185	khu vực	Tân Lợi 1	Thốt Nốt	
186	khu vực	Tân Lợi 2	Thốt Nốt	
187	khu vực	Tân Phước	Thốt Nốt	
188	khu vực	Tân Quới	Thốt Nốt	
189	khu vực	Tân Phú	Thốt Nốt	
190	khu vực	Tân Thạnh	Thốt Nốt	
191	khu vực	Tân An	Thốt Nốt	
192	khu vực	Tân Phước I	Thốt Nốt	
193	khu vực	Tân Thạnh	Ô Môn	
194	khu vực	Tân Bình	Ô Môn	
195	khu vực	Tân Hưng	Ô Môn	
196	khu vực	Tân Xuân	Ô Môn	
197	khu vực	Tân Qui	Ô Môn	
198	khu vực	Phú Tân	Cái Răng	
199	bến đò	Tân Lộc	Thốt Nốt	
200	chợ	Tân An	Ninh Kiều	
201	chợ	Tân Mỹ	Thốt Nốt	
202	chợ	Thới Tân	Thới Lai	

203	chợ	Tân Thạnh	Thới Lai	
204	đường	Hương Lộ Tân Lộc	Thốt Nốt	
205	đường huyện	Tân Thới - Trường Thành	Phong Điền	
206	kinh	Tân Hiệp	Thuận Nhơn	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
207	đường	Duy Tân	Châu Thành	
208	thôn	Mỹ Phước	huyện Vĩnh Định	thời nhà Nguyễn
209	thôn	Mỹ Thạnh	huyện Vĩnh Định	
210	thôn	Phú Mỹ Đông	huyện Vĩnh Định	
211	thôn	Hòa Mỹ	huyện Vĩnh Định	
212	thôn	Mỹ Đức	huyện Vĩnh Định	
213	làng	Nhơn Mỹ	tổng Định Phong	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
214	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Phong	
215	làng	Mỹ Chánh	tổng An Trường	
216	làng	Mỹ Thuận	tổng An Trường	
217	làng	Mỹ Thuận Trung	tổng An Trường	
218	làng	Phú Mỹ Đông	tổng Định An	
219	làng	Mỹ Yên	tổng Bình Lễ	
220	làng	Thiện Mỹ	tổng Bình Lễ	
221	làng	Mỹ Chánh	tổng An Trường	
222	làng	Mỹ Thuận	tổng An Trường	
223	làng	Mỹ An	tổng Bình Lễ	tỉnh Cần Thơ năm 1911
224	làng	Thiện Mỹ	tổng Bình Lễ	
225	làng	Phú Mỹ Đông	tổng Định An	
226	làng	Mỹ Khánh	tổng Định Bảo	
227	làng	Thạnh Mỹ	tổng Định Bảo	
228	làng	Song Mỹ	tổng Định Hòa	
229	làng	Long Mỹ	tổng Định Hòa	
230	xã	Thạnh Mỹ	Vĩnh Thạnh	
231	xã	Mỹ Khánh	Phong Điền	
232	ấp	Mỹ Nhơn	Phong Điền	
233	ấp	Mỹ Phước	Phong Điền	
234	ấp	Mỹ Lộc	Phong Điền	
235	ấp	Mỹ Phụng	Phong Điền	
236	ấp	Mỹ Hòa	Phong Điền	
237	ấp	Mỹ Ái	Phong Điền	
238	ấp	Mỹ Long	Phong Điền	
239	ấp	Mỹ Thuận	Phong Điền	
240	ấp	Đông Mỹ	Cờ Đỏ	
241	ấp	Định Mỹ	Thới Lai	
242	ấp	Đông Mỹ	Thới Lai	
243	ấp	Vĩnh Mỹ	Vĩnh Thạnh	
244	khu vực	Tân Mỹ I	Thốt Nốt	
245	khu vực	Tân Mỹ II	Thốt Nốt	
246	khu vực	Thới Mỹ	Ô Môn	
247	khu vực	Phú Mỹ	Cái Răng	
248	khu vực	Thạnh Mỹ	Cái Răng	

249	chợ	Tân Mỹ	Thốt Nốt	
250	chợ	Mỹ Khánh	Phong Điền	
251	đường huyện	Mỹ Khánh - Bông Vang	Phong Điền	
252	khu du lịch	Mỹ Khánh	Phong Điền	
<i>4.2.1.2 Phản ánh sự tương nhớ quê hương bản quán</i>				
1	rạch	Phong Điền	Phong Điền	
2	huyện	Phong Điền	Phong Điền	
3	thị trấn	Phong Điền	Phong Điền	
4	bến xe	Phong Điền	Phong Điền	
5	chợ	Phong Điền	Phong Điền	
6	chợ	Nội Phong Điền	Phong Điền	
7	cụm công nghiệp	Phong Điền	Phong Điền	
8	quận	Phong Điền	Phong Điền	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
9	rạch	Trường Tiền	Châu Thành	tỉnh Phong Dinh (thời VNCH)
10	rạch	Trường Tiền	Phong Điền	
11	cầu	Trường Tiền	Phong Điền	
12	làng	Phù Ly	tổng An Trường	hạt Cần Thơ năm 1888 (thời Pháp thuộc)
13	làng	Phù Ly	tổng An Trường	tỉnh Cần Thơ năm 1911
14	xóm	Huế (Thúng)	Cái Răng	
<i>4.2.1.3 Phản ánh sở thích dùng kí hiệu và con số</i>				
1	kênh	KH9	Phong Điền	
2	kênh	1000	Phong Điền	
3	kênh	QL.91	Thốt Nốt	
4	kênh	B	Vĩnh Thạnh	
5	kênh	C	Vĩnh Thạnh	
6	kênh	D	Vĩnh Thạnh	
7	kênh	E	Vĩnh Thạnh	
8	kênh	F	Vĩnh Thạnh	
9	kênh	G	Vĩnh Thạnh	
10	kênh	H	Vĩnh Thạnh	
11	kênh	E2	Vĩnh Thạnh	
12	kênh	Ranh B1-Tân Hiệp	Vĩnh Thạnh	
13	kênh	C1-B1	Vĩnh Thạnh	
14	kênh	Tuyến III	Vĩnh Thạnh	
15	kênh	Tuyến IV	Vĩnh Thạnh	
16	kênh	Tuyến II	Vĩnh Thạnh	
17	kênh	Tuyến I	Vĩnh Thạnh	

18	kênh	BB	Vĩnh Thạnh	
19	kênh	13	Vĩnh Thạnh	
20	kênh	Ranh E1-F1	Vĩnh Thạnh	
21	kênh	Ranh G2-H2	Vĩnh Thạnh	
22	kênh	Ranh F2-G2	Vĩnh Thạnh	
23	kênh	Ranh E2-F2	Vĩnh Thạnh	
24	kênh	500	Vĩnh Thạnh	
25	kênh	1000	Vĩnh Thạnh	
26	kênh	1500	Vĩnh Thạnh	
27	kênh	2000	Vĩnh Thạnh	
28	kênh	Kênh 1700	Vĩnh Thạnh	
29	kênh	Cống 11	Vĩnh Thạnh	
30	kênh	Cống 12	Vĩnh Thạnh	
31	kênh	KH3	Vĩnh Thạnh	
32	kênh	A1	Vĩnh Thạnh	
33	kênh	B1	Vĩnh Thạnh	
34	kênh	Số 1	Vĩnh Thạnh	
35	kênh	Số 2	Vĩnh Thạnh	
36	kênh	Số 3	Vĩnh Thạnh	
37	kênh	Số 4	Vĩnh Thạnh	
38	kênh	D1-E1	Vĩnh Thạnh	
39	kênh	D2-E2	Vĩnh Thạnh	
40	kênh	C2-D2	Vĩnh Thạnh	
41	kênh	C2-B2	Vĩnh Thạnh	
42	kênh	16	Vĩnh Thạnh	
43	kênh	Ranh E1-D1	Vĩnh Thạnh	
44	kênh	Ranh G1-H1	Vĩnh Thạnh	
45	kênh	3 Mét	Vĩnh Thạnh	
46	kênh	4 Mét	Vĩnh Thạnh	
47	kênh	B1	Vĩnh Thạnh	
48	kênh	B2	Vĩnh Thạnh	
49	kênh	C1	Vĩnh Thạnh	
50	kênh	C2	Vĩnh Thạnh	
51	kênh	Đ1	Vĩnh Thạnh	
52	kênh	Đ2	Vĩnh Thạnh	
53	kênh	20	Cờ Đỏ	
54	kênh	T1	Cờ Đỏ	
55	kênh	T2	Cờ Đỏ	
56	kênh	T3	Cờ Đỏ	
57	kênh	Sườn 1	Cờ Đỏ	
58	kênh	Sườn 2	Cờ Đỏ	
59	kênh	Sườn 3	Cờ Đỏ	
60	kênh	Sườn 4	Cờ Đỏ	
61	kênh	Sườn 5	Cờ Đỏ	
62	kênh	Sườn 6	Cờ Đỏ	
63	kênh	Bón Tổng	Cờ Đỏ	
64	kênh	Bón Thước	Cờ Đỏ	

65	kênh	Bảy Thước	Cờ Đỏ	
66	kênh	Tám Thước	Cờ Đỏ	
67	kênh	Ngang 1	Cờ Đỏ	
68	kênh	Ngang 2	Cờ Đỏ	
69	kênh	Ngang 3	Cờ Đỏ	
70	kênh	B11	Cờ Đỏ	
71	kênh	B12	Cờ Đỏ	
72	kênh	Hội Đồng 1	Cờ Đỏ	
73	kênh	Số 1	Cờ Đỏ	
74	kênh	Số 2	Cờ Đỏ	
75	kênh	Số 3	Cờ Đỏ	
76	kênh	100	Cờ Đỏ	
77	kênh	Hội Đồng 2	Cờ Đỏ	
78	kênh	KH1	Cờ Đỏ	
79	kênh	KH4	Cờ Đỏ	
80	kênh	KH6	Cờ Đỏ	
81	kênh	120	Cờ Đỏ	
82	kênh	200	Cờ Đỏ	
83	rạch	Mương Khai 1	Phong Điền	
84	rạch	Mương Khai 2	Phong Điền	
85	rạch	Mương Khai 3	Phong Điền	
86	rạch	Mương Khai 4	Phong Điền	
87	xã	Trường Xuân A	Thới Lai	
88	xã	Trường Xuân B	Thới Lai	
89	ấp	Nhon Hưng A	Phong Điền	
90	ấp	Trường Phú B	Phong Điền	
91	ấp	Trường Thọ 2A	Phong Điền	
92	ấp	Trường Thọ 2	Phong Điền	
93	ấp	Trường Phú 2	Phong Điền	
94	ấp	Trường Thọ A	Phong Điền	
95	ấp	Nhon Thọ 1	Phong Điền	
96	ấp	Nhon Thọ 1a	Phong Điền	
97	ấp	Trường Khương A	Phong Điền	
98	ấp	Trường Thọ B	Phong Điền	
99	ấp	Nhon Bình A	Phong Điền	
100	ấp	Nhon Thọ 2	Phong Điền	
101	ấp	Nhon Thọ 2A	Phong Điền	
102	ấp	Nhon Thuận 1	Phong Điền	
103	ấp	Nhon Thuận 2	Phong Điền	
104	ấp	Nhon Phú A	Phong Điền	
105	ấp	Nhon Phú 1	Phong Điền	
107	ấp	Nhon Khánh A	Phong Điền	
108	ấp	Tân Long B	Phong Điền	
109	ấp	Thới Hưng A	Phong Điền	
110	ấp	Trường Trung A	Phong Điền	
111	ấp	Trường Ninh A	Phong Điền	
112	ấp	Trường Thọ I	Phong Điền	

113	áp	Trường Phú I	Phong Điền	
114	áp	Trường Phú A	Phong Điền	
115	áp	Nhon Lộc 1	Phong Điền	
116	áp	Nhon Lộc 2	Phong Điền	
117	áp	Nhon Lộc 1A	Phong Điền	
118	áp	Nhon Lộc 2B	Phong Điền	
119	áp	Trường Đông A	Phong Điền	
120	áp	Trường Trung B	Phong Điền	
121	áp	Thới Hòa A	Cờ Đỏ	
122	áp	Thới Hòa B	Cờ Đỏ	
123	áp	3	Cờ Đỏ	
124	áp	4	Cờ Đỏ	
125	áp	5	Cờ Đỏ	
126	áp	6	Cờ Đỏ	
127	áp	7	Cờ Đỏ	
128	áp	Thạnh Phước 2	Cờ Đỏ	
129	áp	Thạnh Lộc 1	Cờ Đỏ	
130	áp	1	Cờ Đỏ	
131	áp	2	Cờ Đỏ	
132	áp	Thạnh Phú 1	Cờ Đỏ	
133	áp	Thạnh Phú 2	Cờ Đỏ	
134	áp	Thới Bình 1	Cờ Đỏ	
135	áp	Thới Trường 1	Cờ Đỏ	
136	áp	Thới Trường 2	Cờ Đỏ	
137	áp	Thới Bình 2	Cờ Đỏ	
138	áp	Thạnh Lợi 2	Cờ Đỏ	
139	áp	Thạnh Lộc 2	Cờ Đỏ	
140	áp	Thạnh Lộc 1	Cờ Đỏ	
141	áp	Thạnh Quới 1	Cờ Đỏ	
142	áp	Thạnh Hưng 1	Cờ Đỏ	
143	áp	Thới Hiệp 1	Cờ Đỏ	
144	áp	Thới Hiệp 2	Cờ Đỏ	
145	áp	Thạnh Lợi 1	Cờ Đỏ	
146	áp	1	Cờ Đỏ	
147	áp	2	Cờ Đỏ	
148	áp	3	Cờ Đỏ	
149	áp	4	Cờ Đỏ	
150	áp	5	Cờ Đỏ	
151	áp	6	Cờ Đỏ	
152	áp	7	Cờ Đỏ	
153	áp	8	Cờ Đỏ	
154	áp	Thới Bình A1	Thới Lai	
155	áp	Thới Bình A2	Thới Lai	
156	áp	Thới Bình A3	Thới Lai	
157	áp	Thới Bình A	Thới Lai	
158	áp	Thới Bình B	Thới Lai	
159	áp	Thới Trung A	Cờ Đỏ	

160	ấp	Định Hòa A	Thới Lai	
161	ấp	Định Hòa B	Thới Lai	
162	ấp	Định Khánh B	Thới Lai	
163	ấp	Định Khánh A	Thới Lai	
164	ấp	Trường Tây A	Thới Lai	
165	ấp	Trường Thạnh A	Thới Lai	
166	ấp	Thới Hòa A	Thới Lai	
167	ấp	Thới Hòa B	Thới Lai	
168	ấp	Thới Hòa C	Thới Lai	
169	ấp	Thới Khánh A	Thới Lai	
170	ấp	Thới Phước 1	Thới Lai	
171	ấp	Thới Phước 2	Thới Lai	
172	ấp	Thới Thuận A	Thới Lai	
173	ấp	Thới Thuận B	Thới Lai	
174	ấp	Thới Phong A	Thới Lai	
175	ấp	Thới Hòa A	Thới Lai	
176	ấp	Thới Hiệp A	Thới Lai	
177	ấp	Trường Thọ 1	Thới Lai	
178	ấp	Đông Hiến A	Thới Lai	
179	ấp	Đông Thắng A	Thới Lai	
180	ấp	Đông Hòa A	Thới Lai	
181	ấp	Đông Thắng A	Thới Lai	
182	ấp	Đông Giang A	Thới Lai	
183	ấp	Thới Thuận A	Thới Lai	
184	ấp	Thới Thuận B	Thới Lai	
185	ấp	Thới Phước B	Thới Lai	
186	ấp	Đông Hòa B	Thới Lai	
187	ấp	Thới Quan B	Thới Lai	
188	ấp	Trường Phú B	Thới Lai	
189	ấp	Trường Ninh I	Thới Lai	
190	ấp	Trường Ninh II	Thới Lai	
191	ấp	Trường Ninh III	Thới Lai	
192	ấp	Trường Ninh IV	Thới Lai	
193	ấp	Thới Thanh A	Thới Lai	
194	ấp	Thới Thanh B	Thới Lai	
195	ấp	Trường Ninh A	Thới Lai	
196	ấp	Trường Khương A	Thới Lai	
197	ấp	Trường Khương B	Thới Lai	
198	ấp	Thới Phong B	Thới Lai	
199	ấp	Thới Hiệp B	Thới Lai	
200	ấp	Thới Hòa B	Thới Lai	
201	ấp	Thới Phước A	Thới Lai	
202	ấp	Trường Phú A	Thới Lai	
203	ấp	Thới Tân A	Thới Lai	
204	ấp	Thới Tân B	Thới Lai	
205	ấp	E2	Vĩnh Thạnh	
206	ấp	Qui Lân 4	Vĩnh Thạnh	

207	ấp	Lân Quới 2	Vĩnh Thạnh	
208	ấp	C2	Vĩnh Thạnh	
209	ấp	D2	Vĩnh Thạnh	
210	ấp	Qui Lân 1	Vĩnh Thạnh	
211	ấp	Qui Lân 2	Vĩnh Thạnh	
212	ấp	Qui Lân 3	Vĩnh Thạnh	
213	ấp	Qui Lân 4	Vĩnh Thạnh	
214	ấp	Qui Lân 5	Vĩnh Thạnh	
215	ấp	Qui Lân 6	Vĩnh Thạnh	
216	ấp	C1	Vĩnh Thạnh	
217	ấp	Qui Lân 7	Vĩnh Thạnh	
218	ấp	B1	Vĩnh Thạnh	
219	ấp	B2	Vĩnh Thạnh	
220	ấp	Phụng Quới A	Vĩnh Thạnh	
221	ấp	Phụng Quới B	Vĩnh Thạnh	
222	ấp	D1	Vĩnh Thạnh	
223	khu vực	Phụng Thạnh 1	Thốt Nốt	
224	khu vực	Long Thạnh 1	Thốt Nốt	
225	khu vực	Long Thạnh 2	Thốt Nốt	
226	khu vực	Long Thạnh A	Thốt Nốt	
227	khu vực	Tràng Thọ I	Thốt Nốt	
228	khu vực	Trường Thọ I	Thốt Nốt	
229	khu vực	Trường Thọ II	Thốt Nốt	
230	khu vực	Lân Thạnh I	Thốt Nốt	
231	khu vực	Lân Thạnh II	Thốt Nốt	
232	khu vực	Trường Thọ I	Thốt Nốt	
233	khu vực	Trường Thọ II	Thốt Nốt	
234	khu vực	Lân Thạnh I	Thốt Nốt	
235	khu vực	Lân Thạnh II	Thốt Nốt	
236	khu vực	Tân Mỹ I	Thốt Nốt	
237	khu vực	Tân Mỹ II	Thốt Nốt	
238	khu vực	Tràng Thọ A	Thốt Nốt	
239	khu vực	Tràng Thọ B	Thốt Nốt	
240	khu vực	Phúc Lộc 1	Thốt Nốt	
241	khu vực	Phụng Thạnh 2	Thốt Nốt	
242	khu vực	Lân Thạnh 1	Thốt Nốt	
243	khu vực	Lân Thạnh 2	Thốt Nốt	
244	khu vực	Qui Thạnh 1	Thốt Nốt	
245	khu vực	Qui Thạnh 2	Thốt Nốt	
246	khu vực	Thới Bình 1	Thốt Nốt	
247	khu vực	Thới Bình 2	Thốt Nốt	
248	khu vực	Thới An 1	Thốt Nốt	
249	khu vực	Thới An 2	Thốt Nốt	
250	khu vực	Thới An 3	Thốt Nốt	
251	khu vực	Thới An 4	Thốt Nốt	
252	khu vực	Tân Lợi 1	Thốt Nốt	
253	khu vực	Tân Lợi 2	Thốt Nốt	

254	khu vực	Tân Phước I	Thốt Nốt	
255	khu vực	Phúc Lộc 2	Thốt Nốt	
256	khu vực	Phúc Lộc 3	Thốt Nốt	
257	khu vực	Thạnh Phú 1	Thốt Nốt	
258	khu vực	Thới Hòa 1	Thốt Nốt	
259	khu vực	Thới Hòa 2	Thốt Nốt	
260	khu vực	Thới Thạnh 1	Thốt Nốt	
261	khu vực	Thới Thạnh 2	Thốt Nốt	
262	khu vực	1	Ô Môn	
263	khu vực	2	Ô Môn	
264	khu vực	3	Ô Môn	
265	khu vực	4	Ô Môn	
266	khu vực	5	Ô Môn	
267	khu vực	6	Ô Môn	
268	khu vực	7	Ô Môn	
269	khu vực	8	Ô Môn	
270	khu vực	9	Ô Môn	
271	khu vực	10	Ô Môn	
272	khu vực	11	Ô Môn	
273	khu vực	12	Ô Môn	
274	khu vực	13	Ô Môn	
275	khu vực	14	Ô Môn	
276	khu vực	15	Ô Môn	
277	khu vực	Hòa An A	Ô Môn	
278	khu vực	Hòa An B	Ô Môn	
279	khu vực	Hòa Thạnh A	Ô Môn	
280	khu vực	Hòa Thạnh B	Ô Môn	
281	khu vực	Hòa Long A	Ô Môn	
282	khu vực	Thới Xương 1	Ô Môn	
283	khu vực	Thới Xương 2	Ô Môn	
284	khu vực	Thới Hoà 1	Ô Môn	
285	khu vực	Thới Hoà 2	Ô Môn	
286	khu vực	Thới Trinh A	Ô Môn	
287	khu vực	Thới Trinh B	Ô Môn	
288	khu vực	Thới Trinh C	Ô Môn	
289	khu vực	Thới Hoà A	Ô Môn	
290	khu vực	Thới Hoà B	Ô Môn	
291	khu vực	Thới Hoà C	Ô Môn	
292	khu vực	Thới Bình A	Ô Môn	
293	khu vực	Thới Phong A	Ô Môn	
294	khu vực	Thới Lợi A	Ô Môn	
295	khu vực	Thới Thuận A	Ô Môn	
296	khu vực	Thới Thạnh A	Ô Môn	
297	khu vực	Thới Ngươn A	Ô Môn	
298	khu vực	Thới Ngươn B	Ô Môn	
299	khu vực	Bình Hòa A	Ô Môn	
300	khu vực	Bình Hòa B	Ô Môn	

301	khu vực	1	Ninh Kiều	
302	khu vực	2	Ninh Kiều	
303	khu vực	3	Ninh Kiều	
304	khu vực	4	Ninh Kiều	
305	khu vực	5	Ninh Kiều	
306	khu vực	6	Ninh Kiều	
307	khu vực	7	Ninh Kiều	
308	khu vực	8	Ninh Kiều	
309	khu vực	1	Ninh Kiều	
310	khu vực	2	Ninh Kiều	
311	khu vực	3	Ninh Kiều	
312	khu vực	4	Ninh Kiều	
313	khu vực	5	Ninh Kiều	
314	khu vực	6	Ninh Kiều	
315	khu vực	1	Ninh Kiều	
316	khu vực	2	Ninh Kiều	
317	khu vực	3	Ninh Kiều	
318	khu vực	4	Ninh Kiều	
319	khu vực	1	Ninh Kiều	
320	khu vực	2	Ninh Kiều	
321	khu vực	3	Ninh Kiều	
322	khu vực	4	Ninh Kiều	
323	khu vực	5	Ninh Kiều	
324	khu vực	6	Ninh Kiều	
325	khu vực	1	Ninh Kiều	
326	khu vực	2	Ninh Kiều	
327	khu vực	3	Ninh Kiều	
328	khu vực	1	Ninh Kiều	
329	khu vực	2	Ninh Kiều	
330	khu vực	3	Ninh Kiều	
331	khu vực	4	Ninh Kiều	
332	khu vực	1	Ninh Kiều	
333	khu vực	2	Ninh Kiều	
334	khu vực	3	Ninh Kiều	
335	khu vực	4	Ninh Kiều	
336	khu vực	5	Ninh Kiều	
337	khu vực	6	Ninh Kiều	
338	khu vực	7	Ninh Kiều	
339	khu vực	3 Sông Hậu	Ninh Kiều	
340	khu vực	1	Ninh Kiều	
341	khu vực	2	Ninh Kiều	
342	khu vực	3	Ninh Kiều	
343	khu vực	4	Ninh Kiều	
344	khu vực	5	Ninh Kiều	
345	khu vực	6	Ninh Kiều	
346	khu vực	1	Ninh Kiều	
347	khu vực	2	Ninh Kiều	

348	khu vực	3	Ninh Kiều	
349	khu vực	1	Ninh Kiều	
350	khu vực	2	Ninh Kiều	
351	khu vực	3	Ninh Kiều	
352	khu vực	4	Ninh Kiều	
353	khu vực	1	Ninh Kiều	
354	khu vực	2	Ninh Kiều	
355	khu vực	3	Ninh Kiều	
356	khu vực	4	Ninh Kiều	
357	khu vực	5	Ninh Kiều	
358	khu vực	6	Ninh Kiều	
359	khu vực	7	Ninh Kiều	
360	khu vực	8	Ninh Kiều	
361	khu vực	1	Ninh Kiều	
362	khu vực	2	Ninh Kiều	
363	khu vực	3	Ninh Kiều	
364	khu vực	4	Ninh Kiều	
365	khu vực	5	Ninh Kiều	
366	khu vực	Phú Thuận A	Cái Răng	
367	khu vực	1	Cái Răng	
368	khu vực	2	Cái Răng	
369	khu vực	3	Cái Răng	
370	khu vực	4	Cái Răng	
371	khu vực	5	Cái Răng	
372	khu vực	6	Cái Răng	
373	khu vực	1	Cái Răng	
375	khu vực	2	Cái Răng	
376	khu vực	3	Cái Răng	
377	khu vực	4	Cái Răng	
378	khu vực	5	Cái Răng	
379	khu vực	1	Cái Răng	
380	khu vực	2	Cái Răng	
381	khu vực	3	Cái Răng	
382	khu vực	4	Cái Răng	
383	khu vực	5	Cái Răng	
384	khu vực	6	Cái Răng	
385	khu vực	7	Cái Răng	
386	khu vực	8	Cái Răng	
387	khu vực	9	Cái Răng	
388	khu vực	10	Cái Răng	
389	khu vực	11	Cái Răng	
390	khu vực	1	Bình Thủy	
391	khu vực	2	Bình Thủy	
392	khu vực	3	Bình Thủy	
393	khu vực	4	Bình Thủy	
394	khu vực	5	Bình Thủy	
395	khu vực	1	Bình Thủy	

396	khu vực	2	Bình Thủy	
397	khu vực	3	Bình Thủy	
398	khu vực	4	Bình Thủy	
399	khu vực	5	Bình Thủy	
400	khu vực	1	Bình Thủy	
401	khu vực	2	Bình Thủy	
402	khu vực	3	Bình Thủy	
403	khu vực	4	Bình Thủy	
404	khu vực	5	Bình Thủy	
405	khu vực	6	Bình Thủy	
406	khu vực	7	Bình Thủy	
407	khu vực	1	Bình Thủy	
408	khu vực	2	Bình Thủy	
409	khu vực	3	Bình Thủy	
410	khu vực	4	Bình Thủy	
411	khu vực	5	Bình Thủy	
412	khu vực	6	Bình Thủy	
413	khu vực	1	Bình Thủy	
414	khu vực	2	Bình Thủy	
415	khu vực	3	Bình Thủy	
416	khu vực	4	Bình Thủy	
417	khu vực	5	Bình Thủy	
418	khu vực	6	Bình Thủy	
419	khu vực	7	Bình Thủy	
420	khu vực	1	Bình Thủy	
421	khu vực	2	Bình Thủy	
422	khu vực	3	Bình Thủy	
423	khu vực	4	Bình Thủy	
424	khu vực	5	Bình Thủy	
425	khu vực	6	Bình Thủy	
426	khu vực	7	Bình Thủy	
427	khu vực	8	Bình Thủy	
428	khu vực	1	Bình Thủy	
429	khu vực	2	Bình Thủy	
430	khu vực	3	Bình Thủy	
431	khu vực	4	Bình Thủy	
432	khu vực	1	Bình Thủy	
433	khu vực	2	Bình Thủy	
434	khu vực	3	Bình Thủy	
435	khu vực	4	Bình Thủy	
436	cầu	Trà Nóc 2	Bình Thủy	
437	cầu	Bình Thủy 2	Bình Thủy	
438	cầu	Sang Trắng 1	Bình Thủy	
439	cầu	Rạch Chùa 12	Phong Điền	
440	cầu	Hai Khí 2	Phong Điền	
441	cầu	Năm Phía 1	Phong Điền	
442	cầu	Năm Phía 2	Phong Điền	

443	cầu	Kênh Chợ 4	Phong Điền	
444	cầu	Sáu Đứng 1	Phong Điền	
445	cầu	Sáu Đứng 2	Phong Điền	
446	cầu	Ba Ngươn 1	Phong Điền	
447	cầu	Ba Ngươn 2	Phong Điền	
448	cầu	Ba Ngươn 3	Phong Điền	
449	cầu	Kênh Chợ 1	Phong Điền	
450	cầu	Kênh Chợ 2	Phong Điền	
451	cầu	Kênh Chợ 3	Phong Điền	
452	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
453	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
454	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
455	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
456	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
457	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
458	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
459	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
460	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
461	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
462	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
463	cầu	Hai Khí 1	Phong Điền	
464	cầu	Hai Trâu 1	Phong Điền	
465	cầu	Hai Trâu 2	Phong Điền	
466	cầu	Hai Trâu 3	Phong Điền	
467	cầu	Hai Trâu 4	Phong Điền	
468	cầu	Hai Trâu 5	Phong Điền	
469	cầu	Hai Trâu 6	Phong Điền	
470	cầu	Hai Trâu 7	Phong Điền	
471	cầu	Chùa 1	Phong Điền	
472	cầu	Chùa 2	Phong Điền	
473	cầu	Rạch Sâu Lớn 2	Phong Điền	
474	cầu	Rạch Sâu Lớn 3	Phong Điền	
475	cầu	Rạch Sâu Lớn 4	Phong Điền	
476	cầu	Rạch Sâu Lớn 6	Phong Điền	
477	cầu	Rạch Miếu 1	Phong Điền	
478	cầu	Rạch Miếu 2	Phong Điền	
479	cầu	Rạch Miếu 3	Phong Điền	
480	cầu	Rạch Miếu 4	Phong Điền	
481	cầu	Rạch Miếu 5	Phong Điền	
482	cầu	Rạch Miếu 6	Phong Điền	
483	cầu	Rạch Miếu 7	Phong Điền	
484	cầu	Rạch Miếu 8	Phong Điền	
485	cầu	Rạch Miếu 9	Phong Điền	
486	cầu	Rạch Miếu 10	Phong Điền	
487	cầu	Rạch Miếu 11	Phong Điền	
488	cầu	Rạch Miếu 12	Phong Điền	
489	cầu	Rạch Miếu 13	Phong Điền	

490	cầu	Rạch Miếu 14	Phong Điền	
491	cầu	Rạch Miếu 15	Phong Điền	
492	cầu	Rạch Miếu 16	Phong Điền	
493	cầu	Rạch Miếu 17	Phong Điền	
494	cầu	Rạch Miếu 18	Phong Điền	
495	cầu	Rạch Miếu 19	Phong Điền	
496	cầu	Rạch Miếu 20	Phong Điền	
497	cầu	Rạch Miếu 21	Phong Điền	
498	cầu	Trường Phú B	Phong Điền	
499	cầu	Kênh Chợ 5	Phong Điền	
500	cầu	Kênh Ranh 3	Phong Điền	
501	cầu	Kinh Số 1	Thới Lai	
502	cầu	Kinh Số 2	Thới Lai	
503	cầu	Kinh Số 3	Thới Lai	
504	cầu	Kinh Số 4	Thới Lai	
505	cầu	Đầu Ngàn 2	Thới Lai	
506	cầu	Kênh 1300	Thới Lai	
507	cầu	Kênh 600	Thới Lai	
508	cầu	Kênh 200	Thới Lai	
509	cầu	Kênh KH6	Ô Môn	
510	cầu	Đồng Chùa 2	Thốt Nốt	
511	cầu	Kênh 600	Vĩnh Thạnh	
512	cầu	Kênh 8	Vĩnh Thạnh	
513	cầu	Kênh 9	Vĩnh Thạnh	
514	cầu	Kênh 10	Vĩnh Thạnh	
515	cầu	Thắng Lợi 2-T3	Vĩnh Thạnh	
516	cầu	Kênh Sườn 1	Vĩnh Thạnh	
517	cầu	Kênh Sườn 2	Vĩnh Thạnh	
518	cầu	Kênh D1	Vĩnh Thạnh	
519	cầu	Bản Số 1	Vĩnh Thạnh	
520	cầu	Bản Số 2	Vĩnh Thạnh	
521	cầu	Bản Số 3	Vĩnh Thạnh	
522	cầu	Bản Số 4	Vĩnh Thạnh	
523	cầu	Bản Số 5	Vĩnh Thạnh	
524	cầu	Bản Số 6	Vĩnh Thạnh	
525	cầu	Bản Số 7	Vĩnh Thạnh	
526	cầu	Bản Số 8	Vĩnh Thạnh	
527	cầu	Sườn D - E	Vĩnh Thạnh	
528	cầu	Kênh Sườn C - D	Vĩnh Thạnh	
529	cầu	Kênh D2	Vĩnh Thạnh	
530	cầu	Kênh C2	Vĩnh Thạnh	
531	cầu	Thắng Lợi 2 - T7	Vĩnh Thạnh	
532	cầu	Kênh 500	Vĩnh Thạnh	
533	cầu	Kênh F	Vĩnh Thạnh	
534	cầu	Kênh E	Vĩnh Thạnh	
535	cầu	KH5	Cờ Đỏ	
536	cầu	KH6	Cờ Đỏ	

537	cầu	KH9	Cờ Đỏ	
538	cầu	Kênh Số 1	Cờ Đỏ	
539	cầu	Kênh Số 2	Cờ Đỏ	
540	cầu	Kênh Số 3	Cờ Đỏ	
541	cầu	Kênh Số 4	Cờ Đỏ	
542	cầu	Kênh Số 5	Cờ Đỏ	
543	cầu	Kênh Số 6	Cờ Đỏ	
544	cầu	Kênh Số 7	Cờ Đỏ	
545	cầu	Số 5	Cờ Đỏ	
546	cầu	Số 6	Cờ Đỏ	
547	cầu	Số 7	Cờ Đỏ	
548	cầu	Số 8	Cờ Đỏ	
549	cầu	Số 9	Cờ Đỏ	
550	cầu	Số 01	Ninh Kiều	
551	cầu	Số 02	Ninh Kiều	
552	cầu	Số 03	Ninh Kiều	
553	cầu	IC2	Ninh Kiều	
554	cầu	Bót Số 10		
555	chợ	Tràng Thọ 2	Thốt Nốt	
556	chợ	Số 10 (Bót Số 1)	Cái Răng	
557	chợ	Trường Xuân A	Thới Lai	
558	chợ	Trường Xuân B	Thới Lai	
559	chợ	Số 8	Vĩnh Thạnh	
560	công	Số 2	Vĩnh Thạnh	
561	công	Số 3	Vĩnh Thạnh	
562	công	Số 5	Vĩnh Thạnh	
563	công	Số 7	Vĩnh Thạnh	
564	công	Số 9	Vĩnh Thạnh	
565	công	Số 6	Vĩnh Thạnh	
566	công	Số 8	Vĩnh Thạnh	
567	công	Số 9	Vĩnh Thạnh	
568	công	Số 2	Vĩnh Thạnh	
569	công	Số 3	Vĩnh Thạnh	
570	công	Số 4	Vĩnh Thạnh	
571	công	Số 6	Vĩnh Thạnh	
572	đường	B4	Thốt Nốt	
573	đường	Kênh Thắng Lợi I	Thốt Nốt	
574	đường	Kênh Thơm Rơm 1	Thốt Nốt	
575	đường	Kênh Thơm Rơm 2	Thốt Nốt	
576	đường	Ngã Ba Tầm Vu - Kênh Trám 1	Ô Môn	
577	đường	Rạch Rích - Thới Hòa B, Thới Hòa C	Ô Môn	
578	đường	Cầu Út Sắt – Tỉnh Lộ 923	Ô Môn	
579	đường	Liên Khu Vực Bình Phước - Bình Hòa A	Ô Môn	
580	đường	Kênh C1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	

581	đường	Kênh B1	Vĩnh Thạnh	
582	đường	Phụng Quới A	Vĩnh Thạnh	
583	đường	Kênh C1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
584	đường	Kênh D1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
585	đường	Kênh D1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
586	đường	Kênh F1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
587	đường	Kênh F1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
588	đường	Kênh G1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
589	đường	Kênh G1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
590	đường	Kênh H1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
591	đường	Kênh Bắc Cái Sắn	Vĩnh Thạnh	
592	đường	Cổng 15	Vĩnh Thạnh	
593	đường	Cổng 13	Vĩnh Thạnh	
594	đường	Bờ Bao 1	Vĩnh Thạnh	
595	đường	T3	Vĩnh Thạnh	
596	đường	T4	Vĩnh Thạnh	
597	đường	T6	Vĩnh Thạnh	
598	đường	Kênh T3	Vĩnh Thạnh	
599	đường	Kênh 9	Vĩnh Thạnh	
600	đường	Kênh 10	Vĩnh Thạnh	
601	đường	Kênh 16	Vĩnh Thạnh	
602	đường	Kênh 17	Vĩnh Thạnh	
603	đường	Bờ Bao 3	Vĩnh Thạnh	
604	đường	Kênh G1-2 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
605	đường	Kênh F1-2 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
606	đường	Kênh E1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
607	đường	Kênh E1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
608	đường	Thăng Lợi 1(Bắc)	Vĩnh Thạnh	
609	đường	Thăng Lợi 1 (Nam)	Vĩnh Thạnh	
610	đường	Kênh 11	Vĩnh Thạnh	
611	đường	Kênh 12	Vĩnh Thạnh	
612	đường	Kênh 13	Vĩnh Thạnh	
613	đường	Kênh 14	Vĩnh Thạnh	
614	đường	Kênh 15	Vĩnh Thạnh	
615	đường	Kênh T1	Vĩnh Thạnh	
616	đường	Thăng Lợi 2 (Phải)	Vĩnh Thạnh	
617	đường	Thăng Lợi 2 (Trái)	Vĩnh Thạnh	
618	đường	Kênh 1	Vĩnh Thạnh	
619	đường	Kênh 2	Vĩnh Thạnh	
620	đường	Kênh 3	Vĩnh Thạnh	
621	đường	Kênh 4	Vĩnh Thạnh	
622	đường	Kênh 5	Vĩnh Thạnh	
623	đường	Kênh B1	Vĩnh Thạnh	
624	đường	Lộ 19	Ninh Kiều	
625	đường	Lộ 20	Ninh Kiều	
626	đường huyện	Kênh FM	Vĩnh Thạnh	
627	đường huyện	Bờ Bao 1	Vĩnh Thạnh	

628	đường huyện	Bờ Bao 2	Vĩnh Thạnh	
629	đường huyện	Kênh E1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
630	đường huyện	Cống 16	Vĩnh Thạnh	
631	đường huyện	Kênh D1 (Tây)	Vĩnh Thạnh	
632	đường huyện	Kênh D1 (Đông)	Vĩnh Thạnh	
633	ngã ba	Kênh Số 10	Thốt Nốt	
634	khu công nghiệp	Trà Nóc I	Bình Thủy	
635	khu công nghiệp	Trà Nóc II	Bình Thủy	
636	khu công nghiệp	Hung Phú I	Bình Thủy	
637	khu công nghiệp	Hung Phú II	Cái Răng	
638	khu công nghiệp	Thốt Nốt I	Thốt Nốt	
639	khu công nghiệp	Thốt Nốt II	Thốt Nốt	
640	cầu	Rạch Miếu 22	Phong Điền	
641	cầu	Rạch Miếu 23	Phong Điền	
642	cầu	Rạch Miếu 24	Phong Điền	
643	cầu	Rạch Miếu 25	Phong Điền	
644	cầu	Rạch Miếu 26	Phong Điền	
645	kinh	Ngàn Nhứt	Thới Lai	
646	kinh	Ngàn Nhì	Thới Lai	
647	kinh	Ngàn Ba	Thới Lai	

4.2.2 Sự phản ánh văn hoá Phật giáo

1	kênh	Ngã Chùa	Vĩnh Thạnh	
2	kênh	Chùa	Ô Môn	
3	kênh	Xẻo Chùa	Ô Môn	
4	cầu	Rạch Chùa 12	Phong Điền	
5	cầu	Chùa 1	Phong Điền	
6	cầu	Chùa 2	Phong Điền	
7	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
8	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
9	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
10	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
11	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
12	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
13	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
14	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
15	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
16	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
17	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
18	cầu	Chùa 1	Phong Điền	
19	cầu	Chùa 2	Phong Điền	
20	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	

21	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
22	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
23	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
24	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
25	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
26	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
27	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
28	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
29	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
30	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
31	cầu	Chùa 1	Phong Điền	
32	cầu	Chùa 2	Phong Điền	
33	cầu	Rạch Chùa 1	Phong Điền	
34	cầu	Rạch Chùa 2	Phong Điền	
35	cầu	Rạch Chùa 3	Phong Điền	
36	cầu	Rạch Chùa 4	Phong Điền	
37	cầu	Rạch Chùa 5	Phong Điền	
38	cầu	Rạch Chùa 6	Phong Điền	
39	cầu	Rạch Chùa 7	Phong Điền	
40	cầu	Rạch Chùa 8	Phong Điền	
41	cầu	Rạch Chùa 9	Phong Điền	
42	cầu	Rạch Chùa 10	Phong Điền	
43	cầu	Rạch Chùa 11	Phong Điền	
44	cầu	Ngọn Chùa	Cái Răng	
45	cầu	Chùa Cả Du	Ô Môn	
46	cầu	Chùa	Ô Môn	
47	cầu	Đông Chùa 2	Thốt Nốt	
48	cầu	Chùa Vạn Phước Tự	Thốt Nốt	
49	cầu	Chùa Giác Hòa	Thốt Nốt	
50	cầu	Rạch Chùa Nối Dài	Thốt Nốt	
51	cầu	Chùa Ông	Thốt Nốt	
52	cầu	Lộ Chùa	Thốt Nốt	
53	cầu	Ngọn Chùa Cả Du	Ô Môn	
54	cầu	Đám Chùa	Thốt Nốt	
55	cầu	Đường Lộ Chùa	Ô Môn	
56	cầu	Rạch Ngã Chùa (Tây)	Vĩnh Thạnh	
57	cầu	Rạch Ngã Chùa (Đông)	Vĩnh Thạnh	

4.2.2 Sự phản ánh văn hóa Nho giáo

1	xóm	Bà Đồ	Bình Thủy	
2	đường	Huỳnh Mẫn Đạt	Bình Thủy	
3	đường	Võ Duy Dương	Thốt Nốt	
4	đường	Trương Định	Ninh Kiều	
5	đường	Thủ Khoa Huân	Ninh Kiều	
6	đường	Nguyễn Đình Chiểu	Ninh Kiều	
7	đường	Nguyễn Thông	Bình Thủy	
8	đường	Bùi Hữu Nghĩa	Bình Thủy	
9	đường	Bùi Hữu Nghĩa	Bình Thủy	

10	đường	Phan Văn Trị	Ninh Kiều	
11	đường	Phan Văn Trị	Phong Điền	
12	đường	Lê Quang Chiêu	Bình Thủy	
13	đường	Mạc Thiên Tích	Ninh Kiều	
14	đường	Trịnh Hoài Đức	Thốt Nốt	
15	đường	Đoàn Thị Diễm	Ninh Kiều	
16	đường	Hồ Xuân Hương	Ninh Kiều	
17	đường	Mạc Đình Chi	Ninh Kiều	
18	đường	Ngô Đức Kế	Ninh Kiều	
19	đường	Nguyễn Bình Khiêm	Ninh Kiều	
20	đường	Nguyễn Cư Trinh	Ninh Kiều	
21	đường	Nguyễn Du	Ninh Kiều	
22	đường	Nguyễn Trãi	Ninh Kiều	
23	đường	Nguyễn Hiền	Ninh Kiều	
24	đường	Nguyễn Công Trứ	Ninh Kiều	
25	đường	Phan Huy Chú	Ninh Kiều	
26	đường	Phan Bội Châu	Ninh Kiều	
27	đường	Phan Chu Trinh	Ninh Kiều	
28	đường	Võ Trường Toản	Ninh Kiều	
29	đường	Đinh Công Chánh	Bình Thủy	
30	đường	Nguyễn Trãi	Cái Răng	
31	đường	Lê Quý Đôn	Ô Môn	
32	đường	Nguyễn Trãi	Ô Môn	
33	đường	Nguyễn Du	Ô Môn	
34	đường	Nguyễn Công Trứ	Thốt Nốt	
35	công viên	Tao Đàn	Ninh Kiều	

4.2.3 Sự phản ánh văn hóa phương Tây

1	bên	Tàu Lục Tỉnh	Ninh Kiều	
2	câu	Tàu Lục Tỉnh	Ninh Kiều	
3	bên	Tàu Hải Quân	Ninh Kiều	
4	câu	Tàu Hải Quân	Ninh Kiều	
5	câu	Tàu Hoa Kiều	Ninh Kiều	
6	xóm	Cầu Củi	Ninh Kiều	
7	câu	Củi	Ninh Kiều	
8	câu	Xéo	Ninh Kiều	
9	xóm	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
10	ngã ba	Cầu Xéo	Ninh Kiều	
11	câu	Quay	Cái Răng	
12	bên	Bắc	Ninh Kiều	
13	câu	Bắc	Ninh Kiều	
14	bên	Bắc Cần Thơ	Ninh Kiều	
15	bên phà	Bắc	Ninh Kiều	
16	bên	Bắc Cái Vồn		thời Pháp thuộc
17	bên phà	Vàm Xáng	Phong Điền	
18	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
19	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
20	kinh	Vàm Bi (Bảy Hộ)	Phong Điền	

21	áp	Thị Tứ - Vàm Xáng	Phong Điền	
22	cầu	Kênh Xáng	Ô Môn	
23	cầu	Vàm Xáng	Cờ Đỏ	
24	cầu	Vàm Xáng	Phong Điền	
25	chợ	Vàm Xáng	Phong Điền	
26	kinh	Xáng Xà No	Phong Điền	
27	kinh	Xáng Ô Môn	Ô Môn	
28	kinh	Xáng Thốt Nốt	Thốt Nốt	
29	kinh	Xáng Thốt Nốt	Cờ Đỏ	
30	kinh	Xáng Bà Đám	Thới Lai	
31	kinh	Xáng Thị Đới	Thới Lai	
32	hồ	Xáng Thối	Ninh Kiều	
33	đường	Bờ Hồ Xáng Thối	Ninh Kiều	
34	đường	Boulevard Paul Doumer	Châu Thành	thời Pháp thuộc
35	đường	Paul Emery	Châu Thành	thời Pháp thuộc
36	đường	Avenue Capitaine D'hers	Châu Thành	thời Pháp thuộc
37	đường	Pierre Lebrun	Châu Thành	thời Pháp thuộc
38	đường	Lamarre	Châu Thành	thời Pháp thuộc
39	đường	Boulevaerd Saintenoy	Châu Thành	thời Pháp thuộc
40	đường	Boulevard Colonel Dessert	Châu Thành	thời Pháp thuộc
41	đường	Boulevard Luro	Châu Thành	thời Pháp thuộc
42	đường	Boulevard Gallièni	Châu Thành	thời Pháp thuộc
43	đường	Boulevard Paul Bert	Châu Thành	thời Pháp thuộc
44	đường	Paul Beau	Châu Thành	thời Pháp thuộc
45	đường	Mézin	Châu Thành	thời Pháp thuộc
46	đường	Avenue Artistide Briand	Châu Thành	thời Pháp thuộc
47	đường	Rue Des Douane	Châu Thành	thời Pháp thuộc
48	đường	Boulevard Van Volenhoven	Châu Thành	thời Pháp thuộc
49	đường	Boulevard Delanoue	Châu Thành	thời Pháp thuộc
50	đường	Rue Corency	Châu Thành	thời Pháp thuộc
51	đường	Place Maurice Long	Châu Thành	thời Pháp thuộc
52	đường	Place De l'Hopital	Châu Thành	thời Pháp thuộc
53	đường	Place Artistide Briand	Châu Thành	thời Pháp thuộc
54	điền	Alber Gressier		thời Pháp thuộc
55	điền	Labaste		thời Pháp thuộc
56	rạch	Nhà Thờ	Thới Lai	
57	cầu	Nhà Thờ	Thới Lai	
58	rạch	Nhà Thờ	Phong Điền	
59	cầu	Nhà Thờ	Vĩnh Thạnh	
60	sông	Nhà Thờ	Thới Lai	
61	vàm	Cồn Chen Nhà Thờ	Thới Lai	
62	cống	Nhà Thờ	Vĩnh Thạnh	
63	ngã tư	Nhà Thờ	Thới Lai	
64	cầu	Rạch Nhà Thờ	Phong Điền	
65	hẻm	Hai Địa	Ninh Kiều	

66	công viên	Lưu Hữu Phước	Ninh Kiều	
67	đường	Lưu Hữu Phước	Ô Môn	
68	đường	Nguyễn Việt Hồng	Ninh Kiều	
69	đường	Tạ Thị Phi	Bình Thủy	
70	đường	Trần Thị Mười	Bình Thủy	
71	đường	Phạm Thị Ban	Bình Thủy	
72	đường	Lê Thị Nhưòng	Bình Thủy	
73	đường	Đặng Thị Nhưòng	Bình Thủy	
74	đường	Lê Thị Tạo	Thốt Nốt	
75	đường	Nguyễn Thị Lưu	Thốt Nốt	
76	đường	Huỳnh Thị Giang	Ô Môn	
77	đường	Thái Thị Hạnh	Ô Môn	
78	đường	Châu Văn Liêm	Ô Môn	
79	công viên	Châu Văn Liêm	Ô Môn	
80	đường	Đắc Nhân	Ô Môn	
81	đường	Trần Kiệt Tường	Ô Môn	
82	đường	Trương Văn Diên	Ô Môn	
83	đường	Huỳnh Thị Nở	Cái Răng	
84	đường	Nguyễn Thị Trâm	Cái Răng	
85	công viên	Lê Thị Tạo	Thốt Nốt	
86	đường	Hà Huy Giáp	Thốt Nốt	
87	đường	Nguyễn Văn Nhung	Thốt Nốt	
88	đường	Nguyễn Bình	Ninh Kiều	
89	đường	Hoàng Quốc Việt	Ninh Kiều	
90	đường	Trần Ngọc Quế	Ninh Kiều	
91	đường	Lý Hồng Thanh	Ninh Kiều	
92	đường	Trần Vĩnh Kiệt	Ninh Kiều	
93	đường	Huỳnh Cương	Ninh Kiều	
94	đường	Nguyễn Hữu Cầu	Ninh Kiều	
95	đường	Nguyễn Hữu Trí	Ninh Kiều	
96	đường	Nguyễn Ngọc Trai	Ninh Kiều	
97	đường	Trần Văn Khéo	Ninh Kiều	
98	đường	Trần Hoàng Na	Ninh Kiều	
99	đường	Trần Văn Hoài	Ninh Kiều	
100	đường	Nguyễn Văn Trường	Ninh Kiều	
101	đường	Phan Ngọc Hiền	Ninh Kiều	
102	đường	Phan Văn Trị	Ninh Kiều	
103	đường	Châu Văn Liêm	Ninh Kiều	
104	đường	Lê Văn Sô	Bình Thủy	
105	đường	Đỗ Trọng Văn	Bình Thủy	
107	đường	Lê Quang Chiêu	Bình Thủy	
108	đường	Nguyễn Văn Trường	Bình Thủy	
109	đường	Lê Văn Bi	Bình Thủy	
110	đường	Nguyễn Chánh Tâm	Bình Thủy	
111	đường	Nguyễn Đệ	Bình Thủy	
112	đường	Nguyễn Thanh Sơn	Bình Thủy	
113	đường	Nguyễn Truyền Thanh	Bình Thủy	

114	đường	Nguyễn Việt Dũng	Bình Thủy	
115	đường	Mai Văn Bộ	Thốt Nốt	
116	đường	Nguyễn Thái Bình	Phong Điền	
117	đường	Chiêm Thành Tấn	Phong Điền	
118	cầu	Nguyễn Thị Đào	Phong Điền	
119	cầu	Trần Thị Bảy	Phong Điền	
120	cầu	Lý Thị Luyện	Phong Điền	
121	đường	Trần Ngọc Quế	Ninh Kiều	
122	đường	Trần Việt Châu	Ninh Kiều	
123	đường	Lê Bình	Ninh Kiều	
124	đường	Quản Trọng Hoàng	Ninh Kiều	
125	đường	Lý Chính Thắng	Ninh Kiều	
126	đường	Nguyễn Đức Cảnh	Ninh Kiều	
127	đường	Ngô Hữu Hạnh	Ninh Kiều	
128	đường	Nguyễn An Ninh	Ninh Kiều	
129	đường	Nguyễn Việt Dũng	Cái Răng	
130	cầu	Nguyễn Việt Dũng	Cái Răng	
131	đường	Bùi Quang Trinh	Cái Răng	
132	đường	Cao Minh Lộc	Cái Răng	
133	đường	Lâm Văn Phận	Cái Răng	
134	đường	Lê Bình	Cái Răng	
135	đường	Lê Nhật Tảo	Cái Răng	
136	đường	Lê Tấn Quốc	Cái Răng	
137	đường	Mai Chí Thọ	Cái Răng	
138	đường	Nguyễn Thị Sáu	Cái Răng	
139	đường	Nguyễn Văn Quang	Cái Răng	
140	đường	Phạm Văn Nhờ	Cái Răng	
141	đường	Trần Chiên	Cái Răng	
142	đường	Trần Văn Sắc	Cái Răng	
143	chợ	Nóc Bàng	Cờ Đỏ	
144	cầu	Bót Số 10	Cái Răng	
145	chợ	Bót Số 10	Cái Răng	
146	cầu	Ông Cửu	Cái Răng	
147	khu di tích	Khám Lớn	Ninh Kiều	
148	khu di tích	Ông Hào	Phong Điền	
149	đường	Lộ Vòng Cung	Phong Điền	
150	khu di tích	Giàn Gừa	Phong Điền	
151	khu di tích	Căn Cứ Vườn Mận	Bình Thủy	
152	khu di tích	Ông Đưa	Thới Lai	
TỔNG MỤC 4.2: 1858 địa danh				
TỔNG PHỤ LỤC 3: 2392 địa danh				

PHỤ LỤC ẢNH



Hình 2.1. sông Bình Thủy trước đình Bình Thủy (nhìn từ chùa Nam Nhã)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.2. cầu Bình Thủy (quận Bình Thủy)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.3. vàm Nước Vậ, ngã ba Nước Vậ (quận Cái Răng)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.4. cầu Nước Vậ (quận Cái Răng)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.5. sông Cần Thơ nhìn từ cầu Quang Trung (Cần Thơ âm gốc là kìn tho: nghĩa là cá sặc rần)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.6. xóm Chài ven sông Cần Thơ nhìn từ trên phà Xóm Chài, rất nổi tiếng với nghề chài lưới từ đầu thế kỉ XX
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.7. chợ Miêu Ông (quận Bình Thủy)
(Ông: cách gọi tránh của cạp)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.8. cầu Ông Cò bắt ngang kinh Ông Cò (quận Cái Răng)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.9. xóm Nhà Bè (quận Cái Răng) nhìn từ hướng cầu Cái Răng
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 2.10. làng Cá Bè Cồn Sơn (quận Bình Thủy)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.1. cầu Cả Lang bắc ngang rạch Cả Lang, xã Giai Xuân, huyện Phong Điền
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.2. cổng chợ Rạch Gò (trước năm 2004 thuộc tỉnh Cần Thơ)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.3. kinh Xáng Xà No
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.4. kinh Xáng Ô Môn (nhìn từ phà Thới An)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.5. bến Tàu Lục Tỉnh (nay là bến Tàu Khách & Du Lịch Cần Thơ)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.6. ngã ba Cầu Xéo (giao giữa đường Phan Đình Phùng và đường Nguyễn Thị Minh Khai)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.7. ngã ba Phan Đình Phùng – Tân Trào, trước đây là bến xe Kiếng (hay bến xe Ngựa Đái)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.8. chợ Bình Thủy (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 3.9. chợ cổ Cần Thơ (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 3.10. chợ Miếu Ông (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 3.11. lộ Đình Nước Vện (lộ đi ngang đình thần Thường Thạnh –
quận Cái Răng)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.12. ngã ba Đình Nước Vện (lộ ngã ba sông chảy ngang đình
thần Thường Thạnh – quận Cái Răng)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.13. cầu Đình, quận Ô Môn (cầu bắc ngang sông trước cửa đình Thới Long – Ô Môn) (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 3.14. đình thần Thới Long, quận Ô Môn
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.15. cầu Đình Phú Lương, quận Ô Môn (bắc qua rạch trước đình Phú Lương)
Nguồn: tác giả, năm 2020



Hình 3.16. đình thần Phú Lương, quận Ô Môn (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 4.1. bến phà Xóm Chài, quận Ninh Kiều (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 4.2. xóm Lưới Thơm Rom (quận Thốt Nốt) (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 4.3. rạch Miếu Ông, quận Bình Thủy (cặp miếu Ông Hồ)
(Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 4.4. cầu Rạch Chùa An Hòa, quận Ô Môn (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 4.5. đường vào Chùa An Hòa (Nguồn: tác giả, năm 2020)



Hình 4.6. đường Lê Bình (quận Ninh Kiều) (Nguồn: tác giả, năm 2020)

TRÍCH BIÊN BẢN PHỎNG VẤN

1. Trích biên bản phỏng vấn ông P.L.M, nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá Cần Thơ

NCS: Thưa chú, con được biết chú là một trong những nhà sưu tầm rất nhiều cổ vật về Cần Thơ xưa cũng như có nghiên cứu nhiều về văn hoá, lịch sử cũng như địa danh ở vùng đất này. Xin chú vui lòng cho biết vì sao đường Nguyễn An Ninh ngày nay còn được gọi là đường Nhà Thương vậy chú?

Ông M: Hồi đó (thời Pháp thuộc), có một con kinh 600 thước từ dưới bờ sông chạy kéo dài tới bệnh viện để người dân đưa người bệnh đến đó bằng ghe xuồng, sau được san lấp thành đường, người dân gọi là đường Nhà Thương vì con đường này nằm cạnh nhà thương lớn của tỉnh lúc bấy giờ.

NCS: Dạ ngày trước thực dân Pháp cho đào nhiều kinh ở nội thành với mục đích gì vậy chú?

Ông M: Khi người Pháp thành lập thành phố Cần Thơ này, họ cho đào những con kinh vừa để lấy đất đắp nền cho những con đường hoặc các công trình vừa làm phương tiện giao thông. Hồi đó, ở Cần Thơ đường rất ít, một hai con đường thôi, mà các nối liền các khu phố thì kinh rạch nhiều hơn, thành ra lưu thông không phải bằng xe mà chủ yếu là ghe xuồng.

2. Trích biên bản phỏng vấn ông Đ.D.K (nhà báo Đ.H, hiện công tác tại Ban Khoa giáo, báo Cần Thơ)

NCS: Chào nhà báo, được biết bạn là người đi nhiều, viết nhiều, am hiểu sâu sắc về lịch sử, văn hoá địa phương cũng như địa danh ở thành phố Cần Thơ. Nhiều bài viết về địa danh ở Cần Thơ của nhà báo cũng được đánh giá rất cao, đặc biệt là các địa danh liên quan đến ông Cả Lang ở Phong Điền. Xin bạn vui lòng cho biết thêm thông tin về những địa danh này được không bạn?

Nhà báo Đ.H: Cả Lang là tên ngôi chợ, cây cầu, con rạch và cả một vùng đất rộng lớn ở xã Giai Xuân, huyện Phong Điền. Gần 1 thế kỷ trước, ông Cả Lang là một Hương Cả giàu có, uy tín ở địa phương, sáng lập nên vườn bách thú đầu tiên ở miền Tây; bên cạnh mở rạp hát, xưởng dệt vải. Ngôi mộ của ông hiện vẫn được con cháu chăm coi, nằm phía sau chợ Cả Lang. Những “thiết chế” ở một làng xã như chợ, cầu, kinh rạch lại đều được đặt theo tên một nhân vật cho thấy sự ngưỡng vọng của dân

làng. Ông Cả Lang là người có điểm phước ấy. Khu mộ ông Cả hiện do người cháu đời thứ 5, tên Tôn, coi sóc song anh không nắm nhiều thông tin về bậc tiền hiền của gia tộc. Được biết, ông Cả Lang không có con trai, chỉ có 5 cô con gái; trong đó, một cô được ông gả về làm dâu cho gia tộc họ Dương ở Bình Thủy, kết thông gia với ông Dương Chấn Kỳ- người chủ công xây cất ngôi nhà Vườn Lan- nay là Di tích Kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

NCS: Nghe nói tiếng tăm của ông Cả còn được người dân trong vùng còn có bài về ca tụng công đức của ông nữa.

Nhà báo Đ.H: Đúng vậy! Chúng tôi đã may mắn được ông Nguyễn Văn Hồ, Bí thư Chi bộ ấp Thới Hưng, xã Giai Xuân, cung cấp cho một bài về dài hàng trăm câu, tương truyền do cụ Bảy Gián, một kỳ lão địa phương, sáng tác và truyền miệng trong vùng những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ XX. Bài về nói về tính cách, thể cuộc của những nhân vật trong xóm ấp nên ai cũng thuộc nằm lòng. Đoạn nói về ông Cả Lang được về rằng:

*“Có ông Cả Đại vô cùng phú gia
Dọc ngang chẳng biết mấy tòa
Tô vôi trét phấn thiệt là tốt tươi
Cầu cho ông sống mười mươi
Tá điền lập nghiệp vui cười làm ăn
Sách xưa có chữ để rằng
Hành tâm hành sản vui rằng cát lân
Chúc câu nguyên thủy trôn trôn
Tu tu tập tập lập thân giang san
Có câu chúc Cả Đại rằng
Tu ngơi tích Bắc, rõ rạng trời Tây”.*

Dưới đoạn này còn có đoạn thơ thất ngôn 10 câu chúc tụng công đức ông Cả Lang.

NCS: Được người dân ca tụng hết lời như vậy nên tên của ông cả được họ đặt cho tên rạch, tên cầu, tên chợ cũng dễ hiểu.

Nhà báo Đ.H: Chưa hết. Chúng tôi còn gặp được những người cố cựu ở địa phương và nghe kể rất nhiều về ông Cả Lang. Ông Nguyễn Văn Hồ, Bí thư Chi bộ ấp Thới Hưng, được nghe kể và kể lại với chúng tôi, con đường từ ngã ba Bông Vang đi

cầu Nhiễm, Tân Thới xưa do Pháp mở, không phải là đường hiện tại mà rẽ bọc đường khác. Người Pháp mở đường để tiện việc hành quân, đóng đồn ở gần Bông Vang. Ông Cả Lang dù là Hương Chức song cũng không ưa bọn Lang Sa. Ông tự mở con đường riêng từ Bông Vang về tới khu đất nhà mình, đó cũng chính là con đường hiện hữu. Để làm đường, ông Cả Lang vận động tá điền đào đất sét hầm đất, trải mặt đường, gọi là đường đất hầm. Con đường này xưa nhỏ, được dần mở rộng cho xe ngựa và sau xe hơi có thể đi được. Thời gian sau, con đường bị hư hỏng, gồ ghề, chỗ thấp chỗ cao, nên dân gian quen gọi là Lộ Sóng Lươn. Còn ông Trần Hoàng Nam, Trưởng ấp Thới Hưng, cũng được nghe các bậc tiền bối kể lại rằng, ông Cả Lang rất được dân trong làng kính trọng. Ông đi đâu bà con cũng nghiêm cẩn cúi đầu chào. Ông Hồ bổ sung thêm: *“Có thể nói thời đó, ông Cả Lang “là vua một cõi”. Nhưng cái giàu đó là giàu chân chính”*. Thân sinh của ông Hồ năm nay ngoài 80 tuổi, thưở nhỏ từng đi coi hát, coi thú nhà ông Cả Lang, không tốn tiền, nhưng rất tiếc ông bị lãng tai, không thể nghe chúng tôi hỏi mà cung cấp thêm thông tin.

3. Trích biên bản phỏng vấn ông L.N.T, người trông coi miếu Ông, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy

NCS: Thưa chú, được biết chú là người trông coi miếu Ông và thường chủ trì lễ cúng Ông hằng năm, xin chú vui lòng cho biết vì sao có ngôi miếu Ông ở đầu con rạch này được không chú?

Ông L.N.T: Được con. Miếu Ông ở đây nổi tiếng lắm. Thời ông bà khản hoang, nơi đây là rừng rậm hoang vu, bạt ngàn, thú dữ nhiều vô kể, trong đó có một con cạp Rắn, mình vàng sọc đen, to như con bò. Tỉnh thoảng bắt người khai hoang ăn thịt. Người dân trong vùng kiêng sợ, gọi là “Ông Hồ”. Một đêm, người dân thấy cạp rắn đánh nhau chí mạng với một con cạp trắng có sọc vằn không biết từ đâu tới, cuối cùng cả hai đều kiệt sức và bỏ mạng. Hôm sau, dân làng chôn cất hai Ông tử tế. Sau đó, hai Ông về báo mộng cho dân làng, bảo là ăn năn hối hận vì đã quấy nhiễu và hứa sẽ phù hộ dân làng làm ăn mạnh giỏi. Thấy vậy, bà con bảo nhau lập cái miếu nhỏ ở đầu rạch, gọi là Miếu Ông, thỉnh thoảng nhang khói, cầu Ông phù hộ. Ngôi miếu nhỏ tồn tại đến nay cũng khoảng trên dưới 200 năm.

NCS: Dạ con thấy gần đây cũng có nhiều địa danh Miếu Ông.

Ông L.N.T: Đúng rồi con. Mấy con rạch, cây cầu, chợ gần miếu Ông cũng đặt tên Miếu Ông luôn. Con đi vô gần khu vực này hỏi Miếu Ông là ai cũng biết.

NCS: Dạ con cảm ơn chú rất nhiều.

4. Trích biên bản phỏng vấn ông T. H, xóm Thúng, khu vực Yên Hạ, phường Lê Bình, quận Cái Răng:

NCS: Dạ con chào chú. Dạ chú ơi, con nghe nói chú là người miền Trung vào đây lập nghiệp. Không biết quê gốc của mình ở đâu và chú vào Cần Thơ tầm năm nào vậy chú?

Ông T.H: chú theo gia đình từ Quảng Ngãi vào đây lập nghiệp năm 1966. Lúc đó chú mới 16 tuổi.

NCS: Dạ, vậy tên gọi xóm Thúng từ đâu mà có ạ?

Ông T.H: Hồi đó, những đồng hương từ thôn Thủy Triều, xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vào đây làm nghề và mua bán hàng đan đất rồi hình thành xóm Thúng ở Yên Hạ.

NCS: Dạ, hồi đó cả xóm mình làm nghề này luôn hả chú? Mình chủ yếu cung cấp mặt hàng nào ạ?

Ông T.H: Thời đó không chỉ dân miền Trung mà bà con chung quanh thấy mình làm thì họ cũng học nghề làm theo. Chủ yếu là đan thúng, sè, nia, sàng, mẹt... gắn với chành vựa lúa gạo ở Cái Răng. Hồi đó 60, 70 hộ làm nghề này, lập thành tổ hợp. Chiều chiều trái đệm, người vót nan, người đan thúng, đan sè, đông vui lắm con.

NCS: Dạ, xóm nghề mình sung túc vậy vui quá chú ha.

Ông T.H: Vui lắm con. Ai cũng ăn nên làm ra. Hàng làm ra bao nhiêu, chành vựa và lái mua hết bấy nhiêu, có khi người ta đặt làm cả trăm, cả ngàn cái, làm không kịp.

NCS: Dạ, tình hình xóm Thúng bây giờ thế nào chú?

Ông T.H: Nghề này rất cực, lại ít tiền, đòi hỏi công phu nên ít người chịu theo nghề. Giờ chỉ khoảng hơn 20 nhân công là người trong gia đình, đa phần là người lớn tuổi. Chủ yếu là giữ nghề truyền thống của gia đình.

NCS: Dạ chú, với tình hình này thì sản phẩm của xóm mình có thay đổi gì không chú?

Ông T.H: Bây giờ nhiều món thu nhỏ lại để trang trí nội thất, trưng bày ở lễ hội hoặc để làm quà lưu niệm, du khách ở xa mang theo dễ dàng. Có điều bây giờ ít nhân công quá, thợ lành nghề ngày càng hiếm, xóm Thúng ngày càng thu hẹp.

NCS: Dạ con cảm ơn chú rất nhiều.

5. Trích biên bản phỏng vấn chị P.T.D.M, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ

NCS: Chào chị M, theo tìm hiểu của chúng tôi, trên địa bàn thành phố Cần Thơ có nhiều ngôi miếu Hoa thờ Quan Công, thờ Thiên Hậu được người dân gọi là chùa Ông, chùa Bà. Xin chị cho biết ý kiến về vấn đề này được không chị?

Chị P.T.D.M: Theo tôi được biết, đây là cách gọi dân gian của người Việt. Họ hay gọi những ngôi miếu Hoa là chùa Hoa. Chùa thờ Quan Công thì gọi là chùa Ông, thờ Thiên Hậu thì gọi là chùa Bà.

NCS: Có nhiều con đường người dân gọi là đường Chùa Ông, đường Chùa Bà mặc dù trên văn bản hành chính đã có tên gọi chính thức. Chị nghĩ sao về những địa danh này ạ?

Chị P.T.D.M: Thực ra người dân mình hay gọi theo cách gọi dân dã. Đường đi ngang chùa Ông thì gọi là đường Chùa Ông, đi ngang chùa Bà thì gọi là đường Chùa Bà cho dễ nhớ, dễ chỉ đường.

NCS: Ngoài cách gọi là chùa Ông, chùa Bà thì còn tên gọi nào khác nữa không chị?

Chị P.T.D.M: Miếu thờ Quan Công có khi được gọi là chùa Ông, cũng có khi được gọi là miếu Ông. Ví dụ như phường Thới Long, quận Ô Môn có lộ Miếu Ông do con lộ đi ngang Linh Sơn Cổ Miếu (còn gọi là Chùa Ông). Miếu được ông Trần Thiệu cùng con cháu người Hoa lập Hội Triều Châu xây dựng năm Canh Dần 1890 thờ Quan Thánh Đế quân. Ban đầu con lộ nhỏ chưa có tên, người dân vì thấy lộ đi ngang miếu Ông nên gọi luôn là lộ Miếu Ông.

NCS: Dạ cảm ơn chị. Xin chị cho biết thêm về sinh hoạt tín ngưỡng của các tộc người Việt – Hoa – Khmer trên địa bàn có gì đặc biệt không chị?

Chị P.T.D.M: Trên địa bàn thành phố thì theo như tôi biết là cả ba nhóm tộc người này có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Họ hầu như không phân biệt quá rạch ròi tộc người nào thờ vị thần nào mà có sự giao lưu lẫn nhau. Ví dụ như người Việt thờ Ông Thiên nhưng cũng thờ Quan Công, Thiên Hậu, Thần Tài, Thổ Địa, thờ Neak Tà,... Trong khi đó, người Hoa cũng lui tới cúng bái những ngôi chùa Phật giáo của người Việt. Các hội quán, miếu thờ Thiên Hậu của người Hoa được người Việt xem như là chùa (chùa Ông, chùa Bà) và hầu như không có sự phân biệt rạch ròi. Lễ hội của người Khmer cũng có sự tham gia của người Việt,

người Hoa. Nói chung là họ sống chung trên vùng đất này từ rất lâu đời nên sinh hoạt chung, không có phân biệt.

NCS: Dạ xin cảm ơn chị rất nhiều.